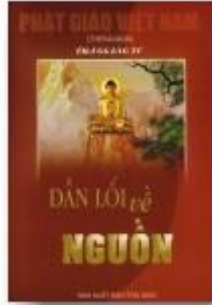


Dẫn Lối Về Nguồn



**Trà Giang Tử (Tỳ khưu Định Lực Samadhibàlo)
Tăng Quang Tự, Huế (tái bản 2003)**

---oOo---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 18-06-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

THAY LỜI BẠT THÀNH KÍNH ĐÔI LỜI

[01]

BÀI HỌC ĐẦU

PHẬT

SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ CỦA ĐỨC PHẬT TỔ GOTAMA

[02]

TRÊN ĐƯỜNG HOÀNG PHÁP CỦA PHẬT TỔ GOTAMA

PHÁP

TAM TẠNG: KINH

TAM TẠNG: LUẬT

[03]

TAM TẠNG: LUẬN

PHÁP CĂN YẾU

BA MƯƠI BẢY PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ

[04]

GIẢI VỀ NIẾT BÀN

TĂNG

[05]

**PHẦN TẠI GIA CƯ SĨ
LỜI BÀN
HỒI HƯỚNG**

---o0o---

LỜI BẠT

Đạo Phật lưu truyền đã hơn 25 thế kỷ, qua bao biến thiên của thời đại. qua bao thế cuộc thăng trầm, làm sao tránh khỏi những sự đổi thay canh cải.

Bần Tăng, Tỳ khuru Khanti Pàla "Hộ Nhân", được vinh hạnh tham dự kết tập Tam Tạng lần thứ sáu, tại đại thạch động Rangoon thủ đô nước Miến Điện, gồm 2500 vị Tỳ khuru đạo đức toàn Thế Giới, trong thời gian hai năm kể từ ngày năm 1952 đến năm 1954 thì hoàn tất.

Tam tạng Pháp bảo được Giáo Hội Tăng Già toàn Thế Giới xác nhận là không thêm và không bớt giữ gìn nguyên vẹn những lời khuyên dạy của đức Bổn sư Phật tổ GOTAMA.

Tam tạng sau đó, được phiên dịch ra các thứ ngôn ngữ, để thập phương Phật tử, lấy đó làm kim chỉ Nam mà tu hành cho đến nơi giải thoát.

Thiện nam Trà Giang Tử dày công, sưu tầm, biên soạn và sắp xếp từng phần với nội dung gãy gọn, hàm súc, để cho các Phật tử dễ học, dễ nhớ mà hành theo.

Bần Tăng xin tán dương công đức và chân thành giới thiệu cho thập phương Phật tử, lấy đó làm tư liệu nghiên cứu và thực hành, để đem lại lợi ích cho mình, từ đời này cho đến vô lượng kiếp vị lai, cho đến ngày đắc thành đạo quả vô sanh.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

***Tọa chủ Thiền Lâm Sơn Tự,
Tỳ khuru Thích Hộ Nhân
(Bhikkhu Khanti Pàla)
1976***

---o0o---

THAY LỜI BẠT

*(Kính tán thán công đức THIÊN SƯ ĐỊNH LỰC,
nhân được đọc quyển DẪN LỐI VỀ NGUỒN do Ngài sưu tập)*

Cảm đức Thiên Sư khai độ đời
Sưu tầm vạn Pháp mạch nguồn khơi
Đạo Vàng tám hướng thênh thang tứ

Kinh Ngọc mười phương thắm thiết lời
Đuốc chiếu rừng Mê, Xuân rợp đất
Thuyền qua bể khổ, nắng xanh trời
Bồi hồi gấp sách, hương thơm ngát
Rực rỡ trong Tim, ánh Phật ngời.

*Huế, ngày Rằm tháng giêng Kỷ Tỵ,
Phật lịch 2533
Giáo sư Nguyễn Đình Quốc cần đề*

ĐỀ THI

Đem cả tâm tư, cả cuộc đời.
Gói vào "TÚI GẤM" rắc nơi nơi
Đạo vàng ánh sáng, ngời Chơn lý
Chánh giáo thuyền Từ, vượt bể khơi
Suối Ái, rừng Mê...bao thống khổ
Nguồn Vãn, tiếng Ngọc, ...dội vang trời
Phá mê, trồng Pháp, dư âm mãi
Cảnh tỉnh,...chuông ngân, thức tỉnh người.

*Mùa Phụng Nhâm Thân
Phật lịch 2536
Một chín, chín hai
Bhikhu SÀMÀDHI BÀLO*

ĐỀ TỰA

DẪN đường, chỉ nẻo, độ quần sanh
LỐI cũ, giếng xưa, Phước sẵn dành
VỀ cội...hỡi ai, cầu Chánh pháp?
NGUỒN chơn, xét rõ, Đạo cao thanh.

DÌU người, Thiện trí vượt sang sông
DẮT chúng, nương Dòng Chánh Giác tông
QUẦN hợp tinh hoa, lời huấn dụ
SANH tiền Phật Tô đặc minh thông

NƯỞNG thuyền bát nhã, đấng TOÀN TRI.
THEO đúng Tam tạng đã chép ghi
CHÁNH pháp cha Lành khuyên dạy kỹ
ĐẠO màu cao thượng, lẽ huyền vi.

CẨM ngôn, tú ngữ rất cao thâm
NANG quý hành trang, tránh lỗi lầm.
PHẬT độ quần sanh qua khổ hải
PHÁP thành, huyền diệu đượm nhuần ân.

ĐƯA đường, đước Tuệ sáng soi chung
NGƯỜI hơi noi gương đấng Đại hùng?
THIỆN nguyện, nhớ ghi lời Pháp nhủ.
HỮU đấng rạng chiếu cõi mông lung.

ĐẾN bờ Giác ngạn có xa đâu?
NẸO tắt, đường ngay, há khẩn cầu?
CHỜN lý Phật Đà, tua tiến bước
NGUYÊN minh Quả đắc, Phước bền lâu.

Trà Giang Tử

---o0o---

THÀNH KÍNH

Con xin THÀNH KÍNH HỒI HƯỚNG quả PHƯỚC thanh cao công đức SƯU
TẬP cuốn "DẪN LỐI VỀ NGUỒN" này đến:

Cửu huyền Thất Tổ Nội ngoại hai bên
Thân phụ VÕ ĐÌNH THỰ
Thân mẫu PHẠM THỊ ĐĂNG
Nghĩa thân DƯƠNG TỰ ĐỀ
Nghĩa mẫu HOÀNG THỊ HUYỀN
Dưỡng phụ NGUYỄN VĂN TIẾNG
Dưỡng mẫu HUỲNH THỊ NGỌC
Dưỡng mẫu TRƯƠNG THỊ LIÊN
Sư mẫu DIỆU TÚ.

Cùng các bậc hữu ân đã quá vãng, nhất là bạn hiền TRÍ HƯƠNG, TRÍ
TÀI, nghĩa đệ TUẤN PHƯƠNG, đều được sớm thoát vòng lao khổ, và
được siêu sanh về nơi "NHÀN CẢNH AN VUI".

*Kính,
Trà Giang Tử*

---o0o---

ĐÔI LỜI

*"Ta góp nhặt những đoá hoa chân lý
Kết làm tràng Bích Ngọc, cỡi trên gian
Đây Pháp bảo, cam lồ, đây Diệu dược.
Kho tàng đây, vô giá những lời vàng.
-- TRÀ GIANG TỬ"*

Không dám mạo nhận là Soạn giả. Mà tôi chỉ là một Suu tập viên.

Giáo Pháp của đảng TOÀN GIÁC, đến nay cũng đã quá nửa, theo như lời ước nguyện "năm ngàn năm Giáo Pháp" của đảng TRỌN LÀNH.

Nhìn chung, các hàng Phật tử, nhất là tại gia Cư sĩ, một phần vì miếng Ăn sự Sống, một phần vì tài liệu ít ỏi, hiếm hoi. Cho nên sự tìm hiểu về lời dạy bảo khuyên răn cùng Nguồn gốc Lịch sử của đảng ĐẠI HÙNG rất là hơi hợt khô cạn. Trong Kinh, ĐẢNG THIÊN NHƠN SƯ có dạy: ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO TRÍ TUỆ.

Vậy các hàng Phật tử, cũng phải là người có Trí tuệ. Đức Tin phải có, mà mê Tín là điều cần xa lánh. Suốt trong thời gian 45 năm Hoằng Pháp Lợi sanh, đảng ĐIỀU NGỰ đã đem thuyết NHƠN QUẢ để giảng dạy cho quần sanh. Và cũng chính những lý thuyết cao siêu vi diệu này, đã từng bẻ gãy 62 học thuyết vu vơ huyền mộng của những Đạo Giáo thời bấy giờ.

Ánh sáng Đạo Vàng đến đâu, màn bóng tối Vô minh vệt tan đến đó. Trải thời gian hơn 25 thế kỷ vừa qua. Biết bao nhiêu biến thiên của thời đại. Bao sự đổi thay của thế cuộc phủ trùm. Giờ đây, nhìn chung, các hàng Phật tử tại gia của chúng ta, tự hào là đa phần dân số. Nhưng thật ra, tìm hiểu chân lý rốt ráo của đảng TRỌN LÀNH. Thử hỏi mấy ai là người thấu đạt?

- Vì sự trường tồn của Đạo Pháp.
- Vì lợi ích chung cho những ai cầu Đạo Giải thoát.

Chư Đại Đức Cao Tăng Trưởng lão, cùng các bậc Thiên trí thức cũng đã dày công phiên dịch, soạn dịch trong TAM TANG kinh điển Pàli ra Việt ngữ, những tài liệu vô cùng quý báu, rất vi diệu, rất bổ ích, cho tất cả quần sanh ham thích, mong muốn tầm cầu học hỏi.

Song Kinh sách đã ấn hành, nhiều bản, nhiều loại, nhiều quyển, nhiều tập. Bởi vậy, tìm ở đây những đề tài này, nơi kia những vấn đề khác. Mà chúng sanh ở vào thời Kim tiền phù hoa vật chất này, vì miếng ăn sự sống, phải chạy theo bánh xe Tài Tình Danh Lợi đâu có thì giờ nhiều, để suu tầm nghiên cứu cho thấu đạt nghĩa lý cao siêu vi diệu cho được?

Vì nguyên nhân trên, mà Trà Giang Tử tôi, không e ngại tài hèn trí kém, mà cố gắng thu nhặt, trích chép, sắp xếp cho có thứ tự từng phần, cũng như đặt ra

những câu hỏi gợi ý những điều thắc mắc ở Đời. Những câu giải đáp gọn gàng đơn giản với mục đích "Dễ học, dễ Nhớ"

Rừng văn thăm thăm.
Bề Pháp mênh mênh.

Mà sức người quá ư bé nhỏ. Nhất là với khuôn khổ chật hẹp của quyển sách này, làm sao chứa đựng cho hết phần tinh hoa vi diệu, ý nghĩa cao siêu của chư Đại đức Cao Tăng Trưởng lão, cùng với các bậc thiện trí thức, đã dày công sưu tầm nghiên cứu.

- Tuy vậy, nó cũng xin làm nhiệm vụ nhỏ nhất của nó cũng gọi là góp phần truyền bá và Chấn hưng Chánh Pháp của đấng TOÀN TRI DIỆU GIÁC.

- NHÂN VÔ THẬP TOÀN.

Tự xét phận mình, tài sơ, trí siển mà dám làm một công việc quá ư to lớn, chẳng khác nào "ĐỘI ĐÁ VÁ TRỜI" làm sao tránh khỏi những lỗi lầm thiếu sót...

Ngưỡng mong chư đại đức Cao Tăng cùng các bậc Thiện trí thức vui lòng chỉ giáo và xá lỗi cho.

Mong thay!

Trà Giang Tử
(Tỳ khưu Định Lực Samadhibàlo),
Chùa Tăng Quang, Huế.

---oOo---

[01]

BÀI HỌC ĐẦU

TAM BẢO NGHĨA LÀ GÌ?

Phạn ngữ VĀRA dịch là quý báu. Có nghĩa là, những tài sản, vật dụng gì trên thế gian này, hằng đem lại sự lợi ích, sự vui thích, lòng ham muốn, sự hân hoan cho chúng sanh, gọi là vật quý báu. Đơn cử ví dụ như Vàng, Bạc, Ngọc, Ngà, Trân châu, Mã não, San hô, Hồ phách v.v... chẳng hạn. Thế Nhơn điều cho là vật quý báu, đáng tìm kiếm cất giữ, thu nhặt, nâng niu quý trọng.

Trái lại, trong Phật Giáo không cho đó là quý báu đâu.

Vì rằng, dù cho tất cả các báu vật trong thế gian có nhiều thứ, nhiều loại, cũng không giúp đỡ cho chúng sanh thoát khỏi cảnh Sanh, Già, Đau, Chết, nhất là vượt ra khỏi Tam giới, Tam đồ, Lục đạo...cho được.

Còn Tam bảo có nghĩa là ba ngôi quý báu hẳn thật đáng là nơi vững nương trông cậy. Có nghĩa là chúng sanh nào tin theo, rồi cố gắng hành theo, có thể đi từ Phàm đến Thánh, bỏ Tội về Sáng. Lìa Mê về Ngộ, thoát Khổ về Vui được.

TAM BẢO CÓ MẤY? XIN KỂ RA?

Tam bảo có ba là:

Phật bảo
Pháp bảo
Tăng bảo

TẠI SAO GỌI LÀ PHẬT BẢO?

Gọi Phật bảo, vì Ngài là người tìm ra nguồn Đạo giải thoát, đã vượt ra khỏi vòng Sanh tử Luân hồi dứt Khổ trọn Vui, cũng là Thầy cả Chư Thiên và Nhơn Loại.

TẠI SAO GỌI LÀ PHÁP BẢO?

Gọi Pháp bảo, vì đó là những phương Lương diệu dược nhiệm màu, có năng lực chữa trị Tâm bệnh Phiền não của chúng sanh trong Tam giới.

TẠI SAO GỌI LÀ TĂNG BẢO?

Gọi Tăng bảo, vì các Ngài là người thay mặt ba đời chư Phật, có nhiệm vụ hướng dẫn, dắt dìu quần sanh thoát khỏi nẻo Tội, đường Mê, tu hành cho đến nói dứt Khổ.

---o0o---

PHẬT

PHẬT LÀ GÌ?

Phạn ngữ BUDDHÀ, Hán âm Phật Đà, là bậc đã hoàn toàn Giác ngộ, sáng suốt, tự mình tìm ra chơn lý, không thầy chỉ dạy, rồi đem chơn lý ra giáo hóa chúng sanh.

Phật gồm có ba là:

Phật Toàn giác.
Phật Độc giác.
Phật Thinh văn

THẾ NÀO GỌI LÀ PHẬT TOÀN GIÁC?

Phật TOÀN GIÁC, là đấng tự mình tìm ra chơn lý đấng Đạo quả, không thầy chỉ dạy, rồi đem chơn lý ấy ra hóa độ quần sanh.

THẾ NÀO GỌI LÀ ĐỘC GIÁC PHẬT?

Phật ĐỘC GIÁC, tự mình tìm ra chơn lý, đắc Đạo Quả, nhưng không đem chơn lý ấy ra giáo hóa chúng sanh được.

THẾ NÀO LÀ THINH VĂN GIÁC?

THINH VĂN PHẬT là các vị Phật tu hành là do nhờ một vị Phật TOÀN GIÁC hóa độ cho, mới giác ngộ được chơn lý, đắc Đạo Quả và đem chơn lý ấy ra giáo hóa chúng sanh khác.

MUỐN ĐẮC THÀNH QUẢ PHẬT PHẢI TU BAO LÂU?

Muốn đắc thành Quả vị của một vị Chánh Đẳng Chánh Giác phải tu hành rất lâu, nhiều Đời nhiều Kiếp không thể tính toán đo lường. Có ba HẠNH để tu thành TOÀN GIÁC PHẬT. Ba HẠNH ấy là

Hạnh Trí tuệ
Hạnh Đức tin
Hạnh Tinh tấn.

THẾ NÀO GỌI LÀ HẠNH TRÍ TUỆ?

Tu theo HẠNH TRÍ TUỆ, vị Bồ tát lấy Trí tuệ làm căn bản. Phải tu trong thời gian 20 A TĂNG KỲ, và 100.000 Đại kiếp chia ra như sau.

Nguyện trong tâm 7 A TĂNG KỲ
Phát ra lời nói 9 A TĂNG KỲ

Có một vị Phật thọ ký cho, rồi tu 4 A TĂNG KỲ và 100.000 Đại kiếp.

THẾ NÀO GỌI LÀ HẠNH ĐỨC TIN?

Tu theo HẠNH ĐỨC TIN, vị Bồ tát lấy đức Tin nơi sự Lễ bái, Cúng dường, Thờ phụng làm căn bản. Hạnh này phải tu trong thời gian là 40 A TĂNG KỲ và 100000 Đại kiếp chia ra như sau.

Nguyện trong Tâm 14 A TĂNG KỲ
Phát ra lời nói 18 A TĂNG KỲ

Có một vị Phật thọ ký cho, và tu thêm 8 A TĂNG KỲ và 100000 Đại kiếp.

THẾ NÀO GỌI LÀ HẠNH TINH TẤN?

Hạnh TINH TẤN, vị Bồ tát lấy vun công bồi đức làm căn bản. Hạnh này phải tu trong thời gian là 80 A TĂNG KỲ và 100000 Đại kiếp chia ra như sau:

Nguyện trong Tâm 28 A TĂNG KỲ
Phát ra lời nói 36 A TĂNG KỲ

Có một vị Phật thọ ký cho, tu thêm 16 A TĂNG KỲ và 100000 Đại kiếp.

MỘT A TĂNG KỲ LÀ BAO LÂU?

Lâu lắm, không thể tính toán đo lường được. Phật dạy:

- Một tảng đá vuông vức một Do tuần, (16 cây số). Cứ 100 năm, có một vị chư Thiên bay xuống lấy tấm lụa quét qua một lượt. Bao giờ tảng Đá mòn bằng mặt Đất, được gọi là một A TĂNG KỲ.

- Một thùng đựng đầy hạt Cải, vuông vức một Do tuần (16 cây số). Cứ 100 năm, có một vị chư Thiên bay xuống lấy đi một hột. Bao giờ trong thùng không còn một hột cải nào, cũng được gọi là một A TĂNG KỲ.

- Lại nữa, có thể viết một con số Một (1) và sau đó viết tiếp thêm 140 con số Không (0) cũng tạm được gọi là một A TĂNG KỲ.

THẾ NÀO GỌI LÀ ĐẠI KIẾP?

Phạm ngữ KAPPA, dịch là Kiếp có bốn giai đoạn là Thành Trụ Hoại và Không?

THẾ NÀO LÀ GIAI ĐOẠN THÀNH?

Bắt đầu từ khi quả Địa cầu mới cấu tạo nên. Đầu tiên như bọt nước, rồi lần lần đặc lại như Bột và sau cứng như Đất, thật lâu, không thể kể được là bao nhiêu năm, tháng, ngày...nhưng chưa có một Sinh vật nào ở gọi là KIẾP THÀNH.

THẾ NÀO GỌI LÀ KIẾP TRỤ?

Bắt đầu từ khi có Cỏ Cây Sinh vật. Có một người đầu tiên sinh vào quả Địa cầu, cho đến khi người ta sinh ra hằng hà sa số như hiện nay, gọi là KIẾP TRỤ.

THẾ NÀO GỌI LÀ KIẾP HOẠI?

Bắt đầu từ khi quả Địa Cầu không còn ai nữa, cho đến khi nước bể khô khan, vì sức nóng của ánh Thái dương, rồi cháy luôn quả Địa cầu đi, gọi là KIẾP HOẠI.

THẾ NÀO GỌI LÀ KIẾP KHÔNG?

Từ khi quả Địa cầu tiêu hoại, chỉ còn khí u u, minh minh, không không, vô cùng, vô tận, cho đến khi cấu tạo nên quả địa cầu khác, gọi là KIẾP KHÔNG.

Bốn kiếp kể trên đây, gộp lại thành một ĐẠI KIẾP mà chư Bồ tát, phải thực hành mười PHÁP BA LA MẬT cho đến thời kỳ nhất định của những ĐẠI KIẾP ấy.

MUỐN THÀNH PHẬT, PHẢI PHÁT NGUYỆN VÀ TU HÀNH RA SAO?

Muốn đắc thành Quả vị một bậc CHÁNH ĐẰNG CHÁNH GIÁC, vị Bồ tát phải phát tâm lành trong sạch, nguyện trong tâm, phát ra lời nói, nhất là khi gặp được một vị Phật ra đời thọ ký cho. Rồi phải thực hành tròn đủ MƯỜI PHÁP BA LA MẬT trong thời gian (tùy theo hạnh nguyện như trên).

MƯỜI PHÁP BA LA MẬT ẤY RA SAO?

Mười PHÁP BA LA MẬT ấy là:

1. DÀNÀ (Bồ thí Ba La Mật)
2. SÌLÀ (Trì giới Ba La Mật)
3. NEKKHAMMA (Xuất gia Ba La Mật)
4. PANNA (Trí tuệ Ba La Mật)
5. VIRIYA (Tinh tấn Ba La Mật)
6. KHANTI (Nhẫn nại Ba La Mật)
7. SACCA (Chơn thật Ba La Mật)
8. ADDITTHANÁ (Nguyện vọng Ba La Mật)
9. METTA (Từ ái Ba La Mật)
10. UPEKKHA (Xả Ba La Mật)

MƯỜI PHÁP GỌI LÀ BA LA MẬT TRÒN ĐỦ RA SAO?

Mười pháp BA LA MẬT tròn đủ phải có ba bậc là:

- Ba La Mật bờ kia.
- Ba La Mật bờ trên
- Ba La Mật bờ Cao Thượng.

THẾ NÀO GỌI LÀ BA LA MẬT BỜ KIA?

Ba La Mật bờ Kia, vị Bồ tát hy sinh xả bỏ những tài sản, quý báu như tiền của, bạc vàng, ngọc ngà của mình cho kẻ khác với lòng hoan hỷ.

THẾ NÀO GỌI LÀ BA LA MẬT BỜ TRÊN?

Vị Bồ tát dám hy sinh tay chơn mắt mũi cùng xương máu của mình như cho kẻ khác một cách dễ dàng.

BA LA MẬT BỜ CAO THƯỢNG RA SAO?

Đến giai đoạn này, vị Bồ tát dám hy sinh thân mạng của mình như Tim Gan Đầu Óc cho kẻ khác.

MỘT VỊ PHẬT ĐẮC ĐƯỢC NHỮNG PHÁP GÌ?

- Một vị Phật, đắc ba cái Giác
- Tám cái Giác
- Mười lăm cái Hạnh

Ba cái GIÁC còn gọi là ba ÂN ĐỨC là:

1. Ân đức trong sạch hoàn toàn của Thân Khẩu Ý dù trước mặt hay sau lưng người cũng vậy (TỊNH ĐỨC).
2. Ân đức Bi mẫn, thương xót mọi người, mọi loài không biệt người thân hay kẻ thù (BI ĐỨC).
3. Ân đức trí tuệ (TUỆ ĐỨC)

TÁM CÁI GIÁC LÀ GIÁC CHI?

Tám cái GIÁC hay còn gọi là tám cái MINH

1. MINH SÁT MINH. Tuệ biết rõ mười pháp Minh sát
2. HÓA TÂM MINH. Biết biến hóa tâm ra nhiều trạng huống
3. THÂN THÔNG MINH. Biết biến hóa các pháp thân thông
4. THIÊN NHĨ MINH. Nghe được tiếng nói xa hoặc gần của Người, Trời hoặc Thú.
5. THIÊN NHẮN MINH. Mắt nhìn thấy tất cả chúng sanh trong Tam Giới.
6. THA TÂM MINH. Biết rõ tâm niệm lành, dữ của kẻ khác.
7. SANH TỬ MINH. Biết rõ sự sanh tử luân hồi của chúng sanh do theo cái Nghiệp.
8. LẬU TÂM MINH. Biết rõ các Pháp trầm luân mà diệt tận Pháp ấy.

MƯỜI LĂM CÁI HẠNH LÀ HẠNH CHI?

1. Thu thúc trong giới hạnh.
2. Thu thúc Lục căn thanh tịnh.
3. Tư cách biết tiết độ trong vật thực (Ngọ thời).
4. Luôn luôn thức tỉnh, ít mê ngủ.
5. Luôn luôn có sự ghi nhớ và biết mình.
6. Có đức tin chơn chánh theo lý Nhơn Quả
7. Hổ thẹn tội lỗi.
8. Ghê sợ tội lỗi.
9. Có sự nghe nhiều học rộng.
10. Sự tinh tấn đứng theo pháp Tứ chánh cần.
11. Trí tuệ thấy rõ lý Tứ Diệu Đế.
12. Rành mạch trong sơ Thiền.
13. Rành mạch trong Nhị Thiền.
14. Rành mạch trong Tam Thiền.
15. Rành mạch trong Tứ Thiền.

HỒNG DANH CỦA CHƯ PHẬT CÓ KHÁC NHAU KHÔNG?

Không. Hồng danh của ba đời chư Phật là quá khứ hiện tại và vị lai đều giống nhau như một. Có mười hồng danh sắp theo thứ tự như sau:

1. ARAHAM. Hán dịch là Ứng cúng
2. SAMMÀ SAMBUDDHO. Chánh Biến tri.
3. VIJJÀCARANASAMPANNO. Minh Hạnh Túc.
4. SUGATO. Thiện Thệ
5. LOKAVIDÙ. Thế Gian Giải.
6. ANUTTARO. Vô Thượng Sĩ.
7. PURISSADAMMÀSARATTHI. Điều Ngự Trượng Phu.
8. SATTHÀDEVÀMANUSANAM. Thiên Nhơn Sư.

9. BUDDHO. Phật
10. BHAGAVÀ. Thế Tôn.

XIN GIẢI CHO TỪNG HỒNG DANH MỘT?

ARAHAM Hán âm A LA HÁN còn có bốn nghĩa.

Bẻ gãy Căm
Xa quân Thù
Ứng cúng.
Vô sanh.

BẺ GÃY CĂM LÀ THẾ NÀO?

Bẻ gãy Căm, phá tan 12 cây Căm tạo nên bánh xe sanh tử luân hồi (Do lý luận Thập Nhị Nhơn duyên).

XA QUÂN THÙ LÀ XA CÁI CHI?

Xa quân thù là xa lìa phiền não.

ỨNG CÚNG CÓ NGHĨA LÀ GÌ?

Là bậc đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường.

VÔ SANH LÀ THẾ NÀO?

Nghĩa là bậc không còn Sanh tử Luân hồi lại nữa. Tóm lại A LA HÁN là bậc đã hoàn toàn sáng suốt, trong sạch tiền khiên tật, Thân Khẩu và Ý của Ngài đã được trong sạch trọn lành. Ngài đã vượt ra khỏi vòng Tam giới khổ.

HỒNG DANH THỨ HAI CÓ NGHĨA CHI?

SAMMÀ SAMBUDDHO Hán âm TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ hay dịch CHÁNH BIẾN TRI, là vì Ngài đã đắc thành Đạo Quả CHÁNH ĐĂNG, CHÁNH GIÁC do Ngài tự ngộ không thầy chỉ dạy.

HỒNG DANH THỨ BA NGHĨA LÀ THẾ NÀO?

VIJJA CARANASAMPANNO, dịch MINH HẠNH TỨC có nghĩa Ngài là bậc có đầy đủ đức hạnh, ba cái Giác, tám cái Giác và mười lăm cái Hạnh như trên.

HỒNG DANH THỨ TƯ NGHĨA LÀ THẾ NÀO?

SUGATO dịch là THIÊN THỆ bởi Ngài đã ngự đến nơi vô sanh, bất diệt là đại Niết bàn, là nơi rốt ráo cao thượng, thông suốt cả Tam giới, Trời, Người.

HỒNG DANH THỨ NĂM RA SAO?

LOKAVIDU dịch là THẾ GIAN GIẢI bởi Ngài là bậc đã thông suốt cả Tam giới, Trời, Người.

HỒNG DANH THỨ SÁU CÓ NGHĨA LÀ GÌ?

ANUTTARO dịch là VÔ THƯỢNG SĨ bởi vì Ngài có đức hạnh cao quý không ai sánh bằng kịp.

HỒNG DANH THỨ BẢY CÓ NGHĨA LÀ GÌ?

PURISADAMMASÀRATTHI dịch là ĐIỀU NGỰ TRƯỞNG PHU, bởi vì Ngài là đấng Tế độ những người Hữu duyên nên Tế độ. Những người có duyên với Ngài thì dù ở trong hoàn cảnh giai cấp nào, Ngài cũng không từ nan.

HỒNG DANH THỨ TÁM CÓ NGHĨA CHI?

SATTHADEVÀMANUSSANAM dịch THIÊN NHƠN SƯ vì Ngài là thầy cả chư Thiên và Nhơn loại.

HỒNG DANH THỨ CHÍN CÓ NGHĨA GÌ?

BUDDHO, Hán âm PHẬT ĐÀ, là bậc đã giác ngộ được lý TỨ DIỆU ĐẾ, bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, rồi đem sự giác ngộ đó ra giáo hóa chúng sanh.

HỒNG DANH THỨ MƯỜI CÓ NGHĨA CHI?

BHAGÀVA dịch THẾ TÔN là bậc TỐI THƯỢNG. Ngài đã vượt ra khỏi vòng TAM GIỚI, nghĩa là không còn sanh tử luân hồi lại nữa.

BA ĐỜI CHƯ PHẬT CÓ NGHĨA THẾ NÀO?

Phật ba đời có nghĩa gồm chư Phật trong quá khứ, chư Phật trong đời hiện tại này, và chư Phật trong kiếp vị lai.

NHU VẬY CÓ BAO NHIÊU VỊ PHẬT RA ĐỜI RỒI?

Theo CHÁNH GIÁC TÔNG có 28 vị. Riêng quả địa cầu chúng ta, cõi Nam Diêm Phù Đề này có bốn vị Phật đã ra đời rồi. Đó là các Ngài.

Đức Phật CÂU LƯU TÔN

Đức Phật CÂU NA HÀM MU NI

Đức Phật CA DIẾP. Là chư Phật quá khứ.

Và đức Phật THÍCH CA MU NI là đức Phật hiện tại của chúng ta.

XIN CHO BIẾT VỀ ĐỨC PHẬT VỊ LAI?

Ngài hãy còn là một vị Bồ tát. Ngài đang hưởng Phước thanh nhàn với Chư thiên tại Trời ĐÀU SUẤT ĐÀ, đó là đức Bồ tát DI LẶC vậy.

BAO LÂU NỮA, ĐỨC DI LẶC MỚI GIÁNG SANH ĐỘ ĐỜI?

Thời gian chưa biết được. Theo CHÁNH GIÁC TÔNG. Sau khi hết thời kỳ Giáo Pháp của đức THÍCH CA MU NI. Một thời gian dài không còn Giáo Pháp, đức DI LẶC mới ra đời, hóa độ chúng sanh.

HAI DANH TỬ PHẬT VÀ BỒ TÁT KHÁC NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Phật là đấng TOÀN TRI DIỆU GIÁC. Là bậc sáng suốt. Hoàn toàn trong sạch. Đã diệt tận vô minh và phiền não. Ngài đã vượt ra khỏi vòng Tam giới, nghĩa là không còn bị trôi cột, dính mắc trong vòng sanh tử luân hồi.

Bồ tát, Phạm ngữ BODDHI SATTA, nghĩa là chúng sanh có nhiều trí tuệ. Có nhiều trí tuệ chứ chưa phải là TOÀN GIÁC. Còn Bồ tát là còn sanh tử luân hồi, còn bị vô minh buộc ràng và dục vọng lôi kéo. Vì Bồ tát còn phải xuống lên trong TAM GIỚI, khi làm Trời, khi làm người, khi làm thú, tùy theo NGHIỆP LỰC tạo tác.

XIN CHO VÍ DỤ ĐỂ DỄ HIỂU?

Tạm ví như một quả dừa già, mọc mầm lên cây dừa, cây dừa lớn lên sẽ ra trái dừa. Quả dừa non rồi sẽ già đem giâm sẽ mọc ra cây dừa rồi ra quả dừa, loanh quanh mãi như thế nào, thì Bồ tát cũng ví như thế ấy, do sự sanh tử luân hồi v.v...

Quả dừa kia đem phơi khô, nấu thành dầu, trong thơm quý báu, để lâu không hư, không thối, nhưng không còn mọc ra cây dừa được nữa như thế nào, thì Phật cũng như thế ấy.

Một ví dụ khác, một lu nước đục, để lâu, sẽ hư, sẽ thối không dùng được như thế nào cũng như Bồ tát là một chúng sanh phát đại nguyện to lớn, nhưng chưa thành tựu được nguyện vọng, có thể bị hư hỏng.

Đem lu nước ấy, nấu hay chưng cất, lọc lấy nước trong gạn bỏ chất dơ, để vào bình, vào chai, dù có lâu cũng không hư không thối như thế nào, thì Phật và Bồ tát cũng khác nhau như thế ấy.

Đây là những ví dụ đem ra để tạm so sánh cho dễ hiểu vậy thôi, chú ý nghĩa hai danh từ khác nhau lắm.

VẬY, BỒ TÁT VÀ CHÚNG SANH CÓ KHÁC NHAU KHÔNG?

Như trên đã giải, thì Bồ tát là một chúng sanh. Song vị chúng sanh này có nhiều trí tuệ, có nguyện lực thanh cao hơn, luôn luôn đời nào, kiếp nào cũng mong mỗi thành một bậc CHÁNH ĐẲNG, CHÁNH GIÁC để độ mình và hóa độ chúng sanh.

CHƯ BỒ TÁT CÓ NHIỀU KHÔNG?

Nhiều thì cũng không nhiều, nhưng cũng không phải là ít. Ví như một cây hồng, một lần ra hoa, không biết cơ man nào là nụ, là hoa. Nhưng đến khi kết quả, thì không có bao nhiêu? Chúng sanh cũng như thế ấy, sự ao ước, sự mong mỏi, sự mong muốn thì nhiều, song đến khi kết quả, đến mục đích, thì không còn bao nhiêu.

Vả lại, vị Bồ tát muốn đắc thành CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, lại còn có hai bậc. Hai bậc ấy là:

1. ANIYATA BODDHI - SATTA. (Bất Định Bồ tát).

Chư Bồ tát chưa thành tựu được nguyện vọng. Là chư Bồ tát nào, đã có nguyện trong tâm, phát ra lời nói nhưng chưa có một vị Phật thọ ký cho, thì chưa chắc đã thành CHÁNH ĐẲNG, CHÁNH GIÁC được.

2. NIYATA BODDHI SATTA (Xác định Bồ tát)

Chư Bồ tát đã thành tựu được nguyện vọng. Là Bồ tát đã được một, hoặc nhiều vị Phật thọ ký cho, chắc chắn sẽ thành CHÁNH ĐẲNG, CHÁNH GIÁC trong ngày vị lai.

CHƯ BỒ TÁT CÓ ĐIỀU GÌ KHÁC CHÚNG SANH?

Chư Bồ tát tròn đủ, có TÁM PHÁP khác thường hơn tất cả chúng sanh.

- 1) Phải là người, chứ không là Trời hay là Thú.
- 2) Phải là nam nhơn, chứ không phải phụ nữ, hay bán nam bán nữ.
- 3) Có đủ duyên lành và có thể đắc A LA HÁN trong kiếp ấy (như THIÊN HUỆ Đạo nhơn là Bồ tát tiền thân của Phật tổ GOTAMA vậy).
- 4) Gặp được đức Phật ra đời, và làm được một việc lành nào đến đức Phật ấy.
- 5) Phải là người xuất gia.
- 6) Phải có đầy đủ Pháp của bậc cao nhơn là Ngũ Thông và Bát Thiển.
- 7) Đã làm được Phước báu cao thượng nào là bố thí mạng sống của mình và vợ con mình do tâm nguyện thành tựu quả vị CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC..
- 8) Phải có ý nguyện đầy đủ quyết cho thành được vị CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC dù cho khó khăn khổ sở cũng không nao núng và thoái chuyển. Chư Bồ tát nào đã có đầy đủ TÁM PHÁP trên đây thì mới được chư Phật thọ ký cho, từ ấy mới được gọi là NIYATA BODDHI lực thanh cao hơn, luôn luôn đời nào, kiếp nào cũng mong mỏi thành bậc CHÁNH ĐẲNG, CHÁNH GIÁC để độ mình và hóa độ chúng sanh.

CÓ PHÁP NÀO CHÚNG TỔ BỒ TÁT ĐÃ ĐƯỢC THỌ KÝ?

Có BỐN PHÁP để căn cứ, của chư Bồ tát đã được thọ ký.

1. Rất siêng năng, dũng mãnh trong việc làm điều lành.
2. Có trí tuệ phân biệt thiện ác, để xa lánh điều dữ, hành theo điều lành.
3. Có chí cả quyết và cứng rắn. Là khi đã làm một điều thiện nào không hề thoái chuyển và ráng làm cho đến khi thành tựu.
4. Khi làm một việc nào, toàn là việc hữu ích cho mình và cho kẻ khác.

NHỮNG NẾT HẠNH NÀO CỦA CHƯ BỒ TÁT ĐÃ ĐƯỢC THỌ KÝ?

Chư Bồ tát được thọ ký rồi có sáu nét hạnh.

1. Có nét hạnh không THAM, và luôn luôn có ý muốn dứt bỏ của cải, tài sản của mình để làm việc hữu ích cho kẻ khác.
2. Có nét hạnh không SÂN, và luôn luôn có Tâm Từ bi đối với tất cả chúng sanh.
3. Có nét hạnh không SI và có Trí Tuệ suy xét rõ rồi mới Tin.
4. Có nét hạnh muốn Xuất gia, là có ý muốn dứt bỏ các sự thương mến ràng buộc.
5. Có nét hạnh ưa thích nơi thanh vắng Vườn Rừng, xa lánh bạn bè và nơi tụ họp đông đúc.
6. Có nét hạnh muốn giải thoát khỏi Ái dục, Phiền não và Khổ não Thế gian.

CHƯ BỒ TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ, CÓ ĐIỀU NÀO KHÁC CHÚNG SANH?

Có bảy PHÁP XUẤT CHÚNG của chư Bồ tát được thọ ký.

1. Có tâm ghét ghê điều xấu xa tội lỗi, là tâm của Bồ tát đã được thọ ký rồi, thì hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, ví như bị phỏng lửa, khi thấy lửa thì ghê sợ.
2. Có tâm vui thích theo điều thiện. Là tâm của Bồ tát lúc nào cũng tươi vui, thoải thích theo điều lành việc phải. Một khi đã làm được một điều thiện nào, thì sốt sắng vui vẻ làm cho đến khi thành tựu.
3. Tâm nguyện cho tuổi Thọ đã nhất định. Là khi Bồ tát sanh về cõi Trời sống quá lâu, do phước báu, nên Ngài nguyện cho tuổi thọ giảm bớt, để sanh xuống trần gian, hành PHÁP BA LA MẬT, mà độ đời.
4. Khác thường hơn các chúng sanh là Bồ tát khi giáng sanh vào lòng mẹ, thì rất sạch sẽ, mặt day ra phía trước. Ngồi xếp bằng như một vị Pháp sư.
5. Có sự ghi nhớ và biết rõ ba thời kỳ. Khi kiếp chót sẽ thành Đạo. Khi giáng sanh vào lòng Phật mẫu cũng biết. Khi ở trong lòng cũng biết. Và khi sanh ra cũng biết.
6. Khi sanh, thì Phật mẫu đứng, Bồ tát xuôi tay bước ra, như thể Pháp Sư bước xuống pháp tọa.
7. Sanh ra trong loài người chứ không phải chư thiên hay súc sanh. Hơn nữa, lúc nhập NIẾT BÀN có để hài cốt, ngọc Xá Lợi lại cho chư thiên và Nhơn loại lễ bái cúng dường.

Tóm lại, chư Bồ tát phải thực hành tròn đủ MUỖI PHÁP BA LA MẬT đúng theo khuôn khổ, thời gian nhất định và có được một vị Phật thọ ký cho biết trước (sẽ thành một vị Phật tổ) chừng ấy mới gọi là Bồ tát thật, và thế nào cũng chứng quả CHÁNH BIẾN TRI A NẬU TA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ (SAMMÀ SAMBUDDHO).

KHI MỘT VỊ PHẬT TỔ RA ĐỜI CÓ NHỮNG DŨ KIỆN GÌ?

Một vị Phật tổ đến kiếp chót thành Phật, các Ngài phán xét, hội đủ năm điều kiện thuận lợi, mới giáng sanh. Năm điều kiện ấy là.

1. Ngài xem coi xứ nào để giáng sanh (Không ngoài trung tâm địa cầu) Trung Ấn Độ.
2. Ngài coi châu nào để giáng sanh (Không ngoài Nam Thiệm Bộ Châu) vì các châu kia như Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, tuổi thọ chúng sanh quá nhiều (hơn 1000 tuổi) nên không thấy nổi khổ sanh già đau chết, mà khó hóa độ.
3. Ngài coi Dòng nào sẽ Giáng sanh (không ngoài dòng vua chúa hay Bà La Môn).
4. Ngài xem coi tuổi thọ của chúng sanh là không quá một muôn tuổi hay không quá dưới 100 tuổi. Vì chúng sanh sống quá lâu, thì không thấy rõ được sự khổ, ít tuổi thì nhiều ái dục và phiền não cũng khó hóa độ.
5. Xem coi tuổi thọ của Phật mẫu, khi sanh ra Ngài rồi, sau bảy ngày phải băng hà về hưởng phước báu trên cõi Trời. Vì Phật mẫu khi sanh Bồ tát rồi, thì không ai được làm hoen ố vì tình dục mẫu nữa.

ĐỨC PHẬT TỔ GOTAMA THUỘC VỀ BỒ TÁT HẠNH NÀO?

Đức Bổn sư của chúng ta, thuộc về Bồ tát tu theo HẠNH TRÍ TUỆ, nghĩa mà hồi còn làm Bồ tát, Ngài gặp đức Phật NHIÊN NĂNG là vị Phật thọ ký cho Ngài đầu tiên.

TRƯỚC KIA NGÀI ĐÃ PHÁT NGUYỆN RA SAO?

Theo CHÁNH GIÁC TÔNG (trang 8, mục 28, "Đức Phật quá khứ"). Vô lượng kiếp quá khứ, trải qua một A TĂNG KỲ kiếp, không có một vị Phật nào ra đời tế độ quần sanh. Khi ấy, có một người lái buôn thuyền tên là MATUDÀRA MÀNAVA (Tàu âm TU ĐẠI NA) đi buôn bị đắm thuyền giữa vời. Ráng sức cõng mẹ trên vai, lội bẻ trong bảy ngày. Người mặc dù mệt nhọc vô cùng, vẫn can đảm hy sinh vì mẹ. Làm cảm động đến vị Đại Phạm Thiên Ngài bèn xui khiến cho người lái thuyền phát tâm trong sạch, nguyện thành một bậc CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC để cứu độ chúng sanh, thoát khỏi sông mê biển khổ.

Từ đó, vị lái thuyền, trở thành một vị Bồ tát để lập nguyện trong Tâm 7 A TẦNG KỶ. Rồi phát ra lời nói, tu tập thêm 9 A TẦNG KỶ. Cho đến khi gặp đức Phật NHIÊN ĐĂNG (DIPÂNGHÀRA) thọ ký cho biết, còn 4 A TẦNG KỶ VÀ 100 ngàn đại kiếp địa cầu nữa sẽ thành một vị Phật CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC có tên GOTAMA vậy.

VÌ NGUYÊN NHÂN NÀO, ÍT CÓ NGƯỜI TU THÀNH PHẬT ?

Cách đây 20 A TẦNG KỶ, có một người em gái của đức Phật PURANA DIPANGHARA có lòng trong sạch, đem dầu cúng Phật, rồi nguyện thành một bậc CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC, xin Phật thọ ký cho.

Đức Phật dạy:

Vì là Phụ nữ, nên không thể nguyện thành Phật được. Chờ 14 A TẦNG KỶ nữa, em sẽ trở thành Nam nhơn, và rồi chừng ấy, sẽ có Phật thọ ký cho. (Chính nàng là tiền thân của Bồ tát SĨ ĐẠT TA)

NHƯ VẬY, MUỐN TU THÀNH PHẬT, KHÓ QUÁ?

Có bốn điều khó là:

- Khó sanh được làm Người.
- Phụ nữ khó sanh làm Nam nhơn.
- Làm Nam nhơn khó được Xuất gia.
- Khó gặp Phật ra đời.

TẠI SAO KHÓ SANH ĐƯỢC LÀM NGƯỜI?

Muốn sanh được làm người, phải tạo nhiều phước báu cao thượng. Mà chúng sanh ưa làm tội hơn làm phước bởi tội dễ làm hơn Phước. Sách nho có câu "VAN KIẾP NAN SANH ĐẮC CÁ NHƠN" có nghĩa là ngàn năm muôn ức kiếp, khó sanh được làm người.

TẠI SAO PHỤ NỮ KHÓ SANH LÀM NAM NHƠN?

Phụ nữ bản tính ái tình dục lạc nhiều, phải có nhiều phước báu duyên lành mới có thể làm nam nhơn được. Phụ nữ không thể nào nguyện thành một bậc CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC, ĐỘC GIÁC hoặc THINH VĂN GIÁC hay BỒ TÁT được. Muốn chuyển Nam nhơn, người phụ nữ phải ráng tu hành tinh tấn, thọ trì Ngũ giới, Bát Quan Trai giới, cố gắng dục tắt dục tình, đè nén phiền não hoặc xuất gia, giữ vẹn tiết trinh trau giồi thân tâm cho trong sạch đến trọn đời.

TẠI SAO LÀM NAM NHƠN KHÓ XUẤT GIA?

Khi được phước lành cấu tạo, sanh được thân nam nhơn rồi, lại quên căn lành, say đắm theo ngũ trần dục lạc, quyến luyến theo vợ, con gia đình, nên khó bề cắt ái ly gia để xuất gia tu hành cho được.

KHÓ GẶP PHẬT RA ĐÒI LÀ THỂ NÀO?

Vì muốn nguyện thành một đức Phật, phải có sự can đảm Đại hùng Đại lực. Ví như, có những lưỡi kiếm bén nhọn dựng cắm đầy trên mặt địa cầu, hoặc những mảnh sắt thật bén cắm chặt cả quả địa cầu. Hoặc có những khúc sắt cháy đỏ để đầy cả trên mặt địa cầu.

Người có đủ can đảm, dẫn mình chạy vào cho đến trung tâm địa cầu. Hoặc dám lóc thịt mình bỏ thí cho Dạ xoa để đầy cả trên mặt địa cầu. Hoặc cắt đầu mình bỏ thí nhiều hơn những cục đá trong quả núi. Hoặc khoét mắt mình bỏ thí nhiều hơn Sao trên Trời. Và phải hành theo cho tròn đủ PHÁP THẬP ĐỘ đúng theo thời gian nhất định, thì mới mong thành một vị Phật tổ được.

TẤT CẢ BA ĐÒI CHƯ PHẬT CÓ GIỐNG NHAU KHÔNG?

Tùy theo hạnh nguyện là Trí tuệ, Đức tin và tinh tấn để chỉ định thời gian lâu hoặc mau khác nhau. Còn lại, tất cả ba đời chư Phật đều có MUỖI HUỆ LỰC in nhau, 32 tướng lạ giống nhau, các PHÁP LẠ trong lúc ĐẢN SANH trùng nhau, cũng như ba ÂN ĐỨC, tám cái GIÁC và mười lăm cái HẠNH đều y nhau.

MUỖI HUỆ LỰC LÀ THỂ NÀO?

Theo TAM TẠNG quyển 16 trang 117:

- Huệ biết rõ cái nhân để đưa chúng sanh đi thọ quả vui hay quả khổ đúng theo sự thực.
- Huệ biết rõ cái NHÂN của chúng sanh trong quá khứ, hiện tại và vị lai đều do nghiệp dữ mà lãnh quả.
- Huệ biết rõ tất cả hành vi thể nào để đưa chúng sanh đến chỗ vui hoặc cảnh khổ trong TAM GIỚI.
- Huệ biết rõ tất cả các nguyên chất khác nhau là đất nước lửa gió hư không và chất thức.
- Huệ biết rõ tất cả chúng sanh có căn cơ thấp hèn hay cao thượng.
- Huệ biết rõ tất cả chúng sanh đều có tư cách và trình độ khác nhau.
- Huệ biết rõ tất cả sự trong sạch hay bợn nhơ trong các sắc Thiên và sự giải thoát.
- Huệ biết rõ tất cả những tiền kiếp của mình và tất cả chúng sanh khác.
- Huệ biết rõ tất cả các sự sinh tử luân hồi của chúng sanh đều do nghiệp lành và nghiệp dữ mà cấu tạo.
- Huệ biết rõ tất cả các Pháp Trảm luân mà diệt tận các Pháp ấy không cho pháp sanh lên nữa.

BA MƯƠI HAI TƯỞNG LẠ LÀ THỂ NÀO?

TAM TẠNG quyển 25, trang 16,17,18 và 34 có ghi.

- Lòng bàn chơn bằng phẳng. Đa số thể như lòng chân hũng vô, người ít hũng, là người ít phiền não.
- Hai lòng bàn chân có bánh xe có 1.000 cây cãm.
- Gót chân dài bằng ba lần của người bậc trung.
- Ngón tay, ngón chân thật dài và nhọn như dùi trống.
- Bàn tay, bàn chân thật mềm mại.
- Hai bàn tay, hai bàn chân có chỉ như lưới giăng.
- Cổ chân nổi lên rõ rệt trên lưng bàn chân.
- Ống quyển dài và tròn như ống chân con nai.
- Hai cánh tay thật dài, đứng không cúi mà thông tới đầu gối.
- Ngọc hành ẩn vào bọc da như dương vật con bò
- Màu da sáng như vàng ròng.
- Da thật mịn, bụi không dính được.
- Mỗi lỗ chân lông, chỉ mọc một sợi đều nhau
- Tất các sợi lông đều dựng đầu trở lên, toàn màu xanh như bông biếc.
- Thân mình ngay thẳng như thân trời Phạm Thiên.
- Bảy chỗ thịt đều bằng phẳng là cần cổ, hai bàn tay, hai bàn chân và hai bả vai đều bằng.
- Có thân hình phía trước giống hình sư tử.
- Thịt quăng giữa hai bả vai đều bằng.
- Thân hình giống như cây đa (Sải tay bao nhiêu thân hình cũng cao như vậy)
- Cần cổ đều tròn.
- Có 700 trăm sợi gân thật nhỏ, châu đầu tại cuống họng, lưới để lãnh lấy vị Trần đem phổ biến khắp châu thân.
- Cằm tròn như cằm sư tử hoặc như trăng bửa 12.
- Có 40 cái răng (trên 20 dưới 20)
- Những răng đều khít nhau.
- Cái lưỡi dài, thật mềm và lớn, có thể lè ra che đậy cả mặt, cuốn xoắn vào lỗ tai, hoặc lỗ mũi cũng được.
- Bốn cái răng nhọn trắng và sạch lấm.
- Tiếng nói trong trẻo và êm ái như tiếng Đại Phạm Thiên hay tiếng chim KAKAVERA.
- Những lông nheo giống như lông mi con bò.
- Lông mày trắng và mềm mại như bông gòn. Con mắt thật đen huyền.
- Trán và đầu tròn trịa
- Tóc đều xoắn lại một bên mặt và bao phủ như thể đội mũ.

NHỮNG PHÁP LẠ KHI BỒ TÁT ĐẢN SANH NHƯ THỂ NÀO?

Theo TAM TẠNG quyển 16, trang 32.

Tất cả chư Bồ tát trong ba đời. Trong kiếp chót thành Phật đều có những sự lạ giống nhau.

Khi Bồ tát từ cung Trời Đâu Suất Đà "TUSITA" giáng sanh vào lòng Phật mẫu, thì cả quả địa cầu rung rinh và hào quang sáng ngời rực rỡ, chiếu rọi cả ngàn thế giới Ta bà, làm cho tất cả chúng sanh đều thấy nhau rõ ràng.

Chư Bồ tát khi vào lòng mẹ day mặt ra phía trước và ngồi Kiết già như vị Pháp sư trên pháp tọa. Luôn luôn có bốn vị chư thiên hộ trì.

Khi Bồ tát giáng sanh vào lòng Phật mẫu thì bà đâm ra chán nản tình dục và tự nhiên nguyện giữ ngũ giới và thân thể hằng được an vui tươi tỉnh.

Khi Bồ tát còn ở trong lòng Mẹ Phật mẫu thấy rõ ràng như ở ngoài.

Bồ tát ở trong lòng mẹ đúng mười tháng mới đản sanh. Khi đản sanh, y như vị Pháp sư bước xuống Pháp tọa, ngay hai chân rời đi xuống.

Khi Bồ tát vừa lọt lòng chưa tới đất, đã có bốn vị Trời Phạm thiên ở cung SUDDHÀ VASA bay xuống đỡ lấy Bồ tát, đem lại trước mặt Phật mẫu mà râu rắng.

Thưa Lệnh Bà. Đây là con quý báu của Bà đã sanh, xong rồi mới để xuống.

Bồ tát đứng vững xong. Đi bảy bước có bảy tòa sen mọc lên đỡ chân Ngài.

Day mặt hướng Bắc, nhìn khắp nơi. Tay mặt chỉ Trời, tay trái chỉ Đất và nói lên.

AGGOHAMASMI
JETTHOHAMASMI
SETTHOHAMASMI
LOKASSAAYAMANTIMA
ME JÀTI NATTHI DÀNI PUNABHAVOTI

Hán Dịch:

Thiên thượng, Thiên Hạ
Duy ngã, độc tôn.
Thứ sanh cùng thế
Vô hữu vị lai

Có nghĩa là. Trên trời, dưới đất, chỉ có mình ta là lớn, cao thượng và quý báu. Kiếp này là kiếp chót của Ta.

Khi Bồ tát sanh, thì Phật mẫu đứng hái hoa như thường. Khi sanh ra có hai dòng nước nóng và lạnh từ trên hư không chảy xuống tắm rửa cho Phật mẫu và Bồ tát.

Bồ tát sanh ra, thân hình sạch sẽ như cục ngọc MANI, mà thợ đã trau giồi rồi, đem để trên tấm lụa đỏ.

Khi ra khỏi lòng mẹ, thì toàn cả địa cầu rung rinh chuyển động và hào quang chiếu sáng khắp nơi vô lượng vô biên, thấu cả TAM GIỚI.

Phật mẫu sanh ra được bảy ngày, thì Bà băng hà đặng sanh về cõi Trời ĐÁU XUẤT để hưởng phước thanh nhàn.

Tóm lại những PHÁP LẠ phi thường trên đây là do quả báo của MUỖI PHÁP BA LA MẬT mà chư BỒ TÁT đã hành trì từ vô lượng, vô biên kiếp phát sanh lên đó vậy

---o0o---

SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ CỦA ĐỨC PHẬT TÔ GOTAMA

NGUYÊN NHÂN NÀO ĐỨC PHẬT GIÁNG SANH?

Khi Bồ tát thực hành tròn đủ MUỖI PHÁP BA LA MẬT. Kiếp chót, Ngài ngự tại cung Trời TUSITA "Đâu Suất Đà" cùng chư thiên hưởng phước thanh nhàn.

Khi ấy có chư thiên trong mười ngàn thế giới Ta bà đến thỉnh cầu Bồ tát giáng trần để cứu độ quần sanh.

BỒ TÁT CÓ CHẤP THUẬN KHÔNG?

Sau khi Ngài quan sát hội đủ năm điều kiện.

- Xứ thọ sanh (Trung Ấn Độ)
- Châu sẽ thọ sanh (Nam Thiệm Bộ Châu)
- Dòng dõi vua chúa (dòng SAKYA)
- Đức Phật mẫu (MÀYA Hoàng hậu)
- Tuổi thọ của chúng sanh (trên dưới 100 tuổi)

Bồ tát quyết định giáng sanh vào lòng Phật mẫu MAGIA và bữa thứ năm, ngày Rằm tháng Sáu năm Dậu.

BỒ TÁT ĐẢN SANH VÀO NGÀY NÀO?

Đúng mười tháng tròn đủ, vào ngày trăng tròn tháng VESAK (tức bữa thứ sáu ngày Rằm tháng Tư năm Tuất). Bồ tát đản sanh 544 năm trước Tây lịch.

THÂN SINH CỦA BỒ TÁT LÀ AI?

Vua SUDDHODANA Hán dịch TỊNH PHẠM VƯƠNG và Phật mẫu MÀYA (MA GIA) Hoàng hậu.

QUỐC ĐỘ CỦA TỊNH PHẠM VƯƠNG Ở ĐÂU?

Ở Đông Bắc Ấn Độ, dưới chân núi Hy Mã Lạp Sơn kinh đô tại KATIPAVASTU "Ca Tỳ La Vệ" trên bờ sông ROBINI, cách thành BÉNARÈS 150 cây số về hướng Bắc.

DIỆM LÀNH NÀO ĐÃ XẢY RA?

Quả địa cầu rung rinh chuyển động, nơi vườn Lâm Tỳ Ni, hoa VÔ UÛ đua nhau nở, mặc dù trái mùa. Nhạc Trời của chư thiên vang rền lời tán dương ca tụng, làm chấn động đến đạo sĩ A TU ĐÀ đương NHẬP THIÊN cũng phải XUẤT ĐỊNH.

TỊNH PHẠN VƯƠNG CÓ VUI MỪNG KHÔNG?

Được tin lành cấp báo, nhà vua truyền cho dân chúng mở hội ăn mừng. Đạo sĩ A TU ĐÀ cũng từ trên núi cao, chống gậy trúc về hoàng cung để xin yết kiến.

LÚC GẶP THÁI TỬ, ĐẠO SĨ TIÊN ĐOÁN NHỮNG GÌ?

Vốn là Sư phụ, bậc cổ vấn tinh thần của đức vua TỊNH PHẠN, nên đạo sĩ được nhà vua ân cần tiếp đón.

Vua truyền đem Thái tử ra để đạo sĩ xem tướng.

Vừa trông thấy Thái tử, đạo sĩ sụp lạy dưới chân Ngài. Sau khi lạy xong, đạo sĩ cười vang ba tiếng. Xong lại khóc ròng, đôi vai gầy rung rinh trên gậy trúc.

VÌ SAO VẬY? CÓ ĐIỀU DỮ NÀO XẢY RA?

Vua TỊNH PHẠN cùng triều thần rất chi lo sợ. Vua ban lời phán hỏi.

Đạo sĩ gạt nước mắt mà thưa:

- Muôn tâu lệnh Đại Vương, già quá ưa mừng vui sướng, khi tận mắt thấy được một đấng Siêu nhân cứu thế, giáng trần để phổ độ chúng sanh. Nhưng già khóc, không phải vì tai hại gì cho Hoàng cung, cùng Đại vương. Mà bản đạo khóc, vì tuổi mình đã quá già rồi, không còn được sống bao lâu, để được nghe những lời vàng, tiếng ngọc của đấng siêu nhân giảng giáo.

ĐẠO SĨ TIÊN ĐOÁN RA SAO?

Xem tướng Thái tử xong, đạo sĩ quả quyết:

- Nếu ở đời, Thái tử sẽ là một bậc CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG, oai danh bao trùm cả bốn châu thiên hạ. Nhưng Thái tử sẽ xuất gia tìm Đạo và đắc thành quả vị CHÁNH ĐẰNG, CHÁNH GIÁC không sai.

VUA ĐẶT TÊN CHO THÁI TỬ LÀ GÌ?

Vua đặt tên cho Thái tử là SIDDHARTA, Hán âm SĨ ĐẠT ĐA, có nghĩa là Vạn Sự Như Ý.

TẠI SAO THÁI TỬ CÓ TÊN VẠN SỰ NHƯ Ý?

Trước nay, TỊNH PHẠN VƯƠNG chưa có con để nối ngôi. Đêm ngày mong mỏi cầu nguyện cho được một vị hoàng tử để nối dòng. Nay sanh được Thái tử, ước muốn của vua cha được toại nguyện, nên vua đặt là SIDDHARTA nghĩa là được VẠN SỰ NHƯ Ý.

NHƯ VẬY HỌ CỦA THÁI TỬ LÀ GÌ?

Họ của Thái tử GOTAMA (CỒ ĐÀM). Sau này, Ngài đi xuất gia tìm Đạo, người ta cũng còn gọi Ngài là Đại Sa môn CỒ ĐÀM.

VẬY DANH TỬ THÍCH CA MƯU NI LÀ THẾ NÀO?

Phạn ngữ SAKYA MUNI Hán âm THÍCH CA MƯU NI có nghĩa là dòng dõi can đảm và chiến thắng mọi gian nguy. Đức Bổn Sư của chúng ta, sanh vào dòng dõi SAKYA MUNI, nên sau này thành Phật rồi, người ta còn gọi Ngài là PHẬT THÍCH CA MƯU NI.

(Muốn biết rõ hơn, xin tìm xem nơi quyển BA NGÀY LUẬN ĐẠO của Pháp sư THÔNG KHAM đã xuất bản).

NHỮNG NHÂN VẬT ĐỒNG SANH VỚI THÁI TỬ LÀ AI?

Là:

Thái tử NAN ĐÀ
Công chúa YASODHARA.
CHANDA (Nghĩa bộc XÁ NẶC)
Công tử UDĀYI

CUỘC SỐNG CỦA THÁI TỬ HÀNG NGÀY RA SAO?

Thái tử sanh ra được bảy ngày, Hoàng hậu MA GIA băng hà. Thái tử được Di mẫu là bà GOTAMI săn sóc. Lớn lên, vua cha cho làm ba tòa cung điện nguy nga to lớn, vô cùng tráng lệ đẹp xinh, phù hợp với các thời tiết cho Thái tử vui chơi, an nghỉ. Hằng ngày có 500 cung phi mỹ nữ hầu hạ, có đủ các yến tiệc, món ngon vật lạ cao sang hơn Đồi.

VÌ NGUYÊN NHÂN GÌ VUA CHA LÀM THẾ?

Vua cha sợ Thái tử gặp trở ngại, nổi khổ ở đời, và cũng là để cho Thái tử đắm say trong thú vui vật chất mà lãng quên ý nguyện xuất gia.

LỚN LÊN THÁI TỬ CÓ ĐƯỢC HỌC HÀNH GÌ KHÔNG?

Các Thầy dạy cho Thái tử đều là những các bậc danh sư tăm tiếng, tài giỏi nhất thời bấy giờ. Nhưng trước sự hiểu biết, trí thông minh đỉnh ngộ của Thái tử, làm cho các vị danh sư đều phải cúi đầu bái phục. Vì có những điều Thái tử đã biết, mà họ chưa hề biết đến. Nhưng không phải vì thế, mà Thái tử tỏ ra kiêu căng. Trái lại, Ngài rất ôn hòa, nhã nhặn với tất cả mọi người.

SỰ RÀNG BUỘC TRÊN CÓ CÀM CHÂN ĐƯỢC THÁI TỬ KHÔNG?

Một ngày kia theo vua cha dự lễ HẠ ĐIỀN. Tận mắt, Thái tử nhìn thấy sự làm ăn cực nhọc của thế gian. Đây, là một cặp bò vàng cong lưng kéo lưỡi cày nặng.

-Nọ là những con chim Át là khập khểnh chạy theo mỡ những con giun đang quần quai trên luống cày.

Kia, trong bụi rậm, con chồn đang ngồi thu mình chực chụp bắt con chim.

Trong góc rừng, người thợ săn giương ná chờ bắn con chồn, trong lúc sau lưng, chú cọp vằn, ngồi chờ chực ăn thịt người thợ săn.

Một dây chuyền tàn sát và rình rập giết hại lẫn nhau không ngoài nhu cầu miếng ăn và sự sống. tâm hồn Thái tử đâm ra chán nản, lo âu.

THÁI TỬ CÓ Ý NIỆM GÌ SAU ĐÓ?

Một nỗi buồn man mác khắc khoải lo âu luôn luôn xâm chiếm tâm hồn của bậc Đại Trí Tuệ, tuy mặc dù sống trong sự nuông chiều, giàu sang tuyệt đỉnh của phụ hoàng.

TRƯỚC HIỆN TƯỢNG TRÊN, VUA CHA LÀM SAO?

Sau khi ban hỏi ý kiến của triều thần:

Chỉ có sợi tóc mây của đàn bà là có đủ năng lực cột chân kẻ anh hùng mã thượng.

Vua cha quyết định lấy sợi dây ràng buộc chân Thái tử. TÍNH PHẬN VƯƠNG quyết định cưới vợ cho con.

CUỘC CHỌN VỢ CHO THÁI TỬ NHƯ THẾ NÀO?

Lệnh truyền "THI SẮC ĐẸP" cho con gái tất cả các hàng con Quan, Vua, Chúa được ban ra. Ai có con gái đẹp hãy đưa gấp vào hoàng cung để chọn lấy HOA KHÔI, đặng làm hoàng hậu cho Thái tử.

Tin đồn truyền loan như làn sóng mạnh. Cả hàng ngàn người đẹp ở các nơi đổ xô về kinh thành CA TỶ LA VỆ. Nhưng rồi, không có một người nào được vừa lòng Thái tử, họ đành lủi thủi ra về, sau khi nhận được món quà ban thưởng.

Cuối cùng, cũng là người sau chót. Công chúa con vua lân bang của một nước. Người đẹp nhất trong số các người đẹp, được lọt vào đôi mắt xanh của Thái tử. Và chính tay Ngài trao tặng xâu chuỗi ngọc quý giá nhất của Ngài đang đeo.

NÀNG CÔNG CHÚA ÁY TÊN GÌ? CON CỦA AI?

Công chúa YASODHARA, Hán âm GIA DU ĐÀ LA, con gái vua THIÊN GIÁC, chị gái của hoàng thân ĐỀ BÀ ĐẠT ĐÀ.

VUA THIÊN GIÁC CÓ THUẬN GẢ CON GÁI KHÔNG?

Theo luật lệ của vua THIÊN GIÁC, ai muốn cưới công chúa GIA DU ĐÀ LA phải qua một cuộc thi tài võ nghệ với các hoàng thân khác.

THÁI TỬ CÓ THẮNG CUỘC KHÔNG?

Trước tài bắn cung vô địch của ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA, trước tài múa kiếm thần sầu của A NAN ĐA, và với tài cỡi ngựa phi thường của A NẬU LẬU ĐÀ. Nhưng tất cả đều phải chịu khuất phục trước tài đức siêu phàm của Thái tử SĨ ĐẠT ĐA. Hoàng tử được cưới công chúa GIA DU ĐÀ LA năm Ngai 16 tuổi.

SAU ĐÓ VUA CHA CÒN LÀM GÌ NỮA?

Bữa thứ bảy, ngày rằm tháng sáu năm Sửu, vua TỊNH PHẠM VƯƠNG truyền ngôi cho Thái tử.

NHỮNG ĐIỀU ÁY CÓ CẦM CHÂN ĐƯỢC THÁI TỬ KHÔNG?

Sau khi xin phép vua cha ba lần ra khỏi hoàng cung để tìm hiểu đời sống của nhân dân nơi thôn dã. Tận mắt, Thái tử, thấy được cảnh già đau chết, làm cho tâm tư bậc Đại Trí Tuệ đêm ngày khắc khoải lo âu.

Ôi. Cuộc đời là một hý trường bao cảnh khổ? Cuối cùng, Thái tử được gặp một vị Tu sĩ tướng mạo trang nghiêm, cõi lòng thanh tịnh, làm cho Ngài tìm ra lối thoát. Quyết định xuất gia tìm đạo cứu đời, Thái tử khai trình ý định lên phụ hoàng.

VUA TỊNH PHẠM CHẤP THUẬN KHÔNG?

Không. Vua cha hết lời ngăn cản. Và Ngài ra lệnh đóng chặt cửa thành, canh phòng nghiêm ngặt, hầu cẦM CHÂN Thái tử. Trước sự canh giữ của quan quân, không làm sao thực hành được ý định.

May thay. Công chúa GIA DU ĐÀ LA vừa hạ sanh được một hoàng tử. Tin mừng tràn lan loan nhanh chóng. TỊNH PHẠM VƯƠNG rất đổi vui mừng. Ngài truyền cho nhân dân mở hội ăn mừng, vì đức vua đã có người kế vị. Thái tử SĨ ĐẠT ĐA cũng được tin trên. Ngài đã thốt lên hai tiếng "RAHULÀ. RAHULÀ." có nghĩa là "SỢI DÂY TRÓI CỘT"

TỊNH PHẠM VƯƠNG ĐẶT TÊN CHO HOÀNG TÔN LÀ GÌ?

Vui mừng tràn dâng. TỊNH PHẠM VƯƠNG đặt tên cho cháu đích tôn của Ngài là RAHULÀ. Hán âm LA HẬU LA, có nghĩa là sợi dây trói cột của tình phụ tử với hy vọng sẽ cẦM CHÂN Thái tử ở lại ngai vàng.

THÁI TỬ VƯỢT HOÀNG THÀNH, NGÀY THÁNG NĂM NÀO?

Vào bữa thứ năm, ngày trăng tròn tháng sáu năm Mão, khi sao Mai vừa mọc ở chân trời, hoàng thành còn đắm chìm trong sự tĩnh mịch của đêm thâu, Thái tử

SĨ ĐẠT ĐA trên lưng ngựa KIỀN TRẮC, vượt Hoàng thành để ra đi tìm Đạo giải thoát. Năm vừa tròn 29 tuổi.

THÁI TỬ ĐI CÙNG AI? VỀ HƯỚNG NÀO?

Sau Ngài, trên lưng ngựa KIỀN TRẮC là người nghĩa bộc thân yêu XA NẶC. Thái tử phi ngựa về hướng Đông Nam, vượt thẳng qua bên kia dòng sông ANOMA đương rào rào gợn sóng.

ĐẾN NƠI XONG, NGÀI LÀM GÌ?

Cắt mái tóc xanh dài bằng thanh Bảo kiếm. tháo gỡ cân đai châu ngọc, trao gởi lại cho XA NẶC, nhờ người mang về tâu lại vua cha và công chúa GIA DU ĐÀ LA hãy yên tâm để cho Ngài đi tìm Đạo giải thoát.

Từ đây, ta gọi Ngài là Sa môn CỒ ĐÀM hay Bồ tát SĨ ĐẠT ĐA, vì Ngài chưa thành Phật.

SAU ĐÓ BỒ TÁT LÀM GÌ?

Vận một bộ thường phục mà Bồ tát đã đổi cho một người nông dân. Ở lại bên dòng sông ANOMA bảy ngày, tĩnh tọa giữa rừng cây u tịch. Sau đó, Ngài đi đến thành VƯƠNG XÁ, Kinh đô xứ MA KIẾT GIÀ.

BỒ TÁT ĐẾN VƯƠNG XÁ ĐỂ LÀM GÌ?

Nghe danh tiếng của hai thầy BÀ LA MÔN là ALARA và UDDAKA nổi danh trí tuệ siêu phàm nên Ngài đến cầu xin THỌ GIÁO.

HAI THẦY ẤY DẠY CHI? BỒ TÁT CÓ ĐẮC ĐẠO KHÔNG?

Họ dạy cúng tế THẦN LỬA. Chuyên cần đọc KINH, tụng kệ để cầu xin Thượng Đế cứu vớt tiếp độ cho.

Không thỏa mãn được lòng mong ước của mình. Bồ tát SĨ ĐẠT ĐA rời bỏ hai vị tu sĩ trên đường để đi tìm Đạo nơi khác.

KHÔNG TOẠI NGUYỆN BỒ TÁT ĐI VỀ ĐÂU?

Rời nơi ấy, Bồ tát đến thọ giáo với các đạo sĩ KHỔ HẠNH trong vùng kế cận thành VƯƠNG XÁ. Học xong, Bồ tát vào rừng URUVELA, gần thị trấn SENANI. Nơi đây, Ngài HÀNH theo KHỔ HẠNH cực kỳ khổ sở, bằng cách nhịn ăn bớt thở, phơi nắng, tắm lạnh v.v.

CÓ AI THEO NGÀI HỌC ĐẠO KHÔNG?

Tiếng tâm tu hành tinh tấn của Bồ tát đồn ra nhanh chóng. Có nhóm năm thầy KIỀU TRẦN NHƯ nghe danh đến xin THỌ GIÁO. Năm thầy ấy là.

1. KONDANNA, Hán âm KIỀU TRẦN NHƯ
2. BHADHITA - BẠT ĐỀ hay TIÊU HIỀN
3. VAPPA - THỰC LỰC hay KHỞI TRÍ

4. MAHANAM - MA NAM hay ĐẠI HẠNH

5. ASSAJI - ÁT BỆ hay A XÀ CHỈ

BỒ TÁT TU KHỔ HẠNH BAO LÂU?

Gần sáu năm trời cần công khổ hạnh, ép xác, hãm mình, nhịn đói, chịu lạnh, đến khi mỗi ngày chỉ còn ăn một hột cơm. Cuối cùng, xác thân Ngài tiêu tụy quá, chỉ còn da bọc lấy xương. Có lúc phải ngã quy vì đuối sức.

VÌ NGUYÊN NHÂN GÌ, BỒ TÁT TÌM RA TRUNG ĐẠO?

Một buổi sáng đẹp trời. Gió đồng nội vọng về mang theo lời hát trong thanh, tuy mộc mạc quê mùa của đoàn vũ nữ ở thôn quê, làm cho Bồ tát trực ngộ được CHƠN LÝ.

HỌ HÁT NHỮNG LỜI GÌ? MÀ HAY QUÁ THẾ?

- Hãy lên cho chúng tôi một dây đàn đừng quá cao mà cũng đừng quá thấp. Lên quá thì âm thanh chát chúa khó nghe rồi đứt. Thấp quá thì nhạc không đến, âm điệu chẳng ra lời. Chỉ trung bình thì tiết tấu mới hay ho. Hãy lên cho chúng tôi một dây đàn đừng quá cao cũng đừng quá thấp...

BỒ TÁT NGHĨ GÌ? VÀ LÀM SAO SAU ĐÓ?

Phải rồi. Tu theo lối khổ hạnh, đầy đọa xác thân không làm sao tìm ra lý Đạo. Kết quả rồi sẽ đuối sức mòn hơi. Ngài bèn từ bỏ lối tu khổ hạnh trên, và quyết thực hành theo Trung đạo, mỗi ngày ăn một bữa, sau khi xuống sông NI LIÊN tắm mát cả châu thân.

CÁC THẦY KIỀU TRẦN NHƯ CÓ LÀM THEO NGÀI KHÔNG?

Thấy Bồ tát từ bỏ lối tu khổ hạnh mà họ cho là cao thượng, năm Thầy KIỀU TRẦN NHƯ bảo nhau "Ông sa môn CỒ ĐÀM đã thoái chuyển"

Thế là họ cùng nhau bỏ Ngài, rủ nhau về vườn LỘC GIẢ để tu với nhau.

BỮA CƠM ĐẦU TIÊN CỦA NGÀI DO AI DÂNG CÚNG?

Tín nữ SUJATTA, con gái một triệu phú có lời ước nguyện đền trả lễ Thọ Thần. Vì rằng nàng đã gặp được chồng hiền và nhất là mới hạ sanh được một con trai khôi ngô tuấn tú theo ý muốn.

Tận mắt người tớ gái PUNNA, trông thấy Bồ tát đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây Duối, cành lá sum suê. Tưởng Thọ Thần hiện ra, để thu nhận lễ vật. Cô chạy về báo tin cho chủ hay. Hai người vợ vã mang cơm ĐỀ HỒ đựng trong bình bạc, đặt trên mâm vàng đến dâng cúng Bồ tát với cõi lòng hoan hỷ mừng vui.

THỌ THỰC XONG, BỒ TÁT LÀM GÌ?

Độ xong 49 vắt com đầy chất dinh dưỡng sức khỏe và sắc đẹp của Bồ tát phục hồi lại như xưa. Rồi chôn ấy, Ngài đi đến dưới cội cây Bồ đề, cành lá sum suê, quyết ngồi dưới gốc cây này để tìm ra Chơn lý. Và cũng chính dưới gốc cây này, Bồ tát SĨ ĐẠT ĐA đã chiến thắng Ma vương và bè lũ ma binh để trở thành một bậc CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC.

MA VƯƠNG VÀ MA BINH KHUẤY PHÁ BỒ TÁT NHƯ THỂ NÀO?

Thật ra, thất tình lục dục là bả mồi thiên nhiên hằng dắt dẫn con người sa đọa trong vòng sanh tử luân hồi, người ta gọi nó là MA VƯƠNG đầy quyền lực.

Bồ tát trong khoảng thời gian tìm Đạo, đè nén, thu thúc thân tâm thanh tịnh. Những thói hư, tật xấu cơ hồ như bị diệt tận. Thế mà giai đoạn chủ yếu này, nó vùng lên để gây trở ngại, hầu che lấp Đạo quả, nếu Bồ tát không quyết liệt chiến đấu với "DỤC LẬU PHIỀN NÃO" này. Tiếp theo, một loạt ảo giác, bộc lộ về sự ưa thích những lạc thú ở đời như danh vọng, tiền tài, cao sang, quyền uy trong đời sống con người, cội rễ nhân sanh ra bản thân này gọi là "TÁI SANH LẬU PHIỀN NÃO".

Và cuối cùng, "VÔ MINH LẬU PHIỀN NÃO" là sự si mê đắm đuối trong ái tình, dục lạc, hạnh phúc gia đình làm cho Tâm không thấy được sự thật giả tạm của vạn pháp.

NHƯ VẬY, KHÔNG CÓ MA VƯƠNG THIỆT SAO?

Người xưa, hay dùng ví dụ, ngụ ngôn cùng nghĩa bóng, cốt ý để điểm tô thêm vẻ huyền bí những đoạn lịch sử của vị giáo chủ mình. Ba loại quỷ ái dục phiền não trên, được đặt tên là MA VƯƠNG cũng có nhiều nghĩa.

MA VƯƠNG tượng trưng cho thú tánh, bản năng, thói hư, tật xấu khuynh hướng theo đời, mọi sự ham muốn, ưa hèn, nhút nhát, lười biếng, tối mê, ganh tỵ, bủn xỉn, keo kiệt, sợ sệt v.v...nó khiến cho con người lo âu, sầu muộn v.v...

Còn nói theo bản "KINH TÁM KỆ NGÔN TÁN DƯƠNG ÂN ĐỨC PHẬT" thì MA VƯƠNG biến ngàn cánh tay, cỡi voi dữ cao lớn như núi, có cả vạn Binh Ma, hình thù quái dị đến tranh tài với Bồ tát. Nhưng nhờ có Đạo quân hùng dũng là TAM THẬP ĐỘ, nhất là đức BỒ THÍ, lòng TỪ BI thương xót mọi người, mọi Loài một cách rất ráo cao thượng mà MA VƯƠNG cùng bè lũ MA BINH hề nhau chạy trốn.

ĐỨC PHẬT CẢM THẮNG MA VƯƠNG VÀO LÚC NÀO?

Lúc hoàng hôn, trước giờ THÀNH ĐẠO, Bồ tát SĨ ĐẠT ĐA chiến thắng anh dũng để dẹp yên trận giặc lòng bên trong cũng như bên ngoài.

BỒ TÁT BỊ BA NÀNG MA NỮ TRÊU GHEO LÚC NÀO?

Sau khi MA VƯƠNG thất bại trước sự đột kích Ông Đại Sa Môn CỒ ĐÀM, MA VƯƠNG cho ba người con gái đến cám dỗ Bồ tát. Ba người con gái ấy là:

TANHÀ dịch là ÁI DỤC
ARÀTI dịch là TÌNH YÊU
RÀGA dịch là THAM ÁI

Vâng lệnh vua cha, ba Ma nữ này trở tài trêu ghẹo, quyến rũ, kêu gọi dục tình của Bồ tát, nhưng không làm sao lay chuyển được tâm của bậc đại TRÍ TUỆ.

NGÀY GIỜ NÀO BỒ TÁT THÀNH ĐẠO?

Trận chiến cuối cùng vừa dứt, mọi vi tế phiền não bên trong vừa dẹp yên, thì trăng rằm tháng VESAK cũng vừa ló mọc. Bồ tát SĨ ĐẠT ĐA đã chứng đắc quả vị CHÁNH ĐẲNG, CHÁNH GIÁC nhằm năm Dậu, sau khi Ngài Tham Thiên Nhập Định đắc TỨC MẠNG MINH, THIÊN NHÂN MINH và LẬU TẬN MINH lúc vừng đông cũng vừa hé rạng ở chân trời.

Năm ấy, ngài tròn 35 tuổi.

THÀNH ĐẠO RỒI, NGÀI CÒN Ở TRONG RỪNG BAO LÂU?

Từ đây, không gọi Ngài là Bồ tát nữa mà là Phật. Sau khi đạt được chơn lý tối thượng rồi, đức Phật nhập ĐẠI ĐỊNH 49 ngày dưới cội cây BỒ ĐỀ để thọ hưởng hương vị HỮU DƯ NIẾT BÀN.

Qua tuần thứ tám, Ngài đến tỉnh toạ dưới gốc cây AJÀPALA "cây DỪNG" để suy nghĩ về đạo quả mà Ngài đã chứng ngộ. Lúc ấy, có vị Trời Phạm Thiên XÁ HAM BÁT TÍ đến cầu xin đức THẾ TÔN mở đạo dạy đời, Cứu độ quần sanh.

AI LÀ NGƯỜI THIỆN NAM ĐẦU TIÊN?

Một đoàn xe 500 chiếc chở đầy hàng hóa do DA LỆ PHÙ BA và BẮC LỆ CA làm hướng dẫn, từ UDAKA lên miền Bắc xứ VESALI ngang qua đó, 500 cỗ xe không sao di chuyển được nữa. Khi ấy có vị Trời Phạm Thiên hào quang rực rỡ, hiện ra mách bảo hai người này, là "Có một vị Đại THÁNH NHƠN đã THÀNH ĐẠO "cao thượng" hãy đến nơi đó để cúng dường Ngài"

ĐỨC PHẬT THỌ LÃNH VẬT THỰC BẰNG CÁCH NÀO?

Ba đời chư Phật không hề đưa tay thọ lãnh vật thực của thí chủ dâng cúng một cách trực tiếp.

Lúc ấy, Trời TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG hiện ra, mỗi người dâng lên một bát đá. Đức Phật thọ lãnh và chú nguyện cho bốn cái thành một, nhưng có nổi lên bốn đường gân phân biệt. Hai người chủ lái buôn đặt vật thực vào trong bát, dâng cúng lên đức THẾ TÔN dùng. Hai người xin thọ trì quy giới làm thiện nam hộ trì Đạo Pháp.

ĐỨC PHẬT CÓ CHO PHÉP KHÔNG?

Đức THẾ TÔN chấp thuận cho hai người thọ Pháp quy Y NHỊ BẢO là Phật bảo và Pháp bảo, giữ gìn ngũ Giới. Xong Họ đồng xin đức Phật vật kỷ niệm để

tôn thờ. Sau khi ban lời khích lệ, nâng đỡ tinh thần, hai người, bằng lời kệ ngôn vi diệu, đức PHẬT ban cho họ tám sợi tóc và rẻo móng tay để làm kỷ niệm.

HAI VỊ THƯỜNG GIA LÀM GÌ VỚI NHỮNG VẬT ẤY?

Hai người, vốn là chủ thương đội. Họ đi từ Bắc xuống Nam, nhiều khi dùng thuyền ra hải ngoại. Đi đâu, họ cũng đem những vật kỷ niệm ấy ra tuyên truyền cổ động và giới thiệu GIÁO PHÁP CAO SIÊU mà họ đã được vị GIÁO CHỦ phi thường truyền dạy.

Về sau, họ đến lập nghiệp tại MIỀN ĐIỆN, xây bảo tháp bằng vàng khối để thờ MÓNG TAY và TÓC của đức THẾ TÔN tại thành RANGOON" NGUỒN QUANG" bây giờ.

Hoàng đế nước MIỀN ĐIỆN cũng như nhân dân nghe được tin ấy, cũng hướng về Đức PHẬT và theo lời giáo huấn của Ngài, mà tạo dựng nên một nước, lấy PHẬT GIÁO làm QUỐC GIÁO, lấy đạo đức làm căn bản mà trở nên hùng cường thịnh trị, an vui.

Bảo tháp RANGOON hiện nay thuộc loại"ĐỆ NHẤT KỲ QUAN" của Thế Giới.

Siddhatta....

SABBE DHAMMA ANATTATA
ESA MAGGO VISUDDHIYA
VISUDDHI - SUTTA.

Đêm đã khuya, tiệc vừa tan rã
Ngoài sân lầu, rỉ rả sương reo
Trong đèn ngọn nến hắt heo
Đờn im, sáo tắt, buồn hiu lạnh lùng
Hoa héo tắt, cảnh hồng rơi rụng
Rượu phai màu nằm đọng đáy ly
Mấy nàng mỹ nữ cung phi
Nằm lẩn trên chiếu, mê ly giấc nồng
Môi tái mét còn nồng men rượu

Nước miếng trào, bọt nhều trên tay
Nằm trơ trơ ngũ một bày
Trông như những xác dạn dày tanh hôi.
Trong cung điện mọi người say ngũ
SĨ ĐẠT ĐA hoàng tử băng khuê
Cơn buồn ảo mộng mênh mông
Đờn ca, yến tiệc không quên nổi sầu.
Cảnh đau khổ, bồn chồn tác dạ

Sanh làm chi, Buồn bả nhờn gian.
Mang theo bệnh tật, ưu phiền
Cảnh già, cảnh chết ảo huyền hư không.
Cõi trần vũ mệnh mộng thăm thăm
Kiếp sinh linh chìm đắm sông Mê
Cùng ta, ta nguyện lời thề
Thoát ly nghiệp báo, nặng nề trầm luân
Hoàng tử đứng, băng khuâng suy nghĩ
Tiệc, đàn, ca vui chỉ chút thôi
Chưa vui, vui đã hết rồi
Còn tro xác thịt, chôn vùi say sưa.
Đêm đã khuya, tiệc vừa tan rã
Ngoài sân Lầu, rỉ rả sương reo
Trong đèn ngọn nến, hắt heo
Đờn im sáo tắt đìu hiu lạnh lùng.
Hoàng tử trở vào phòng công chúa
Đứng nhìn nàng đang ngủ mê say
Rồi nhìn con trẻ thơ ngây

Nằm đeo vú mẹ, bàn tay nỡ nà.
Mặt hoàng tử muốn sa ngăn lệ
Động lòng thương phận kẻ Thê - Nhi
Nhưng lòng đã quyết ra đi
Giữ tan mối hận, sầu bi kiếp người
Để tìm Đạo, tuyệt vời giải thoát
Cứu sinh linh lìa khỏi Các Ma "KAMMA"
Tìm phương Tự Giác, Giác tha
Muôn loài, muôn kiếp thoát ra luân hồi
Vị hoàng tử bồi hồi cảm động
Giữa đêm khuya lồng lộng bao la
Nhẹ nhàng chân ngọc bước ra
Gió hiu hắt lạnh, sương sa mịt mù
Vườn thượng uyển âm u bóng tối
Thành Ca Tỳ cây cối đìu hiu
Trong vườn vắng tiếng Chim kêu
Sương rơi lác đác, cành tiêu tươi bời.
Ngài lặng lẽ cùng người nghĩa bộc
Cỡi ngựa kiên, lông trắng tuyết pha
Ra đi...lòng chẳng thiết tha
Ra đi...muôn dặm rừng xa...lạnh lùng...

Thơ NGUYỄN VỸ
(Tập chí Phổ thông)

---o0o---

[02]

TRÊN ĐƯỜNG HOÀNG PHÁP CỦA PHẬT TỔ GOTAMA

SAU KHI ĐỘ HAI THƯƠNG GIA ĐỨC PHẬT ĐỘ AI NỮA?

Rời rừng cây URUVELA, đức Phật đi về hướng Tây Bắc. Đến vườn Lộc giả để tìm năm thầy KIỀU TRẦN NHƯ là những người cùng tu KHỔ HẠNH với Ngài.

ĐẮC ĐẠO RỒI, SAO PHẬT CHƯA VỀ ĐỘ PHỤ HOÀNG?

Nhận thấy nhân duyên của Vua Cha chưa đến, mặc dù khi thành Đạo rồi, đức Phật cũng đã nhớ đến Phụ hoàng. Ngài cũng đã quán thấy hai vị đạo sĩ ALARA và UDDAKA cũng vừa từ trần cách đây mấy bữa.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ VƯỜN LỘC GIẢ CÓ ĐIỀU CHI XẢY RA?

Quãng đường dài từ BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG đến thành GÀYA xa hơn mười cây số. Đức Phật gặp thầy Bà La Môn UPAKA. Gặp đức THẾ TÔN, Ông này có hỏi thăm về đạo quả của Ngài. Nhưng vì không có duyên lành, nên ông không THỌ GIÁO được.

ĐẾN LỘC GIẢ, THÁI ĐỘ CỦA NĂM THẦY RA SAO?

Năm thầy KIỀU TRẦN NHƯ không muốn tiếp đức Phật vì họ không còn tin tưởng nơi Ngài. Nhưng đến khi đối diện, trước vẻ đẹp phương phi, tướng hảo quang minh nhất là hào quang sáu màu rực rỡ của đấng Toàn Giác bao trùm lấy họ, khiến các thầy bồi hồi cảm xúc. Và không ai bảo ai, họ cùng nhau đưa tay rước bát, trái toạ cụ, và cùng nhau khấu đầu đánh lễ, cung kính cầu xin giảng dạy.

LẦN ĐẦU TIÊN MỞ ĐẠO NÀY GỌI LÀ CHI?

Đức Phật Tổ GOTAMA CHUYỂN PHÁP LUÂN vào ngày trăng tròn tháng Sáu năm Dậu. Danh từ "CHUYỂN PHÁP LUÂN" được dùng để khai nền GIÁO PHÁP đạo đức.

Đặt nền tảng của ĐẠO, Ngài dạy hai cực đoan người tu cần xa lánh là.

Quá KHỔ HẠNH ép xác
Sự LỢI DƯỠNG dễ duôi

Tiếp theo, Ngài dạy TỨ DIỆU ĐẾ (phần PHÁP BẢO sẽ giải rõ).

Nhận thấy lời dạy của đức Phật rất phi thường, là đấng TUỆ, để soi sáng cho thế gian. Năm thầy cầu xin THỌ GIÁO làm đệ tử Phật. Đức THẾ TÔN bằng lòng nhận họ vào hàng THANH VĂN đầu tiên trong Giáo Đoàn Tăng lữ.

CÁC VỊ ÂY CÓ CHỨNG QUẢ KHÔNG?

Sau khi nghe xong thời Pháp, Tuệ nhãn phát sanh cõi lòng thanh tịnh, thấy rõ chơn lý nhiệm màu, Ông KONDANNA "TRẦN KIỀU NHƯ" chứng quả vị A LA HÁN.

Bốn vị kia, đức Phật thuyết ba lần TỨ DIỆU ĐẾ, cũng chứng quả luôn.

SAU NĂM ÔNG KIỀU TRẦN NHƯ, ĐỨC PHẬT CÒN ĐỘ AI?

Từ đó về sau, từ thành này sang xứ nọ, trọn 45 năm HOÀNG PHÁP LỢI SANH, đức Phật chu du hóa độ khắp nơi. Giáo Pháp của Ngài theo gót chân Tăng lữ mà bố rải lan truyền cùng khắp các Quốc Độ gần xa...

VUA TỊNH PHẠN NGHE TIN CON NGÀI THÀNH PHẬT CHƯA

Thành danh của đấng ĐẠI GIÁC NGỘ lừng lẫy tại xứ MA KIỆT GIÀ, vang đến thành CA TỶ LA VỆ. Vua cha nóng lòng trông đợi không thấy đức Phật về. Ngài bèn cho quan đại thần sang tận VƯƠNG XÁ thành, thỉnh Phật.

Từ ông UDÀYI, con quan lễ bộ thượng thư, cũng là bạn thân của Thái tử. Cho đến chín lần, chín vị đại thần đến VƯƠNG XÁ thỉnh Phật. Đến nơi, họ vào hầu Phật nghe lời giáo huấn của Ngài, đều xin tình nguyện xuất gia theo Phật, mà quên cả sứ mạng của mình.

Một ngày nọ, nhân trực nhớ đến nhiệm vụ của mình. Đại đức UDÀYI vào hầu thỉnh Phật về CA TỶ LA VỆ để độ phụ hoàng kéo vua cha mỗi lòng mong đợi.

VUA CHA CÓ VUI LÒNG ĐÓN PHẬT KHÔNG?

Tin đức Phật trở lại hoàng cung, quân dân thấy đều vui mừng sung sướng, vì họ sẽ được chào đón đấng SIÊU NHÂN mà bấy lâu họ hằng mong nhớ.

Riêng TỊNH PHẠN VƯƠNG ban truyền cho tổ chức thật linh đình, rầm rộ, trang hoàng thật rực rỡ để đón Phật. Khi nghe tin "ĐỨC PHẬT ĐÃ ĐẾN NƠI" vua cha lật đật lên thành xem. Vua thấy từ xa đàng xa, dẫn đầu là đức Phật với chiếc Y Vàng thanh đạm, Bình Bát trên tay đang vào từng nhà hóa trai, khát thực. Theo sau Ngài, một dãy dài Tăng lữ...Vua cha rất chi thất vọng, buồn tủi vì Vua nghĩ.

Một vị hoàng tử giàu sang tuyệt đỉnh, là chúa cả trăm họ mà giờ phải đi khát thực từng nhà, xin từ vá cơm, miếng bánh của kẻ thần dân, ôi còn gì tủi nhục cho bằng?...

Tuy vậy, vua cha cũng gắng gượng ra đón Phật với cõi lòng xót xa chua chát...

TRƯỚC SỰ KIẾN ÁY, ĐỨC PHẬT ĐỐI XỬ RA SAO?

Dùng lời đạo lý cao thâm vi diệu để tiếp độ Phụ hoàng. Trước điện lực từ ái bao la, hào quang sáu màu rực rỡ phát ra từ kim thân của đấng TOÀN GIÁC và lời Pháp âm vi diệu tha thiết, êm đềm, khiến cho cõi lòng đức vua TỊNH PHẠM bồi hồi cảm xúc, vô cùng sung sướng. Sau khi dứt thời Pháp, đức TỊNH PHẠM VƯƠNG đặc quả TU ĐÀ HOÀN.

Tiếp theo, các hàng thân quyến trong hoàng cung vương tôn, công tử đều xin thọ trì quy giới kẻ xuất gia tu sĩ, người làm tại gia cư sĩ rất đông.

ĐỨC PHẬT CÓ TẾ ĐỘ CÔNG CHÚA GIA DU ĐÀ LA KHÔNG?

Quá tội phạm mình, Công chúa GIA DU ĐÀ LA vật mình than khóc. Đức vua TỊNH PHẠM nhắc khéo với đức Phật, xin Ngài ngự đến nơi thuyết pháp cho công chúa nghe, và luôn dịp đó, đức Phật độ cho Hoàng tử LA HẦU LA lên bảy tuổi xuất gia theo hàng tăng lữ.

(Muốn biết rõ hơn về LỊCH SỬ của đấng TOÀN GIÁC xin tìm xem nơi quyển "ĐÁNG TỪ PHỤ" của Đại đức PHÁP SIÊU hay tác phẩm "ÁNH ĐẠO VÀNG" của học giả VÕ ĐÌNH CUỜNG đã xuất bản)

ĐẠO PHẬT ĐEM LẠI ẢNH HƯỞNG GÌ CHO DÒNG HỌ SAKYA?

Dòng SAKYA, Hán âm THÍCH CA MÂU NI toàn là võ tướng vô địch. Khi hấp thụ được giáo lý đức Phật rồi, đều trở nên hiền từ đạo đức. Họ thà chịu chết chứ không dùng bạo lực để tránh sự gây ra ác nghiệp.

NẾP SỐNG VÀ THÌ GIỜ HÀNH ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT RA SAO?

Là một vị GIÁO CHỦ tích cực hoạt động, đức THẾ TÔN chia một ngày ra làm năm thời.

- 1) Buổi sáng, đi Trì Bình khát thực
- 2) Buổi chiều, thuyết pháp, dạy Đạo cho quần sanh.
- 3) Đầu hôm, giải đáp thắc mắc, dạy Đạo cho chư Tăng.
- 4) Gần sáng, sau khi Tham Thiên, Ngài dùng tuệ nhãn quan sát duyên lành của chúng sanh để tùy duyên hóa độ.
- 5) Một đêm, đức Phật chỉ tĩnh tọa một đôi giờ.

VÌ SAO ĐỨC PHẬT DẠY ĐẠO CHO CHƯ THIÊN LÚC ĐÊM?

Ợi cho cuộc sống của cõi trần gian ô trược chìm lặng trong sự tĩnh mịch của đêm thâu, chư Thiên lúc bấy giờ mới xuống hầu Phật nghe Pháp hoặc hỏi những điều nghi hoặc.

TRONG CUỘC HOÀNG PHÁP, NGÀI CÓ GẶP TRỞ NGẠI GÌ KHÔNG?

Xứ AN ĐỘ thời bấy giờ, có 62 học thuyết của ngoại Đạo Tà Giáo. Song trong thời gian 45 năm HOÀNG PHÁP LỢI SANH. Ánh sáng Đạo Vàng đến đâu, thì nguồn Chơn lý tối thượng đã bẻ gãy tất cả những tà thuyết vu vơ huyền mộng. Gót chân đấng THIÊN NHƠN SƯ và hàng Tăng lữ đến đâu ban rải TÌNH THƯƠNG và sự AN VUI đến đó. Do nhờ oai lực tối thượng và bi mẫn của đấng TOÀN TRI, mà đức Phật đã cảm hóa ANGULIMÀLA, kẻ cướp sát nhân hung bạo bỏ dũ về lành. Đức ĐIỀU NGỰ cũng đã độ voi NALAGIRIM do vua A XÀ THẾ nghe theo lời xúi giục của ĐỀ BA ĐẠT ĐA, cho voi uống rượu say, xua ra tính hại Phật

Cũng như do nhờ đức NHÃN NẠI, mà đấng TOÀN GIÁC đã cảm hóa Dạ xoa ALAVAKA bỏ Mê về Ngộ.

Đức độ của đấng TOÀN TRI vang dội khắp đó đây.

(Muốn biết rõ hơn xin tìm xem quyển " LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT GOTAMA" do pháp sư THÔNG KHAM đã xuất bản)

Tuy vậy, trong đời Ngài vẫn còn bị thầy ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA luôn luôn có tâm hãm hại.

TẠI SAO ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA CÓ TÂM OAN TRÁI VỚI PHẬT?

Do nghiệp oan trái từ vô lượng kiếp trước đến nay. Cho đến kiếp chót của đấng TRỌN LÀNH. Thầy ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA là con trai của vua THIÊN GIÁC, em ruột của công chúa GIA DU ĐÀ LA (tức em vợ Thái tử) mà vẫn luôn luôn có tâm ganh tỵ. Khi còn nhỏ, chính ông này đã bắn chim Phượng bị thương, Thái tử SĨ ĐẠT ĐA ra tay cứu vớt.

Khi Phật THÀNH ĐẠO, các Hoàng thân đua nhau xuất gia theo Phật. Thầy ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA cũng xuất gia. Tu hành tinh tấn, Ông đắc được LỤC THẦN THÔNG. Song vì tánh ngã mạng thái quá, nên ba lần Ông vào hầu Phật, xin cho Ông chương quản giáo đoàn tăng lữ...Đức Phật không chấp thuận, Ông bỏ đi tu riêng. Xúi vua A XÀ THẾ giết vua cha để lên ngôi vua. Còn Ông làm giáo chủ nhóm 500 đệ tử mới xuất gia.

Sau đó, Đại đức XÁ LỢI PHÁT, đại đệ tử của đức Phật phải đi cảm hóa 500 thầy Tỳ khưu đó về với CHÁNH PHÁP. Vì quá tức giận, nên Ông học máu, và do tội lẩn đá hại Phật tại chân núi KỶ XÀ QUẬT, khiến chân Phật bị chảy máu, mà Đất nứt rút nguyên hình Ông vào lòng địa ngục.

NĂM CUỐI CÙNG, ĐỨC PHẬT ĐI VỀ ĐÂU?

Tròn tám mươi tuổi thọ, qua bao ngày dãi nắng dầm mưa. Trải qua bao cơn sương gió xông pha, sau 45 năm HOÀNG DƯƠNG CHÁNH GIÁO khắp mọi nơi.

Một ngày kia, đức THẾ TÔN cùng đoàn đệ tử vào thành VESALI. Khất thực xong, Ngài dẫn đoàn tăng lữ đến thành PAVA. Tạm trú nơi vườn xoài của ông CUNDA một đêm. Chủ vườn hay tin, lật đật đến vấn an đức Phật và xin thỉnh Ngài cùng chư Tăng về nhà ông THỌ THỰC ngày mai. Và cũng chính bữa THỌ THỰC này, đức Phật bị bệnh KIẾT LY. Song Ngài vẫn cố gắng dẫn đoàn Tăng lữ nhắm xứ KUSINARA trực chỉ trong cơn bệnh.

TẠI SAO ĐỨC PHẬT VỀ KUSINARA GẤP THẾ?

Chư Tăng có người bạch hỏi đức THẾ TÔN?

Bạch hóa đức THẾ TÔN. Tại sao Ngài không ghé qua VƯƠNG XÁ THÀNH của vua BA TƯ NẶC là đệ tử thân tín của Ngài, mà cũng là một nước cường thịnh mà lại đến KUSINARA của đức vua MÀLA xa xôi mà lại yếu nghèo, nhỏ hẹp?

Này các thầy Tỳ khưu

Các thầy đừng có nghĩ như vậy. Thành KUSINARA này, ngày xưa, tiền kiếp của NHƯ LAI, là kinh đô của một nước phú cường và thịnh trị.

Chính NHƯ LAI làm chúa tể nơi ấy.

Vả lại, NHƯ LAI nhập NIẾT BÀN nơi ấy, thì sự phân chia XÁ LỢI sẽ được phổ cập đến các nước lân bang cả thảy.

Dắt Tăng chúng đến rừng SÀLA, Vườn thượng Uyển của đức vua MÀLA, đức Phật kêu Đại đức A NAN ĐA trải Y TĂNG GIÀ LÊ trên tảng đá to, giữa hai cây SONG LONG THỌ, cành lá sum suê, tươi tốt cho Ngài ngự.

Và cũng nơi đây, là nơi NHẬP VÔ LƯỢNG THỌ NIẾT BÀN của đấng THIÊN NHƠN SƯ.

ĐỨC PHẬT NIẾT BÀN VÀO THÁNG NĂM NÀO?

Bữa thứ ba, vào ngày trăng tròn tháng VESAK (tháng tư âm lịch) năm Tỵ, khi sao Mai vừa mọc.

Đấng ĐẠI GIÁC NGỘ đã NHẬP VÔ DƯ NIẾT BÀN giữa sự mến tiếc của Trời, Người trong TAM GIỚI.

---o0o---

PHÁP

PHÁP LÀ GÌ?

Phạn ngữ DHAMMA Hán dịch là PHÁP, có nghĩa là Nâng đỡ, nương nhờ, ví như cái RẬP, cái KHUÔN, cái LUẬT LỆ để theo đó mà làm. DHAMMA còn có nghĩa TỔNG TRÌ là những sự vật hiển nhiên, chính đáng. Nơi đây, nói về LỜI DẠY chính đáng của đức THẾ TÔN.

VÌ NGUYÊN NHÂN NÀO ĐỨC PHẬT THUYẾT PHÁP?

Sau đêm THÀNH ĐẠO, lúc ngự dưới gốc cây AJAPÀLA, trên bờ sông NI LIÊN, đức Phật ngồi Tham Thiên và những ý nghĩ sau đây phát sanh đến đấng ĐẠI GIÁC.

- Quả thật là đau khổ. Vì không có một ai để ta lễ bái cúng dường và tỏ lòng cung kính. Hay ta tự tìm đến một vị Sa môn, hay Bà La Môn nào, để sùng bái tôn kính, hầu nâng cao giới đức, nâng cao tâm định, nâng cao trí tuệ và sự giải thoát đến chỗ TOÀN THIÊN chăng?

Nhưng trên thế gian này, ta không thấy ai, dù là trong hàng chư Thiên, Ma vương, hay Phạm Thiên hay giữa chúng sanh như Sa môn, Bà La Môn, Trời, Người đều không có giới đức, tâm định, trí tuệ giải thoát hơn ta để ta thân cận, tôn kính và sùng bái.

Rồi những tư tưởng sau đây lại phát sanh:

Hay là ta hãy tôn kính và sùng bái chính GIÁO PHÁP mà ta đã chứng ngộ?

Lúc ấy, Trời Phạm Thiên XÁ HAM BÁT TÍ hiểu được ý Phật. Nên từ cảnh giới Phạm Thiên xuất hiện đến trước đức THẾ TÔN, quỳ xuống, chấp tay đánh lễ và bạch rằng.

Quả như vậy. Bạch hóa đức THẾ TÔN.

Những bậc ÚNG CÚNG CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC trong quá khứ, đều Tôn kính và sùng bái chính giáo Pháp cao thượng này.

Những bậc CHÁNH ĐĂNG CHÁNH GIÁC trong hiện tại, cũng Tôn kính và sùng bái chính giáo Pháp này.

Vậy ai muốn tìm sự lợi ích cho mình và mong chờ sự trưởng thành của mình, chắc chắn phải tôn kính và sùng bái Giáo Pháp cao siêu này và giữ gìn năm lòng lời khuyên dạy, kêu gọi của chư Phật.

ĐỨC PHẬT CÓ CHẤP THUẬN KHÔNG?

Ngài đi từ gốc cây RÀJADATANA đến cội cây AJAPÀLA. Lúc ngồi trầm tư, những tư tưởng phát sanh.

GIÁO PHÁP mà NHƯ LAI đã chứng ngộ quả thật là thâm diệu, khó nhận thức, khó lãnh hội, vắng lặng, cao siêu, không nằm trong phạm vi luân lý. Tế nhị có bậc thiện trí mới thấu hiểu nổi. chúng sanh còn luyến ái trong ngũ Trần, dục lạc, làm sao hiểu được?

Lý NHƠN QUẢ LIÊN QUAN, tùy thuộc phát sanh là một đề mục khó lãnh hội. NIẾT BÀN, sự chấm dứt mọi hiện tượng, sự tiêu diệt mọi tham ái, sự không quuyến luyến và chấm dứt cũng là một vấn đề không phải dễ lãnh hội.

NHƯ LAI Truyền dạy GIÁO PHÁP mà kẻ khác không hiểu được thì thật là phí công và vô ích.

Rồi những tư tưởng sau đây lại phát sanh lên với đức Phật.

NHƯ LAI đã khó khăn lắm mới chứng ngộ được GIÁO PHÁP. Không cần phổ biến GIÁO PHÁP ngay lúc này Người còn mang nặng Tham ái và Sân hận không dễ gì thấu triệt. Người si mê đang chìm đắm trong đêm tối không thấy được. GIÁO PHÁP thì sâu kín, vi diệu, khó nhận thức và rất tế nhị.

TRƯỚC TƯ TƯỞNG TRÊN, TRỜI PHẠM THIÊN NGHĨ SAO?

Lúc ấy, Trời Phạm Thiên XÁ HAM BÁT TÍ sợ đức Phật không truyền bá GIÁO PHÁP và bởi không nghe được GIÁO PHÁP, thế gian phải diệt vong. Nên Ngài hiện ra thỉnh cầu đức THẾ TÔN.

Bạch hóa đức THẾ TÔN

Cầu xin Ngài truyền dạy GIÁO PHÁP, có ít chúng sanh bị chút ít bụi vương trong mắt, nếu không nghe được phải chịu trầm luân sa đọa, nhưng có người sẽ tỏ ngộ được chân lý.

Sau ba lần thiết tha thỉnh cầu, đức Phật tuyên bố:

Cửa VÔ SINH BÁT DIỆT đã mở cho chúng sanh. Hãy để cho ai muốn nghe, đặt trọn niềm TIN TƯỞNG.

PHÁP CÓ MẤY? LÀ CÁI CHI?

PHÁP có ba là:

- 1- PHÁP HỌC gồm BA TẠNG : KINH, LUẬT và LUẬN.
- 2- PHÁP HÀNH có GIỚI, ĐỊNH và HUỆ
- 3- PHÁP THÀNH có 4 ĐẠO, 4 QUẢ và 1 NIẾT BÀN .

TAM TẠNG LÀ THẾ NÀO?

Phạn ngữ TIPITAKA, Bắc Phạn TRIPITAKA có nghĩa là có ba cái giỏ chứa tám vạn bốn ngàn Pháp môn chia ra như sau:

- SUTTA PITAKA - Giỏ đựng KINH
- VINAYA PITAKA - Giỏ đựng LUẬT
- ABHI DHAMMA PITAKA - Giỏ đựng LUẬN hay VI DIỆU PHÁP.

KHỞI NGUYÊN XUẤT XỨ TAM TẠNG RA SAO?

Khi Phật còn tại thế, những bậc xuất gia Tăng lữ đa phần đã có nhiều tiền thiện duyên, tu hành từ vô lượng kiếp, cho nên khi gặp được đức Phật mở Đạo dạy đời, các vị ấy xuất gia tu theo Phật. Chư Tăng phần nhiều trí tuệ thông minh, mà lời dạy của đức Phật gọn gàng hàm súc, cho nên khi chư thánh Tăng nghe

qua là thuộc nằm lòng và "KHẤU TRUYỀN TÂM THỌ" từ thế hệ này sang thế hệ khác, không có ghi chép bằng văn tự trên giấy tờ.

KHÔNG CÓ GHI CHÉP CÓ BỊ SAI LẠC KHÔNG?

Ba tháng, sau khi đức Phật nhập NIẾT BÀN, và năm thứ tám triều vua A XÀ THẾ, năm trăm vị A LA HÁN, Đại đệ tử của đức Phật tụ hội, kết tập lần đầu tiên tại Đại Thạch Động VEBHARA, xứ VƯƠNG XÁ THÀNH để cùng nhau đọc tụng ôn nhuần, nhắc nhở lại những lời kim ngôn quý báu của đức THẾ TÔN.

VÌ NGUYÊN NHÂN NÀO CÓ KỶ KẾT TẬP NÀY?

Đại đức trưởng lão CA DIẾP hướng dẫn một đoàn Tăng lữ 500 vị đi Hoảng đạo ở phương xa. Nghe tin đấng CHA LÀNH ngự về xứ KUSINARA, bèn cùng nhau ghé về hầu thăm Phật.

Khi đi ngang qua khu rừng nọ, đương dừng chân nghỉ mệt. Lúc ấy, có một đoàn lái buôn từ xứ KUSINARA, về ngang qua đó. Trông thấy một người có đem theo một bông hoa "MẠN THÙ" quý báu. Có một vị Tỳ khưu tò mò hỏi thăm "Bông hoa quý báu ấy từ đâu mà có?"

Người kia trả lời:

Đức Phật TỔ GOTAMA đã NHẬP NIẾT BÀN, tại vườn thượng uyển của đức vua MÀLA. Đây là những bông hoa trời của chư thiên cúng dường đức THẾ TÔN, mà chúng tôi xin về làm KỶ NIỆM.

Nghe tin chẳng lành ấy, một số phàm Tăng khóc ré lên, vì quá thương tiếc đấng TỬ PHỤ.

Khi ấy, có một vị Tỳ khưu già tên SU PHÁT TA tỏ lời rằng.

Can chi mà các thầy bi lụy quá thế. Khi thầy CỒ ĐÀM còn sống, chúng ta phải thu thúc cho trang nghiêm trong điều GIỚI LUẬT. Nay Ông tịch rồi, chúng ta được tự do HÀNH ĐẠO, có phải dễ dàng, không bị ràng buộc....

Những lời nói dễ dãi và vô ý thức trên, đến tai Đại đức trưởng lão. Ngài CA DIẾP tiên đoán sợ e rằng sau này GIÁO LÝ của đấng CHỈ TÔN sẽ theo thời gian mà sai lạc đi chăng?

Sau lễ hỏa táng, TRÀ TỶ KIM THÂN đức Phật xong, thời gian ba tháng sau. Năm trăm vị THÁNH TĂNG A LA HÁN cùng nhau tụ hội để KẾT TẬP TAM TẠNG lần thứ nhất do Đại đức trưởng lão MÀHA KASAPPA "CA DIẾP" làm PHÁP CHỦ.

CUỘC KẾT TẬP ĐÓ NHƯ THẾ NÀO?

Đại đức ANANDA, là đệ tử trung thành, được diễm phúc ở luôn luôn bên cạnh đức THẾ TÔN. Và với tài trí siêu phàm, hân hạnh được nghe và thông

thuộc nằm lòng tất cả những lời GIÁO HUẤN của đức Phật, nên đứng ra tường thuật những lời khuyên dạy "SUTTA" KINH.

Đại đức UPALI tường trình về GIỚI LUẬT " VINÀYA".

Cả hai vị luân phiên nhau hỏi và trả lời các câu hỏi về phần VI DIỆU PHÁP "ABHI DHAMMA" trước sự tham dự chứng minh của 500 vị THÁNH TĂNG A LA HÁN.

Đó là lần đầu tiên, GIÁO LÝ của đức Phật được sắp xếp rành mạch thành BA TẠNG (Tạng KINH, Tạng LUẬT, và Tạng LUẬN) lưu truyền cho đến ngày nay.

CHƯ THÁNH TĂNG KẾT TẬP TAM TẠNG BẰNG NGÔN NGỮ CHI?

Để tưởng nhớ lại những lời KIM NGÔN cao thượng phát xuất từ KIM PHẬU của đấng TRỌN LÀNH. TAM TẠNG được tường thuật, kết tập bằng Phạn ngữ PÀLI.

Phạn ngữ PÀLI, quốc ngữ của xứ MA KIẾT GIÀ "MAGHADA" coi như một loại ngôn ngữ thông dụng thời bấy giờ. Cũng như Anh ngữ là ngôn ngữ thông dụng trên thương trường Quốc Tế hiện nay.

TRONG THỜI GIAN BAO LÂU KẾT TẬP LẦN THỨ NHÌ?

Cách lần thứ nhất độ 100 năm về sau. Có 700 vị THÁNH TĂNG A LA HÁN nhóm trọn tám tháng tại TRÚC LÂM Tịnh xá thành VESALI, nhằm đời vua ASOKA thứ nhất làm HỘ PHÁP.

VÌ NGUYÊN NHÂN NÀO CÓ KỶ KẾT TẬP LẦN NÀY?

Nhóm Tỳ khuru VAJJU PUTTA tự đề xướng thêm MƯỜI ĐIỀU HỌC, trong đó có các điều quá dễ dãi, như cất giữ vàng bạc, thọ thực quá ngộ.v.v...và xin thêm những điều KHỔ HẠNH của Ông ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA xin Phật hồi xưa, mà Ngài không chấp thuận.

ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA XIN PHẬT NHỮNG ĐIỀU GÌ?

Muốn chia rẽ Tăng chúng, làm khó chư Tăng khi HÀNH ĐẠO ở phương xa, Ông ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA vào trình xin đức Phật NĂM ĐIỀU là:

1. Chư Tăng phải lượm vải dơ, vải bỏ giặt và may Y mà mặc cho đến trọn đời
2. Chư Tăng phải ở nơi gốc cây, hang đá, vườn rừng cho đến trọn đời.
3. Chư Tăng phải đi khát thực để nuôi mạng sống cho đến trọn đời
4. Chư Tăng phải ăn chay (cử thịt cá) cho đến trọn đời.
5. Chư Tăng phải dùng nước tiểu, phân con bò đen làm thuốc ngừa bệnh cho đến trọn đời.

ĐỨC PHẬT CÓ CHẤP THUẬN NHỮNG ĐIỀU ÁY KHÔNG?

Không. Đức THỂ TÔN dạy:

- Chư Tăng phải lượm vải dơ, vải bỏ giặt sạch, khâu vá, nhuộm màu vàng hoại sắc cho tử tế, rồi may y mà mặc, song nếu có thí chủ dâng cúng vải hoặc y may sẵn có thể nhận lãnh thọ dụng được.

- Chư Tăng thường trú nơi gốc cây, hang đá, vườn rừng, nhưng khi có thí chủ dâng cúng chùa, cốc, thất liêu thì có thể làm nơi cư trú hành đạo.

- Chư Tăng phải đi Trì Bình khát thực để nuôi mạng sống, nhưng khi có thí chủ thỉnh trai Tăng hoặc để bát cúng dường, thì có thể dự được.

- Chư Tăng đi hóa duyên, khát thực, vật thực do thí chủ dâng cúng, có món chi dùng món ấy (miễn là TAM TỊNH NHỰC hay NGŨ TỊNH NHỰC)

- Chư Tăng phải dùng phân bò đen làm thuốc ngừa bệnh, song khi có thí chủ dâng cúng thuốc ngừa bệnh như thuốc viên, thuốc nước, thuốc bột, đường, sữa, mật ong v.v...có thể thọ dụng được.

ẢNH HƯỞNG CỦA KỶ KẾT TẬP NÀY RA SAO?

Chư Thánh Tăng Trưởng Lão quyết thọ trì GIỚI BỒN điều học của đức BỒN SƯ hằng khuyên dạy như xưa, nên được gọi là PHÁI TRƯỞNG LÃO BẢO THỦ, THƯỢNG TOẠ BỘ hay còn gọi là "NGUYÊN THỦY THERAVÀDA" ngày nay gọi là NAM TÔNG.

Còn các phái khác xưng là "ĐẠI CHÚNG BỘ - MÀHASANGHIKA" hay ĐẠI CHÚNG CÁI CÁCH, tổng hợp các nhà SƯ và các CƯ SĨ, thay đổi, cải cách thêm được điều HỌC như Y, Áo, Ăn, Mặc cho dễ bề TU HỌC và thu nhận tín đồ.

KẾT TẬP LẦN THỨ BA RA SAO?

Cách kỷ trước 18 năm. Sau khi Phật tịch 218 năm. Lôi 253 năm trước Tây lịch, do Hoàng Đế ASOKA đệ nhị (tức CHUYỂN LUÂN VƯƠNG A DỤC) triệu tập mời thỉnh một ngàn vị THÁNH TĂNG LA HÁN hội họp tại đền vua " A DỤC TỊNH XÁ" nơi thành PATALY.

Lúc bấy giờ, vô số kẻ ngoại đạo lợi dụng lòng tin của tín đồ. Tự ý mặc áo cà sa, mang bát trà trộn vào các hàng Tăng lữ để tìm cách nuôi mạng sống (ngõ hầu trốn thuế, trốn tránh nghĩa vụ công dân v.v...với mục đích núp đạo, tạo đời)

Vua A DỤC triệu thỉnh chư THÁNH TĂNG tụ hội KẾT TẬP lần thứ ba này với mục đích thanh lọc những phần tử ghẻ lở, xấu xa ấy.

Những THÁNH TĂNG và chư Phạm Tăng Đạo đức Chân tu được, cúng dường, và còn được phái sang các nước láng bang miền BẮC ẤN như CACHEMIRE, GANDHABA... để truyền Đạo. Cũng trong kỳ KẾT TẬP

này, Đại đức MAHINDA (con Vua A DỤC) đem PHÁP BẢO mà Ngài đã thuộc nằm lòng sang khẩu truyền trên đảo TÍCH LAN (Xirilanca).

CHO BIẾT LẦN KẾT TẬP THỨ TƯ NHƯ THẾ NÀO?

Sau khi Phật tịch 238 năm, lần này do Đại đức MAHINDA tổ chức tại đảo TÍCH LAN (Xirilanca) trong thời gian Ngài cư ngụ ở đó. (Trong vòng Thế kỷ Ba trước Tây lịch). Với mục đích củng cố TAM TẠNG PHÁP BẢO tiếng PÀLI của HỘI KẾT TẬP lần thứ ba quy định.

Có 63 vị THÁNH TĂNG A LA HÁN và 500 Đại đức Tỷ khưu, nhóm trọn MUỖI THÁNG.

KẾT TẬP LẦN THỨ NĂM RA SAO?

Vào lối thế kỷ thứ nhứt trước Tây lịch, sau khi Phật tịch 437 năm. Bây giờ 500 vị A LA HÁN và 500 vị Phạm Tăng Đạo đức tu hội tại ABHAYAGIRI, ngôi chùa ALUVIHARA tại đảo TÍCH LAN (Xirilanca), lối 30 cây số cách thành KANDY. Chùa này do Đại đức MAHINDA tạo ra thuở trước. Nhằm vào đời Vua TÍCH LAN ở VATTA GAMINI ABHAYA làm Hộ Pháp.

NGUYÊN NHÂN NÀO CÓ KỶ KẾT TẬP NÀY?

Chư LA HÁN nhận thấy trình độ hiểu biết của Tăng tín đồ có phần sút kém. Một phần vì ngoại Đạo xuyên tạc, nên chư Tăng quyết định dùng chữ bản xứ TÍCH LAN để biên chép TAM TẠNG KINH ĐIỂN PÀLI vào những tờ lá Buôn (BÓI DIỆP) là một loại cây THỐT NỐT, để lưu truyền về sau. Kỳ này nhóm trọn một năm.

Tiểu sử của Ngài Đại đức trú danh BUDDHAGHOSA có ghi. Nếu chất lá BUÔN thành đồng, TAM TẠNG KINH ĐIỂN chép trên đây sẽ to hơn sáu thớt voi kể về lượng. BA TẠNG TIPITAKA gồm trọn vẹn giáo lý của đức Phật bằng mười một lần quyển THÁNH KINH. Những THÁNH KINH được lưu truyền mãi cho đến ngày nay trong những nước như TÍCH LAN, MIỀN ĐIỆN, (MIANMA), THÁI LAN, CAO MIÊN (CAMPUCHIA), LÀO, VIỆT NAM V.V...

SAU ĐÓ, TAM TẠNG ĐƯỢC KẾT TẬP NỮA KHÔNG?

Cũng trên đảo TÍCH LAN, sau khi Phật diệt độ 900 năm KẾT TẬP lần này, với mục đích cải cách vài chỗ bất đồng giữa KINH ĐIỂN PÀLI MAGHADA và PÀLI TÍCH LAN.

Từ đó về sau, các xứ theo NGUYÊN THUYẾT như Thái Lan, Miền Điện, Tích Lan, Miên, Lào v.v... thỉnh thoảng có tổ chức KẾT TẬP ĐỊA PHƯƠNG với mục đích đọc, tụng ôn nhuần CHÁNH PHÁP để duy trì cho đúng NĂM NGÀN NĂM.

THỜI CẬN ĐẠI NÀY CÓ KẾT TẬP NỮA KHÔNG?

Năm 1954, Quốc Vương Miến Điện xuất ra mười triệu MIẾN KIM, cung thỉnh 2.500 vị Tỳ khuru trên toàn thể thế giới tụ hội về KẾT TẬP TAM TẠNG tại Đại Thạch Động RANGOON, Thủ đô nước Miến Điện.

Kỳ KẾT TẬP này kéo dài hai năm, cho đến năm Phật Lịch 2.500 mới hoàn tất.

Chính kỳ KẾT TẬP này, TAM TẠNG được in ấn trên giấy trắng mực đen, đóng thành tập có bìa da thật đẹp.

Cũng chính lần kết tập này, TAM TẠNG được các HỌC GIẢ phiên dịch ra các thứ TIẾNG của các quốc gia, để chư thập phương Phật tử tiện bề học hỏi, nghiên cứu và THỰC HÀNH theo CHÁNH PHÁP của đức PHẬT TỔ GOTAMA.

---o0o---

TAM TẠNG: KINH

CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ TẠNG KINH?

SUTTA PITAKA dịch TẠNG KINH, đại để những bài PHÁP. Những lời KIM NGÔN cao thượng phát xuất từ KIM KHẨU của Đấng TRỌN LÀNH để giảng giải hàng TỨ CHỨNG gồm Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, xuất gia tu sĩ, và tại gia cư sĩ trong nhiều trường hợp, nhiều cơ hội, nhiều quốc độ khác nhau.

Cũng có một số bài GIẢNG của các Đại Đệ tử như các Ngài SARIPUTTA "XÁ LỢI PHẬT" MOGGALLANA "MỤC KIỀN LIÊN" và ANANDA cũng được chép vào TẠNG KINH, và được tôn trọng như lời của đức Phật vì chính đức Phật đã chứng nhận. Phần lớn các bài này, nhằm vào sự lợi ích của chư vị Tỳ khuru và đề cập đến đời sống cao thượng của bậc xuất gia. Nhiều bài khác đề cập đến sự tiến bộ về vật chất lẫn tinh thần của người cư sĩ. Ngoài cũng có những bài lý thú cho trẻ em.

NỘI DUNG TẠNG KINH RA SAO?

Tạng KINH giống như quyển SÁCH, ghi lại những quy tắc, những lời khuyên dạy, để noi theo, học cho thuộc, cho hiểu mà HÀNH theo. Vì đó là những bài PHÁP, những lời khuyên dạy, mà khi trụ thế, đức Phật đã giảng giáo. Để khuyên nhắc môn đồ ở nhiều trường hợp khác nhau, cho nhiều người có căn cơ trình độ hiểu biết khác nhau, và hoàn cảnh cơ hội khác nhau.

TẠNG KINH CÓ DỄ HỌC, CÓ GÌ HUYỀN BÍ KHÔNG?

KINH là những lời GIÁO HUẤN chúng sanh ở mọi nơi, mọi trường hợp. Đó là những lời dạy bảo, khuyên răn của đấng CHA LÀNH đến đàn con, với mục đích "bỏ dữ về lành, chuyển Mê, khai Ngộ, vượt tối ra sáng"...

Nên phần nhiều đức Phật hay ngâm những KỆ NGÔN "Lời Thơ" cho chúng sanh dễ nhớ, dễ thuộc, song ý nghĩa hàm súc, tế nhị, cho tín đồ. Đệ tử HIẾU mà HÀNH theo cho có kết quả tốt đẹp, đem lại nếp sống an vui đạo hạnh. Bởi vậy cho nên, tuy là cao thâm vi diệu, song nghĩa lý rõ ràng, có nhân có quả, chứ không điều gì là huyền bí nhiệm mầu cả.

Đức Phật hằng khuyên dạy môn đồ.

Dưới bóng mặt trời, không có điều gì là bí mật cả. Lời giáo huấn của NHƯ LAI cũng như thế ấy, có ai không HIẾU, thắc mắc điều gì cứ hỏi, NHƯ LAI sẽ giải đáp cho (DI GIÁO KINH).

Như vậy, chúng tỏ rằng, lời dạy của Ngài là ngọn đuốc để soi đường cho đêm tối, tức VÔ MINH đó vậy.

TẶNG KINH CÓ NHIỀU KHÔNG?

GIÁO PHÁP của đấng TOÀN TRI, suốt 45 năm hoàng dương CHÁNH GIÁO, gồm có tám vạn bốn ngàn PHÁP MÔN để chữa trị TÂM BỆNH PHIỀN NÃO của chúng sanh.

TẶNG KINH có 21 ngàn PHÁP MÔN chia ra như sau:

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. DIGHA NIKÀYA | Trường A Hàm ghi, những bài PHÁP dài. |
| 2. MAJJHIMÀ
NIKÀYA | Trung A Hàm, ghi những bài PHÁP bậc trung.
Tập A Hàm, ghi những câu kinh tương tự nhau |
| 3. SAMYUTTA
NIKÀYA | Tăng Nhứt A Hàm những bài PHÁP sắp theo thứ tự
Tiểu A Hàm, những câu kệ vắn tắt (thí dụ: PHÁP CÚ KINH) |
| 4. ANGUTTRA
NIKÀYA | |
| 5. KHUDDAKA
NIKÀYA | |

TRONG CÁC BỘ ẤY, BỘ NÀO NHIỀU NHẤT?

BỘ TIỂU A HÀM "KHUDDAKA NIKÀYA" có 15 tập:

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. KHUDDAKA
PÀTHA. | - Những bài ngắn
- PHÁP CÚ KINH |
| 2. DHAMMAPÀDA | - Khúc ca khái hoàn |
| 3. UDÀNA | - Những bài KINH bắt đầu dạy như thế này. |
| 4. ITVUTTAKA | - Những bài KINH sưu tập. |
| 5. SUTTÀ NIPÀTA. | - Câu chuyện cảnh trời. |
| 6. VIMÀNA
VATTHU | - Câu chuyện cảnh giới NGẠ QUỶ |
| 7. PETA VATTHU | |

- 8. THERAGATHA - Kệ của các Tỷ kheo
- 9. THERIGATHA - Kệ của các Tỷ kheo ni
- 10. JATÀKA - Những chuyện tái sanh của Bồ tát
- 11. NIDDESA. - Những bài trần thuyết
- 12. APADANA - Đời sống của chư vị A LA HÁN.
- 13. - Những cuốn sách đề cập đến kiến thức phân giải.
- PATISAMBHIDA. - Tiểu sử của đức Phật.
- 14. - Những phẩm hạnh .
- BUDDHASAMVA
- 15. CARIYÀ PITÀKA

TẶNG KINH CÓ ĐỀ CẬP ĐẾN CHÂN NGÔN THẦN CHÚ KHÔNG?

Không. Suốt thời gian 45 năm mở Đạo dạy Đời. Lấy lòng từ bi thương xót mọi Người, mọi loài mà cảm hóa mọi khó khăn trở ngại. Trong các quyển KINH, quyển nào cũng chứa đựng lời khuyên dạy nồng nàn, tha thiết, an ủi, nhắc nhở chân thành của đấng THIÊN NHƠN SƯ, ví như những lời ru hát êm đềm, dịu dàng của bà mẹ hiền, đối với những đứa con còn thơ ấu. Không hề chứa đựng một ẩn ý nào khác. Bởi vậy cho nên, lời dạy trong KINH rõ ràng mạch lạc chứ không bao giờ có thần chú hay châm ngôn gì cả.

Hãy lắng nghe đức Phật hằng khuyên dạy.

Này các thầy Tỷ khuru. Sau khi NHƯ LAI nhập diệt rồi, có người cho lời nói này của NHƯ LAI, lời nói kia của NHƯ LAI. Các người nghe qua, đừng vội tin mà cũng đừng vội bỏ, lời nói nào đúng chân lý là lời nói của NHƯ LAI.

KHI CÓ NGƯỜI QUÁ VÃNG ĐỌC KINH ĐỂ CẦU SIÊU?

Khi chúng sanh chết, rồi do theo cái NGHIỆP của mình đã tạo, mà đi thọ sanh trong kiếp sau. Chúng sanh nào làm việc lành, được hưởng cảnh an vui ở cõi Trời, hoặc làm Người thì được giàu sang phú túc v.v... Chúng sanh nào tạo việc dữ thì phải lãnh quả khổ nơi bốn đường ác. Hoặc làm người thì phải chịu xấu xa, hèn hạ, nghèo đói, bệnh tật v.v...

Đó là định luật của lý Nhơn quả luân hồi, tái sanh và nghiệp báo, chứ không phải vì sự đọc tụng, cầu xin mà được siêu sanh, hay vì lời nguyện rửa chửi mắng mà phải bị sa đọa đâu.

VẬY KHI CÓ NGƯỜI CHẾT, THỈNH CHƯ TĂNG LÀM GÌ?

Khi gia đình có người quá vãng, mời thỉnh chư Tăng đến nhà tụng KINH, có hai mục đích:

- Thứ nhất, chư Tăng đến nhà, Nhơn cơ hội lấy tử thi làm đề mục "QUÁN TỬ THI" mà chỉ quán tham thiền cho tâm thanh tịnh, để tự nhắc nhở mình tu hành tinh tấn với mục đích TỰ ĐỘ.

- Thứ hai, lời KINH đọc tụng của chư Tăng trong lễ CẦU SIÊU, là những lời nhắc nhở chân thành, những câu kệ ngôn ĐỘNG TÂM mà đức Phật khuyên dạy những người còn SỐNG hãy lấy sự CHẾT, sẽ phải đến với mình (cũng sẽ chết như thế đó) mà lo hối hả tu hành, gieo duyên, làm phước cho mau thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, TAM GIỚI khổ, đó là mục đích ĐỘ THA.

NHU VẬY, NGƯỜI CHẾT KHÔNG ĐƯỢC ÍCH LỢI GÌ SAO?

Thật ra, chiếc thân tứ đại này, khi Thức đi tìm giới thọ sanh, chất lửa ra khỏi, chất gió cũng không còn. Chỉ còn đất và nước ở lại, chỉ là vật vô tri, vô giác. Đem chôn cũng không biết, đem đốt cũng không hay, tùy theo phong tục tập quán, từng nơi, từng quốc độ.

Song cũng có điều lợi ích là, do nhờ phước báu của sự PHÁP THÍ mà chư Tăng đọc tụng nhắc nhở người sống, thức tỉnh tu hành trên, cũng là trợ duyên cho người quá cố đến nơi an vui, nếu nghiệp lành đã tạo được đầy đủ, nhờ trợ duyên giúp đỡ, ví như gió thổi làm bay cục bông gòn hay chiếc lá lên được dễ dàng.

NGƯỜI LÀM VIỆC ÁC, TỤNG KINH KHÔNG ÍCH LỢI SAO?

Ví như, một người sát nhân, mang án tử hình, bị đưa ra PHÁP TRƯỜNG đèn tội. Thì dù cho thân bằng quyến thuộc, cha mẹ, vợ con hay anh em có mang nhiều vàng bạc đem lo lót hay khóc lóc van xin nơi vị quan tòa xử án thanh liêm, không đem lại lợi ích cho tử tội như thế nào, thì sự tụng tụng KINH và sự hộ niệm của chư thiện tín, bạn bè gần xa, đối với kẻ tạo nghiệp dữ sẽ không đạt kết quả gì cũng như thế ấy.

Đức THẾ TÔN hằng khuyên dạy.

-Này các Thầy Khưu. NHƯ LAI chỉ là người hướng đạo, chỉ đường. Cũng như, ngón tay NHƯ LAI chỉ mặt Trăng ở trên hư không do NHƯ LAI chỉ, chứ không phải ở trên đầu ngón tay của NHƯ LAI đâu.

Đạo của NHƯ LAI cũng như thế ấy. Người nào đi theo bước chân của NHƯ LAI, thì sẽ đạt đến sự an vui, chứ NHƯ LAI không hề đưa tay nắm dắt lôi kéo một người nào, nếu kẻ ấy chẳng chịu bước chân đi.

Lời KINH, đọc, tụng, nghe rồi, suy niệm cho hiểu rồi thực hành theo thì sẽ đạt đến kết quả lợi ích chẳng sai. Trái lại, đọc tụng để kể công, được bao nhiêu thiên, bao nhiêu biến, bao nhiêu quyển...thì đọc tụng đời này cho đến vô lượng kiếp vị lai mà không hiểu, không hành theo, thì thật là hoài công vô ích, chẳng khác nào nấu cát mong thành cơm, hay như đứa trẻ chăn bò thuê cứ mãi ngòl đếm số bò của nó chặn ngày này sang ngày nọ, mà thực tế, thì nó chả có con nào cả. Lại nữa, ví như người bị đói mà không chịu ăn cho no, cứ mãi la gào "TÔI ĐÓI, TÔI ĐÓI" hoặc nhờ người khác ăn giùm, thì biết bao giờ mới no cho được?

Đọc, tụng chỉ là phương tiện. Hành theo mới là cứu cánh. Đạt đến đạo quả giải thoát NIẾT BÀN mới là mục đích tối thượng của người TU THEO ĐẠO PHẬT.

* * *

Kết luận TẠNG KINH, xin tóm tắt như sau.

DHAMMA NIKAYA - Có nghĩa là những bài Pháp dài dịch là TRƯỜNG A HÀM. Trong BỘ này có 34 bài KINH.

MAJJHIMÀ NIKÀYA - Có nghĩa là gồm những bài KINH trung bình. Hán dịch TRUNG A HÀM. Bài này có 152 bài KINH.

SAMYUTTA NIKÀYA - Có nghĩa là gom góp lại. Bộ này có những bài KINH dạy về hạng người. Có 7.762 bài KINH.

ANGUTTARA NIKÀYA - Hợp lại các PHÁP ngắn. Có PHÁP từ một CHI đến mười hai CHI. Có cả thảy 9.517 bài KINH.

KHUDDAKA NIKÀYA - các đoạn PHÁP ngắn. Hán dịch TIỂU A HÀM, gồm những câu KỆ NGÔN, chẳng hạn như "DHAMMÀ PÀDA" - "PHÁP CÚ" như đã giới thiệu ở phần trước.

---o0o---

TAM TẠNG: LUẬT

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ TẠNG LUẬT?

Phạn ngữ VINÀYA PITAKA dịch TẠNG LUẬT, là những ĐIỀU GIỚI BÔN ngăn ngừa, ĐIỀU HỌC để trau dồi phẩm hạnh của bậc xuất gia Tu sĩ cũng như hàng tại gia cư sĩ cho được trong sạch, tốt đẹp, trang nghiêm.

XIN CHO VÍ DỤ ĐỂ DỄ HIỂU?

Thế thường người ta trồng cây, sợ trâu, bò dẫm phá, gà, chó đào bươi, phá phách. Thế hơn mới dùng vật liệu như tre, cây... rào ngăn, bảo vệ xung quanh như thế nào, thì LUẬT có phận sự gìn giữ phạm hạnh các bậc xuất gia trau dồi đạo đức cho người tại gia cũng như thế ấy.

LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH TỪ BAO GIỜ? CÓ MẤY ĐIỀU?

Không có bộ LUẬT nào cả.

Khi còn tại thế, đức Phật, mở Đạo dạy đời. LUẬT chưa hề đề cập đến. Sau càng ngày, Tăng, tín đồ càng đông. Trong hàng môn đệ đủ thành phần giai cấp của xã hội. Đủ trình độ căn cơ. Thế cho nên các thói hư, tật xấu, các lỗi lầm vấp phải mới phát sanh.

Và khi có một vị Tỳ khuru hay Sa di nào phạm tội lỗi, đức THẾ TÔN mới ra điều LUẬT cấm chế TỘI ấy. Sau này, khi KẾT TẬP TAM TẠNG, chư THÁNH TĂNG mới sắp xếp phân hạng cho có thứ tự rành mạch, lớn, nhỏ, khinh, trọng...TẠNG LUẬT có hai mươi một ngàn PHÁP MÔN cho bậc xuất gia, chia làm hai hạng là:

LUẬT cho Tỳ khuru, Tỳ khuru ni.

LUẬT cho Sa di, Sa di ni

SỰ KHÁC BIỆT NÀO GIỮA HAI HẠNG XUẤT GIA?

Luật của Tỳ khuru là những ĐIỀU GIỚI CẤM chia ra làm bốn phần THANH TỊNH như sau

1) PATIMOKHA SAMVARASÌLA: Giới BA LA ĐỀ MỘC XOA hay BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT giới.

2) INDRIYA SAMVARASÌLA: Thu thúc LỤC CĂN THANH TỊNH giới.

3) AJIVA PARISUDDHISÌLA: Giới NUÔI MẠNG CHƠN CHÁNH.

4) PACCAYA SADHISSITASÌLA: Quán tưởng TỨ VẬT DỤNG giới

BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI LÀ THỂ NÀO? CÓ BAO NHIÊU?

BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI hay còn gọi là BIỆT BIỆT GIẢI THOÁT GIỚI, bởi vì giữ trong sạch được một GIỚI thì giải thoát được một điều. Chia ra làm tám phần có 227 điều HỌC như sau.

1. Bất cộng trụ có 4 điều Luật
2. Tăng tàn có 13 điều
3. Bất định có 2 điều
4. Ứng Xã Đới Trị có 30 điều
5. Ứng Đới trị có 92 điều
6. Ứng pháp lộ có 4 điều
7. Ứng Học Pháp có 75 điều
8. Điều Giải có 7 điều

Tổng cộng 227 điều

THU THỨC LỤC CĂN THANH TỊNH GIỚI LÀ THỂ NÀO?

Chia ra làm SÁU CHI là:

Thu thúc nhãn căn khi mắt thấy sắc

Thu thúc nhĩ căn khi tai nghe tiếng

Thu thúc tỷ căn khi mũi ngửi mùi

Thu thúc thiệt căn khi Lưỡi nói ra lời

Thu thúc thân căn khi có sự đụng chạm
Thu thúc ý căn khi tư tưởng phát sanh

GIỚI NUÔI MẠNG CHƠN CHÁNH RA SAO?

Có năm ĐIỀU cần trọng.

1. Giả dối làm bộ cao thượng
2. Nói bợ đỡ, nịnh hót cho người cúng dường
3. Giả dạng (do thân và khẩu)
4. Nói lời đâm thọc
5. Lấy lợi, cầu lợi (cho vật này, đổi vật kia).

QUÁN TƯỚNG TỬ VẬT DỤNG NHƯ THỂ NÀO?

Có bốn phần là:

1. Quán về y phục (TAM Y)
2. Quán tướng về vật thực đáng gồm nhóm
3. Quán tướng về chỗ ở nơi cư ngụ
4. Quán tướng thuốc ngừa bệnh

SA-DI CÓ GIỮ ĐÚNG TỬ THANH TỊNH GIỚI KHÔNG?

Phạn ngữ SAMANERO, dịch Sa Di hay còn được gọi Tỳ Khuru tử, có nghĩa là con của các thầy Tỳ Khuru. Học tập GIỚI LUẬT, trau giồi phạm hạnh để trở nên vị Tỳ khuru, nên không phải giữ đúng theo TỬ THANH TỊNH GIỚI mà chỉ THỌ THẬP GIỚI, mười PHÁP HÀNH PHẠT, mười điều TRỤC XUẤT và 75 điều UNG HỌC PHÁP mà thôi.

1. Không sát sanh
2. Không trộm cắp
3. Không hành dâm
4. Không nói dối
5. Không uống rượu
6. Không ăn sai giờ
7. Không múa hát, đờn kèn
8. Không thoa vật thơm
9. Không nằm, ngồi nơi quá cao và xinh đẹp
10. Không thọ lãnh và cất giữ vàng bạc châu báu

MƯỜI PHÁP HÀNH PHẠT LÀ THỂ NÀO?

1. Ăn sai giờ
2. Múa hát, đờn kèn, xem múa hát, nghe đờn kèn
3. Trang điểm, thoa vật thơm, đeo tràng hoa
4. Nằm hoặc ngồi nơi quá cao và xinh đẹp
5. Thọ lãnh và cất giữ vàng, bạc châu báu

6. Cố ý làm cho Tỳ Khuru không có đồ dùng
7. Cố ý làm cho Tỳ Khuru mất sự lợi ích
8. Mắng chửi thầy Tỳ Khuru
9. Làm cho thầy Tỳ Khuru không có chỗ ở
10. Chia rẽ Tăng, làm cho Tăng bất hòa nhau.

MƯỜI ĐIỀU TRỰC XUẤT RA SAO?

1. Giết loài động vật
2. Trộm cắp
3. Nói dối
4. Thông dâm
5. Uống rượu
6. Huỷ bán Phật
7. Huỷ bán Pháp
8. Huỷ bán Tăng
9. Hiếu làm (Tà Kiến)
10. Dâm vãi Tỳ khuru Ni

BẢY MƯƠI LĂM ĐIỀU ỪNG HỌC PHÁP THẾ NÀO?

Chia làm bốn phần

- Mặc Y cho nghiêm trang có 26 điều
- Thọ thực cho tề chỉnh có 30 điều
- Thuyết Pháp cho đúng phép có 16 điều
- Pháp rời rạc có 3 điều

LUẬT CỦA TỖ KHURU NI THẾ NÀO?

Hồi còn tại thế, do lời thỉnh cầu tha thiết của Đại đức ANANDA, xin cho bà di mẫu của đức Phật là bà GOTAMI được xuất gia. Đức THẾ TÔN chấp thuận với những điều kiện là nữ giới phải chịu thọ nhận thêm TÁM TRỌNG GIỚI, ngoài TỨ PHẦN THANH TỊNH GIỚI của Tỳ khuru.

TÁM TRỌNG GIỚI ẤY NHƯ THẾ NÀO?

1. Tỳ khuru ni dù có 100 hạ, cũng phải chào hỏi cung kính, đánh lễ, cúng dường một vị Tỳ khuru dù chỉ mới chỉ thọ CỤ TỨC GIỚI trong một ngày.
2. Tỳ Khuru ni không thể NHẬP HẠ nơi nào không có các thầy Tỳ khuru.
3. Đến kỳ SÁM HỐI, phải hỏi các vị Tỳ khuru chừng nào có lễ PHÁT LỒ, vào giờ nào?
4. Khi mãn thời KIẾT HẠ, phải thọ lễ TỰ TỬ, chánh thức ra HẠ trước mặt những vị Tỳ khuru và các Tỳ khuru ni khác để kiểm thảo tội lỗi của mình nếu có.

5. Vị Tỳ khuru ni đã phạm TRỌNG TỘI phải chịu phạt MANATTA ở trước mặt chư Tăng và Ni.
6. Nữ Sa di đã thọ GIỚI trong hai năm có thể xuất gia Tỳ khuru ni trước chư Tăng và Ni.
7. Bất luận ở trường hợp nào, Tỳ khuru ni cũng không có quyền khiển trách hay nặng lời với thầy Tỳ khuru.
8. Tỳ khuru không được SÁM HỎI với các Tỳ khuru, trái lại, Tỳ khuru ni có thể xin SÁM HỎI với các Tỳ khuru.

Nhưng sau khi thọ phép Tỳ khuru ni vào GIÁO HỘI TĂNG GIÀ (nữ) rồi, đức Phật chỉ ấn định trong thời gian là 500 năm. Nên bây giờ GIỚI LUẬT Tỳ khuru ni và Sa di ni không còn đề cập đến nữa.

Phái nữ muốn tu, chỉ được THỌ PHÁP BÁT QUAN TRAI hay THẬP GIỚI trường mà thôi.

TẠI SAO ĐỨC PHẬT CHO NỮ GIỚI THỜI GIAN ÍT THẾ?

Khi đức Phật chấp thuận cho thành lập Giáo Hội Tỳ Khuru Ni, Ngài cũng tiên đoán những hậu quả và lưu ý:

- Nay ANANDA. Nếu nữ giới không được chấp thuận thoát ly thế tục để ghép mình vào đời sống không nhà cửa, trong khuôn khổ giáo pháp và giới luật của NHƯ LAI đã công bố thì đời sống xuất gia và giáo pháp cao siêu tồn tại lâu dài.

Nhưng này, nữ giới được phép sống cuộc đời không nhà cửa, thì đời sống xuất gia và GIÁO PHÁP cao siêu chỉ tồn tại còn phân nửa thời gian và đức Phật nói thêm.

Này ANANDA. Trong nhà nào có đông phụ nữ và ít nam hơn thì trộm cướp sẽ dễ lọt vào. Cũng như thế ấy. Trong bất luận GIÁO PHÁP và GIỚI LUẬT nào nếu hàng phụ nữ được từ bỏ thế gian và sống đời không nhà cửa, thì đời sống thiêng liêng ấy sẽ không tồn tại lâu dài được.

Và cũng như người kia, đắp bờ ĐÊ bên cạnh HỒ nước rộng lớn để ngăn chặn nước khỏi tràn qua, NHƯ LAI lo ngăn chặn trước, khi ban hành "TÁM TRỌNG GIỚI" cho Tỳ khuru Ni, buộc phải giữ gìn nguyên vẹn trọn đời. (Trích trong " ĐỨC PHẬT VÀ PHẬT PHÁP của Đại đức NARÀDA, Trang 148, 149)

DO NHÂN NÀO, NỮ PHÁI BỊ THIỆT THỜI LẮM THẾ?

Nữ phái, nói chung, thất tình dục lạc nhiều hơn nam giới. Trong NHO GIÁO có câu "NAM NHƠN HẢI HÀ CHI LƯỢNG, PHỤ NỮ KHÊ HÁT CHI TÂM". Bởi vậy, thế thường, dù một trăm hay một ngàn, hay nhiều hơn thế nữa, toàn là Nam hơn sống chung với nhau vẫn vui vẻ thuận hòa. Trái lại, Nữ giới, chừng

ba người ở chung với nhau, thời gian không lâu, sẽ có sự xích mích rầy rà , buồn giận nhau rồi.

Và lại thời gian sau, các bậc (THÀNH TĂNG VÔ LẬU LA HÁN) ít đi, thì GIÁO HỘI NỮ, cũng không còn tồn tại, vì các Ngài PHẠM TĂNG dù có đạo đức cũng không đủ năng lực để dìu dắt hướng dẫn. Bởi vậy, trong PHÁP CÚ KINH, của đức THẾ TÔN có lời dạy.

Khói, bụi, sương mù làm cho ánh nắng mặt trời, mặt trăng bị lu mờ như thế nào, thì gần gũi hàng phụ nữ, phạm hạnh của bậc xuất gia cũng sẽ bị lu mờ như thế đó.

KHÔNG GẦN ĐƯỢC CHƯ TĂNG LÀM SAO NỮ GIỚI TU?

Với một vị Tỳ khưu, dù trước mặt, bất luận là mẹ là chị, em gái hay thân bằng quyến thuộc hoặc tín nữ đến dâng cúng, hộ độ, nghe kinh, thỉnh pháp cần phải có người thiện nam làm chứng, thì phạm hạnh mới được gọi là trong sạch đúng theo GIỚI LUẬT. Người không điếc, không câm, phải biết nhận xét phán đoán, thì sự tiếp xúc của vị Tỳ khưu với tín nữ mới được trong sạch.

(Muốn biết rõ hơn xin tìm xem nơi LUẬT XUẤT GIA do Hòa thượng HỘ TÔNG đã ấn hành)

THEO LUẬT, NGƯỜI MUỐN XUẤT GIA CẦN CÓ ĐIỀU KIỆN THỦ TỤC GÌ?

Cần phải hội đủ năm điều kiện:

1. Phải là người (không Long Vương hay phi nhơn)
2. Là nam hay nữ rõ rệt (không phải bán nam, bán nữ)
3. Không phạm ngũ nghịch trọng tội
4. Không mắc phải các bệnh truyền nhiễm
5. Không mắc nợ đời (như trốn thuế, lậu thuế, thâm lạm công quỹ, thụt két v.v...)

NGŨ NGHỊCH TRỌNG TỘI LÀ THẾ NÀO?

Phạm vào năm tội nặng là

1. Giết cha
2. Giết mẹ
3. Giết A LA HÁN
4. Làm chảy máu Phật
5. Chia rẽ Tăng

NGƯỜI XUẤT GIA MÀ PHẠM GIỚI LUẬT THÌ SAO?

Đức Phật ấn định cho chư Tăng một tháng hai lần là lễ PHÁT LỒ, đọc tụng GIỚI BỒN, là ngày trăng tròn (Rằm) và ngày cuối cùng của tháng. Chư Tăng

cư ngụ trong một nơi gần nhau, phải tụ hội để đọc tụng GIỚI BỐN, SÁM HỐI tội lỗi cùng nhau. Tùy trường hợp, nếu phạm vào một trong bốn điều BẤT CỘNG TRỤ thì phải hoàn tục, không được mang TĂNG TƯỚNG, ở chung với Tăng được nữa. Nếu phạm một trong 13 PHÁP TĂNG TÀN, thì phải chịu HÀNH PHẠT (Cấm phòng) để ăn năn chừa cải.

Ngoài ra, các GIỚI sau, lỡ phạm, thì có thể SÁM HỐI giữa TĂNG, nguyện ăn năn chừa cải.

MỘT TU SĨ KHÔNG TU NỮA, XIN HỎI TỤC ĐƯỢC KHÔNG?

Đức THẾ TÔN hằng khuyên dạy:

Này các thầy Tỳ khuru.

GIÁO PHÁP của NHƯ LAI ví thể như bờ biển, từ chỗ lồi thấp đến chỗ sâu...Người hành theo cũng như vậy. Tối thiểu một Phật tử phải thọ trì NGŨ GIỚI. Sau đó thọ thêm BẤT QUAN TRẠI, rồi có thể XUẤT GIA thọ THẬP GIỚI hay THỌ CỤ TỨC GIỚI, là những NẮC THANG đưa HÀNH GIẢ đến ĐẠO và QUẢ giải thoát là NIẾT BÀN, theo trình độ và khả năng căn cơ của mỗi người, không nài ép bắt buộc ai cả. Những miễn sao, ở vào trình độ nào, phải cố gắng giữ gìn PHẠM HẠNH cho đúng theo trình độ của mình đã thọ, thì mới có lợi ích tốt đẹp.

Chứ nếu XUẤT GIA TU HÀNH mà không trau giồi GIỚI LUẬT cho tinh nghiêm, hay viện lý do nọ, cứ kia mà làm không tròn PHẬN SỰ, thì sẽ bị các trí thức chê bai.

NẾU PHẠM GIỚI, MÀ KHÔNG CHỊU SÁM HỐI, THÌ SAO?

Thật là một sự vô cùng tai hại. Ví dụ một cách cho dễ hiểu. Như trong người kia, có bị một MỤT GHẼ NHỌT. Cần phải đến thầy thuốc, bác sĩ coi bệnh rửa ráy, mổ xẻ chữa thuốc cho mau lành, mặc dù có đau đớn chút ít.

Trái lại, vì sợ đau đớn, vì xấu hổ, mà che giấu, lâu ngày nó sẽ lở loét tanh hôi, làm cho mọi người đều xa lánh, ghê tởm như thế nào, thì người XUẤT GIA phạm điều GIỚI LUẬT mà không chịu SÁM HỐI, ăn năn chừa cải cũng sẽ bị tai nạn, khinh khi, người người đều xa lánh cũng như thế ấy.

Đức THẾ TÔN có dạy rằng:

Này các thầy Tỳ khuru. Tên tướng CUỐP kia, tuy nó có hung dữ, bạo tàn, song cũng không mấy gì nguy hại. Vì rằng nhác trông thấy hình tướng của nó, người ta đề biết đề phòng, ngăn ngừa xa lánh.

Trái lại, bậc XUẤT GIA, lợi dụng vào TĂNG TƯỚNG của ba đời chư Phật, mà làm điều xằng bậy, phạm điều GIỚI LUẬT, lại còn cố tình che giấu, không chịu ăn năn chừa cải, thì còn nguy hiểm và tội tệ gấp vạn lần tên tướng CUỐP kia. Vì rằng người ta có biết đâu để ngăn ngừa xa lánh.

MỘT TU SĨ PHÁ GIỚI, GIÁO HỘI CÓ HÌNH PHẠT KHÔNG?

Giáo hội, nhưng không có giáo quyền.

ĐẠO PHẬT với mục đích tối thượng là TỰ GIÁC, TỰ NGUYỆN. Nặng về khuyên nhắc giáo dục, cứu KHỔ, ban VUI, chuyển MỀ, khai NGỘ mà thôi. Muốn an vui, hạnh phúc cho mình thì cốt nhất là "CÓ TU MỚI THÀNH, CÓ HÀNH MỚI ĐẮC". Cố gắng trau dồi GIỚI LUẬT cho tinh nghiêm giữ gìn PHẠM HẠNH cho thanh cao thì đó là PHƯỚC ĐIỀN VIÊN của chư thiên và Nhơn loại.

Trái lại, cố ý lầm lạc, lại còn che giấu, nguy hiểm thì đó là cái NHÂN xấu xa, để dẫn đến cái QUẢ vô cùng tai hại, đau khổ từ đời này cho đến vô lượng kiếp vị lai. Giáo hội chỉ có nhiệm vụ nhắc nhở, khuyến khích, giúp đỡ cho những người biết phục thiện.

Còn trái lại, với hạng người cứng đầu, ngang bướng khó dạy, dù cho đức Phật còn tại thế, Ngài cũng chịu .

LỢI DỤNG HÌNH TƯỢNG TU HÀNH, CÓ NGƯỜI LÀM BẬY THÌ SAO?

Lúc đức Phật còn tại thế, bao nhiêu nhóm ngoại đạo ganh tỵ, tranh giành ảnh hưởng cùng đức Phật.

Song với nguồn chân lý sáng ngời, với lý NHƠN QUẢ vững chắc ngàn đời bất di bất dịch, với lòng từ ái vô lượng vô biên, mà đấng THIÊN NHƠN SƯ đã cảm hóa bao kẻ bần môn tà đạo bỏ dũ về lành, chuyên mê khai ngộ.

Giáo pháp của đấng TOÀN TRI đến nay đã hơn 25 thế kỷ. Trải qua bao cơn biến thiên của thời đại, nhất là khi du nhập sang TRUNG HOA, một nước có nền phong hóa KHỔNG, MẠNH, LÃO GIÁO, ĐA THẦN GIÁO, BÀ LÀ MÔN GIÁO vững chắc, thì đã bị canh cải, sửa đổi, lại càng bị sửa đổi thêm. Nhưng chân lý bao giờ cũng là lý THỰC TẾ. Đạo Phật dựa trên THỰC TIỄN. Người Phật tử phải nhận xét THỰC TẠI để tránh khỏi sai lầm lạc lõng.

TAM TẠNG KINH ĐIỀN, chứa đựng kho tàng Vô giá, qua bao lần ôn nhuận đọc tụng, KẾT TẬP của chư THÁNH và PHẠM TĂNG vẫn còn bảo tồn nguyên vẹn GIÁO LÝ cao siêu. "HỮU XẠ TỰ NHIÊN HƯƠNG" không cần phải tranh luận đôi co hay biện minh lôi kéo, lý NHƠN QUẢ rành rành là NGUỒN CHƠN LÝ tối thượng.

Thế thường, người con muốn bảo tồn kho tàng vô giá quý báu của cha mẹ, phải lo lắng giữ gìn trộm đạo, giặc cướp ra làm sao, thì các TĂNG, TÍN ĐỒ của đấng THIÊN NHƠN SƯ cũng phải lo bảo vệ CHÁNH GIÁO của đấng CHA LÀNH cũng như thế ấy.

MUỐN BẢO VỆ CHÁNH GIÁO PHẢI LÀM SAO?

Phải tìm tòi học hỏi cho thông thuộc GIÁO LÝ cao siêu ấy, rồi suy luận cho chín chắn để thấy rõ có đúng LÝ NHƠN QUẢ hay không (không trông nhờ nơi THA LỰC THẦN QUYỀN) có nghĩa là trước phải TỰ ĐỘ, rồi sau mới nói đến ĐỘ THA, có TỰ GIÁC rồi mới GIÁC THA thì mới gọi là GIÁC HẠNH VIÊN MÃN được.

Khi đã học hỏi, nghiên cứu kỹ lưỡng rồi, phải kiên trì GIỚI LUẬT cho tinh nghiêm, học hỏi nơi vị MINH SU đạo đức để phá nghi những điều thắc mắc, trau dồi phẩm hạnh cho thanh cao, đó tức là cách "BẢO TỒN CHÁNH PHÁP" một cách rất ráo cao thượng vậy.

Trong NIẾT BÀN KINH, trước khi lên đường TỊCH DIỆT. Ngài đã tha thiết, ân cần khuyên dạy lần chót.

Này các thầy Tỳ khưu.

Đừng "DỄ DUÔI, DÃI ĐÃI, HÃY TINH TẤN TU HÀNH" để sớm thoát ra khỏi vòng TAM GIỚI KHỔ, đó là cách cúng dường NHƯ LAI một cách cao thượng vậy.

VỚI HÀNG TẠI GIA, PHẬT CÓ BAN HÀNH LUẬT KHÔNG?

TẠNG LUẬT chỉ dành cho hàng XUẤT GIA.

Với hàng tại gia cư sĩ, đức Phật ấn định một Phật tử bất luận nam hay nữ, trẻ hay già, cao sang hay hạ tiện phải giữ gìn tối thiểu là NGŨ GIỚI cho được trong sạch. Sau thời gian tinh tấn, có thể THỌ BÁT QUAN TRAI GIỚI một tháng hai ngày, bốn ngày, sáu ngày, tám ngày hoặc tinh tấn hơn giữ BÁT QUAN TRAI GIỚI TRƯỞNG, tùy theo trình độ, khả năng và ý chí CẦU TIẾN của mỗi người.

GIỚI LÀ THẾ NÀO?

Cũng như LUẬT của XUẤT GIA. GIỚI là những ĐIỀU HỌC để chừa cải thói hư, tật xấu, là cái bờ rào để ngăn đón tội lỗi, để bảo vệ giữ gìn đức hạnh, ngõ hầu tránh xa những điều dữ, làm những việc lành, trau dồi thân khẩu ý cho trong sạch để đem lại sự lợi ích an vui cho mình và cho chúng sanh khác.

NGŨ GIỚI LÀ THẾ NÀO?

NĂM ĐIỀU HỌC mà đức Phật khuyên dạy người tại gia cư sĩ phải cố gắng thực hành cho tốt đẹp để tránh xa những điều lầm lỗi xấu, hèn hạ, NGŨ GIỚI gồm.

1. Không sát sanh
2. Không trộm cắp
3. Không tà dâm
4. Không nói dối
5. Không dễ dãi uống rượu và các chất say

TẠI SAO PHẢI GIỮ GIỚI KHÔNG SÁT SINH?

Tất cả chúng sanh trong bốn Loài là noãn thai, thấp hóa, vật nào cũng có mạng SỐNG. Mà hễ có sanh mạng rồi, thì bất luận cao sang hạ tiện, tốt đẹp hay xấu xa, lớn hay nhỏ...đều có lòng ham sống, sợ chết, thương hiệp, ghét lìa, có tri giác vui, khổ đều nhau...

Bởi vậy cho nên, người Phật tử phải có một TÌNH THƯƠNG đồng đều, không phân biệt màu da, chủng tộc, đồng chủng hay khác loài. Đừng vì khẩu dục, vì cá nhân ích kỷ của mình (cái mà ta gọi là Ta) mà gây ra sự tai hại đau thương cho kẻ khác. Đó là tập tánh TỬ BI, thương xót đến mọi người, mọi loài, là mục đích đầu tiên của Đạo Phật vậy.

TẠI SAO PHẢI GIỮ GIỚI KHÔNG TRỘM CẤP?

Tài sản của người làm ra, do mồ hôi, nước mắt công sức lao động của người đổ ra, mới có được, mà ta lấy đem về làm của mình, là do lòng THAM LAM, là điều xấu xa hèn hạ. Thế thường, đặc tánh của con người là lòng THAM ÁI, ích kỷ nhỏ nhen, chỉ muốn thu tóm, gom góp, sanh ra tình trạng tranh giành, cướp giạt của kẻ khác mà cũng là NHÂN gây ra bao nhiêu điều tội lỗi gớm ghê như chiến tranh tang tóc, núi xương, sông máu v.v...

Bởi thế cho nên để tránh sự oán thù, tàn hại lẫn nhau. Để tránh sự lợi mình, hại người để dập tắt bớt lòng tham, giới KHÔNG TRỘM CẤP phải trau giồi cho tinh nghiêm trong sạch.

TẠI SAO PHẢI GIỮ GIỚI KHÔNG TÀ DÂM?

Lẽ thường ở đời "NHẤT PHU, NHẤT PHỤ" một vợ, một chồng, tình thương mới đậm đà tha thiết, gia đạo mới an vui, xóm làng mới hạnh phúc, quốc gia mới phú cường phồn thịnh lâu dài.

Cũng vì lòng tham ái sắc dục của con người không bờ bến, cho nên khi chưa có thì mong cho có. Khi đã có rồi thì lại mong có thêm, được của cũ, lại thêm mơ của mới là nhân gây ra bao nhiêu tai ương thống khổ cho gia đình, cho xã hội, nêu gương xấu cho ngàn đời.

TRÁNH XA SỰ NÓI DỐI LÀ THẾ NÀO?

Đem chuyện người này mách với người kia. Việc có nói không, chuyện không nói có. Chửi rửa mắng nhiếc, nói lời vô ích sang đàng, lố lăng tục tĩu là nhân xấu đem lại sự chia rẽ, hiềm khích lẫn nhau, khiến gây tình trạng nghi kỵ, gây thù, chuốc oán giữa người và người, làng này với xóm kia, nước này với quốc gia nọ v.v...

Nói dối, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu là nhân khiến cho con người không tin nhau, ganh ghét nhau, là gốc rễ nhen nhúm ngọn lửa SÂN HẬN thiêu đốt chúng sanh trong vũ trụ.

TẠI SAO GIỮ GIỚI KHÔNG UỐNG RƯỢU?

Rượu hay các chất say, nó làm cho thần trí lu mờ, hôn mê, điên đảo, một khi đã say sưa rồi thì không còn phân biệt được điều phải lẽ trái, nẻo chánh, đường tà, ăn bậy, nói càn, ngã gió, đi xiên, điên loạn...mất tư cách con người, mà đó cũng là nhân gây ra bao tội khác. Tóm lại, NGŨ GIỚI là năm điều căn bản làm cho con người từ xấu trở nên tốt, từ phàm đến thánh cũng được.

NGŨ GIỚI GIỮ MỘT HAI GIỚI CÓ ĐƯỢC KHÔNG?

NGŨ GIỚI đối với người Phật tử như cái KIỀNG (CHÀNG RÀNG) có ba cái chân, vững vàng chắc chắn, thì sẽ nâng đỡ được cái NỒI, cái SOONG, cái CHẢO v.v...để nấu cơm, xào VẬT THỰC, có lợi ích thiết thực lâu dài, tốt đẹp.

Trái lại, giữ hai hay ba GIỚI, thì chẳng khác nào cái KIỀNG, chỉ có một hai chân thì làm sao xào nấu được? Bởi vậy cho nên trong KINH có câu " NGŨ GIỚI BẤT TRÌ, NHƠN THIÊN LỘ TRIỆT" có nghĩa là năm GIỚI không giữ thì con đường sanh làm người, làm trời không có được. Mà một khi không sanh được làm Người, làm Trời, thì phải sa đọa vào bốn đường DU, là SÚC SANH, A TU LA, NGẠ QUỶ, ĐỊA NGỤC, phải mang lông, đội sừng, chịu đói, nhịn khát bị hành hạ đánh đập v.v...biết bao thống khổ?

BÁT QUAN TRAI GIỚI LÀ THỂ NÀO?

Là CON ĐƯỜNG đi, là cái THANG bước đến ĐẠO và QUẢ có tám BẬC. Tám BẬC ấy, cũng như cái THANG NĂM BẬC là NGŨ GIỚI trên, nhưng thêm ba BẬC nữa là.

Thay vì NGŨ GIỚI, cấm không được tà dâm với vợ, con người, người nguyện thọ trì BÁT QUAN TRAI GIỚI, phải tránh sự chung đụng, va chạm giữa nam căn và nữ căn, có nghĩa là vợ, chồng phải xa nhau, không được HÀNH DÂM, chung chăn gối với nhau.

TẠI SAO PHẢI GIỮ GIỚI KHÔNG HÀNH DÂM?

Vợ, chồng nhà cũng không được chung chăn gối. Vì sự HÀNH DÂM là NHÂN của lòng ÁI DỤC. Và đó chính là môi trường của SANH TỬ LUÂN HỒI, mà chúng sanh phải đeo mang bao nhiêu điều thống khổ triền miên bất tận.

Muốn cho khỏi KHỔ, phải diệt trừ lòng HAM MUỐN. Khi lòng HAM MUỐN diệt, thì TÂM sẽ thanh tịnh, an vui là trợ duyên để thoát ra TAM GIỚI khổ.

Tránh xa sự HÀNH DÂM chẳng khác nào ta đem hạt GIỐNG luộc chín, không làm sao nảy mầm, mọc cây, ra trái được nữa.

THÊM BA GIỚI NỮA LÀ GIỚI NÀO?

1. Không được ăn sái giờ

2. Không múa hát, thổi kèn đờn, xem múa hát, nghe đờn kèn, trang điểm thoa vật thơm, dôi phấn, đeo tràng hoa.

3. Không nằm ngời nơi quá cao và xinh đẹp.

TẠI SAO KHÔNG ĐƯỢC ĂN SÁI GIỜ?

Buổi mai, từ mặt trời mọc cho đến chính Ngọ là bữa ăn mà Đức Phật cho phép. Mặt trời chéch quá bóng một đốt ngón tay (độ một giờ chiều) là quá Ngọ rồi, không được ăn nữa. Vì sao? Đức Phật nhận thấy chúng sanh ở trong đời, vì lòng ÁI DỤC, mà phải gánh chịu bao điều khổ não. Nào là sanh, già đau, chết v.v... là do sự ăn một phần lớn. Bởi vậy, Ngài cấm chế, sự ăn cho có tiết độ. Nghĩa là ăn để duy trì mạng sống, để bảo tồn sinh mạng mà TU mà HỌC mà HÀNH ĐẠO để đi lần đến chỗ DỨT KHỔ.

Ở đời, thế nhơn cứ mãi loanh hoanh trong sự ăn. Rượu chè be bét say sưa, làm phí mất cả thì giờ vàng ngọc mà quên rằng bên cạnh ta, TỬ THẦN luôn luôn cầm lưỡi hái để chực cắt lấy sinh mạng của ta, mà có ai hay biết đâu?

Chim tham mồi mắc bẫy, cá tham mồi mắc phải lưỡi câu. Con người, tự hào, tối linh hơn vạn vật mà rồi cũng vì đắm mê trong miếng ăn, vật uống, nào có biết lẽ nghi, liêm si là gì?

Do nhân trên, đức Phật ấn định cho phép ăn sáng, (điểm tâm) bữa chính là trưa. Thế là xong.

Thì giờ buổi chiều để lo tu, lo học THAM THIỀN quán tưởng tìm sự lợi ích cho mình.

KHÔNG ĂN CHIỀU, ĐÓI CHỊU SAO NỮI?

Chúng ta ăn uống hoài, nó quen thói, chứ tập lần thành thói quen, có gì khó chịu cả. Cái bao tử này, hàng ngày phải chứa đựng đôn ép bao nhiêu vật thực của chúng ăn vào. Vật thực ấy tiêu hóa không hết, tích trữ lâu ngày, nay một ít, mai một ít có khi sinh bệnh hoạn ốm đau v.v...

Không ăn buổi chiều, bộ máy tiêu hóa sẽ giải quyết hết phần còn lại, sạch sẽ tiêu tan căn bã dơ xấu, thì nhân tâm thêm phần khỏe mạnh an vui.

TẠI SAO KHÔNG ĐƯỢC MÚA HÁT, ĐỜN, KÈN?

NGŨ TRẦN là sắc tốt, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon sự đụng chạm vừa lòng, làm cho NGŨ CĂN là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân xác say mê đắm đuối mãi hoài. Lòng HAM MUỐN càng nhiều thì sự KHỔ NÃO càng tăng trưởng. Ví như mắt ưa thích sắc đẹp, cảnh xinh, mà sắc tốt cảnh xinh nó cũng là giả tạm vô thường, thoát đến rồi đi, có sinh thì phải có diệt, có mới sẽ có cũ, có rồi không, còn rồi mất đó là định luật VÔ THƯỜNG hằng chi phối.

Do đó, khi hợp cảnh thì vừa lòng, thích chí, khi mất đi thì đau buồn khổ não. Không CÓ, cố gắng tìm cho CÓ. Do sự cố gắng kiếm tìm mà rồi tạo tội, tác nghiệp làm nhiều điều sai quấy, tội lỗi cũng không chừa.

Xét cho kỹ, các TRẦN kia rồi cũng như thế cả. Bởi vậy, giữ GIỚI này là để TIẾT DỤC, để xa lìa SỰ KHỔ.

TẠI SAO KHÔNG ĐƯỢC NẪM NGỒI NƠI QUÁ CAO XINH ĐẸP?

Thân ta luôn luôn ưa thích sự đụng chạm vừa lòng. Ý mong tìm cảnh giới đẹp xinh lòe loẹt và luôn luôn có sự khát khao sự cao sang, quyền quý.

Giữ GIỚI này, tập cho TÂM bình dị, " TÙY TIỆN NHI AN" không đua đòi thái quá, không mong muốn sự xa xỉ lố lăng để dành thì giờ mà TU, mà HỌC, lợi ích cho Tâm, hơn là o bế tâm thân giả tạm gồm 32 thể trước này, có ngày rồi cũng phải hư phải bỏ phải già, phải chết chẳng khác nào CỖ XE đến hồi hư mục vậy thôi.

GIỮ BÁT QUAN TRAI CÓ LUÔN NHƯ NGŨ GIỚI KHÔNG?

Tùy tiện, tùy nghi, tùy trình độ khả năng và lòng mong muốn cầu tiến của HÀNH GIẢ. Có thể, thọ một tháng hai ngày, bốn ngày, sáu ngày, tám ngày, theo phép BÁT QUAN TRAI KỶ. Nếu TINH TẤN hơn nữa, thì nguyện thọ BÁT QUAN TRAI TRƯỜNG cũng có nhiều lợi ích tốt đẹp lắm vậy.

BÁT QUAN TRAI KỶ LÀ NHỮNG NGÀY NÀO?

Một tháng có tám ngày cách khoảng đều nhau để cho dễ Nhớ, dễ HÀNH, đó là:

- Ngày mùng năm - Ngày mùng tám
- Ngày mười bốn - Ngày rằm
- Ngày hai mươi - Ngày hai mươi ba
- Ngày hai mươi chín - Ngày cuối tháng (Tháng thiếu, ngày hăm tám và hăm chín.)

NGÀY THỌ BÁT QUAN TRAI PHẢI LÀM NHỮNG GÌ?

Dọn dẹp công việc nhà cửa cho ổn định xong xuôi vợ chồng giao kết không được gần nhau. Xong đến chùa trình bạch với thầy Tỳ khưu hoặc Sa di để xin truyền GIỚI.

NẾU KHÔNG ĐẾN CHÙA, XIN GIỚI CÓ ĐƯỢC KHÔNG?

Đến chùa được để XIN GIỚI thì tốt lắm. Thầy Tỳ khưu hay Sa di, là những bậc tu hành có GIỚI ĐỨC trong sạch, có TẶNG TƯỚNG trang nghiêm, thay mặt ba đời chư Phật và chư HIỀN THÁNH TẶNG hóa độ chúng sanh, như thể người HỌC TRÒ đến xin THỤ HUẤN nơi ông THẦY GIÁO vậy.

Trường hợp xa CHÙA, hoặc hoàn cảnh không thuận tiện có thể, đến trước bàn thờ Phật, mà NGUYỆN xin cũng được. Bằng như đi đâu lỡ đường, không có

đầy đủ tiện nghi, thì hướng mặt về phương Đông mà nguyện XIN GIỚI cũng được. Quý hồ là do nơi tâm lòng CHÍ THÀNH TRONG SẠCH, sự vâng giữ HÀNH THEO, chứ hình thức, nghi lễ chỉ là phương tiện mà thôi.

THỜI GIAN THỌ BÁT QUAN TRAI BAO LÂU VÀ LÀM GÌ?

Sáng hôm nay (ngày GIỚI) lúc mặt trời ló mọc cho đến ngày hôm sau khi hùng đông, trông rõ lá cây màu xanh hay màu vàng rõ rệt là đúng 24 giờ.

Vợ, chồng không được gần gũi dựa kề nhau là điều cần yếu đối với những người có gia đình. Nếu tiện, nên đến nơi Chùa hoặc NIỆM PHẬT ĐƯỜNG, để cùng nhau học hỏi thảo luận GIÁO LÝ, tham THIỀN quán tưởng.

Độ NGO xong, đi KINH HÀNH, nghỉ, buổi chiều, tham THIỀN quán tưởng thân TỨ ĐẠI giả hiệp nó tùy nhờn duyên sanh rồi diệt, xa lánh nơi ồn ào đô hội để cho thân tâm thanh tịnh thì có PHƯỚC nhiều.

Bằng như xin THỌ GIỚI rồi, về nhà lo bận rộn loay hoay với bao công việc, thì chẳng khác nào đưa trẻ CHẶN BÒ THUÊ, mà nó chẳng có CON nào cả.

TU KHÔNG GIỮ GIỚI, MÀ ĂN CHAY CÓ ĐƯỢC KHÔNG?

CHAY, theo lời Phật dạy:

- Trai giả, khiết giả, tịnh giả, giới giả, tẩy tâm viết trai. Phi thời bất thực vị chi trai.

Có nghĩa là "Chay là sạch vậy. Yên lặng vậy. Giữ GIỚI trang nghiêm, rửa lòng trong sạch, quá ngộ, (phi thời) không ăn, gọi là CHAY."

Chứ có người nói ĂN CHAY, mà gà vịt cũng giết, chửi mắng đánh đập người, uống rượu say sưa, làm điều cần bậy vợ, con người, trộm cắp, lường gạt, giả dối v.v... thì sao gọi là CHAY được?

Chay là trau dồi, giữ gìn tâm cho thanh tịnh trang nghiêm theo điều GIỚI LUẬT mà đức Phật đã chuẩn hành khuyến giáo, chứ có phải ĂN VẬT THỰC, là đủ đâu?

THẾ TU ĂN CHAY KHÔNG TỐT SAO?

Tốt lắm chứ. CHAY theo SỰ, nghĩa là vật thực toàn bằng các thứ thảo mộc hoa quả, thì bao tử sẽ tiêu hóa dễ dàng hơn. Thân và tâm cũng được hưởng phần an lạc. Đó là nói phần vật chất bên ngoài. Nhưng có người tỳ vị không hợp, hoặc CHAY LẠT khắc khổ quá toàn là muối thì lại sinh ra nóng nảy, gắt gỏng, buồn phiền...Nói một cách khác, như chư Tăng đi PHÁP HÀNH Trì Bình Khát Thực để nuôi mạng sống mà chấp CHAY chấp MẶN, thì chả lẽ chỉ lo cái việc ĂN không thôi sao? Ai cho món gì dùng món ấy, không đòi hỏi, mà không được chối từ. Xin là xin TÂM LÒNG của Tín Thí Đàn na.

Bởi vậy, cho nên đức Phật không cấm chế việc ĂN CHAY hay ĂN MẶN, mà Ngài khuyên mọi người hãy GIỮ GIỚI cho trang nghiêm là điều tối cần. Việc Ăn Uống chỉ là phương tiện. Nếu ĂN CHAY là SỰ được viên dung, thì sự TU HÀNH cao quý tốt đẹp?

NÓI GIỮ GIỚI, MÀ ĂN CÁ THỊT TỪ BI CHỖ NÀO?

Đức THẾ TÔN cho phép các hàng XUẤT GIA TU SĨ và TẠI GIA CU SĨ được dùng TAM TỊNH NHỰC hoặc là NGŨ TỊNH NHỰC trong đời sống hàng ngày như sau:

1. Không thấy (không thấy người giết)
2. Không nghe (tai không nghe tiếng thú kêu la)
3. Thú tàn (thịt mà thú khác ăn còn thừa lại)
4. Không nghi (Không ngờ rằng người giết để thết)
5. Tự vẫn (tự nó chết vì một lý do nào đó)

Năm thứ thịt ấy, đức Phật cho phép dùng được.

Vì rằng lòng TỪ BI là đối với chúng sanh còn SỰ SỐNG, còn biết đau khổ, có Tri giác...Chứ khi chúng sanh đã mất mạng Sống rồi, thì chất còn lại là đất là nước mà thôi. Ăn hay Bỏ chỉ là chất thừa dư đáng nhèm gớm, thôi tha, bất tịnh.

GIỮ GIỚI cho trong sạch, có nghĩa là tự mình không giết, không bảo kẻ khác giết, không vui mừng khi thấy chúng sanh bị chết, đó là trau dồi lòng TỪ BI, thương xót mọi người, mọi loài một cách chân thành và đầy đủ TRÍ TUỆ vậy.

THỌ GIỚI RỒI, NẾU BỊ ĐỨT, PHẠM THÌ LÀM SAO?

Chúng ta còn là PHẠM NHƠN THỂ TỤC. Là còn có những lúc vô ý quên mình, dễ duôi lầm lạc. Thì trong sự sống còn, sự tiếp xúc miếng ăn, sự sống hàng ngày làm sao tránh khỏi những lỗi lầm vấp phải. Khi GIỚI bị đứt hay bợn nhớ hãy đến vị Tỳ khưu hay Sa di, hay đến trước bàn thờ Phật ăn năn sám hối mà xin GIỚI lại cho trong sạch, chẳng khác nào tấm vải bị lung rách hay dơ nhớp, cần phải giặt giũ cho sạch sẽ, khâu vá cho lành lặn như xưa thì tốt đẹp lắm.

NHỮNG TẠI GIA CÓ ĐƯỢC XEM LUẬT BẠC XUẤT GIA KHÔNG?

Được lắm chứ. Lúc đức Phật còn tại thế, Ngài cũng hằng khuyên dạy hàng tín đồ, tại gia cư sĩ, thiện trí thức, nam như ông CẤP CÔ ĐỘC, Vua TẤN BÀ SA, nữ như Bà VESAKHA v.v...nên nghe, học cho biết những điều GIỚI LUẬT của các bậc XUẤT GIA.

Trong bài " KINH 38 ĐIỀU HẠNH PHÚC" Kệ ngôn thứ tám đức THẾ TÔN có dạy:

- Sự suốt thông PHẬN SỰ (giới luật) của người xuất gia và tại gia là HẠNH PHÚC cao thượng.

Xem, coi, học hỏi cho biết để nhắc nhở chư Tăng, nếu có vị nào vô ý quên mình, dễ dãi phạm phải, cũng là điều TỐT, là cách HỘ TRÌ và BẢO TỒN CHÁNH PHÁP cách cao thượng:

Trái lại, coi biết rồi, sinh tâm ngã mạn công cao cho mình là tài, là giỏi, là thông tuệ, rồi đem sự vô ý quên mình của chư Tăng ra chỉ trích, xuyên tạc, bần tán có ý trọng vị này, khinh vị kia, phạm vào tội chia rẽ Tăng, làm cho đạo pháp bị phân hóa thì phạm tội TĂNG THƯỢNG MẠN vậy.

Tóm lại, TẠNG LUẬT có NĂM BỘ và tổng cộng có 21 ngàn PHÁP MÔN. Đây là LUẬT của bậc XUẤT GIA như sau:

1) ASDIKAMMA: Dạy về lý do răn cấm có cả thầy 19 điều học là:

- 4 pháp BÁT CỘNG TRỤ
- 13 pháp TĂNG TÀN
- 2 pháp BÁT ĐỊNH

2) PACITTIYA: UNG ĐỐI TRỊ có 201 điều HỌC nhất là UNG XÃ ĐỐI TRỊ

3) MAHÀVAGGÀ: Phần trọng đại dạy về chư Tăng. Có những đoạn quan trọng giáo huấn chư Tăng hành cho tốt.

4) GÙLA VAGGÀ: Phần nhỏ dạy về những TĂNG SỰ NHỎ CỦA Tăng.

5) Phần linh tinh, dạy về sự hội họp của các KHANDHAKA. Bộ này cần đoán phụ thuộc làm cho rõ rệt những ĐIỀU HỌC trước.

---o0o---

[03]

TAM TẠNG: LUẬN

CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ TẠNG LUẬN?

Phạn ngữ ABHI DHAMMÀ "TẠNG LUẬN" hay "VI DIỆU PHÁP" là phần quan trọng vi diệu nhất trong toàn thể GIÁO LÝ. Vì đây là phần triết lý cao siêu, phần tinh hoa của Phật giáo.

XUẤT XỨ TẠNG LUẬN NHƯ THẾ NÀO?

Đối với một vài học giả cho rằng VI DIỆU PHÁP không phải do đức THẾ TÔN giảng, mà là do các nhà SƯ uyên bác sau này khởi thảo. Như vậy, không khéo có ý xuyên tạc, vô tình phủ nhận trí tuệ siêu phàm của đấng TOÀN GIÁC, thầy cả chư thiên và nhơn loại.

KẾT TẬP TAM TẠNG lần thứ nhất, sau khi đức Phật NHẬP NIẾT BÀN ba tháng, do Đại đức ANANDA và Đại đức UPALI thay nhau vấn và đáp trước sự chứng minh của 500 vị thánh TĂNG LA HÁN. Và cũng được phiên dịch sắp xếp vào TẠNG LUẬN thì những giả thuyết trên kia chỉ là vu vơ không căn cứ vào đâu được.

TẠNG LUẬN, ĐỨC PHẬT THUYẾT TỪ BAO GIỜ?

Đắc thành đạo quả TOÀN GIÁC. Bánh xe PHÁP bắt đầu chuyển để khai ngộ cho quần sanh. Khi ấy, đức THẾ TÔN tưởng nhớ đến công đức cao dày của đức Phật mẫu MÀYA từ vô lượng kiếp. Ngài quán xem thấy Bà đương thọ sanh nơi cung trời ĐÁU XUẤT, hưởng thú thanh nhàn với chư thiên, do nhờ phước báu của bà bảo trợ.

Những ý tưởng sau đây, phát sanh lên với Ngài.

Ân đức của Phật mẫu đối với NHƯ LAI thật là cao dày. Bây giờ phải đền ơn cho Bà bằng cách nào cho xứng đáng cao thượng đây?

Rồi Ngài lại nghĩ. TẠNG KINH có 21 ngàn pháp môn TẠNG LUẬN có 21 ngàn Pháp môn. Chỉ có TẠNG LUẬN cao siêu vi diệu mới xứng đáng với công đức cao dày và hợp với trình độ chư thiên trong cảnh giới ấy.

Nghĩ rồi, Ngài quyết định nhập hạ thứ bảy tại cung trời ĐAO LỢI, thuyết trọn ba tháng phân VI DIỆU PHÁP để đền ơn cơm sữa từ vô lượng kiếp.

ĐỨC PHẬT THUYẾT Ở CUNG TRỜI, CHÚNG SANH SAO BIẾT?

Suốt ròng rã ba tháng hạ nơi cung trời ĐAO LỢI đức THẾ TÔN thuyết giảng để Phật mẫu MAGIA từ cung trời ĐÁU ĐÀ XUẤT xuống nghe. TẠNG LUẬN gồm có 42 ngàn pháp môn. Trong quyển "THE BUDDHA AND HIS TEACHINGS" trang 191, Đại đức NÀRADA có thuật:

Mỗi ngày, đức Phật dùng thần thông trở về quả địa cầu để tóm tắt các bài Pháp cho ngài Đại đức XÁ LỢI PHÁT nghe. Và chính vị đại đệ tử uyên bác này, giảng rộng GIÁO LÝ ấy ra cho các đệ tử, huynh đệ cùng nghe dưới sự chứng minh của đức Phật Tổ?

TẠNG LUẬN còn lưu truyền cho đến ngày nay, một phần là những bài PHÁP đầy đủ chi tiết do ngài XÁ LỢI PHÁT truyền dạy.

Khi nghe xong những thời PHÁP ấy, Phật mẫu MÀYA đắc thánh QUẢ TU ĐÀ HOÀN và 10 ngàn chư thiên đều đắc.

NỘI DUNG CỦA TẠNG LUẬN RA SAO?

Đối với các bậc thiện trí thức, muốn tìm chơn lý TẠNG LUẬN là quyển KINH chỉ đạo khẩn yếu, vừa là một khảo luận vô giá. Ở đây có đủ thức ăn tinh thần cho các tư tưởng gia và các học giả muốn mở mang trí tuệ và đời sống lý tưởng

của người Phật tử. VI DIỆU PHÁP không phải là một loại SÁCH đọc qua để cầu VUI hay giải trí. Khoa TÂM LÝ HỌC cận đại vẫn còn nằm trong phạm vi của VI DIỆU PHÁP khi đề cập đến TÂM. Tư tưởng, tiến trình tư tưởng và Nhưng TẠNG LUẬN không chấp nhận một LINH HỒN bất biến hiểu như một THỰC THỂ trường tồn

Như vậy, VI DIỆU PHÁP dạy một thứ TÂM LÝ HỌC trong đó không có LINH HỒN. Đọc VI DIỆU PHÁP như một quyển sách TÂM LÝ HỌC hiện đại, thì ắt phải thất vọng, vì ở đây không có ý định giải quyết tất cả những vấn đề của TÂM LÝ HỌC hiện đại.

TÂM hay TÂM VƯƠNG "CITTA" được định nghĩa rõ ràng tư tưởng, được phân tích và sắp xếp lại để thành từng loại về phương diện luân lý. Tất cả những trạng thái TÂM hay TÂM SỞ "COTASIKA" đều được kể cẩn thận. Thành từng cấu hợp của mỗi loại TÂM được kể ra từng chi tiết, tư tưởng phát sanh thế nào cũng được mô tả tỉ mỉ.

Riêng những chấp TƯ TƯỞNG "BHAVAMGA" và "JHAVANA" chỉ được đề cập đến và giải thích trong VI DIỆU PHÁP. Thật là một đặc biệt hữu ích cho những ai muốn khảo cứu về TÂM LÝ HỌC. Những vấn đề không liên quan đến sự giải thoát đều được đề qua một bên, không được bàn.

TẠNG LUẬN CÓ BAO NHIÊU BỘ?

TẠNG KINH chứa đựng những lời dạy, định nghĩa thông thường. Còn TẠNG LUẬN gồm những GIÁO LÝ cùng tột PHẬT GIÁO TẠNG LUẬN gồm có bảy BỘ cả thảy:

- | | |
|--------------------|-----------------------------|
| 1. DHAMMASANGHATI | Phân loại PHÁP |
| 2. VIBHANGHA | Những phân hạng |
| 3. DHÀTUKATHÀ | Các bài Pháp về sắc |
| 4. PUGGALA PUNNATI | Quyển sách về những cá tính |
| 5. KATHÀVATTHU | Những điều tranh luận |
| 6. YAMAKA | Quyển sách về những cặp đôi |
| 7. PATHÀNA | Quyển sách đề cập nhơn quả |

NGOÀI BẢY BỘ ẤY, CÒN CÓ GIÁO LÝ NÀO NỮA KHÔNG?

Đức Phật là đấng TỐI THƯỢNG. Là đấng THIÊN NHƠN SƯ. TAM TẠNG KINH ĐIỂN PÀLI được chư THÁNH TĂNG thuộc năm lòng. Ba tháng, sau khi đấng CHA LÀNH lên đường TỊCH DIỆT, chư A LA HÁN gồm 500 vị, họp nhau để ôn tập những lời vàng ngọc trên. Và cứ theo đó, còn có những kỳ KẾT TẬP tiếp theo, thì không có một lý do gì mà GIÁO PHÁP được thêm hoặc bớt tí nào cả.

Ngoài TAM TẠNG KINH ĐIỂN đã được GIÁO HỘI TĂNG GIÀ NGUYÊN THỦY THẾ GIỚI thừa nhận, thì không còn một BỘ KINH nào gọi là lời DẠY của đức Phật được nữa.

MUỐN TÌM HIỂU GIÁO LÝ, KINH ĐIỂN BÂY GIỜ NHIỀU QUÁ, LÀM SAO PHÂN BIỆT CHÂN GIÁ?

Như trên đã nói Lời vàng đức Phật hằng khuyên

- Nay các thầy Tỳ khuru.

Sau khi NHƯ LAI lên đường tịch diệt, người ta sẽ nói lời này là của NHƯ LAI, lời kia là của NHƯ LAI, các người đừng vội tin, mà cùng đừng vội bỏ. Nghe rồi phải suy luận. Lời nói nào đúng chân lý, là lời nói của NHƯ LAI. (DI GIÁO KINH)

TAM TẠNG KINH ĐIỂN là nền tảng vững chắc.

Ngoài ra, để tuyên truyền xuyên tạc, ngoại đạo, tà giáo cũng soạn những bài KINH, lời giống như KINH thật. Song người ta sửa chỗ này một ít, chỗ kia một ít, chỗ kia tí, hoặc viết theo suy luận cá nhân, mà họ tự xưng là THẦY, là TỔ, để ông này thêm một chút, ông kia bớt một tí. Phái này hành MÔN này, phái nọ hành MÔN kia với quan niệm "VÔ LƯỢNG PHÁP MÔN TU" ngõ hầu lôi kéo một số tín đồ nhẹ dạ, ít suy xét, không chịu khó, "TỰ TU, TỰ ĐỘ" mà chỉ biết trông cậy nương nhờ, van xin cầu khẩn một nơi một "THA LỰC THẦN QUYỀN" huyền bí, lằng lằng lạc nẻo, sai đường, mà vẫn cho là PHẢI, là ĐÚNG.

Bởi vậy cho nên, khi còn tại thế, đức Phật hằng khuyên dạy hàng đệ tử như sau:

- Nay các thầy Tỳ khuru. Không có một con vật nào có thể làm hại con SU TỬ là CHÚA SƠN LÂM. Chỉ có những con chí, con rắn trong mình Sư Tử, đeo níu hút máu, làm cho Sư Tử ốm gầy. Cũng như thế ấy, GIÁO LÝ của đức Phật cao siêu quá. Đơn thuần tinh khiết quá. Mà bản tánh của con người là ưa thích cái gì huyền bí, tiềm ẩn theo tính hiếu kỳ. Bởi vậy, cho nên vì lợi ích cá nhân, vì tài danh lợi lộc mà ngoại đạo đáp ứng vào thị hiếu đó. Và do sự nhẹ tin, thiếu suy xét của tín đồ, mà họ lái lẩn ra ngoài biên đạo, mà có ai hay, ai biết đâu.

Nghe lời lằng lặc, không lo giữ GIỚI trì TRAI, chỉ đêm ngày lo cầu khẩn van xin, kể lễ, mong nhờ nơi một đấng tha lực thần quyền, thì tự mình làm cho CHÁNH PHÁP suy đồi vậy.

CÂU VÔ LƯỢNG PHÁP MÔN TU, CÓ NGHĨA NHƯ THẾ NÀO

Vô lượng pháp môn là bao nhiêu?

Theo Tam Tạng Kinh Điển thì chỉ có tám vạn bốn ngàn pháp môn thôi. Nhưng nói thì nhiều, đó là giải thích suy luận, phân tích theo Kinh Luật và Luận cho rành mạch, dễ hiểu, dễ hành, tùy hoàn cảnh, trình độ căn cơ của chúng sanh mà

tùy duyên hóa độ, song tóm lại có thể cô đọng, đúc kết lại tất cả vòn vẹn chỉ có bốn Kệ Ngôn Vàng Ngọc sau đây.

SABBA PÀPASSA ÀKARANAM
KUSÀLESSA UPPSAMPÀDA.
SACITTA PARUYO DAPANAM
ETAM BUDDHÀ SASSANAM

Hán dịch:

- Chư ác mạt ác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chơn Phật giáo.

Việt dịch:

- Đừng làm các việc dữ
Hãy tạo trử việc lành
Rửa lòng cho trong sạch
Lời Phật dạy đành rành

Trong đó, có thể bao gồm các đề mục như TỨ DIỆU ĐẾ, THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN và BA MƯỚI BẢY PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ, hay cô đọng thêm tí nữa là Tam Học để diệt trừ Tham Sân và Si vậy.

Nội dung của TAM TẶNG KINH ĐIỀN nói rộng ra, suy luận cho nhiều, hay cô đọng ít lại, cũng chỉ trong những đề tài trên .

Nói "VÔ LƯỢNG PHÁP MÔN TU" là tự cho mình đi ra ngoài tầm hiểu biết của đấng ĐẠI GIÁC NGỘ, thầy cả Trời và NGƯỜI trong TAM GIỚI rồi sao?

Tóm lại, tóm tắt phần ABHI DHAMMA "LUẬN" có nghĩa là VI DIỆU PHÁP HAY PHÁP HUYỀN DIỆU, ý nói PHÁP vi tế, phải hiểu bằng trí tuệ, quan sát mới thấy rõ mới thông hiểu được. TẶNG này chia ra làm bảy bộ có bốn mươi hai ngàn PHÁP MÔN như sau:

1. DHAMMA SANGHANI - Phần loại pháp. Thuyết trong 16 ngày.
2. VIBHANGA - Nghĩa là thành phần khác nhau. Có 18 VIBHANGA. Nhất là KHANDHA VIBHANGA (thành phần của UẨN) thuyết trong 12 ngày.
3. DHÀTU KÀTHA. - Giải về chất UẨN. Thuyết trong 6 ngày.
4. PUGGALA PUNNATI - Tên của nhơn vật.
5. KATHÀ VATTHU . - Nói về vật sanh lên do sự nghi ngờ. Đúc THỂ TÔN còn dùng thần thông hóa ra hai vị. Một vị vấn 500 câu. Vị đáp 500 câu. Thuyết trong 13 ngày.

6. MAHÀ PATTHÀNA - Pháp có đôi. Thuyết trong 33 ngày.

7. YAMAKA - Pháp có đôi. Thuyết 13 ngày.

Trong bộ chú giải SUMANGALA VILÀNASI, Ngài Đại đức BUDDHÀGHOSA có thuật lại lời nói của Đại đức ANANDA nói, sau khi KẾT TẬP TAM TẠNG lần thứ nhất như vậy.

DVÀVISSATI BUDDHATO GANHIM.
DVE SAHASSÀNI BHIKKHUTO.
CATUNASITI SAHASSÀNI.
YO TE DHAMGÀ PAVANTITO.

Có nghĩa là:

- Pháp nào ngự trong TÂM tôi, và do nơi KHẨU tôi thuyết ra. Những PHÁP ấy, có tám vạn bốn ngàn PHÁP MÔN.
- Tôi đã được học hỏi ngay với đức THẾ TÔN tám vạn hai ngàn Pháp môn.

LƯU Ý:

-Những lời của chư vị A LA HÁN thuyết, được đức THẾ TÔN nhìn nhận là đúng. Những lời ấy, chỉ có trong TẠNG KINH, BỘ KHUTA NIKÀYA, chứ không có trong TẠNG LUÂN.

---o0o---

PHÁP CĂN YẾU

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA BÀI PHÁP ĐẦU TIÊN?

Bài PHÁP đầu tiên của đức Phật thuyết ra gọi là DHAMMA CAKKA. Phạn ngữ này được phiên dịch là VƯƠNG QUỐC của CHƠN LÝ, hay BÁNH XE CHƠN LÝ cũng được.

Theo các CHÚ GIẢI SỰ, DHAMMA có nghĩa là TRÍ TUỆ. Hay là sự Hiểu Biết. CAKKA cũng có nghĩa là chơn lý. CAKKA là bánh xe. Do đó, còn gọi là PHÁP LUÂN. Bài PHÁP đầu tiên được gọi là "CHUYỀN PHÁP LUÂN"

CHUYỀN PHÁP LUÂN, ĐỨC PHẬT THUYẾT VỀ GÌ?

Đầu tiên, đức Phật dạy năm thầy Kiều Trần Như:

- Này các thầy tỳ khưu.

Có hai CỰC ĐOAN mà hàng XUẤT GIA phải xa lánh: Hai CỰC ĐOAN ấy là thể nào? Và Ngài giải thích.

1) Sự dễ dãi trong DỤC LẠC là thấp hèn, là thô bỉ, phạm tục, không xứng đáng phạm hạnh của bậc Thánh nhơn.

2) Sự thiết tha gắn bó trong lối TU KHỔ HẠNH là đau khổ, không đúng với bậc THÁNH NHƠN và cũng vô ích.

Từ bỏ hai CỰC ĐOAN ấy, NHƯ LAI đã chứng con đường TRUNG ĐẠO "MAJJHIMÀ PATIPÀDA" là con đường đem lại nhãn quan tri kiến và đưa đến an tịnh trí tuệ cao siêu để giác ngộ đến NIẾT BÀN.

Hỡi này các thầy Tỳ khuru.

Con đường TRUNG ĐẠO mà NHƯ LAI đã chứng ngộ, con đường đem lại nhãn quan tri kiến và đưa đến an tịnh trí tuệ cao siêu, giác ngộ và NIẾT BÀN là gì?

Chính là BÁT CHÁNH ĐẠO, con đường có tám chi.

- Hỡi này các thầy Tỳ khuru. Đó là con đường TRUNG ĐẠO mà NHƯ LAI đã chứng ngộ.

(Giải rõ ở phần sau)

Đức Phật giảng tiếp.- Hỡi các thầy Tỳ khuru. bây giờ đây là CHƠN LÝ cao thượng mà NHƯ LAI đã tìm ra đã tìm cách diệt trừ và đã được hoàn toàn sáng suốt. Chơn Lý cao thượng ấy là gì? là TỨ DIỆU ĐẾ vậy.

TỨ DIỆU ĐẾ NGHĨA LÀ THẾ NÀO?

Là BỐN NGUỒN GỐC, chơn lý cao thượng chắc chắn của đức Phật đã tìm thấy (chứ không phải làm ra) và đã thuyết minh. TỨ DIỆU ĐẾ ấy là.

1. DUKKHA ARIYA SACCA.- Khổ đế
2. DUKKHA SAMUDAYA ARIYA SACCA.- Tập đế
3. DUKKHA NIRODHA ARIYA SACCA.- Diệt đế
4. DUKKHA NIRODHA GÀMINI PATIPÀDA ARIYA SACCA.- Đạo đế.

THẾ NÀO GỌI LÀ KHỔ ĐẾ?

Đức THẾ TÔN đã dạy:

-Hỡi này các thầy Tỳ khuru. Đây là chơn lý cao thượng về sự Khổ. DUKKHA ARIYA SACCA

"KHỔ THÀNH ĐẾ " SANH mà khổ. Già là khổ. Bệnh là khổ. Chết là khổ. Sống chung với người mình không ưa là khổ. Xa lìa những người thân yêu là khổ. Mong ước không được là khổ. Tóm lại, chính tâm thân NGŨ UÂN này là GỐC sinh ra bao nỗi KHỔ.

KHỔ SANH LÀ THẾ NÀO?

Đức Phật gọi "SANH là KHỔ."

Bởi vì chúng sanh phải có sự khổ từ khi di chuyển sanh trong bốn Loài là.

1. NOÃN SANH. Sanh trong trứng, sau mới nở thành con như gà, vịt, chim v.v..
2. THAI SANH. Thọ sanh vào bào thai mẹ như người, thú, trâu bò v.v...
3. THẤP SANH. Sanh nơi ẩm thấp dơ dáy như trùn, dế, kiến, mối v.v...
4. HÓA SANH. Hóa nguyên hình, như chư thiên khi sanh ra đầy đủ thể chất.

Hạng này gồm chung các loại như phi nhơn vô hình, A Tu La, ngạ quỷ, dạ xoa, ma, quỷ v.v...

Tất cả chúng sanh trong bốn loài này đều phải bị sự sanh chi phối. Nó là duyên khởi luân hồi trong Tám Giới, Sanh rồi Diệt. Diệt rồi Sanh, khắp Loài khắp cõi không nơi cùng tột. Dù là chúng sanh thuộc loại Thai Sanh, có đủ lục căn đầy đủ, hoặc không đầy đủ, thuộc loại Noãn Sanh, Thấp Sanh hay Hóa Sanh chẳng hạng đều phải chịu các sự Khổ Sanh như nhau, không sao lường được. Nhưng riêng loại Thai Sanh có phần chịu nặng nề hơn. Trong Kinh, đức Phật đã thuyết, loài Thai Sanh từ lúc Sanh ra đến khi Chết, bị duyên Nghiệp mà phải lãnh chịu Mười Điều Thống Khổ như sau.

1. BIẾN TƯỢNG KHỔ

Từ khi Noãn Châu của cha gặp Noãn Sào của mẹ đậu thai trong lòng mẹ, chút xíu cho đến lúc Ngũ Quan đầy đủ, chịu co rút, chật hẹp, tối tăm, tanh dơ hôi hám đó là cái Khổ đầu tiên.

2. KINH KHỦNG KHỔ

Khi mang thai, mẹ đi, đứng, nằm, ngồi day trở thân mình hoặc rủi ro vấp ngã, thai nhi phải chịu cảnh nhào xóc, mệt nhọc, lo sợ không cùng đó là cái khổ thứ hai

3. HOÀNH SANH KHỔ

Đến phút lâm bồn, gió duyên Nghiệp đẩy lộn cái bào thai day đầu trở xuống, chân lên trên, trôi ra phía sau sản môn ví như người bị té rời xuống hố sâu giật mình hốt hoảng, đó là cái khổ thứ ba.

4. NAN SẢN KHỔ

Lúc ra cửa sản môn chật hẹp, bị kẹt ép khó chịu vô cùng, ví như con voi chui qua kẹt đá. Có khi bào thai không thuận, lại nằm ngang bụng mẹ, làm cho không sanh ra được, thật biết bao đau khổ.

5. HÀN THỐNG KHỔ

Thai nhi ra khỏi lòng mẹ, thân mình dính đầy nhót nhau, máu huyết, ớn bà đem đi tắm rửa kỳ mài cho da non đau đốn, lạnh lẽo vì như dao cắt, kim châm biết bao sự khổ.

6. THỌ NGHIỆP KHỔ

Hài nhi sanh ra rồi, lớn lên, nếu tiền kiếp gây nghiệp dữ, nay lãnh quả chẳng lành như bị tật nguyên bệnh hoạn đui, què, câm điếc v.v...

7. QUẢ BÁO KHỔ

Khi trưởng thành, có lúc phải bị trả quả tiền khiên do mình gây tạo, mà phải bị kẻ khác đánh đập, đâm, chém, hãm hại, hoặc bị phạm tội tù giam cấm v.v...

8. DUYÊN SANH KHỔ

Khi sự Sanh, nguồn gốc tất cả các sự khổ. Hễ có Sanh thì có Khổ. Chúng sanh phải đọa vào cảnh giới địa ngục, chịu khổ của lửa, địa ngục thiêu đốt ngày đêm không ngừng nghỉ cũng vì cái Duyên Sanh.

9. CHÚNG SANH, VÀO LÀM SÚC SANH

Vào cảnh giới Súc Sanh, hằng ngày làm những công việc nặng nề, giải nắng, dầm mưa lại còn bị đánh đập hành hạ, khi chết còn bị phanh thây, xẻ thịt, căng da, đập tủy v.v...

10. CHÚNG SANH ĐI VÀO CẢNH GIỚI NGẠ QUỖY.

Hằng ngày phải chịu đói, nhịn khát, nhe nanh, ăn toàn mủ máu hôi tanh, chịu sự nóng lạnh thiêu đốt ngày đêm biết bao thống khổ...

Nói chung, Mười Điều Thống Khổ là do Duyên Sanh xiết bao Đau Khổ.

KHỔ GIÀ RA LÀM SAO?

Phạn ngữ JARU DUKKHA dịch Khổ Già, đức Phật dạy:

- Nay các thầy Tỳ khuru.

Sự Già có mãnh lực tàn phá làm cho thay đổi thân mình chúng sanh. Nhất là sự tóc bạc da nhăn, răng long, má hóp mắt mờ, tai điếc v.v...làm cho thân thể gầy còm. Như Lai gọi là sự khổ vì Già là vậy.

Sự Già với con mắt thường không thể xem thấy thấu đáo được, trừ hạng có tuệ nhãn mới thấy rõ ràng. Sự Già ví như lửa cháy đám Rừng. Đám rừng bị lửa cháy lúc nào không ai biết. Nhưng khi thấy đống tro tàn, than nguội mới biết đám rừng đã cháy tan. Cũng như thế ấy sự già không ai biết nó đến tàn phá chúng sanh từ lúc nào. Đến khi thấy răng long tóc bạc, má hóp, da mồi v.v...mới rõ sự Già đã ngấm ngấm tàn hại chúng sanh. Sự Già ví như sợi chỉ của người thợ dệt từng tí, hàng giờ, hàng ngày không ngừng nghỉ, thành ra tấm vải to thì sự Già nó ăn lần tuổi thọ của chúng sanh cũng như thế ấy. Sự Già làm

cho lục căn hư hại, 32 thể trước lần lần thay đổi, phải khô héo, hao mòn từng sát na, từng thời phiêu. Tế bào này hoại, tế bào khác lên thay (mười phần trăm máu thay đổi trong một ngày) xét đến phải chán nản, ghê sợ cho định luật vô thường và cũng xót thương cho xác thân của tất cả chúng sanh trong Tam Giới. Cái thân xác của ta đây, ví như cái Nhà, do thợ làm Nhà tạo thành. Cái Nhà, là thân xác, bao giờ, lúc nào cũng bị gió mạnh là sự Già thổi đến phá hoại luôn luôn. Rồi đây, nó cũng không thể đứng mãi được, mà phải lần lần xiêu đổ. Sức mạnh của ta vì sự Già mà lần lần suy giảm. Bốn oai nghi phải bạc nhược nên sự đi đứng, nằm, ngồi rất mệt nhọc, khó khăn. Ta phải chịu sự khổ não không hạn lúc nào và cũng không bao giờ, dứt được.

Bởi vậy, nên đức Phật gọi "Khổ Vì Già" là vậy.

THỂ NÀO LÀ KHỔ BỆNH?

Đức Thế Tôn gọi BYADHI DUKKHA "Khổ Bệnh"

-Này các thầy Tỳ khưu. sự Bệnh mà phát khởi lên trong thân Tứ Đại của tất cả chúng sanh, chẳng qua là do Tứ Đại bất đồng, Âm dương không tương tế, có khi vì lạnh quá, nóng quá, cho nên trăm Bệnh tùy duyên nặng nhẹ mà phát sanh. Bệnh nhẹ như chóng mặt, nhức đầu, đau bụng v.v...còn nặng như dịch hạch, trái trời, thương hàn, thổ huyết. Các chứng bệnh hằng vương vấn theo đuôi, làm cho chúng sanh chịu đau khổ không sao kể xiết, nên Như Lai gọi "Khổ Vì Bệnh" vậy.

THỂ NÀO GỌI LÀ KHỔ CHẾT?

MARANAM DUKKHA "Khổ Chết" đức Thế Tôn giải như:

- Này các thầy Tỳ khưu. Pháp nào mà vùi dập cái Tâm, làm cho tiêu tan Ngũ Uẩn, làm cho Thức Thần lìa khỏi xác đờ, làm cho dứt đoạn sự sống của chúng sanh, Như Lai gọi là "Pháp Làm Cho Chết".

Bởi khi Thần Thức lìa khỏi xác thịt, thì chất Lửa trong thân Tứ Đại phát sanh lên mạnh, làm cho thân thể nóng hầm, tinh thần mê sảng, cũng ví như ai đem lò Lửa đốt bên mình. Nếu chúng sanh trước kia tạo nghiệp dữ do thân khẩu ý chẳng hề thương xót nhau, khi sắp chết, hiện tượng của Tâm Tướng "GATINIMITTA" hoặc khổ Nghiệp "DUKKHA NIMITTA" lần lượt hiện ra làm cho thấy rõ ràng Khổ Cảnh. Quái tượng như Lửa Điện Ngục, thấy quỷ sứ cầm khí giới đến xẻ thịt, phanh thây, thấy bị xiềng xích, trói trăn, thấy quạ, kên kên bao vây cắn mổ. khi người sắp chết, hải hùng thương tiếc cái thân tứ đại, sự sanh tồn của mình, hoặc phải xa lìa vợ chồng, con cái, tiền của v.v...nó làm cho tâm xốn xang bứt rứt, lại thêm thịt dẹt, gân thun, xiết bao hải hùng. Đau khổ. Bởi thế cho nên, tất cả chúng sanh trong Tam Giới, trừ Phật và chư vị A La Hán, ngoài ra tất cả chúng sanh đều hết lòng sợ sệt sự Chết.

Như chúng ta có sự Sống trên đời này, đến khi cái Thức Thần muốn lìa bỏ xác thân Tứ Đại, chúng ta hồi tiếc và lưu luyến sự Sống vô ngần. Các sự thống khổ trong khi Chết không sao kể hết được. Cho nên đức Thế Tôn gọi "KHỔ VÌ CHẾT".

CÒN CÁC SỰ KHỔ KIA NHƯ THẾ NÀO?

Khổ vì Trái Ý Nghịch Lòng. Nóng nảy bực bội trong Tâm, làm cho ăn chẳng ngon, ngủ không yên, khổ vì "Sanh Ly Tử Biệt" xa lìa thân bằng quyến thuộc, nước mắt chan hòa, lệ tuôn xối xả, sự buồn phiền nung đốt con Tâm.

Khổ vì Khổ. Làm cho Tâm chúng sanh hồi hộp rụt rè, hơi thở nặng nề mệt nhọc, vì bị kẻ mạnh hãm hiếp, hoặc có tội với Quốc Luật, phải chịu hình phạt, Khổ vì nóng nảy, bực bội trong Tâm, khi bị rầy la đánh đập, hoặc bị vu oan giá họa v.v...

Khổ vì không ưa mà phải gần. Ngũ Trần là sắc thính hương vị và xúc mà không hợp, không ưa, không vừa lòng, đẹp ý mà phải gần gũi thân cận, tuy muốn xa lánh mà không sao xa được. Trái lại những ngũ TRẦN nào thích hợp, hằng ưa muốn, tiếp xúc, dựa kề lại phải bị phân chia ngăn cách, hoặc giả như vợ, con cha mẹ, thân bằng quyến thuộc mà phải xa lìa nhau thì KHỔ biết bao?...

CẦU MÀ KHÔNG ĐƯỢC, phát khởi do lòng HAM MUỐN. Hy vọng điều gì mà không toại nguyện, không đạt kết quả, thất vọng, buồn phiền, thật là KHỔ.

NGŨ UÂN KHỔ, là tám thân do đất nước lửa gió và cái THỨC gia hiệp này, nó đâu có lâu dài bền chắc. Rồi phải bị chi phối của vô thường, mà ta cứ mãi cố chấp nơi sắc thính hương vị xúc cho là thỏa thích vừa lòng, chấp nơi sắc thọ, Tướng Hành thức, cho là thiết của ta. Sự cố chấp ấy, chẳng qua là miếng mồi của ÁI DỤC. Khi các UÂN tiêu tan theo Định luật, chúng sanh phải ưu sầu khổ não.

Trong KINH VISUDDHI MAGGA, đức Phật giải rõ.

Này các thầy tỳ khưu. các bậc tu hành trí tuệ muốn tham cứu về TỨ DIỆU ĐẾ, phải biết rằng, sự cố chấp thân NGŨ UÂN này là nơi phát sanh MUỖI TỘI KHỔ cũng như quả địa cầu là nơi phát sanh các loài thảo mộc.

THẾ NÀO GỌI LÀ TẬP KHỔ DIỆU ĐẾ?

DUKKHA SAMUDAYA ARIYA SACCA "Tập khổ diệu đế" chọn lý cao thượng, chắc thật. Nguyên nhân sanh các sự KHỔ, được đức THẾ TÔN giảng giải như vậy:

Này các thầy tỳ khưu.

Vì lòng ÁI DỤC làm cho chúng sanh, thọ sanh vào các cảnh giới nhỏ to mới v.v...ÁI DỤC là sự khao khát, thèm muốn vui thích trong TAM GIỚI. Cho nên chúng sanh sanh vào cảnh giới nào cũng tại nó dắt dẫn và đeo đuổi trong cảnh

giới ấy, không rời bỏ bao giờ. Sự ưa muốn về NGŨ TRẦN, sắc thính hương vị xúc nó ôm ấp khăng khít trong tâm chẳng khác nào một sợi DÂY XÍCH trói cột chân chúng sanh trong TAM GIỚI, mà phải lãnh chịu cái nạn sanh tử, tử sanh, chịu tiêu tụy xác thân, rồi khổ chết chực chờ đoạn cắt mạng căn. Lòng ÁI DỤC của chúng sanh còn được phân ra ba bậc là:

1. KÀMA TANHÀ. - Ái dục trong cõi Dục
2. BHÀVA TANHÀ. - Ái dục trong cõi sắc giới
3. VIBHANVA TANHÀ. - Ái dục trong cõi vô sắc

THẾ NÀO LÀ ÁI DỤC TRONG CÕI DỤC GIỚI?

Cái TÂM tham luyến cho NGŨ TRẦN. Vọng móng cho được sanh lại làm người và làm chư Thiên trong sáu tầng TRỜI DỤC GIỚI do phước báu của sự bố thí và trì giới bảo trợ.

THẾ NÀO GỌI LÀ ÁI DỤC TRONG CẢNH SẮC GIỚI?

TÂM ham muốn của bậc tu hành vì lòng THƯỜNG KIẾN, nghĩ rằng "Nếu sanh vào cõi trời SẮC GIỚI thì sẽ tránh được cái khổ già đau chết, vì tuổi THỌ quá lâu, tưởng là BẤT TỬ" mà cố gắng tinh tấn tu hành THAM THIÊN để mong mỗi sanh vào cõi trời SẮC GIỚI.

THẾ NÀO GỌI LÀ ÁI DỤC TRONG VÔ SẮC GIỚI?

Sự tham lam của TÂM ĐOẠN KIẾN cho rằng, nếu sanh vào cõi trời VÔ SẮC, thì tự nhiên đoạn tận nguồn sanh tử luân hồi (vì tuổi THỌ lâu) cho nên chấp theo ĐOẠN KIẾN ấy mà cố tu để được thọ sanh vào cõi ấy.

Ba cái TÂM ÁI DỤC này, gọi là "TẬP KHỔ DIỆU ĐỀ" vì nó là cái tập NHÂN để sanh quả KHỔ. Ngoài ba cái TÂM ÁI DỤC trên, cái sự KHỔ không theo đâu là phát sanh ra được. Bởi TÂM ÁI DỤC hằng dấy dẫn chúng sanh xô đẩy làm cho chúng sanh phải bị trầm luân, đời đời kiếp kiếp trong biển khổ. Cái biển chính là TAM GIỚI mênh mông, không bờ, không bến, không nơi nương tựa, cho nên đức Phật gọi "ÁI DỤC là MẸ CÁC TỘI KHỔ"

DO ĐÂU MÀ TÂM ÁI DỤC ĐƯỢC TÍNH LÀ 108?

Sáu TÂM ÁI DỤC do lục căn là nhãn nhĩ tỷ thiệt, Thân và Ý tiếp xúc với sáu TRẦN là sắc thính hương vị xúc và pháp thành ra 12 TÂM ÁI DỤC trong đời hiện tại. Dem hiệp với 12 TÂM trong quá khứ và 12 TÂM trong tương lai. Vị chi 36 TÂM ÁI DỤC. Dem 36 TÂM ÁI DỤC này nhân cho Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới thành ra 108 TÂM ÁI DỤC vậy.

THẾ NÀO GỌI LÀ DIỆT KHỔ DIỆU ĐỀ?

Phạn ngữ NIRODHA ARIYA SACCA " Diệt Khổ Diệu Đề" là chơn lý cao thượng, chơn thật làm cho tiêu tan các điều thống khổ, đức THẾ TÔN giải về DIỆT DIỆU ĐỀ như vậy.

- Này các thầy Tỳ khuru.

Phương châm làm cho tiêu tan, không còn dư sót 108 cái TÂM ÁI DỤC, chẳng còn mền tiếc chi, các phương châm ấy, NHƯ LAI gọi là " DIỆT DIỆU ĐẾ" vậy.

TẠI SAO DIỆT KHỔ PHẢI DIỆT 108 TÂM ÁI DỤC?

- Phải. Trong vấn đề DIỆT KHỔ, chỉ là những phương pháp làm cho tiêu tan nỗi KHỔ, nhưng đức Phật nói diệt tận 108 TÂM ÁI DỤC là chí lý. Bởi vì các sự KHỔ chỉ là nhánh nhóc của lòng ÁI DỤC. ÁI DỤC chưa trừ, thì các sự KHỔ luôn luôn phát triển.

Đức THẾ TÔN dạy phải diệt 108 TÂM ÁI DỤC không cho dư sót, đó gọi là DIỆT KHỔ vậy. Mà khi các sự KHỔ đã được tận diệt rồi, thì đâu còn phiền não phát sanh, tức là đạt đến ĐẠO QUẢ NIẾT BÀN vô SANH bất DIỆT, không còn Sanh tử luân hồi, vượt ra khỏi vòng TAM GIỚI, nghĩa là không có sự KHỔ nào nữa.

THẾ NÀO GỌI LÀ ĐẠO ĐẾ?

DUKKHA NIRODHA GAMINI PATIPADÀ ARIYA SACCA Diệt Khổ Đạo Đế, đức THẾ TÔN có dạy.

- Này các thầy Tỳ khuru.

Con ĐƯỜNG đi có thể diệt tận các điều thống khổ, được hưởng lạc thú NIẾT BÀN, CON ĐƯỜNG CHẮC THẬT cao thượng của các bậc THÁNH NHƠN, con ĐƯỜNG ấy là thế nào? Rồi Ngài giải tiếp:

- ĐẠO có TÁM CHI, có thể dập tắt các điều khổ não, là con đường chắc thật cao thượng của các bậc THÁNH NHƠN. CHÁNH ĐẠO ấy là nơi diệt trừ các tai hại của lòng THAM DỤC và sự PHIỀN NÃO, làm cho thấy rõ HUỆ ĐẠO và HUỆ QUẢ VÔ VI NIẾT BÀN không nơi cùng tột.

CON ĐƯỜNG TÁM NỂO ẤY LÀ THẾ NÀO?

BÁT CHÁNH ĐẠO LÀ.

1. CHÁNH KIẾN; 2. CHÁNH TƯ DUY
3. CHÁNH NGŨ; 4. CHÁNH NGHIỆP
5. CHÁNH MẠNG; 6. CHÁNH TINH TẤN
7. CHÁNH NIỆM; 8. CHÁNH ĐỊNH

CHÁNH KIẾN LÀ THẾ NÀO?

CHÁNH KIẾN là cái huệ cái TÂM SỞ hằng lấy NIẾT BÀN làm đề mục, cho nên hiểu rõ KHỔ ĐẾ, TẬP ĐẾ và DIỆT ĐẾ. Hiểu rõ theo con đường chơn chánh để DIỆT KHỔ hay là ĐẠO ĐẾ. Hiểu rõ rồi HÀNH theo cho diệt tận được VÔ MINH và ÁI DỤC là NHÁNH đầu tiên của con ĐƯỜNG.

CHÁNH TƯ DUY LÀ THẾ NÀO?

CHÁNH TƯ DUY là cái HUỆ. Cái TÂM SỞ quyết định thực hành các cách bố thí, trì GIỚI, tham THIỀN và quán tưởng về sự CHẾT. Suy nghĩ những điều không nên giết hại, oán thù. Quan sát kỹ lưỡng trong MUỖI CÁCH HÀNH ĐỘNG của mình, phấn khởi lòng TỪ BI HỖ XẢ. Lại nữa, quan sát suy xét theo lý NHƠN QUẢ (làm LÀNH hưởng quả VUI, làm DỮ thọ quả KHỔ) chứ không tin càn, tưởng quấy, mê tín, dị đoan, gọi là NHÁNH thứ nhì.

CHÁNH NGŨ LÀ THẾ NÀO?

Khẩu nghiệp có BỐN điều nên tránh:

- Tránh sự nói dối
- Tránh sự nói lời đâm thọc
- Tránh sự nói lời độc ác, chửi bới v.v...
- Tránh xa sự tà dâm vợ, con người.

CHÁNH MẠNG LÀ THẾ NÀO?

Tinh tấn dứt trừ TÀ MẠNG, là nuôi mạng sống bằng cách không chơn chánh. (Xuất gia làm thầy bùa, thầy ngải, cho phù phép, êm dối v.v...). Tại làm NĂM ĐIỀU không chơn chánh, rồi thực hành theo CHÁNH MẠNG là sống cuộc đời theo PHÁP LUẬT mà các bậc THÁNH NHƠN ngợi khen.

NĂM NGHỀ NUÔI MẠNG KHÔNG CHƠN CHÁNH LÀ GÌ?

1. Buôn NGƯỜI (mua tôi bán tớ)
2. Buôn thú (nuôi để bán cho người ăn thịt)
3. Buôn thuốc độc (như cần sa, ma túy)
4. Bán các chất say (như bia, rượu)
5. Buôn bán khí giới để giết người, hại vật.

THẾ NÀO LÀ GỌI CHÁNH TINH TẤN?

Gọi CHÁNH TINH TẤN có bốn điều.

- Tinh tấn dứt bỏ điều ÁC đã có.
- Đè nén, ngăn ngừa các điều Ác chưa có
- Tinh tấn làm các điều LÀNH chưa có
- Duy trì, phát huy những điều LÀNH cho tăng trưởng hơn.

THẾ NÀO GỌI LÀ CHÁNH NIỆM?

Luôn nhận rõ bốn xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp (giải rõ ở phần TỨ NIỆM XỨ)

CHÁNH ĐỊNH LÀ THẾ NÀO?

Dọn lòng cho rảnh rang thanh tịnh, tránh xa phiền não và vật dục, rồi THAM THIỀN cho nhập vào SỞ THIỀN, NHỊ THIỀN, TAM THIỀN, TỨ

THIÊN. Định TÂM trong bốn cõi ấy. THIÊN ĐỊNH có hai là THIÊN có BỐN BẬC và THIÊN có năm bậc như sau.

THIÊN ĐỊNH CÓ BỐN BẬC LÀ: Sơ THIÊN. Nhị THIÊN. Tam THIÊN. Tứ THIÊN

Trong SƠ THIÊN có năm ấn chứng: 1. TÂM. 2. SÁT. 3. PHỈ. 4. AN LẠC. 5. ĐỊNH

Trong NHỊ THIÊN có bốn ấn chứng: 1. Sát, 2. Phỉ, 3. Lạc, 4. Định

Trong tứ THIÊN có hai ấn chứng: 1. Định. 2. Xã

THIÊN ĐỊNH CÓ NĂM BẬC LÀ

Trong SƠ THIÊN có năm ấn chứng như SƠ THIÊN trên. Trong NHỊ THIÊN có bốn ấn chứng: 1. Sát. 2. Hỷ. 3. Lạc. 4. Định. Trong TAM THIÊN có ba ấn chứng: 1. Hỷ lạc. 2. An. 3. Định. Trong TỨ THIÊN có hai ấn chứng: 1. An lạc. 2. Định. Trong NGŨ THIÊN có hai ấn chứng: 1. Định. 2. Xã

Theo sự giải đây thì ĐỊNH là CHÁNH ĐỊNH. TÂM ấy có trong các SẮC THIÊN. CHÁNH ĐỊNH nếu giải cho đầy đủ có ba:

1. ĐỊNH trong giây lát, thuộc về PHẠM TÂM, không được bao lâu. Chỉ bằng cái móng của TÂM, ví như một cái phảy tai của con voi.
2. TÂM gần ĐỊNH là gần chấp dính vào được sơ THIÊN, nhị THIÊN, tam THIÊN, tứ THIÊN, hay ngũ THIÊN.
3. TÂM đã ĐỊNH là TÂM hoàn toàn An Trụ vào các SẮC THIÊN.

Tóm lại, TÂM CON ĐƯỜNG CHỖN CHÁNH trên đây, là con ĐƯỜNG CHÁNH, đưa con người từ PHẠM đến THÁNH từ mê RA ngộ, do đức Phật đã tìm ra, và đem GIÁO HÓA chúng sanh đi theo đó, để đến nơi AN VUI, KHỎI KHỔ.

Khi giải xong TỨ DIỆU ĐẾ, đức Phật dạy.

- Hỡi này các tỳ khưu

Ngày nay TRI KIẾN tuyệt đối như thực của NHƯ LAI về BỐN PHÁP THÁNH ĐẾ, đến ba SẮC THÁI, và 12 PHƯƠNG THỨC đã được hoàn toàn sáng tỏ, chỉ đến chừng ấy.

NHƯ LAI xác nhận trước thế gian gồm CHƯ THIÊN, MÀ VƯƠNG, và PHẠM THIÊN, giữa các chúng SA MÔN, BÀ LÀ MÔN, TRỜI và NGƯỜI rắng:

NHƯ LAI đã CHỨNG NGỘ VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐĂNG, CHÁNH GIÁC RỒI vậy.

Nghe như vậy, các chư thiên ở cung trời TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG, ĐAO LỢI THIÊN, DẠ MA THIÊN, ĐẦU XUẤT ĐÀ THIÊN, HÓA LẠC THIÊN, THA HÓA TỰ TẠI THIÊN và chư thiên ở các cung trời PHẠM CHÚNG THIÊN, PHẠM PHỤ THIÊN, ĐẠI PHẠM THIÊN, THIÊU QUANG THIÊN, VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN, QUANG ÂM THIÊN, THIÊU TỊNH THIÊN, VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN, VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN, BIẾN TỊNH THIÊN, QUẢNG QUẢ THIÊN, VÔ TƯỚNG THIÊN, VÔ PHIỀN THIÊN, VÔ NHIỆT THIÊN và chư thiên ở các cõi TRỜI hoàn toàn tinh khiết, cảnh giới trường cửu thanh tịnh, đẹp đẽ, quang đặng và tối thượng cũng đồng thanh tán thán hoan hô.

Chính tại lúc ấy, khoảnh khắc ấy, tiếng hoan hô thấu đến cõi PHẠM THIÊN, mười ngàn thế giới ấy đều chuyển động lung lay và rung rinh mạnh mẽ.

Đây là BÀI PHÁP ĐẦU TIÊN cũng còn được gọi là "KINH CHUYỀN PHÁP LUÂN" vậy.

---o0o---

BA MƯƠI BẢY PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ

CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ?

Phạn ngữ BODDHI PAKKHIYA KATHU DHAMMA Hán dịch là "BỒ ĐỀ TRỢ GIẢNG GIẢI" là PHÁP phát sanh trong phần của THÁNH ĐẠO, là tài liệu giác ngộ về TỨ DIỆU ĐẾ, bởi vì các bậc THÁNH NHƠN hằng được giác ngộ TỨ THÁNH đắc thành ĐẠO QUẢ cũng do nhờ PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ này.

PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ CÓ MẤY? LÀ CÁI CHI?

PHÁP TRỢ BỒ ĐỀ có 37 ĐIỀU chia ra làm bảy PHẦN.

- 1) SATI PATTHÀNA - TỨ NIỆM XỨ
- 2) SAMMÀ DADHÀNA - TỨ CHÁNH CĂN
- 3) IDDHIPÀDA - TỨ THẦN TỨC
- 4) INDRIYA - NGŨ CĂN
- 5) BALA - NGŨ LỰC
- 6) BOJJHANGA - THẤT GIÁC CHI
- 7) MAGGA - BÁTCHÁNH ĐẠO

TỨ NIỆM XỨ LÀ THẾ NÀO?

Bốn chỗ an trú của TRÍ NHỚ là:

- 1) KÀYA NUPASSANÀ SATIPATTHÀNA: Niệm Thân
- 2) VEDANÀ NUPASSANÀ SATIPATTHÀNA: Niệm Thọ
- 3) CITTÀ NUPASSANÀ SATIPATTHÀNA: Niệm Tâm
- 4) DHAMMÀ NUPASSANÀ SATIPATTHÀNA: Niệm Pháp

QUÁN THÂN BÁT TỊNH LÀ THẾ NÀO?

Dùng TRÍ NHỚ để quán niệm suy xét thân ta chỉ là do 32 thể trước hợp thành, đặc chỉ về TỨ ĐẠI (Đất nước gió lửa) tùy nhờn duyên sanh rồi tùy nhờn duyên mà diệt. Hoặc hơi thở vô, hơi ra, hoặc tứ oai nghi đi đứng nằm ngồi làm đề mục quán xét, chỉ là vật đáng nhòm gó, giả huyền mà thôi.

QUÁN THỌ THỊ KHỔ LÀ THỂ NÀO?

Chỗ an trú của TRÍ NHỚ có ba là: 1. Thọ VUI; 2. Thọ KHỔ; 3. Thọ VÔ KÝ.

Quán niệm luôn luôn rằng khi thọ VUI hay thọ KHỔ cũng chỉ là THỌ vậy thôi. Là giả tạm, tùy nhờn duyên sanh diệt nối tiếp không ngừng. Hết VUI đến KHỔ, mãn KHỔ lại VUI cứ đeo đuổi níu kéo hoài. Cố luyện rèn tập tành cho cái TÂM trú vào tình trạng trung lập, không VUI, không KHỔ, tức là VÔ KÝ vậy.

QUÁN TÂM VÔ THƯỜNG LÀ THỂ NÀO?

TÂM của ta, của con người, ví như con KHỈ trong RỪNG. Nó nhảy cành này sang nhánh nọ, nhánh nọ chuyển cành kia, từng sát na, từng thời phiêu luôn luôn thay đổi LÀNH cũng có, DỮ cũng nhiều. Nó tùy thuộc vào cảnh hưởng phát sanh không ngừng nghỉ. Bởi vậy, mãi phân duyên theo trần cảnh mà sanh ra THAM SÂN SI do lòng ÁI DỤC mà ra, do nhân trên, HÀNH GIẢ phải dùng sợi dây là TRÍ NHỚ, cây cột là ĐỀ MỤC để cột trời con TÂM vào một mục tiêu chính, để rèn luyện cho nó an trú thanh tịnh, thuần chủng, tinh khiết.

QUÁN PHÁP VÔ NGÃ LÀ THỂ NÀO?

Các PHÁP HỮU VI thật không BỀN VỮNG. Nó tùy nhân duyên sanh diệt. CÓ đó rồi KHÔNG đó. CÒN đó rồi MẤT đó. Không có một vật gì là trường tồn vĩnh cửu là CỬA TA cả. Đến đổi các PHÁP HÀNH VI tạo tác mà TA gây tạo cũng không phải là CỬA TA.

Bởi vậy, HÀNH GIẢ phải dùng TRÍ NHỚ mà quán xét các PHÁP đều là VÔ NGÃ, không phải CỬA TA ĐỂ DIỆT LÒNG bủn xỉn, keo kiệt, ngã chấp quyền luyện theo cái mà TA gọi là TA.

CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ TỨ CHÁNH CẦN?

SAMMÀ PADDHÀNA, dịch TỨ CHÁNH CẦN. Lẽ thường là PHÁP An trú bằng cách chơn chánh, là nói về cái mà TA gọi là TA.

1. Tinh tấn diệt trừ các ác pháp đã sanh ví như xua đuổi, thứ dữ, rắn độc cho ra khỏi nhà.
2. Ngăn ngừa các ác pháp chưa có đừng có phát sanh. Ví như đóng cửa, cài then không cho thú dữ, rắn độc vào nhà.
3. Tinh tấn vun trồng thiện pháp nào chưa có ví như cố gắng tìm vàng bạc, châu báu, của quý v.v...

4. Tinh tấn duy trì, phát huy, vun trồng và tô bồi những thiện pháp nào đã có cho được tăng trưởng dồi dào, tốt đẹp hơn lên ví như cất giữ vàng bạc châu báu không cho hao tán mất mát đi vậy.

TỨ THẦN TỨC LÀ THỂ NÀO?

Phạn ngữ IDHI PÀDA dịch là "TỨ THẦN TỨC"

Hay "TỨ NHƯ Ý TỨC" là chỗ làm cho tâm phát sanh thần thông y như ý nguyện, nếu HÀNH GIẢ thực hành đầy đủ, có bốn là.

1. CHANDIDDHI PÀDA. Mãn ý thần tức là sự vừa lòng, vui vẻ trong biện pháp.
2. VIRIYADIDDHI PÀDA. Tinh tấn thần tức, sự tinh tấn, cố gắng không lười biếng.
3. CITTIDDHI PÀDA. Tâm tư thần tức, tâm luôn suy nghĩ về đường lối HÀNH cho đắc QUẢ.
4. VIMANSÀDDHI PÀDA. Trí tuệ thần tức, sự hiểu biết các pháp hữu vi sanh diệt.

GIẢI THÊM:

CHANDA. Sự thương mến vừa lòng ứng ý đối với TỘI cũng có, PHƯỚC cũng có, nơi đây chỉ nói toàn PHƯỚC thôi.

VIRIYA, sự tinh tấn này TỘI cũng có. Phước cũng có nơi đây đặc chỉ về PHƯỚC thôi.

CITTA. TÂM ở đây đặc chỉ về TÂM VÔ KÝ, an trụ

An trụ, thanh tịnh, diệt trừ trần cấu bợn nhơ, hoàn toàn trong sạch.

VIMANSA. Trí tuệ ở nhóm 25 THIỆN TÂM SỞ là chỉ riêng về phần PHƯỚC thôi.

Bốn PHÁP THẦN TỨC này, nếu người nào thực hành một cách tốt đẹp rồi, thì người ấy có tuổi THỌ lâu dài theo sự nhất định của tuổi THỌ KIẾP, hoặc nhiều hơn KIẾP cũng có.

NGŨ CĂN LÀ THỂ NÀO?

INDRIYA, dịch NGŨ CĂN là năm nguồn gốc chắc chắn thể thường Góc Rễ có sâu có chắc, thì CÂY mới to lớn mạnh mẽ. Cũng như thế ấy, NGŨ CĂN đây chỉ là năm ĐỨC TÁNH căn bản tốt đẹp, mà người học Phật phải huân tập tô bồi, hun đúc cho mình luôn khi, NGŨ CĂN ấy là.

SADDHINDRIYA - Tín căn.

VIRIYINDRIYA - Tấn căn.

SATINDRIYA - Niệm căn.

SAMÀDHINDRIYA - Định căn.
PANNADHINDRIYA - Huệ căn.

THẾ NÀO GỌI LÀ TÍN CĂN?

Sự tin tưởng, Đức tin làm gốc, như tin và TUỆ GIÁC của Phật, tin NHỚN, tin QUẢ, tin NGHIỆP là của ta gọi INDRIYA với nghĩa là GỐC, bởi có thể đè nén sự không tin tưởng, hoặc TÀ KIẾN được.

THẾ NÀO GỌI LÀ TẤN CĂN?

Sự tin tấn, cố gắng gọi là VIRIYA với cái nghĩa INDRIYA là GỐC, bởi có thể đè nén sự lười biếng, dễ duôi, hôn trầm, đã dượt được.

THẾ NÀO GỌI NIỆM CĂN?

Sự ức niệm. Như NIỆM về ân đức Phật v.v...gọi là SÀTI với cái nghĩa INDRIYA là GỐC bởi có thể đè nén sự phóng tâm, dễ duôi được.

THẾ NÀO GỌI LÀ ĐỊNH CĂN?

Sự ĐỊNH TÂM chắc chắn gọi SAMÀDHI với cái nghĩa INDRIYA là GỐC bởi có thể đè nén sự rời rạc buông lung vọng tâm, phóng dăng được.

THẾ NÀO GỌI LÀ HUỆ CĂN?

Trí tuệ hiểu rõ gọi là PUNNA với cái nghĩa INDRIYA là gốc, bởi có thể đè nén sự quá lầm lạc, tà kiến SAMMOHA được.

XIN GIẢI VỀ NGŨ LỰC?

BALA dịch là "SỨC MẠNH" hoặc cứng chắc không lay động có 5 điều:

SADDHÀ BÀLA - Tín lực
VIRIYA BÀLA - Tấn lực
SATI BÀLA - Niệm lực
SAMÀDHI BÀLA - Định lực
PANNA BÀLA - Huệ lực

THẾ NÀO GỌI LÀ TÍN LỰC?

Là sự trong sạch, vững chắc trong đức TIN. Sở dĩ gọi là sức mạnh, ý nói rằng, sự không tin tưởng, hoặc tin càn, tưởng quấy không thể đè nén TÂM được.

THẾ NÀO GỌI LÀ TẤN LỰC?

Là sự cố gắng tinh tấn. Sở dĩ gọi là sức mạnh bởi có thể đè nén sự dễ duôi, lười biếng của tâm

THẾ NÀO GỌI LÀ NIỆM LỰC?

Dùng sức mạnh của trí nhớ. Sở dĩ gọi là sức mạnh bởi có thể diệt trừ, đè nén sự phóng tâm.

THỂ NÀO GỌI LÀ ĐỊNH LỰC?

ĐỊNH LỰC là định tâm chắc chắn, sở dĩ gọi là sức mạnh, bởi có ý nói rằng sự hôn trầm không thể đè nén tâm được.

THỂ NÀO GỌI LÀ HUỆ LỰC?

Là sự biết rõ. Sở dĩ gọi là sức mạnh bởi có ý nói rằng sự lầm lạc, mê tín, hoài nghi không thể đè nén tâm được.

XIN GIẢI VỀ THẤT GIÁC CHI?

BOJJHANGA dịch rằng PHÁP là chi điều, nghĩa là NHÂN của bậc giác ngộ TỨ THÁNH THIỆT cũng gọi TỨ DIỆU ĐỂ có bảy GIÁC CHI "điều" là.

SATI BOJJHANGA. Niệm giác chi, sự ức niệm là NHÂN của bậc giác ngộ. DHAMMA VICAYA BOJJHANGA. Tuệ Trạch Pháp Giác chi, Trí tuệ là NHÂN giác ngộ

VIRIYA SAMBOJJHANGA. Tấn giác chi, sự tinh tấn là nhân giác ngộ tứ Thánh.

PÌTI SAMBOJJHANGA. Phi mãn Giác chi, vắng lặng, thỏa thích thân tâm là nhân giác ngộ

PASSADHI SAMBOJJHANGA. Tịch tịnh Giác Chi sự vắng lặng trần cấu là nhân Giác ngộ.

SAMÀDHI SAMBOJJHANGA. Định giác chi, sự định tâm là nhân giác ngộ tứ Thánh.

UPEKKHA SAMBOJJHANGA. Xả Giác chi. Sự trung lập là nhân giác ngộ tứ Thánh

Trên đây chỉ giải tóm tắt về THẤT GIÁC CHI, muốn nghiên cứu học hỏi cho rõ hơn, xin tìm xem nơi quyển "BỒ ĐỀ TRỢ GIẢNG GIẢI" của GIẢNG SƯ PHÁP NHÃN.

XIN GIẢI VỀ BÁT CHÁNH ĐẠO?

ATTTHANGIKA MAGGA dịch là "BÁT CHÁNH ĐẠO" là trạng thái mà người muốn đến NIẾT BÀN phải có. Hoặc là trạng thái tìm kiếm NIẾT BÀN, hoặc trạng thái giết chết phiền não và tiến hành đến NIẾT BÀN, nói về ĐẠO có TÁM CHI. Trước đã giải rồi, đây đem PHẨM ĐẠO PHÂN TÍCH CHI."MAGGA VIBHANGA" trong VI DIỆU PHÁP giảng giải thêm.

TRONG CÁC CHI ĐẠO ẤY, CHÁNH KIẾN LÀ THỂ NÀO?

Sự biết trong điều khổ

Sự biết ÁI DỤC là nhân sanh khổ

Sự biết NIẾT BÀN là nơi diệt tất phiền não
Sự biết đường lối thực hành để đi đến NIẾT BÀN là DIỆT KHỔ

Các sự biết ấy gọi là SAMMÀDITTHI " CHÁNH KIẾN"

CHÁNH TƯ DUY RA SAO?

Sự suy nghĩ trong điều xa lánh ÁI DỤC
Sự suy nghĩ trong điều không hủy hại kẻ khác
Sự suy nghĩ trong điều không lẩn lút kẻ khác

Các điều suy nghĩ chọn chánh trên đây gọi là SÀMMA SANKAPPA "CHÁNH TƯ DUY" vậy.

CHÁNH NGŨ LÀ THỂ NÀO?

Sự chừa cải nói lời giả dối.
Sự chừa cải nói lời hai lưỡi, đâm thọc.
Sự chừa cải nói lời độc ác, chửi mắng.
Sự chừa cải nói lời vô ích, sang đàng.

Sự gìn giữ nói lời chọn chánh, tránh xa điều xấu xa đê tiện gọi là SAMMÀ VACA "CHÁNH NGŨ" vậy.

CHÁNH NGHIỆP LÀ THỂ NÀO?

Sự chừa sự sát sanh.
Sự chừa sự trộm cắp.
Sự chừa sự tà dâm.

Ba điều chừa cải các TRỪỢC HẠNH xấu xa, trau dồi THANH HẠNH cho tốt đẹp gọi là SAMMÀ SAMMANTÀ "CHÁNH NGHIỆP"

CHÁNH MẠNG RA SAO?

Dứt bỏ TÀ MẠNG (bùa, chú, ấn quyết, ngãi, ếm, mê tín, dị đoan) lừa gạt phỉnh phờ kẻ nhẹ dạ, dễ tin, coi ngày tốt xấu, cúng sao hạn v.v...rồi trau dồi đời sống thanh cao, nuôi mạng bằng nghề chọn chánh lương thiện gọi là SAMMÀ AJIVÀ "CHÁNH MẠNG"

CHÁNH TINH TẤN LÀ THỂ NÀO?

Ngăn ngừa ác pháp chưa có đừng cho phát sanh.
Dứt bỏ hủy hoại ác pháp đã có.
Trau dồi, phát huy thiện pháp chưa có.
Duy trì, un đúc thiện pháp cho tăng trưởng.

Bốn PHÁP TINH TẤN trên đây gọi là SAMMÀVÀYAMÀ.

CHÁNH NIỆM THỂ NÀO?

1. Quán tưởng thân trong thân, cố ý thiêu hủy sự trái ý, nghịch lòng trong khi tiếp xúc với thế gian.
2. Có Trí tuệ diệt trừ tham lam và sự trái ý nghịch lòng đối với trần cảnh, chấp thủ trong khi thọ.
3. Quán tưởng Tâm trong tâm, suy niệm sự vô thường huyễn hóa, sự sanh diệt của các pháp thế gian.
4. Quán tưởng các PHÁP HỮU VI vận hành tùy nơn duyên sanh rồi diệt, không có một TỰ NGÃ THƯỜNG CÒN.

Cả bốn PHÁP QUÁN TƯỞNG trên, cố thiêu hủy phiền não là kẻ biết mình tốt đẹp, có trí tuệ diệt trừ tham lam và các sự trái ý nghịch lòng, trong khi tiếp xúc với thế gian trần cảnh gọi là SAMMÀ SATI "CHÁNH NIỆM".

THẾ NÀO GỌI LÀ CHÁNH ĐỊNH?

- Vắng lặng trong ÁI DỤC.
- Vắng lặng tất cả các pháp, nhất là 5 pháp triền cái, ngũ ngàm trong tâm.
- Dắt dẫn tâm cho đạt được Sơ THIỀN, nhị THIỀN, tam THIỀN, tứ THIỀN.

Dứt bỏ mọi sự an vui, sự KHỔ, sự vừa lòng SAMANASSA, sự trái ý DOMANASSA, có trí tịnh do nhờ TRUNG LẬP gọi là SAMMÀSAMÀDHI (CHÁNH ĐỊNH)

BÁT CHÁNH ĐẠO CÒN ĐƯỢC GỌI LÀ TAM HỌC LÀ THẾ NÀO?

Trong TÁM YẾU TỔ đầu, CHÁNH KIẾN, CHÁNH TƯ, thuộc về TRÍ TUỆ "TUỆ"; CHÁNH NGŨ, CHÁNH NGHIỆP, CHÁNH MẠNG, thuộc về GIỚI; CHÁNH TINH TẤN, CHÁNH NIỆM, CHÁNH ĐỊNH thuộc về ĐỊNH.

Cũng có thể sắp xếp như sau.

- Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng thuộc về GIỚI.
- Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, thuộc về về ĐỊNH.
- Chánh kiến, chánh tư duy thuộc về HUỆ

Nói một cách chính xác, tám CHI của BÁT CHÁNH ĐẠO là tám TÂM SỞ "CETASIKA" luôn luôn nằm chung trong bốn loại SIÊU TÂM THỂ "LOKUTTARA CITTA".

Đối tượng của bốn loại "SIÊU TÂM THỂ" ấy là "NIẾT BÀN"

Tám TÂM SỞ ấy là huệ căn "PANNADRIYA" TÂM "VITAKKA" và xả "THAGGALÀ".

Tám yếu tối ấy cũng cho thấy tâm trạng của con người có chú tâm, nguyện cố gắng THÀNH ĐẠT ĐẠO QUẢ GIẢI THOÁT".

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA "THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN"?

THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN hay NHƠN QUẢ LIÊN QUAN là một sợi DÂY vô hình có 12 cái KHOEN kết thành một vòng tròn, cái này dính cái kia, không đầu, không đuôi xoay chuyển luôn luôn. QUẢ trước làm DUYÊN khởi cho NHÂN sau. NHÂN sau trở thành QUẢ trợ cho NHÂN sau nữa.

MƯỜI HAI CÁI KHOEN đó là Danh Từ Trừu Tượng chỉ danh những PHÁP VÔ VI, Vi tế chứ không phải khoen SẮT, khoen ĐỒNG, hay khoen GỖ v.v... được kể ra như sau.

VÔ DANH duyên HÀNH
HÀNH duyên THỨC
THỨC duyên DANH SẮC
DANH SẮC duyên LỤC NHẬP
LỤC NHẬP duyên XÚC
XÚC duyên THỌ
THỌ duyên ÁI
ÁI duyên THỦ
THỦ duyên HỮU
HỮU duyên SANH
SANH duyên LÃO TỬ
LÃO TỬ trở lại VÔ MINH

THẾ NÀO GỌI LÀ VÔ MINH?

VÔ MINH là sự tối mê che án, không cho chúng sanh hiểu được ĐỜI LÀ KHỔ, đâu là NGUYÊN NHƠN các sự KHỔ và không biết làm sao cho hết KHỔ. Vì VÔ MINH, nên giả cho là thật, không cho là CÓ, Dơ bảo là SẠCH, KHỔ nói là VUI, ví như người mù sanh ra từ lòng mẹ không phân biệt được hình tướng, màu sắc gì cả.

THẾ NÀO GỌI LÀ HÀNH?

Là hành vi tạo tác, sự chuyển động tò mò sờ cái này, mó cái kia, quờ quạng ví như người mù đi trên con đường trơn trượt vậy.

THẾ NÀO GỌI LÀ THỨC?

Sự mong mỏi muốn biết, hy vọng ao ước, biểu lộ lòng ham muốn, tìm tòi, ví như bị trượt té, giật mình.

DANH SẮC LÀ THẾ NÀO?

Có sự mong muốn, kiếm tìm cho nên gặp phải hai trạng thái. Một phần vật chất, hình tướng cho là SẮC. Và danh từ, tiếng gọi là DANH, DANH và SẮC ví như hai mũi GAI nhọn.

THẾ NÀO GỌI LÀ LỤC NHẬP?

Có DANH SẮC rồi, Thân này nảy sanh sáu CỬA là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý để làm nơi thu hút, đón nhận tựa thể bị lỗ ra sáu lỗ UNG NHỌT đau nhứt.

THẾ NÀO GỌI LÀ XÚC?

Sáu cửa ấy đòi hỏi những gì mong muốn. Sáu trần là sắc, thính, hương vị, xúc và pháp tiếp xúc đụng chạm vào, ví như tìm các thứ thuốc đắp vào sáu lỗ trên.

THẾ NÀO GỌI LÀ THỌ?

Khi LỤC CĂN tiếp xúc với SÁU TRẦN sanh ra CẢM GIÁC. Trần nào vừa lòng, thích ý thì VUI. Trái ý, nghịch lòng thì GHÉT, ví như Thuốc dịt vào có thứ chịu có thứ không.

THẾ NÀO GỌI LÀ ÁI?

CẢM GIÁC làm cho ưa thích, quyến luyến mãi, ham thích hoài, không chịu xa lìa, dứt bỏ gọi là ÁI. Ví như THUỐC nào êm dịu, thì ưa thích đắp thêm vào.

THỦ LÀ THẾ NÀO?

Có sự ưa muốn quyến luyến, bám chặt, giữ cứng không chịu buông lìa ra gọi là THỦ.

HỮU Ý NGHĨA LÀM SAO?

Không buông ra, cố tích trữ để dành, chấp là "CỬA TA" ví như cố khư khư giữ lấy bã THUỐC ấy, lại còn cố tìm kiếm thêm nhiều hơn nữa, để dành, tích trữ.

THẾ NÀO GỌI LÀ SANH?

Khi tìm ra rồi, lại mất đi, cố tìm ra nữa, cố gắng tạo cho có nữa, ví như đi đường trơn trượt bị té ngã, rồi đứng dậy, đi nữa gọi là TÁI SANH.

THẾ NÀO GỌI LÀ LÃO TỬ?

Khi đã TÁI SANH, có xác thân thì phải có tiêu hoại mỗi mòn. ĐAU dẫn GIÀ và cuối cùng là CHẾT. CHẾT ví như té vào đồng lửa to vô cùng đau đớn.

Tóm lại THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN hay NHƠN QUẢ LIÊN QUAN gồm có:

- 3 ADDHÀ - Thời kỳ
- 12 ANGA - Chi
- 20 AKARA - Thể
- 3 SANDHI - Chỗ nối liền
- 4 SANKHEPPA - Chỗ tóm tắt.
- 3 VATTA - Sự xoay chuyển
- 2 MÙLA. - Gốc

BA THỜI KỲ LÀ THẾ NÀO?

- Hai pháp VÔ MINH và HÀNH thuộc quá khứ.
- Tám pháp THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ, ÁI, THỦ, HỮU hiệp lại thuộc hiện tại.
- Hai pháp SANH và TỬ thuộc VỊ LAI

MƯỜI HAI CHI LÀ THỂ NÀO?

Từ VÔ MINH đến GIÀ CHẾT là 12 CHI hay còn gọi là 12 cây CĂM, làm thành cái SƯỜN cho bánh XE SANH TỬ.

HAI MƯƠI THỂ LÀ THỂ NÀO?

VÔ MINH, HÀNH, ÁI, THỦ, HỮU năm THỂ này là NHÂN quá khứ, để sanh ra QUẢ hiện tại là THỨC, DANH, SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THO thành ra mười THỂ.

Kể từ ÁI, THỦ, HỮU, VÔ MINH, HÀNH năm THỂ hiện tại là NHÂN để sanh QUẢ vị lai là THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC THỌ thành ra mười THỂ. Trước sau vị chi 20 THỂ.

THỂ NÀO GỌI LÀ BA CHỖ NÓI LIỀN?

Lúc HÀNH của thời kỳ QUÁ KHỨ nối liền với THỨC hiện tại là NHƠN QUẢ nối liền.

Lúc THỌ của QUẢ hiện tại nối liền với ÁI là NHƠN hiện tại, gọi là QUẢ NHƠN nối liền.

Lúc HỮU của NHƠN hiện tại nối liền với SANH là QUẢ của Vị lai, gọi là NHƠN QUẢ nối liền.

Lúc HỮU của NHƠN hiện tại nối liền với SANH là QUẢ của Vị lai, gọi là NHƠN QUẢ nối liền.

THỂ NÀO GỌI LÀ BỐN CHỖ TÓM TẮT?

- VÔ MINH, HÀNH là một chỗ tóm tắt
- THỨC, DANH SẮC, LỤC NHẬP, XÚC, THỌ là một chỗ tóm tắt.
- ÁI, THỦ, HỮU là một chỗ tóm tắt.
- SANH, GIÀ, CHẾT một chỗ tóm tắt.

BA SỰ XOÁY CHUYỂN LÀ THỂ NÀO?

Ba sự XOAY CHUYỂN là sự LUÂN CHUYỂN của PHIÊN NÃO

- Luân chuyển của NGHIỆP "KAMMA VATTA"
- Luân chuyển của QUẢ "VIROKA VATTA"
- Luân chuyển của phiên não là VÔ MINH, ÁI, THỦ, "KILESA

VATTA" KAMMA BHÀVA "HỮU NGHIỆP" và HÀNH gọi là luân chuyển của NGHIỆP hữu sanh.

UPPATI VATTA, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, già, chết tám CHI này gọi là LUÂN chuyển của phiền não.

THẾ NÀO GỌI LÀ HAI GỐC?

Hai GỐC là Vô minh và Ái dục. Khi hai GỐC này chưa diệt được, thì ba sự luân chuyển cứ tạo thêm lên, rồi xoay tròn mãi mãi. Nếu sự luân chuyển của phiền não mà bị THÁNH ĐẠO cắt đứt diệt tận thì sự luân chuyển của NGHIỆP và QUẢ cũng diệt.

Khi NGHIỆP và QUẢ đã dứt rồi, tức là đã bẻ gãy 12 cây CẮM của bánh XE SANH TỬ LUÂN HỒI, cũng có nghĩa là phá vỡ 12 cái KHOEN VÔ HÌNH ràng buộc, tức là không còn sanh tử luân hồi, dứt KHỔ đến NIẾT BÀN vậy.

Đây là giải về các CHI của THẬP NHỊ NHƠN DUYÊN và tất cả các chi nhánh NHƠN QUẢ LIÊN QUAN đến sự sanh tử luân hồi, ví như một vòng tròn cứ theo thời gian nghiệp lực, hành vi tạo tác mà luân luân xoay chuyển mãi hoài trong LỤC ĐẠO.

MUỐN BẺ GÃY 12 CÂY CẮM PHẢI LÀM SAO?

Nếu muốn diệt tất các sự khổ não, thì cần diệt đầu mỗi dây. Tức là vô minh cái đầu. Có câu Phật ngôn. AVIJJÀYA TVE ASESANNIKÀYA NIRODHA SANKHARA NIROYA.

-Sự dập tắt VÔ MINH không còn dư sót do nơi THÁNH ĐẠO rồi. HÀNH cũng do đó mà tắt theo. Khi HÀNH diệt thì THỨC, cũng diệt. THỨC diệt thì DANH SẮC diệt theo DANH SẮC diệt thì không có LỤC NHẬP. LỤC NHẬP không thì XÚC cũng không. Không XÚC lấy gì, THỌ? THỌ diệt thì ÁI cũng diệt, ÁI diệt thì THỮ không có. THỮ không có, tức không HỮU, HỮU diệt thì lấy đâu mà SANH. Không SANH tức không GIÀ ĐAU CHẾT, buồn rầu, khóc than khổ não, lo sợ, đau đớn, tuyệt vọng v.v...

CHO BIẾT CÁCH THỰC HÀNH ĐỂ BẺ GÃY BÁNH XE?

HÀNH GIẢ nào muốn chặt đứt, bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, phải có đầy đủ nghị lực, tinh tấn thực hành theo PHÁP THIỀN ĐỊNH" SAMÀDHI" và MINH SÁT TUỆ "VIPASSANÀ". Vì rằng có THIỀN ĐỊNH, tâm mới an trụ một chỗ vắng lặng, đè nén các phiền não, vì như nước đục để yên một chỗ vắng lặng, phần ô uế, cặn bã lắng chìm xuống đáy. Nước ở trên, trong trong sạch sẽ. Nhờ tâm vắng lặng an trụ, HÀNH GIẢ dùng MINH SÁT TUỆ suy xét quán niệm về sự khổ, tìm phăng ra đầu mối của nó, rồi lần lần phăng từ GỐC đến NGỌN. Nhờ TRÍ TUỆ, nhận thấy đâu là GỐC, rồi mới bẻ gãy, hủy diệt lần lần VÔ MINH cho đến LÃO TỬ như trong DI GIÁO KINH.

- YAM KINCI SAMUDAYA DHAMMAM SABBATTAM NIRODHA DHAMMAM.

Còn nghĩa là:

- Pháp nào do NGUYÊN NHÂN phát sanh lên, PHÁP ấy đều phải tiêu diệt cả.

Khi TRÍ TUỆ thấy rõ như thế ấy rồi, tức là TÂM trong sạch sáng láng, không có phiền não, vì như tấm GIỜNG được lau chùi láng bóng không còn bụi nhơ, hay như nước được nấu cất, lọc kỹ, tức là đã đạt đến ĐẠO QUẢ NIẾT BÀN là nơi diệt tận các sự KHỔ NẪO trong vòng sanh tử luân hồi, cũng có nghĩa là đã bẻ gãy 12 cây CẶM của bánh xe THẬP NHỊ NHON DUYÊN hay bánh xe LUÂN HỒI đó vậy.

MINH SÁT TUỆ CÓ MẤY CHI?

VIPASSANÀ Hán dịch "MINH SÁT TUỆ" có mười chi.

1. SAMMANÀNA. - Huệ suy xét các pháp hữu vi "UẨN" đều là vô thường, khổ não và vô ngã.

2. UDAYAPPAYANÀNA.- Huệ suy xét sự SANH và DIỆT của các pháp HỮU VI.

3. BHANGANÀNA.- Huệ suy xét sự tan rã mau chóng của các pháp HỮU VI.

4. BHADNÀNA. - Huệ suy xét các pháp HỮU VI đáng ghê sợ như thú dữ hay QUÂN NGHỊCH.

5. ADIVANÀNANA.- Huệ suy xét thấy rõ những sự lợi lộc của pháp HỮU VI cũng như người thấy nhà mình bị cháy, lo sợ chạy ra khỏi nhà.

6. NIPPADANÀNA.- Huệ chán nản các pháp HỮU VI vì thấy đầy những tội lỗi.

7. MUNCITUKAMYATANÀNA.- Huệ muốn thoát khỏi các pháp HỮU VI ấy cũng như người bị còng trời hay như cá mắc lưới, vùng vẫy để thoát.

8. PATISANKHANÀNA.- Huệ suy xét, tìm thấy phương thế để giải thoát.

9. SANKHARUPEKKHÀNÀNA.- Huệ xả, không còn chấp các pháp HỮU VI nữa, cũng như người bỏ vợ không còn mến tiếc, nếu người vợ ấy tự tình với người trai nào cũng thân nhiên không để ý tới.

10. ANULOMMANÀNA.- Huệ thấy rõ xuôi theo THÁNH ĐẠO.

Tóm lại, tất cả chư thiên và nhơn loại đều ở trong vòng NHON QUẢ LIÊN QUAN, nghĩa là còn SANH TỬ LUÂN HỒI. Bánh xe đó cứ xoay tròn mãi mãi. Khi làm Trời, khi làm người, khi làm thú, lớn hoặc nhỏ v.v... chỉ vì chúng sanh bị VÔ MINH che án, nên không thấy được SỰ THẬT của các. PHÁP HỮU VI.

Trong KINH ABHI DHAMMA VIBHASSASUTRA: Trong 24 giờ , tinh thần (TÂM) sinh diệt luôn luôn không ngừng nghỉ. Có đến 6.400.099.980 lần diệt tắt của TÂM.

Còn trong THANH TỊNH ĐẠO "VISUDDHI MAGGA" giải:

- Sự SỐNG của con người quá ư ngắn ngủi, vì mỗi lần diệt tắt của tâm, là mỗi lần sự sống cũng diệt tắt theo. Nhưng do sự liên tiếp nhanh chóng của tư tưởng mà con người, lầm lạc cho rằng "MÌNH SỐNG MÃI" rồi cứ mãi đeo níu chấp "TA".

Thế thường, người ta chỉ thấy thực tại mà suy đoán ví như thấy cây tốt nhờ phân. Phân tốt do vật này, vật kia, cũng như vật lý học cho rằng "Các động cơ chuyển động là do hơi nước, mà hơi là do nước với lửa."

Cũng như thế ấy, Phật giáo dạy ta hiểu cái nguyên nhân kế cận trong mỗi hành vi của con người.

Theo luật NHƠN QUẢ LIÊN QUAN, nếu không tìm hiểu và tin theo LÝ NHÂN QUẢ, cứ nghe đâu theo đó, không phân biệt chánh tà, thì không bao giờ trở nên sáng suốt được. Bằng như ta nhận thấy đó là chắc thật, là đúng, mà thực hành, mà cố công suy luận để tìm nguyên nhân, để tìm cho ra đầu mối, lấy nó làm nhân mà diệt đi, thì sẽ sáng suốt và sẽ thoát ra khỏi vòng SANH TỬ LUÂN HỒI, tức là đạt ĐẠO QUẢ NIẾT BÀN. Là vô sanh bất diệt vậy.

Ví như người THẦY THUỐC xem BỆNH NHÂN, kỹ đoán BỆNH LÝ đúng, bốc THUỐC hay, cho bệnh nhân uống đúng - thời là cơn BỆNH phải dứt trừ, trở nên lành mạnh an vui.

Người THẦY THUỐC tức là đức Phật. Mà BỆNH NHÂN là chúng sanh, trong tam giới. Khỏi Bệnh tức là đắc ĐẠO và QUẢ đến NIẾT BÀN an vui tự tại là nơi VÔ SANH, BẤT DIỆT.

---o0o---

[04]

GIẢI VỀ NIẾT BÀN

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ NIẾT BÀN?

NIẾT BÀN là mục tiêu chính yếu của PHẬT GIÁO. Là mục tiêu cuối cùng của người tu theo đạo Phật. Người ta vì sợ sự sống thống khổ bởi phiền não sanh ra, nên cố gắng tinh tấn tu hành để đến NIẾT BÀN, là nơi không còn phiền não, hay trừ tận tuyệt, hoặc diệt tắt được ba ngọn LỬA ĐỘC là THAM LAM, SÂN HẬN, và SI MÊ.

NIẾT BÀN LÀ THỂ NÀO?

NIẾT BÀN là một danh từ trừu tượng siêu thế, khó cho người thông hiểu một cách dễ dàng và cũng khó cho vị PHÁP SƯ hay GIẢNG SƯ hay một vị trí thức nào có thể giải thích một cách rõ rệt cho được.

NIẾT BÀN là nơi tuyệt đối, mà vạn vật trên thế gian này đều là vật tương đối, nên không thể đem so sánh ví dụ cho dễ hiểu được. Hơn nữa, NIẾT BÀN, cần phải hiểu cho bằng trí tuệ chứ không phải bằng tâm thức. Cũng như người nằm MỘNG không thể chỉ giác MỘNG của mình cho người khác biết được. Cũng như chúng sanh là người bị ba loại ĐỘC là THAM, SÂN SI thiêu đốt. Nhờ uống các thứ THUỐC như Bồ thí Trì giới, Tham thiền hay HÀNH theo BÁT CHÁNH ĐẠO. Khi uống THUỐC trúng căn bệnh, bệnh tức khỏi, khi bị ĐAU, khổ như thế nào, bây giờ MẠNH cảm thấy vui sướng ra làm sao, NIẾT BÀN cũng ví như thế ấy.

XIN ĐỊNH NGHĨA VÀ CHIẾT TỰ HAI CHỮ NIẾT BÀN?

NIẾT BÀN cũng có nhiều tên khác nhau như VIMUTTI "Giải Thoát" NIRODHA "Dứt Tắt" NIRVANA "BẮC PHẠN" NIBBÀNA "NAM PHẠN" mặc dù có nhiều TÊN, chung quy cũng chỉ có một ý nghĩa là DỨT TẮT PHIÊN NÃO không còn Khổ. NIBBÀNA, chia làm hai phần là NI và VANA. Ni có nghĩa là ra khỏi. Vana là RỪNG. Muốn cho dễ đọc, dễ học, Phạn ngữ chữ VANA đổi thành BANA khi chữ B đứng sau NI, có thể thêm một chữ B nữa, nên khi nói lại thành NIBBÀNA, có nghĩa là RA KHỎI RỪNG.

Rừng đây, ý nói RỪNG PHIÊN NÃO, đầy đau khổ.

Phàm ở đời, người bị lạc trong rừng, thì có rất nhiều điều tai hại nguy hiểm như thú dữ, rắn độc, phi nhon, hầm hố, gai góc v.v... khó ra khỏi được. Là nơi đáng lo sợ hốt hoảng, tối tăm kinh khủng. đây là nói rừng thường, chứ RỪNG PHIÊN NÃO của chúng sanh thì lại càng âm u và nhiều chạm bẫy cùng các thứ độc hại khác nữa.

Người bị lạc trong Rừng, còn tìm phương, kiếm kế ra được. Trái lại đi vào RỪNG PHIÊN NÃO, bị VÔ MINH che án, DỤC VỌNG kéo lôi, chúng sanh khó mà tìm phương giải thoát.

Vì vậy, NIẾT BÀN cũng có nghĩa là người đã thoát ra khỏi RỪNG, đã thoát khỏi phiền não trong tâm, vượt khỏi mọi sự kinh khủng, lo âu, tai hại trên.

NIẾT BÀN cũng có nghĩa là dụi tắt. Y nói phiền não là một thứ LỬA vô hình, rất nóng nảy, hằng thiêu đốt chúng sanh, nên chi chư vị Thanh Văn đệ tử Phật hằng cố gắng sức mình, dụi tắt ngọn lửa bên trong. Khi ngọn lửa dụi tắt rồi, tức là đã đến NIẾT BÀN, tức hết khổ.

CHO BIẾT TƯỚNG CỦA NIẾT BÀN?

NIẾT BÀN là nơi an tịnh tuyệt đối. Không thể giải bằng lời ví dụ được. Bằng sự việc được. Nhưng NIẾT BÀN có ba đặc điểm khác thường là.

- TRẠNG THÁI NIẾT BÀN có sự hoàn toàn thanh tịnh
- VỊ NIẾT BÀN có sự BẤT DIỆT là VỊ
- HIỆN TƯỢNG NIẾT BÀN không có giới hạn là HIỆN TƯỢNG.

Sở dĩ, người mà không thấu đáo hay đạt được QUẢ vị NIẾT BÀN thanh cao, bởi vì người còn chứa đựng nhiều phiền não là tham lam, sân hận, si mê, tà kiến, tạo ra nghiệp chướng thiện hay ác, nên mãi ở trong vòng phiền não, chịu sanh tử luân hồi mãi mãi. Khi diệt tất được sự ngủ ngầm trong tâm không còn dư sót tức là đắc được NIẾT BÀN, ra khỏi RỪNG rồi vậy.

NIẾT BÀN CÓ MẤY LOẠI?

Theo KINH, NIẾT BÀN có ba loại:

- HỮU DƯ NIẾT BÀN
- VÔ DƯ NIẾT BÀN
- XÁ LỢI NIẾT BÀN

THẾ NÀO GỌI LÀ HỮU DƯ NIẾT BÀN?

Bậc HÀNH GIẢ tu hành tinh tấn, lóng lòng trong sạch đã diệt tất được phiền não, đã đắc ĐẠO QUẢ A LA HÁN, nghĩa là đã hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt, nhưng còn mang xác thân NGŨ UẨN này còn chung đụng với mùi trần song không hề bị ô nhiễm bởi vị Trần nữa.

THẾ NÀO GỌI LÀ VÔ DƯ NIẾT BÀN?

Nghĩa là chư THÁNH đã đắc đạo QUẢ A LA HÁN, diệt tất phiền não rồi, khi ấy cũng vừa hết tuổi thọ, xả bỏ tấm thân ngũ uẩn này để nhập vào cảnh giới thanh tịnh trường cửu an vui tuyệt đối ra khỏi vòng Tam Giới.

XÁ LỢI NIẾT BÀN LÀ NGHĨA LÀM SAO?

Đức Phật GOTAMA chúng ta, Ngài nguyện Xá Lợi hài cốt của Ngài lưu tồn lại trong tam giới (trời người, long cung) trong thời gian năm ngàn năm. Để cho chúng sanh lễ bái cúng dường cho có phước, tô bồi đức tin, tu hành cho bớt khổ. Sau thời gian 5.000 năm, tất cả Xá Lợi bất cứ ở đâu do năng lực của pháp thập độ sẽ tụ tập cả về Bồ Đề Đạo Tràng, thành một đức Phật như xưa. Ngài sẽ thuyết pháp trong vòng bảy ngày.

Sau đó, Xá Lợi sẽ tự nhiên tiêu hoại cùng như giáo pháp của Đấng Thiên Nhơn Sư không còn nữa.

TĂNG

TĂNG LÀ GÌ?

Phạn ngữ SANGHA Hán âm TĂNG GIÀ là người đã nguyện cắt ái ly gia, lìa xa ngôi nhà phàm nhơn thế tục sống cuộc đời không nhà cửa, không gia tài sự sản để cho tinh thần rảnh rang thoải mái, mà tu hành theo giáo lý của Phật tổ GOTAMA. Ăn theo Phật, ở theo Phật, mặc theo Phật. Hành trì giáo lý của đức Phật với ý nguyện "XÃ PHÚ CẦU BÀN, XÃ THÂN CẦU ĐẠO" hướng về mục đích tối thượng là chuyển mê, khai ngộ, ly khổ đặc lạc, ngộ hầu tự độ lấy mình và tùy duyên hóa độ quần sanh đến nơi an vui hết khổ.

TĂNG CÓ MẤY HẠNG VÀ KHÁC BIỆT RA SAO?

Tăng có hai là:

- BHIKKHU. Tỳ khuru
- SAMANERO. Sa di

VỀ GIỚI LUẬT giữa Tỳ khuru và Sa di đã giải rõ ở phần LUẬT " PHÁP BẢO" rồi. Xin xem lại cho rõ.

XIN CHO BIẾT TỶ KHURU CÓ NGHĨA LÀ GÌ?

Phạn ngữ BHIKKHU Hán âm Tỳ khuru còn có ba nghĩa: 1. KHÁT SĨ; 2. BỒ MA; 3. PHẢ ÁC

KHÁT SĨ NGHĨA LÀ SAO?

KHÁT SĨ là người tu sĩ đi xin ăn. Xin các món tứ vật dụng của Tín Thí Đàn Na, để duy trì xác thân, để nuôi mạng sống, để hành đạo từ bi, tìm phương giải thoát, KHÁT SĨ còn có hai nghĩa.

- THƯỢNG KHÁT PHẬT PHÁP
- HẠ ĐÀN VIỆT KHÁT

THƯỢNG KHÁT PHẬT PHÁP LÀ THỂ NÀO?

Trước hết, bản phận của người muốn xuất gia tu Phật, phải dọn mình cho trong sạch. Học hỏi GIÁO LÝ cho suốt thông, rồi đến trình bạch với vị Tỳ khuru cao hạ trưởng lão xin làm đệ tử xuất gia, tu theo phạm hạnh.

DỌN MÌNH CHO TRONG SẠCH Ý NGHĨA LÀM SAO?

- Phải là người không có bệnh truyền nhiễm (như lao, cùi, hủi)
- Phải là người có ngũ quan đầy đủ.
- Phải là người không mắc nợ thế gian (như trốn thuế, thâm lạm công quỹ v.v...)

- Phải là độc thân, nếu có gia đình phải được sự đồng ý chấp thuận của cha mẹ, vợ con v.v...

- Phải là người rảnh rỗi, không bận rộn dính mắc vì quân vụ hay công vụ.

Khi đầy đủ phận sự trên, tinh thần mới được thoải mái trong sạch, yên tâm mà HÀNH ĐẠO dễ dàng.

HỌC HỎI GIÁO LÝ CHO THÔNG SUỐT LÀ THỂ NÀO?

Bốn phận của người GIỚI TỬ, học hỏi cho thông suốt luật lệ của bậc XUẤT GIA, giới luật của vị SA DI, TỶ KHUU, học hỏi về GIỚI ĐỊNH TUỆ cho thuần phục, quan niệm, suy xét, nghiên cứu về GIÁO LÝ cao siêu của đức PHẬT TỔ đã chuẩn hành.

XIN Y BÁT CHƠN TRUYỀN LÀ THỂ NÀO?

Khi đã thông suốt và thực hành đầy đủ PHẬN SỰ của người GIỚI TỬ, vị trưởng lão nhận thấy trình độ khả năng và đức hạnh đầy đủ, đồng ý cho làm lễ XUẤT GIA thọ trì QUY GIỚI và ban trao Y BÁT chơn truyền cho GIỚI TỬ, theo Luật lệ của đức Phật đã chuẩn hành.

LỄ BAN TRUYỀN Y BÁT CÓ ĐIỀU KIỆN GÌ KHÔNG?

Vị trưởng lão là THẦY TẾ ĐỘ phải có thâm niên MUỖI HẠ trở lên, thì được thu nhận và ban truyền Y BÁT cho đệ tử. Nếu GIỚI TỬ xin tu SA DI, thì THẦY TẾ ĐỘ ban truyền cho cũng được.

Trái lại, khi GIỚI TỬ xin thọ CỤ TÚC GIỚI là Tỷ Khuru tu lên bậc cao luôn, thì lễ XUẤT GIA ban, truyền Y BÁT phải có đủ năm vị Tỷ khuru trở lên tham dự chứng minh, thì mới đúng LUẬT TĂNG SU, lễ XUẤT GIA mới thành tựu.

LỄ BAN TRUYỀN Y BÁT RA SAO?

Theo nghi thức "KHẤU TRUYỀN TÂM THỌ".

Trước nhất, GIỚI TỬ phải chân thành SÁM HỐI các tội lỗi làm mình đã vô ý quên mình dễ dãi phạm phải trước Tăng. Xong rồi, trình bạch với thầy TẾ ĐỘ để xin thọ trì QUY GIỚI. Bốn phận của THẦY, sau khi xét hỏi những điều cần yếu, xong ban truyền Y BÁT cho đệ tử, nhắc nhở những lời GIÁO HUẤN theo như luật lệ của đức Phật đã chuẩn hành.

Lễ ban truyền Y BÁT xong, GIỚI TỬ đã cởi bỏ nếp sống thế nhơn, khoác trên mình bộ y, có tăng tướng trang nghiêm, nhận lãnh trách nhiệm Sứ giả của đấng TOÀN GIÁC thay mặt ba đời chư Phật, dạy dỗ quần sanh, và cũng được gọi là "PHƯỚC ĐIỀN VIÊN" của chư thiên và nhơn loại.

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ LÁ Y?

Theo lời Phật dạy:

- Người Tu sĩ sống cuộc đời đạm bạc, đi lượm vải dơ, vải bỏ, giặt sạch, khâu vá cho lành lặn tử tế, nhuộm màu vàng Cà Sa hoại sắc làm Y mà mặc để che thân thể, tránh muỗi mòng nắng gió, ngăn ngừa sự lạnh, sự nóng. Nhưng khi có thí chủ dâng cúng vải hoặc y đã may sẵn thì được thọ dụng. Y hình chữ nhật. Không có tay, không có cúc như áo quần người thế tục. Y lại có viền chung quanh, may thành điều khoản, khuôn khổ thước tấc ấn định. Y lại còn có ba thứ:

- UẤT ĐÀ LA TĂNG (y vai trái hay ngoài)
- AN ĐÀ HỘI (y nội hay trong)
- HỒNG SÁCH (y lót mồ hôi, ý như áo lót)

Tam y thì có thêm bộ Y TĂNG GIÀ LÊ (hai hay ba lớp vải) dành cho các TỖ KHUU. Y màu VÀNG CASAVAK hay còn gọi là màu VÀNG hoại sắc .

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ MÀU CÀ SA HOẠI SẮC?

Đức Phật hằng khuyên dạy, người tu sĩ sống cuộc đời "THANH BÀN THEO CHÁNH MẠNG". Để che thân thể cho kín mình tử tế, các thầy Tỳ khưu đi lượm vải dơ, vải bỏ đem giặt cho sạch sẽ, khâu vá cho lành lặn, nhuộm một màu hoại sắc mà mặc. Y ấy là PHẤN TẢO Y hay TOÁI TẠP Y.

PHẤN TẢO LÀ NGHĨA THỂ NÀO?

Nghĩa là y làm ra do vải dính đồ dơ như bùn, đất, máu v.v... Ở xứ Ấn Độ ngày xưa, khi có người chết, thân nhân lấy vải bao quấn tử thi. Đàn bà màu trắng, đàn ông màu hồng không có hòm vỏ (Quan tài) như bên ta. Đặt tử thi trên giường hay tấm ván. Họ khiêng vào rừng bỏ đó để cho chim, muôn thú cắn xé ăn thịt... Khi Điều thú ăn mổ, thì lớp vải quấn rơi ra, ba bốn ngày, họ đến lượm những xương tàn còn rơi rớt lại đem đi đốt, và hốt tro tàn xương sót đem về thờ. Vải bó tử thi dính đầy mủ máu bùn đất, rơi vãi đó đây. Thầy tỳ khưu đi lượm vải ấy, nấu nước sôi ngâm giặt cho sạch, khâu vá xong, nhuộm màu vàng hoại sắc mà mặc. Đức Phật hằng ngợi khen, vị Tỳ khưu nào có PHẤN TẢO Y hay còn được gọi là THIẾT GIÁP BÀO vậy.

TẠI SAO PHẤN TẢO Y CÒN GỌI THIẾT GIÁP BÀO?

Thế thường, một vị tướng ra trận, xông pha giữa chốn chiến trường muôn tên ngàn giáo, đạn bắn, thương đâm, nỏ gươm đao, mác v.v... mà có mặc THIẾT GIÁP BÀO thì sinh mạng sẽ được bảo đảm một phần lớn. Vị Tỳ khưu mặc PHẤN TẢO Y để đề nén phiền não, chiến thắng trận giặc lòng cũng như thế ấy

CHƯ TĂNG, ĐỆ TỬ PHẬT CÓ VỊ NÀO ĐÁP PHẤN TẢO Y?

Chư THÁNH TĂNG thì nhiều. Song có Ngài trưởng lão MÀHA KASAPPA (CA DIẾP) là người được đức Phật ban cho chính PHẤN TẢO Y của Ngài và Đại đức duy trì luôn khi.

CHƯ TĂNG CÓ PHẢI ĐÁP PHẢN TẢO Y CẢ KHÔNG?

Không. Luật định là như vậy. Để diệt lòng ham muốn, sống cuộc đời TRI TỨC theo phạm hạnh, song khi có thí chủ dâng cúng y hoặc vải, thì bậc xuất gia được phép thọ dụng.

HÌNH THỂ LÁ Y NHƯ THỂ NÀO?

Y hình chữ NHẬT. Không có tay, không có nút. Có bờ viền chung quanh như bờ ngăn của đám ruộng, có từng điều, từng khoảnh như bờ ngăn nước, từng khổ, từng miếng theo thước tắc đã ấn định.

TẠI SAO Y LẠI CÓ VIỀN, CÓ KHOẢN CHI VẬY?

Y tượng trưng cho đám ruộng phước. Thế thường, người nông phu gieo vãi hạt giống trong đám ruộng để đến mùa thu hoạch hoa màu bông trái làm thực phẩm nuôi mạng sống. Y của chư Tăng, ví như đám ruộng để chư thiên và nhơn loại gieo hạt giống lành vào mà được hưởng quả phước thanh cao vậy.

Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, lúc đức THẾ TÔN cùng đoàn đệ tử ngang qua xứ MA KIẾT GIÀ, đứng trên đồi nhìn xuống, thấy ruộng nương thứ lớp, đám thấp, đám cao, bờ bậc hẳn hoi. Đức Phật bèn gọi Đại đức ANANDA mà dạy rằng:

- Nay ANANDA. Ruộng nương của xứ MA KIẾT GIÀ coi có thứ lớp ngăn nắp, ANANDA có thể lấy đó làm mẫu may y cho Tăng được không?

Đại đức ANANDA vâng theo lời Phật dạy, về cắt vải may y, y theo hình thể đám ruộng, dâng hầu lên đức THẾ TÔN, Ngài ngợi khen.

Vả lại để ngăn ngừa đạo tặc, thế thường khi vải đã cắt ra may lại, thành từng miếng to, nhỏ rồi thì kẻ trộm không muốn lấy làm gì, vì đã mất giá trị. Đó cũng là nguyên nhân, phương cách cho chư TĂNG HÀNH ĐẠO dễ dàng, khỏi bận rộn tâm lo lắng cất giữ.

TAM Y cũng còn có ý nghĩa là cặp cánh của con chim PHƯỢNG HOÀNG hay còn gọi là LA CỜ LA HÁN vậy.

THỂ NÀO GỌI LÀ CẶP CÁNH CỦA CHIM PHƯỢNG HOÀNG?

Chim PHƯỢNG, chúa của các loài chim, có cặp CÁNH to rộng, vùng vẫy giữa không gian, bay đi đây, đó tự do thỏa thích. TAM Y đối với bậc XUẤT GIA cũng như thế đó. Có TAM Y QUẢ BÁT chơn truyền, người Tu sẽ rảnh rang công chuyện, không bận bịu việc đời, mà tự do tu hành hoặc tha phương HÀNH ĐẠO, tế độ quần sanh.

TAM Y CÒN TƯỢNG TRƯNG CHO LA CỜ LA HÁN THỂ NÀO?

Phạn ngữ ARAHAM, hán âm A LA HÁN là bậc đã giải thoát, không còn phiền não, là bậc VÔ SANH, là bậc đã bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, là bậc đáng

cho chúng sanh lễ bái, cúng dường. Chư Tăng có TAM Y là biểu tượng cho các đức tánh trong sạch, trợn lành kia, nên còn được gọi là NGỌN CỎ LA HÁN vậy.

QUẢ BÁT LÀ THỂ NÀO?

Bát là vật dụng bằng đá, bằng đất, hay bằng sắt để thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng dường. BÁT là hình tròn, có nắp đậy.

Khi đức Phật THÀNH ĐẠO dưới cội cây BỒ ĐỀ, hai vị thương gia là BÁC LỆ CA và GIA LỆ PHÙ BA được chư thiên mách bảo, đem vật thực đến dâng cúng đấng ĐẠI GIÁC NGỘ. Phật quán xét, thấy ba đời chư Phật không hề đưa tay nhận lãnh trực tiếp vật thực của thí chủ.

Khi ấy, trời TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG hiểu ý mới hiện ra dâng BÁT ĐÁ xin ngài dùng. Từ đó về sau, khắp đó đây "HOẢNG ĐẠO CỨU ĐỜI" với chiếc BÁT ĐÁ thanh đạm Ngài đã chu du phổ độ quần sanh với phẩm hạnh thanh cao "TRÌ BÌNH KHÁT THỰC", cứu khổ độ sanh.

TRÌ BÌNH CÓ NGHĨA NHƯ THỂ NÀO?

Như phần trên đã giải, sau khi được ban truyền QUY GIỚI, thọ phẩm hạnh thanh cao, có tăng tướng trang nghiêm gọi là "THƯỢNG KHÁT PHẬT PHÁP".

Khi đã có tăng tướng rồi, vị Tu sĩ sống đời thanh bần theo chánh mạng, ngày ngày mang bát xin ăn để nuôi mạng sống gọi là "HẠ ĐÀN VIỆT KHÁT".

Gọi "HẠ ĐÀN VIỆT KHÁT", là đi xin vật ăn miếng uống cùng bốn món vật dụng của tín thí đàn na. Cũng có nghĩa là xin tấm lòng tốt của chúng sanh vậy. Vì rằng, làm các nghề như ruộng nương rẫy bái, bán buôn, canh cải là việc làm của phàm nhơn thế tục. Một khi sinh hoạt làm lụng, thì tâm tư phải suy nghĩ, ưu tư lợi hại, lo được lo thua, phải toan tính thiệt hơn, lo còn, lo mất vì miếng ăn, sự sống, tâm phải bận rộn thì làm sao TU HÀNH cho thanh tịnh được?

Người TU SĨ dứt bỏ nếp sống thế nhơn, vui theo phạm hạnh "THANH BÀN THEO CHÁNH MẠNG" sống nhờ tấm lòng tốt của Tín Thí Đàn Na, không vui khi được, không buồn khi không, TRI TỨC qua ngày, tùy được, tùy có, để dành thì giờ quý báu mà học mà tu cho thoải mái. Và lại đi TRÌ BÌNH cũng là PHÁP HÀNH của ba đời chư Phật vậy.

PHÁP HÀNH NGHĨA LÀ SAO?

Thì giờ của đức Phật khi còn tại thế. Nửa đêm, gần sáng, Ngài tham THIÊN, quán tướng, rải lòng bác ái đến muôn vạn quần sanh và dùng TUỆ NHÃN để thấy ai là người hữu duyên nên tế độ

Sáng ra, Ngài ôm BÁT đi TRÌ BÌNH KHÁT THỰC, để tế độ quần sanh. Chư Tăng cũng noi theo tấm gương cao cả ấy. khi đi BÁT, đứng trước nhà, là gom

tâm thanh tịnh, dùng điển từ ái, niệm KINH cầu nguyện cho gia chủ được mọi sự lành vui phúc lạc. Gia đình thấy không mời thỉnh, mà có bậc tu hành đến nhà cầu nguyện, cõi lòng hoan hỷ phát sanh, và tùy tiện trong nhà có vật thực gì chín sẵn (như cơm khoai, sắn, bắp, trái cây v.v...) đem dâng cúng. Như thế gọi là gieo hạt giống lành trong đám ruộng phước vậy.

NHÀ KHÔNG DÂNG CÚNG, KHÔNG CẦU NGUYỆN SAO?

TRÌ BÌNH nguyên tắc là phải đi từng nhà một. Không phân biệt giàu nghèo, sang hèn quân dân hay tôn giáo, màu da sắc tộc nào cả. Cầu nguyện với lòng từ ái, thí chủ dâng cúng cũng tốt, không cúng chẳng sao. Đó là phận sự của người xuất gia, chứ không phải đi xin ăn như mọi người khát cái đâu.

TRÌ BÌNH KHÁT THỰC CÒN CÓ Ý NGHĨA NÀO NỮA?

PHÁP HÀNH, rải lòng bác ái, cầu nguyện cho chúng sanh là mục đích chính. Ngoài ra, còn là phương pháp dạy dỗ uốn nắn tâm, diệt trừ phiền não, tập tành đức tánh nhẫn nại, nhịn nhục và thực hành NĂM PHÁP là cho mọi người kính mến.

THẾ NÀO GỌI LÀ DIỆT TRỪ PHIÊN NÃO NỘI TÂM?

ĐI KHÁT THỰC có nhiều gian lao vất vả. Đầu đội trời, chân đạp đất, không kẻ nắng mưa, nóng lạnh... Lại nữa, có người không bố thí cúng dường thì thôi, lại còn buông lời thô lỗ cộc cằn, hoặc trêu chọc v.v...

ĐI BÁT có người quý trọng, lại cũng có lắm kẻ khinh khi. Có người không biết, hoặc có người tỏ lộ những hành vi bất nhã v.v...nếu HÀNH GIẢ thiếu đức TIN, không có lòng nhẫn nại là không thể đề nén diệt trừ phiền não nội tâm được, mà thói chuyên, ngao ngán ngã lòng, thì cũng khó mà thực hành cho được.

THỰC HÀNH NĂM PHÁP LÀM CHO NGƯỜI KÍNH MẾN LÀ SAO?

1. Phải có đức tin (tin nơi giáo lý cao siêu của Phật)
2. Biết hổ thẹn tội lỗi
3. Biết ghê sợ tội lỗi
4. Siêng năng dũng mãnh
5. Có nhiều trí tuệ.

Gương sáng của ba đời chư Phật là rải lòng từ bi thương xót mọi người, mọi loài mà hòa mình vào đại chúng "Ngày ngày mang bát xin ăn".

Quyết noi gương theo đảng TRỌN LÀNH, thì PHÁP- HÀNH, Pháp mà đức Phật hằng ngợi khen, người tu sĩ phải quyết tâm thực hành cho được:

Khi thọ dụng lễ vật của Tín Thí Đàn Na là đề mục cho người xuất gia quán niệm suy xét lấy thân mình, hành vi Phạm Hạnh của ta có xứng đáng được cho người lễ bái cúng dường chưa? Nếu thấy rõ tội lỗi trong sự dễ dãi giải đãi và

ghê sợ tội lỗi, thì phải mau mau thức tỉnh, siêng năng tinh tấn tu hành cho khỏi phụ lòng hoài vọng của Tín Thí Đàn Na.

Khi đã tịnh tấn, nỗ lực thu thúc, học tập tham thiền, thì tâm thanh tịnh và phát sanh trí tuệ.

Trong KINH ANGUTTARA NIKÀYA DASAKA NIPATTA đức Phật dạy:

- Nay các Thầy Tỳ khuru. Các người phải luôn luôn ghi nhớ 10 Điều QUÁN TUỞNG:

1. HÀNH GIẢ luôn quán tưởng, Ta là người có hình thể khác hơn thế tục.
2. Sự hành đạo của ta phải khác hơn thế nữa.
3. Đời sống của ta phải nương nhờ nơi kẻ khác.
4. Ta có thể chê trách ta về giới luật không?
5. Chư đạo hữu có thể chê trách ta về giới luật?
6. Ta sẽ chia lìa như vật thương yêu quý mến.
7. Ta có nghiệp là di sản của ta. Nghiệp là nơi sinh ra ta. Nghiệp là quyền thuộc của ta. Nghiệp là nơi nương nhờ của ta.
8. Ngày và đêm hằng qua mau, hiện giờ ta đang làm gì?
9. Tri kiến giải thoát là pháp diệt trừ phiền não, ta đã có hay chưa?
10. Ta đã làm tròn phận sự và trau giồi phạm hạnh đúng theo lời Phật dạy hay chưa?

Đó là "MƯỜI ĐIỀU QUÁN TUỞNG" mà bậc xuất gia tu hành phải quán tưởng luôn khi. Khi thực hiện đúng theo lời Phật dạy, trau giồi phẩm hạnh thanh cao, xứng đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường. Bằng trái lại thì sự tai hại cũng không sao lường được. Đã không đưa mình đến nơi an vui giải thoát lại còn bị sa đọa trong bốn đường ác đạo khổ đau.

TẠI SAO TU HÀNH KHÔNG CHÍNH ĐÁNG LẠI CÓ TAI HẠI?

Hãy nghe đức Phật dạy các thầy Tỳ khuru về năm hạng cướp vĩ đại. Năm hạng cướp ấy là gì?

- Nay các thầy Tỳ khuru.

Trong thế gian này có một đảng cướp vĩ đại, chúng hằng có ức niệm rằng không biết bao giờ ta có hằng trăm, hàng ngàn người theo hầu hạ ta, bảo vệ ta, dâng các món tứ vật dụng hằng ngày cho ta? Ta sẽ đi khắp thôn xã tổng tỉnh, tự ta cướp bóc, tự ta chặt đầu người, tự ta phóng hỏa hay bảo kẻ khác phóng hỏa. Tướng cướp có hàng trăm, hàng ngàn người tùy tùng rồi vào kinh thành cướp phá, như thế nào? Cũng như có hạng Tỳ khuru trong pháp Luật của NHƯ LAI là người có lòng ham muốn đê tiện như vậy.

- Không biết bao giờ ta có hàng trăm, hàng ngàn đệ tử doanh vậy theo hầu hạ ta, dâng cúng, cung cấp món ăn vật uống, rồi đi đến làng tổng quận tỉnh và kinh đô, hàng xuất gia, kẻ cư sĩ phải kính nể cúng dường, nhưng giới hạnh thì lồi thối, lòng đầy tham dục, thì đó là hạng cướp thứ nhất vậy.

THẾ NÀO LÀ HẠNG CƯỚP THỨ NHÌ?

Đức Phật dạy rằng: - Nay các thầy Tỳ khưu. Có nhóm Tỳ khưu đê tiện trong pháp luật này, lợi dụng lòng tin của tín đồ nuôi mạng mình bằng cách tà mạng như (cho bùa, làm phép, chữa bệnh, bốc thuốc v.v...). Giới hạnh không trang nghiêm, sai quấy giới luật hằng theo phá hoại các hạng tu hành chơn chánh đúng theo GIỚI LUẬT của NHƯ LAI đã giáo truyền. Đây là hạng cướp thứ nhì.

THẾ NÀO LÀ HẠNG CƯỚP THỨ BA?

Đức Phật dạy rằng: - Nay các thầy Tỳ khưu. Có nhóm Tỳ khưu đê tiện, học xong KINH LUẬT của NHƯ LAI đã giáo truyền, lại tự cao, tự đại coi thường kinh bi các bậc trưởng lão, nay các thầy Tỳ khưu đây là hạng cướp thứ ba.

HẠNG CƯỚP THỨ TƯ LÀ THẾ NÀO?

Đức Thế Tôn có dạy:

- Nay các thầy Tỳ khưu. Có nhóm Tỳ khưu đê tiện trong Giáo Pháp này, giúp đỡ tín đồ bằng động sản của Tăng như giường mùng, mền chiếu v.v... và đồ bất động sản như đất chùa hay chùa cho người thế tục, với mong cầu lợi lộc riêng tư, thì đây là hạng cướp thứ tư.

Và Đức Thế Tôn giải tiếp:

- Nay các thầy Tỳ khưu. Có nhóm Tỳ khưu đê tiện trong pháp luật này, tự khoe mình đắc Pháp của bậc cao hơn mà chính mình không có, với mưu cầu lợi lộc, thì gọi là hạng cướp thứ năm vậy.

Năm hạng cướp vừa kể trên đây, là những kẻ cướp hung tợn nguy hại, ác độc hơn cả những hạng cướp nào trên thế gian này đến cõi Phạm Thiên. Vì sao?

Vì các thầy Tỳ khưu ăn cướp, vật thực của Tín Thí Đàn Na bằng cách cúng dường, rồi còn lôi kéo hướng dẫn tín đồ theo đường mê tín dị đoan, để cầu mong lợi lộc cho mình, bằng cách bàn môn tà đạo thì nó còn tai hại hơn chặt đầu người, phóng hỏa đốt người nữa.

Bởi vậy cho nên, đức Phật cũng hằng khuyên dạy: - Nay các thầy Tỳ khưu. Thà các người ngồi ôm, nằm ôm vào đồng lửa đang cháy hừng hực, còn hơn các người ngồi ôm, nằm ôm các hàng công chúa, tiểu thư, con gái các hàng quý tộc vua chúa giàu sang xinh đẹp, có bàn tay bàn chân dệu đỏ như son, vì rằng ôm lửa, nằm vào lửa nó chỉ phỏng da, cháy trán hay thiêu đốt mạng căn của các người một đời, một kiếp thôi.

Trái lại, lợi dụng hình thức phạm hạnh mà làm điều xằng bậy, trước hạnh xấu xa, nó sẽ thiêu đốt huệ căn của các người trong vô lượng kiếp và bị khổ thời gian rất lâu dài, vì khi chết, sanh vào ác đạo thời gian vô tận.

Tóm lại, KHẮT SĨ là HẠNH NGUYỄN quý báu cao cả của ba đời chư Phật, mà các bậc XUẤT GIA là người thay mặt để nêu cao tám GUỒNG cao đẹp cho quần sanh với đầy đủ phẩm hạnh trang nghiêm, thì đó là một cách bảo vệ và hoằng dương CHÁNH GIÁO cao thượng, thiết thực.

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ BỐ MA?

BỐ MA có ý nói là sợ MA. Xa lìa Ma. Đề nện diệt trừ Ma. Ma đây còn được chia làm năm loại:

1. PHIỀN NÃO MA. Ám chỉ thói hư tật xấu do TAM ĐỘC là THAM SÂN và SI sinh ra lo âu, buồn giận v.v...
2. TỬ THẦN MA. Ám chỉ về sự chết của chúng sanh.
3. THIÊN MA. Một hạng Chư Thiên chuyên đi khuyến hóa chúng sanh làm việc ác, ngăn cản việc thiện, sự tấn hóa tu hành. Hạng chư Thiên này ở cung trời DẠ MA, một bên thiện, một bên ác.
4. NGŨ UÂN MA. Ám chỉ về sắc thọ tướng hành thức. Ngũ UÂN này kết hợp làm cho chúng sanh chịu bao thống khổ, lo âu, sầu muộn v.v...
5. THIÊN ÁC MA. Thiên đây, ám chỉ THIÊN HỮU LẬU, nghĩa là nó sợi dây trói cột chúng sanh trong vòng TAM GIỚI, không cho thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi khi làm Trời, khi làm Người, khi làm Thú v.v...

THIÊN HỮU LẬU LÀ THẾ NÀO?

HỮU LẬU THIÊN gồm có:

- Một trong cõi người.
- Sáu trong cõi dục giới
- Mười sáu trong cõi sắc
- Bốn trong cõi Vô Sắc

Cộng chung tất cả là 26 tầng. Tuy ở trong 26 tầng ấy, có nhiều sự lạc thú thanh nhàn do theo nhân phước đã tạo theo bảo trợ, nhưng đến khi hết phước, hết tuổi thọ vẫn còn phải chết, phải bị tái sanh, loanh quanh trong vòng TAM GIỚI, do đó gọi là LOKKA KUSALA "THẾ GIAN THIÊN".

CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ TAM GIỚI?

Nếu kể TAM GIỚI, phải tính luôn cả bốn ĐƯỜNG ÁC nữa đó là:

1. Địa ngục
2. Ngạ quỷ

3. Súc sanh
4. A tu La

Đều phải chịu mọi điều thống khổ, lo âu, sợ sệt. Kể đến cõi người. Tuy sanh làm người, song cũng có thể chia làm năm hạng như sau:

1. Người như chư thiên.
2. Người như người.
3. Người như súc sanh.
4. Người như ngạ quỷ.
5. Người như địa ngục.

NGƯỜI NHƯ CHƯ THIÊN LÀ THỂ NÀO?

Chư Thiên là hạng chúng sanh đã làm được nhiều việc LÀNH như bố thí, tham thiền. Do nhờ phước báu ấy bảo trợ như món ăn, vật uống các món tứ vật dụng tự nhiên mà có, đi lại dễ dàng, có hào quang xinh đẹp, sáng ngời rực rỡ, ở trong những bảo điện nguy nga tráng lệ, có nhiều kẻ hầu, người hạ v.v...Hạng người như chư thiên cũng như thế ấy, tuy làm người mà có quyền cao tước trọng, nhà cửa khang trang, giàu sang phúc tức, sắc thân xinh tốt, đầy đủ sự an vui lạc thú hơn mọi người.

NGƯỜI NHƯ NGƯỜI LÀ THỂ NÀO?

Hạng chúng sanh có lục căn đầy đủ. Các món tứ vật dụng do công sức làm ra cũng vừa phải lẽ, tức y tức thực, có trí tuệ nhận biết chơn lý, thấy được nhơn quả, biết lành, biết dữ, phải, trái v.v...

NGƯỜI NHƯ SÚC SANH LÀ THỂ NÀO?

Chúng sanh này mang lông, đội sừng, hai chân, bốn chân, nhiều chân hoặc không chân v.v... ví như trâu, bò, heo, chó...hằng ngày làm công việc nặng nề cực nhọc dãi nắng, dầm mưa lại còn bị hành hạ đánh đập trói lói, xiềng xích, khi chết còn bị phanh thây xẻ thịt biết bao tủi hổ, nhọc nhằn, đau khổ v.v...

Cũng như thế ấy, tuy mang thân người nhưng thiếu phước tạo gây, nên vẫn đói, vỡ rách, tối tăm ngu độn sanh vào gia đình nghèo đói cơ hàn, cơm không đủ no, áo không đủ ấm, phải làm những công việc nặng nề cực nhọc đổ mồ hôi nuôi mạng sống, bị người sai khiến đày đọa, lại còn bị người rẻ rúng khinh khi.

HẠNG NGƯỜI NHƯ NGẠ QUỶ LÀ THỂ NÀO?

PETA dịch là "QUỶ ĐÓI" bụng đói, miệng khát nhe nanh, ăn toàn mủ máu hôi tanh. Chịu đói, lạnh, do nhân xấu xa bần tiện keo kiệt bủn xỉn nhất là lòng tham lam quá độ, mong mỏi cướp giật của người khác do nhân ác đã gieo. Có hạng người tuy mang thân người mà phải mang tật nguyên bệnh hoạn, nghèo đói, ăn không được, uống không thông, cơn bệnh hành hạ đau nhứt ngày đêm, rên la, than khóc cũng như thế ấy.

NGƯỜI NHƯ ĐỊA NGỤC LÀ THỂ NÀO?

Do tội sát sanh hại mạng người thú không chút xót thương. Làm những điều tội lỗi xấu xa như đâm thuê chém mướn, hoặc phạm ngũ nghịch đại trọng tội, hoặc làm đồ tể để nuôi mạng sống v.v...Chúng sanh này chết đi thọ sanh vào cảnh giới địa ngục lãnh chịu hình phạt bị chém đầu, tra tấn, bị mổ bụng, lôi gan, đập xương, róc thịt, ăn hòn sắt nóng, uống nước đồng sôi, sống đi chết lại ngàn lần, lửa cháy hỏa hào, ngày đêm thiêu đốt không ngừng nghỉ v.v...

Tuy mạng thân người, có một hạng người làm những sai trái, phạm vào phép nước, luật vua, tạo tác những tội ác, gây tai hại cho nhiều người, phạm vào luật lệ quốc gia, mà phải lãnh chịu cảnh tra tấn, tù đày, bị hành hạ đánh đập ngày đêm cũng như thế ấy.

Nói chung, lấy cảnh người, mà suy niệm cho kỹ, cũng đã tượng trưng cho bốn đường ác, cõi người và cảnh giới Chư Thiên một phần rồi vậy.

CHO BIẾT VỀ CỖI TRỜI DỤC GIỚI?

Có sáu cảnh giới như sau:

1. TỬ ĐẠI THIÊN VƯƠNG

Từng trời thấp nhất trong các từng trời do bốn vị Thiên Vương cai quản.

- Vua KUEVA - TRÌ QUỐC Thiên vương.
- Vua DHATARATTHA - TÁNG HƯƠNG Thiên Vương
- Vua VIRUPAKKHA - QUẢNG MỤC Thiên Vương
- Vua VIRULHAKA - ĐA VẤN Thiên Vương.

Có tuổi Thọ là 500 tuổi như ý, bằng 9 triệu rưỡi cõi người. Vì rằng, một ngày, một đêm ở cõi trời bằng 50 năm ở cõi thế. Cũng như một ngày một đêm ở dương thế là bằng vạn tử, vạn sanh ở khổ cảnh.

2. ĐAO LỢI THIÊN

Cũng còn gọi là cảnh TAM THẬP TAM THIÊN, có 33 vị THIÊN VƯƠNG cai quản, do đức Trời ĐẾ THÍCH làm Chủ. Nơi có tuổi THỌ là 1.000 tuổi NHƯ Ý, bằng 36 triệu rưỡi cõi người.

3. DẠ MA THIÊN

Còn gọi là cảnh DIỆT KHỔ. Có tuổi THỌ 2.000 năm bằng 144 triệu tuổi cõi người.

4. ĐÁU XUẤT ĐÀ THIÊN.

Cảnh giới khoái lạc. Nơi an nghỉ của các vị Bồ tát sau khi thực hành tròn đủ MƯỜI PHÁP THẬP ĐỘ. Có tuổi THỌ 4.000 năm, bằng 576 triệu tuổi cõi người.

5. HÓA LẠC THIÊN.

Cảnh giới của những vị trời ở trong những cung điện đẹp đẽ, to lớn. Có tuổi THỌ 8.000 năm NHƯ Ý, so với tuổi người là 2.304 triệu năm.

6. THA HÓA TỰ TẠI THIÊN

Cảnh giới của những vị trời có khả năng tạo ra những vị trời khác để phục vụ cho mình. Có tuổi THỌ 16.000 tuổi NHƯ Ý. Bằng 9.126 triệu năm của người.

Chư Thiên trong sáu cõi Dục Giới trên cũng có hình thể, nhưng vật chất, (sắc) của các vị ấy tế nhị, rất tế nhị hơn sắc của cõi người nhiều. Vì thế mắt thường, người không thấy được. Tất cả những vị ấy, đều phải chết, mặc dù trên vài phương diện, như hình thể nơi ở, vật thực thì được sung mãn hơn cảnh người nhiều.

Về trí tuệ, các vị ấy thường không hơn người. Chư Thiên trong cõi DỤC GIỚI đều hóa sanh, bỗng nhiên xuất hiện dưới hình thức một thanh niên hay thanh nữ lối 16 tuổi, đó là cảnh giới có nhiều khoái lạc tạm bợ.

Bốn cảnh khổ, cảnh người và sáu cảnh trời đều nằm trong DỤC GIỚI cả.

CHO BIẾT VỀ CẢNH TRỜI SẮC GIỚI?

SẮC GIỚI còn chia ra bốn cảnh tương ứng với trình độ THIÊN mà HÀNH GIẢ đã đắc.

SƠ THIÊN CÓ BA LÀ:

1. PHẠM CHÚNG THIÊN. - Cảnh giới các vị trời tùy tùng cho các vị Phạm Thiên. Thọ 1/3 kiếp trái đất.
2. PHẠM PHỤ THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phụ Thiên thân cận các vị Phạm thiên. Thọ 1/2 kiếp.
3. ĐẠI PHẠM THIÊN. - Cảnh giới của các vị đại PHẠM THIÊN có nhiều hạnh phúc, đẹp đẽ và tuổi thọ nhiều hơn các PHẠM THIÊN khác là một kiếp trái đất, nhờ phước báu đã tạo, do công phu THIÊN ĐỊNH.

NHỊ THIÊN CÓ BA LÀ.

4. THIÊU QUANG THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có ít hào quang. Thọ 2 kiếp trái đất.
5. VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN.- Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có ánh sáng vô cùng. Thọ 4 kiếp trái đất.

6. QUANG ÂM THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có hào quang rực rỡ. Thọ 8 kiếp trái đất.

TAM THIÊN CÓ BA LÀ

7. THIÊU TỊNH THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có hào quang nhỏ, tuổi thọ 16 kiếp trái đất.

8. VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có hào quang vững chắc không xao động. Tuổi thọ 32 kiếp trái đất.

9. BIÊN TỊNH THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên có hào quang vững chắc không xao động. Tuổi thọ 64 kiếp trái đất.

TỨ THIÊN CÓ BẢY LÀ

10. QUẢNG QUẢ THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên hưởng quả rộng lớn. Tuổi thọ 500 kiếp.

11. VÔ TƯỚNG THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên không có Tâm. Tuổi thọ 500 kiếp trái Đất.

12. VÔ PHIÊN THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên hoàn toàn tinh khiết trường cửu có tuổi thọ 1.000 kiếp trái đất

13. VÔ NHIỆT THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên hoàn toàn thanh tịnh. Tuổi thọ 2.000 kiếp.

14. THIÊN HIỆN THIÊN. - Cảnh giới của những vị phạm thiên hoàn toàn đẹp đẽ. Thọ 4.000 kiếp trái đất.

15. THIÊN KIẾN THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên hoàn toàn quang đấng. Thọ 8.000 kiếp trái đất.

16. VÔ THIÊU THIÊN. - Cảnh giới của những vị Phạm Thiên tối thượng. Tuổi thọ 16.000 kiếp trái đất.

BỐN CẢNH TRỜI VÔ SẮC GIỚI LÀ THẾ NÀO?

1. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ THIÊN.

Cảnh giới có quan niệm Không gian vô cùng vô tận có tuổi thọ hai muôn kiếp trái đất.

2. THỨC VÔ BIÊN XỨ THIÊN

Cảnh giới có quan niệm rằng "THỨC vô cùng tận" có tuổi thọ là tám muôn kiếp trái đất.

3. VÔ SỞ HỮU XỨ THIÊN

Cảnh giới có quan niệm rằng không không vô cùng tận có tuổi thọ mười sáu muôn kiếp đất.

4. PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG THIÊN

Cảnh giới có quan niệm rằng không có Trí giác cũng không có Trí giác. Có tuổi thọ tám muôn bốn ngàn kiếp trái đất. Cũng nên ghi rằng "không có giống nam

cũng như không có giống nữ trong những cảnh SẮC GIỚI và VÔ SẮC GIỚI".
-- (Cộng tất cả 31 tầng trong TAM GIỚI). Y theo BẢN DỊCH của Hòa Thượng
Tỳ Khưu KIM QUANG.

Tóm lại, từ hạng chúng sanh đê tiện khổ cực Nhất (nhứt nhứt, nhứt Dạ vạn Tử
vạn sanh) cho đến hạng chúng sanh sống với tuổi thọ 84 ngàn đại kiếp, nhưng
đến khi hết phước, hết tuổi thọ, lại cũng phải tái sanh, còn phải chịu chi phối
dưới định luật vô thường.

Cho nên, bậc Xuất Gia là phải cố gắng diệt trừ phiền não để thoát ra khỏi vòng
TAM GIỚI, ra khỏi LUỚI của MA VƯƠNG, đến cảnh NIẾT BÀN cho xứng
danh là BỔ MA đó vậy.

Nên ghi nhận rằng, đức Phật không nhằm truyền bá một lý thuyết về vũ trụ. Dù
những cảnh giới trên có hay không, điều ấy không ảnh hưởng gì đến cho giáo
lý của Ngài. Không ai bị bắt buộc phải tin một điều gì, nếu điều ấy không thích
hợp với sự suy luận của mình. Nhưng nếu bác bỏ tất cả những gì mà lý tưởng
hữu hạn của ta không thể quán niệm được, thì điều ấy cũng không phải hoàn
toàn chánh đáng. Muốn tỏ hơn, xin tìm xem nơi quyển "ĐỨC PHẬT VÀ
PHẬT PHÁP" của giảng sư NARADA đã xuất bản.

XIN CHO BIẾT Ý NGHĨA VỀ PHẢ ÁC?

PHẢ ÁC hay còn được gọi là PHẢN ÁC. Chư Tăng là những người đã nguyện
"CÁI ÁI LY GIA, XÃ PHÚ CẦU BÀN, XÃ THÂN CẦU ĐẠO" với mục đích
duy nhất là giải thoát ra khỏi vòng TAM GIỚI KHỔ.

Khi đã có TĂNG TUỞNG trang nghiêm, học hỏi và thực hành GIỚI LUẬT để
PHẢN ÁC TỪNG THIỆN, phản giả quy chơn, phản tà quy chánh, bỏ mê về
ngộ, xa khổ về vui, đó là nhiệm vụ tối cần, là mục tiêu tối thượng của người
CẦU ĐẠO GIẢI THOÁT vậy.

ĐI TRÌ BÌNH SAO GỌI NUÔI MÌNH THEO CHÁNH MẠNG?

Đức THẾ TÔN hằng khuyên dạy chư Tăng, hằng ngày phải đi TRÌ BÌNH
KHÁT THỰC để CỨU KHỔ ĐỘ SANH. Để đem lại sự an vui cho mọi người,
mọi loài, mọi giới để chúng sanh có điều kiện gieo duyên làm phước trong
CHÁNH PHÁP, vãi hạt giống lành trong đám ruộng phước (do lòng bi mẫn) là
nuôi mình theo CHÁNH MẠNG.

Mỗi ngày chỉ ăn một bữa (ngộ thời) tùy được, tùy có, không khen cũng không
chê, không mừng cũng không vui hay lo lắng, hoặc ao ước đòi hỏi theo nhục
dục cá nhân. Hằng luôn quán niệm bốn món vật dụng để cố gắng tinh tấn tu
hành (đó là Tự Độ lấy mình) gọi là CHÁNH MẠNG vậy.

NUÔI MÌNH THEO TÀ MẠNG LÀ THỂ NÀO?

Người xuất gia sống cuộc đời không chơn chánh, đức Phật gọi là NESANA " TÀ MẠNG" có 21 điều.

1. VELU DÀNAM - Cho người thế tre.
2. PATTA DÀNAM - Cho người thế lá
3. PASSA DÀNAM - Cho người thế bông hoa
4. PHÀLA DÀNAM - Cho người thế trái.
5. DANTAKATTHA DÀNAM - Cho người tắm xia răng
6. MUKHODAKA DÀNAM - Cho nước rửa mặt
7. DINNÀNA DÀNAM - Cho xà phòng tắm giặt
8. CUNNA DÀNAM - Cho phấn bột thoa mình
9. MATIKA DÀNAM - Cho đất sét
10. VÀTUKAMYYÀTÀ - Hạ mình nói lời tôn kính người tại gia
11. MUGGASÀPATA - Nói những lời thêu dệt
12. PÀRIGHATYATÀ - Giữ con cho người thế
13. JANGHAPPESANIYÀ - Làm thuê cho người thế
14. VEJJAKAMMA - Làm thầy thuốc chữa bệnh
15. DÙTAKAMMA - Làm tổng thư văn cho người
16. PAHIGANANAM - Ngoài việc đi thơ, còn đem chuyện người này mách lại người kia.
17. PINDIPPÀTIPPINDIKÀ - Đem vật thực mà mình khát thực cho người ăn trước, rồi mới khát thực ăn sau.
18. DÀNIPADÀNAM - Cho đi, cho lại, nghĩa là người thế cho vật này, xuất gia cho vật nọ, gọi là thù tạc.
19. VUTTHUVIJJÀ - Làm thầy địa lý, chỉ nơi chôn cất, phạm kim, đặt huyệt.
20. HAKKHITTAVIJJÀ - Coi sao hạn, nghĩa là coi bói toán rồi cúng cho người.
21. ANGI VIJJÀ - Coi tướng số, đoán tử vi tốt xấu.

Đó là 21 ĐIỀU TÀ MẠNG không chính đáng của vị Tỳ khuru, mà các hàng thiện trí thức chê bai.

LÀM THẦY ĐỊA, CÚNG SAO HẠN SAO GỌI LÀ TÀ MẠNG?

Theo LUẬT NHƠN QUẢ LIÊN QUAN, làm lành hưởng quả vui, làm dữ mang quả khổ, đúng như NHO GIÁO có câu "CHUNG QUẢ ĐẮC QUẢ, CHUNG ĐẬU ĐẮC ĐẬU" có nghĩa là trồng DỪA thì được DỪA, tía ĐẬU thì hái ĐẬU.

Đức Phật khuyên dạy:

- Chính ta là tạo hóa của ta. Thiên đàng do ta tạo. Địa ngục cũng chính ta gây. Phước hay tội đều do ta cả. Gọi là "TỰ TÁC TỰ THỌ". Ngoài ta ra, không có một vị Thần linh toàn năng toàn trí nào, có thể ban phước hay rước họa cho ai được cả.

Như vậy, làm thầy địa lý, cúng sao hạn, coi tướng số, đoán tử vi, vẽ bùa chú, trừ tà, ếm quỷ là hành vi của hạng người không chon chánh. Lợi dụng vào lòng tin yếu kém của tín đồ để đưa họ vào con đường mê tín dị đoan tin tưởng nơi đấng thần quyền tha lực, chỉ biết cầu khẩn van xin nơi một đấng thiêng liêng huyền bí, mà không chịu TỰ TU TỰ ĐỘ, đó là nhân đưa CHÁNH PHÁP đến chỗ lu mờ suy yếu, há không phải là TÀ MẠNG sao?

Dẫn chứng ví dụ cho dễ hiểu. Có một nhóm người hung ác dữ tợn kia, chuyên đi cướp của, giết người, đốt xóm, phá làng, làm những điều xấu xa tội lỗi. Khi bị quân binh đánh dẹp, bắt bỏ vào ngục thất, để đưa ra tòa, kêu án mà lãnh chịu hình phạt tù đày hoặc tử hình theo như cái tội mà họ đã gây ra tạo ra.

Rồi trong khi ấy vợ, con quyến thuộc của nhóm người nói trên, đem vàng bạc châu báu lo lót hối lộ cho vị quan tòa thanh liêm chánh trực để xin giảm án hay ân xá, tha bổng cho các tội nhơn có được không?

Chắc chắn là không được như thế nào, thì việc cúng vàng mã, hình nộm, tượng rơm v.v...chỉ là việc làm của hạng người mê tín dị đoan mà thôi.

Vã lại, xét cho kỹ, người dương thế dùng loại tiền gì?

Người cõi âm dùng tiền tệ gì? Luật lệ nào cho phép oan hồn uổng tử nhận lãnh tiêu pha? Vã lại đã có lòng cho, sao lại đem đi đốt ráo cả vậy?

Nói họ thần thông phép tắc để nhận, sao họ không biến hóa ra mà dùng, lại hốt tro tàn đem về làm gì. Họ thụ hưởng được hồi nào? Chẳng qua là khi mua vàng mã (với giá khá đắt) số tiền chui vào rương, vào tủ của số người sản xuất đó. Nước Việt Nam ta hơn một ngàn năm bị đô hộ dưới sự cai trị của người phương Bắc, phong tục tập quán, lễ nghi phong hóa một phần lớn do người phương Bắc bày vẽ. Vàng mã cũng do mấy chú Tài phiệt đặt bày.

Để tiêu thụ các món hàng trên, nên họ dựng lên câu chuyện "ĐƯỜNG VƯƠNG LÝ THẾ DÂN DU ĐỊA PHỦ" các oan hồn uổng tử khóc lóc xin tiền, thiếu bạc v.v...

Câu chuyện thật hoang đường, thế nhơn vốn nhẹ dạ, nghe bùi tai là tin ngay chứ không chịu suy xét cho kỹ, nhất là ở đời có hạng người tham lam ích kỷ, cho vay cắt cổ, tham những ô lại, làm những việc độc ác, vợ vét tận xương tủy của dân lành, miễn sao cho vừa lòng ích kỷ cá nhơn. Đã thế lại còn lo sợ cho tương lai sau khi chết, lo mua sắm gửi gắm kho vàng, kho bạc dưới diêm vương, để sau khi chết xuống có sẵn mà tiêu xài, hối lộ Diêm vương, Quỷ sứ, mong những vị này thu nhận của hối lộ, mà giảm khinh hình phạt cho v.v...

Đem sự việc trên mà suy luận. Người Việt Nam ta dùng tiền ngân hàng Việt Nam. Người Anh dùng Anh kim, người Mỹ dùng Đô-la, người Pháp dùng Frăng v.v...Vã đó ai biết Diêm Vương dùng thứ tiền tệ chi? Một miếng giấy sục, quét một chút kim nhũ hay ngân nhũ. Hoặc khắc bản gỗ để in tiền xưa, rồi

đốt cho người côi âm dùng, thì đúng là một việc quá ư khôi hài, và không khéo ta lại khinh thường vong hồn người quá cố.

Nói rộng ra, các nước theo Phật giáo chơn chánh như Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan v.v...hay các nước văn minh như Âu, Mỹ, người ta không cúng vàng đốt mã, chắc họ hàng, thân quyến của họ nghèo túng lắm.

Nếu họ đói, nghèo sẽ sanh tâm trộm cướp. Bên Việt Nam ta có nhiều vàng kho, bạc nén tích trữ để dành, họ sẽ tràn qua xâm lăng, cướp giết, thì chắc hẳn họ hàng nhà ta liệu có giữ nổi cùng không? Chắc cũng phải lo sợ mất mát, thì khổ lắm chứ chơi sao? sống đã khổ vì giữ của, chết cũng không an tâm vì mất của, nhiều vàng.

Đó là luận lý LÝ NHƠN QUẢ mà nói cho cùng, chứ khi chúng sanh chết, phải đi thọ sanh theo duyên nghiệp của mình khi sanh tiền gây tạo chứ đâu có phải nằm đó mà chờ sự thể thăm vãn xin, cúng cấp đâu?

Tóm lại, người TU SĨ XUẤT GIA mong vượt ra khỏi vòng TAM GIỚI KHỔ, phải tìm sự lợi ích cho mình và sự lợi ích cho quần sanh bằng CHÁNH MẠNG, và tránh xa NĂM ĐIỀU TỘI LỖI mà đức Phật hằng khuyên răn nhắc nhở.

NĂM ĐIỀU TỘI LỖI ẤY NHƯ THẾ NÀO?

Nuôi mình bằng cách không chơn chính PÀMADHAMMA

"Pháp TỘI LỖI" có năm điều:

1. KURANÀ. Nói dối. Có ý muốn cho người cúng dường mình, nên làm ra vẻ ta đây là người không ham muốn vật tốt đẹp. Hoặc nói xa, nói gần, có ý cho ta là hạnh kiem thanh cao. Hoặc làm bằng cách hành động trong bốn oai nghi, làm bộ như mình là bậc cao hơn không màn thế sự, ra khỏi phiền não.
2. LAPANÀ. Sự giả dối bằng lời nói, là có ý dùng lời khoe khoang, hoặc có ý nói cho người mời thỉnh hoặc dâng cúng cho mình.
3. NEMITATÀ. Tỏ vẻ cho người biết rằng: Ta đây ưa muốn cần thiết vật ấy. Bằng cách nói đùa, hỏi ướm để xin, hoặc làm bộ như không biết, không từng thấy hỏi dò xem để người cúng dường. Hoặc làm thế như y bị rách rưới, thiếu thốn v.v...để người dâng cúng cho ta, bằng cách hành động hay nói mà không biết thẹn
4. NIPPESIKATÀ. Nói dịu ngọt, là dùng lời nói nịnh bợ hoặc khích bác cho thiện tín vì chạm tự ái hay tội nghiệp mà dâng cúng.
5. LABHENA LABHANNIJJGIMSANATÀ. Tìm Lợi Lộc bằng cách đưa của mình được nơi này ra cho nơi khác để lấy mỗi câu lợi.

Đây là những hành động rất đê tiện của người xuất gia, tham lam danh lợi, có ý như người cho vay lấy lãi nói chung, người xuất gia mà sống với NĂM PHÁP

TỘI LỖI và 21 ĐIỀU TÀ MẠNG cùng TÁM PHÁP BÁT CHÁNH, gọi là thầy Tỳ khuru nuôi mạng không chơn chánh.

TÁM PHÁP BÁT CHÁNH LÀ THỂ NÀO?

1. Đoán rằng năm nay trời mưa nhiều tốt.
2. Đoán rằng năm nay trời hạn hán, mất mùa
3. Đoán rằng năm nay lúa gạo đầy đủ
4. Đoán rằng năm nay thiếu lúa gạo đói kém
5. Đoán rằng có sự thái bình
6. Đoán rằng có thiên tai như bão lụt
7. Đoán rằng có bệnh hoạn như dịch hạch phát sanh.
8. Đoán rằng không có bệnh tật chi.

Nói chung, TÁM ĐIỀU DỰ ĐOÁN trên làm cho đệ tử tín đồ hoang mang, lo sợ, không còn đức tin nơi TỰ LỰC mà chỉ biết van xin cầu khẩn nơi một sự ban ân, giáng phước che chở hộ trì cũng là nhân đưa đến sự mê tín dị đoan, trông nhờ nơi THA LỰC THẦN QUYỀN vậy.

BẬC XUẤT GIA TU HÀNH THEO CHÁNH MẠNG CÓ QUẢ GÌ?

Còn là Phạm. Còn phải tu theo GIỚI ĐỊNH HUỆ để diệt trừ TAM ĐỘC là THAM SÂN SI. Bậc xuất gia tu hành theo CHÁNH MẠNG có TRẠNG THÁI, PHẬN SỰ, và QUẢ của CHÁNH MẠNG theo hộ trì luôn khi.

THỂ NÀO GỌI LÀ TRẠNG THÁI?

LAKKHANA, dịch là "TRẠNG THÁI". CHÁNH MẠNG có nghĩa làm cho trong sạch, có nghĩa là không lẫn lộn ở đời, khác hẳn thể nhơn phạm tục, đáng kính trọng theo như luật của đức Phật đã giáo truyền.

THỂ NÀO GỌI LÀ PHẬN SỰ?

KICCA dịch là phận sự là có tánh cách hành động nuôi mạng chơn chánh, là vật đưa người ra khỏi khổ. Ý nói chánh mạng của bậc xuất gia là tuyệt đối tri túc không tham danh lợi, đó là nhân để diệt lòng ham muốn đây là lý do giải thoát khỏi khổ.

THỂ NÀO GỌI LÀ QUẢ?

PHÀLA dịch là "QUẢ" CHÁNH MẠNG có tánh cách dứt bỏ hay dứt sự nuôi mạng không chơn chánh đó là QUẢ. CHÁNH MẠNG thuộc về THÂN và KHẨU, nên thuộc về LUẬT hay còn gọi là GIỚI. Trong TẠNG KINH, đoạn về Tỳ khuru giữ mình trong sạch theo CHÁNH MẠNG có TÁM điều AN VUI như vậy.

1. Không bận rộn về việc giữ gìn của cải.

2. Tìm vật thực vô tội, là không phải hành nghề gì làm ra tiền, hầu mua sắm thức ăn, nên không TÀ MẠNG.
3. Thọ vật thực đã chín sẵn (do Thí chủ dâng cúng).
4. Không bị làm khó dễ bởi chính phủ, nghĩa là không bị xâu thuế.
5. Không có sự ưa mến, quyến luyến về vật dụng cần như người đời nào xe cộ, nhà cửa v.v...
6. Không sợ bị kẻ trộm cướp lấy của.
7. Không có sự quan hệ gì với quan quyền vua chúa.
8. Không đi nơi nào cũng không bị ai gạn hỏi ngăn đón lời thôi.

TẠI SAO ĐẾN CHÙA LỄ PHẬT, PHẢI LẠY CHƯ TĂNG?

LỄ PHẬT là tôn kính ân đức ba đời chư Phật. Còn đánh lễ chư Tăng là lạy cái Y cái Bát, cái Hạnh kiểm trang nghiêm, đức lành, tánh tốt của chư Tăng, người thay mặt ba đời chư Phật để dạy dỗ quần sanh, chứ đâu phải lạy nhục thể 32 thể trước của ông xoài ông ổi đâu?

Vả lại, một khi đánh lễ như vậy, cũng là cách nhắc khéo chư Tăng, là sự động viên khuyến thỉnh chư Tăng tu hành theo Phạm hạnh.

NHẮC KHÉO CHƯ TĂNG LÀ NGHĨA LÀM SAO?

Cũng như khi THỌ THỰC của thí chủ, vị Xuất gia phải luôn luôn quán tưởng, nhắc nhở mình phải như vậy:

- Thí chủ đâu có phải là cha ta, mẹ ta, thân bằng quyến thuộc của ta. Sở dĩ họ dâng cúng TỨ SỰ cần thiết đến ta là để cho ta duy trì mạng SỐNG, mà tu hành theo PHẠM HẠNH, ngõ hầu tế độ quần sanh. Rồi lấy đó làm đề mục tu hành cho tinh tấn hơn lên.

- Cũng như thế ấy, khi Thiện tín đánh lễ ông SƯ, mười ngón tay chấp lại, tượng trưng cho 10đóa Hoa lòng dâng cúng đến TAM BẢO, mà ta là người Đại diện đã xứng đáng nhận lãnh vinh dự ấy chưa? Nếu chưa, thì phải làm sao đây? Phải cố gắng hành đạo cách này đây?

- Trái lại, khi Thiện tín đánh lễ, ông SƯ, tâm lấy làm thoả thích mừng vui vì tự cao, tự đại, mà tu hành thì dãi dãi, làm biếng dễ duôi, thì đó là mười ngón giáo nhọn, đâm xoi xía xói dày xéo thân ta đó vậy. Lừa đót ta, chứ có phải đáng vui, đáng thích, đáng hãnh diện đâu?

TẠI SAO KHI THIỆN TÍN ĐẢNH LỄ ÔNG SƯ LÀM THINH?

Ba đời chư Phật không bao giờ cúi đầu hay chấp tay chào xá một chúng sanh nào. Chư Tăng, đại diện ba đời chư Phật cũng làm như thế ấy. Làm thỉnh là có

ý mặc tướng, cầu chúc cho thiện tín được mọi sự an lành, mà cũng là để suy xét đạo hạnh của mình một cách nghiêm chỉnh vậy.

CÓ CHỖ DẠY "CHƯ TĂNG LÀ LỬA" Ý NGHĨA THẾ NÀO?

LỬA, nếu ta biết sử dụng, sẽ sưởi ấm, nấu chín vật thực, làm đuốc soi đường và nhiều việc lợi ích khác. Trái lại, không biết dùng lửa cho đúng cách, chính nó sẽ thiêu đốt, cháy phỏng muôn phần đau khổ.

Chư Tăng cũng vậy. Hết lòng cung kính thờ phụng nghe lời giáo huấn của các Ngài, rồi cố gắng HÀNH theo thì được mọi sự lợi ích an vui trong đời này cho đến vô lượng kiếp vị lai. Trái lại, khinh thường rẻ rúng chư Tăng, thì sự quả báo chẳng lành cũng sẽ đến với ta như thế ấy.

TĂNG CÓ MẤY BẬC, XIN CHO BIẾT?

TĂNG có hai là THÁNH TĂNG và PHẠM TĂNG. THÁNH TĂNG là những bậc tu hành tinh tấn, dứt trừ phiền não và đã đến THÁNH VỨC, là đạt đến BỐN ĐẠO, BỐN ĐẠO và một NIẾT BÀN.

BỐN ĐẠO, BỐN QUẢ LÀ THẾ NÀO?

- TU ĐÀ HOÀN ĐẠO - TU ĐÀ HOÀN QUẢ
- TƯ ĐÀ HÀM ĐẠO - TƯ ĐÀ HÀM QUẢ
- A NA HÀM ĐẠO - A NA HÀM QUẢ
- A LA HÁN ĐẠO - A LA HÁN QUẢ

Bốn bậc THÁNH trên lại còn chia ra THÁNH HỮU LẬU và THÁNH VÔ LẬU.

THÁNH HỮU LẬU là bậc mới nhập dòng THÁNH VỨC, đè nén phiền não được một phần, chưa dứt hẳn được nên còn phải bị TÁI SANH LUÂN HỒI như TU ĐÀ HOÀN TƯ ĐÀ HÀM và A NA HÀM.

THÁNH VÔ LẬU là bậc đã diệt tận gốc rễ của phiền não, đã trong sạch được cả THÂN KHẤU Ý không có TÁI SANH LUÂN HỒI lại nữa như A LA HÁN.

THẾ NÀO GỌI LÀ THÁNH TU ĐÀ HOÀN?

TU ĐÀ HOÀN hay còn gọi là "DỰ LƯU" có nghĩa là bậc sửa soạn vào Dòng THÁNH VỨC do sự tinh tấn tu hành. Bậc này, dứt được ba sợi dây kiết sử là THÂN KIẾN HOÀI NGHI và GIỚI CẤM THỦ. Là bậc thấp nhất trong hàng TỨ THÁNH. Bậc này còn phải tái sinh luân hồi, nhưng không quá bảy kiếp và nhất là không còn bị sa đọa và bốn đường DỮ. Bậc này còn được gọi là THẤT LAI.

THẾ NÀO GỌI LÀ THÁNH TƯ ĐÀ HÀM?

TƯ ĐÀ HÀM hay còn được gọi "NHẤT LAI" hay NHẬP LƯU có nghĩa là đã chánh thức nhập vào dòng THÁNH rồi. Chư vị này diệt tận được ba sợi dây

KIẾT SỬ và THÂN KIẾN HOÀI NGHI và GIỚI CẨM THỦ, song THAM và SÂN đã nhẹ được một phần lớn. Bậc này chỉ phải TÁI SANH một kiếp nữa mà thôi.

THẾ NÀO GỌI LÀ THÁNH A NA HÀM?

A NA HÀM hay còn gọi được gọi là BÁT LAI, nghĩa là không còn bị luân hồi nữa. Vì bậc THÁNH này đã dứt trừ được THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ và Thân kiến, Hoài nghi, Giới cầm thủ, Tham lam và Sân hận. Đắc QUẢ này, chư THÁNH thọ sanh vào cung Trời ĐÁU XUẤT ĐÀ để tu hành thêm và chờ ngày đắc QUẢ A LA HÁN.

THẾ NÀO GỌI LÀ THÁNH A LA HÁN?

A LA HÁN có danh hiệu VÔ SANH, nghĩa là không còn sanh tử luân hồi lại nữa. Vì bậc THÁNH này đã dứt sạch MUỖI SỢI DÂY KIẾT SỬ trói cột chúng sanh là Thân kiến, Hoài nghi, Giới cầm thủ, Tham lam, Sân hận, Ái sắc, Ái vô sắc, Phóng dật, Tụ phụ và Vô minh. Bậc này đã hoàn toàn giải thoát ra khỏi vòng TAM GIỚI, nên được gọi là THÁNH VÔ LẬU.

THÁNH TĂNG CÓ HẠNG THIỆN LAI TỶ KHUU LÀ THẾ NÀO?

EHI BHIKKHU, dịch THIỆN LAI TỶ KHUU là bậc đã đào tạo được rất nhiều TIỀN THIỆN DUYÊN từ Vô lượng kiếp. Nhất là cúng dường bố thí dao cao, Y BÁT đến chư Phật TOÀN GIÁC, ĐỘC GIÁC và THINH VĂN đệ tử Phật, cũng như chư PHẠM TĂNG. Do nhân lành trên, nên khi có một đức Phật ra đời, được nghe PHÁP của Ngài, phát tâm hoan hỷ mừng vui, xin xuất gia tu theo CHÁNH ĐẠO.

Khi ấy, đức Phật dạy. "Hãy lại đây, vị THIỆN LAI Tỳ khưu". Khi lời vàng vừa dứt, tự nhiên tóc, râu rụng sạch, quần áo cân đai sẽ biến mất, mà có đầy đủ TAM Y QUẢ BÁT như một vị Tỳ khưu đã tu lâu rồi vậy. Đó là do nhờ phước theo bảo trợ. Chư Tăng này được gọi là EHI BHIKKHU hay THIỆN LAI TỶ KHUU, tu theo lối ứng hóa.

PHẠM TĂNG LÀ THẾ NÀO?

Là người đã nguyện hy sinh, xả bỏ đời sống phàm nhơn thế tục, thọ trì phẩm hạnh thanh cao, thay mặt ba đời chư Phật, cố gắng tinh tấn tu hành theo TAM HỌC là giới định huệ để diệt trừ TAM ĐỘC là tham sân và si, mong ngày đắc thành ĐẠO QUẢ theo gương các bậc đàn anh là chư THÁNH THINH VĂN vậy.

BÂY GIỜ CÒN CÓ THÁNH TĂNG ĐẮC QUẢ KHÔNG?

Trong TẠNG KINH có ghi "CHÁNH GIÁO CÒN, ĐẠO QUẢ CÒN". Đúng như vậy, tu hành cho chín chắn, đúng theo lời đức Phật dạy, thì chắc chắn sẽ đắc ĐẠO QUẢ không sai bất luận là xuất gia hay tại gia, song hạng xuất gia

thì tâm nhẹ nhàng rảnh rỗi hơn hàng tại gia, vì còn bị vướng bận bao nhiêu sự trôi cột ở đời.

Sở dĩ bây giờ có ít Thánh Tăng, là vì chúng sanh phước mỏng, nghiệp dày và lại sự hành chưa hoàn toàn đúng theo lời Phật dạy. Tinh thần bị phiền não, trần cấu, ô nhiễm quá nhiều.

Và nói một cách khác, nếu có THÁNH NHƠN đắc QUẢ đi nữa, thì chính tự vị ấy biết, cũng như các vị đồng quả biết chả lẽ đắc QUẢ rồi, các Ngài đem khoe khoang ĐẠO QUẢ cho mọi người biết sao?

DO ĐÂU, PHẠM NHƠN KHÔNG BIẾT THÁNH NHƠN ĐẮC QUẢ?

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu. Ví như có một đứa trẻ học lớp Tư. Nó chỉ biết đọc, biết viết, tính toán chút ít.

Trình độ hiểu biết của nó chỉ ở trong phạm vi lớp Tư mà thôi. Nghe người kia đậu bằng bác sĩ hay kỹ sư, nó cũng chỉ nghe như vậy thôi, chứ thật ra, nó làm sao hiểu biết được tầm kiến thức của vị bác sĩ hay kỹ sư như thế nào?

Chúng ta cũng như thế ấy. Mà VÔ MINH bao đời che án, DANH VỌNG lắm kiếp kéo lôi, mãi say mê quay cuồng với tài tình danh lợi, lấy giả làm thật, lấy không làm có, lấy dơ làm sạch, lấy khổ làm vui...thì làm sao thấy biết được sự thanh tịnh, vắng lặng an vui tự tại của chư THÁNH cho được?

NẾU KHÔNG THẤY, BIẾT LÀM SAO TIN TƯỞNG ĐỂ TU?

Lại cần xét ví dụ trên, chả lẽ như đứa trẻ học lớp tư kia, không biết được tầm kiến thức bao la của vị Bác sĩ hay Kỹ sư rồi cho là không có trình độ Bác sĩ hay Kỹ sư sao?

Muốn có bằng cấp bác sĩ hay kỹ sư người học trò phải chuyên cần, phải cố công trì chí, không xao lãng chăm chú học hỏi, rồi thời gian không lâu, cũng sẽ đạt đến trình độ bác sĩ hay kỹ sư được.

Cũng như chúng ta, là những người mong mỏi tìm đạo giải thoát, tìm cho ra con đường thoát khổ về vui thì việc trước nhất là cố gắng tinh tấn dứt bỏ tánh hư, nét xấu, đào tạo, việc lành.

Như trì trai, giữ giới, tham THIỀN, quán tưởng, đè nén phiền não, bớt dục vọng thèm khát cá nhân, trau dồi tâm cho thanh tịnh thì NIẾT BÀN đâu xa.

TẠI SAO TRONG TĂNG LÃ, VỊ SƯ GIÀ LẠY VỊ SƯ TRẺ?

Đánh lẽ là để tỏ lòng cung kính Phàm hạnh thanh cao, công hạnh tu hành, phạm hạnh giải thoát, chứ đâu có phải lạy 32 thể trước của vị ấy.

Tuy có Tăng tướng như nhau, song NHO GIÁO có câu "THẮNG NHÚT TUẾ VI NHƠN HUYNH"...có nghĩa là hơn một tuổi thì làm anh. Ở đây, thấy vị sư già đánh lễ vị sư trẻ, là chấp Sự mà quên Lý rồi. Tuy trẻ nhưng công hạnh cao

hơn, tuổi hạ lớn hơn, thọ cụ túc giới trước hơn thì vị tuy già mà mới tu hoặc nhỏ hạ hơn phải đánh lễ là việc dễ hiểu vậy thôi.

Đức Phật có dạy:

- Hai người cùng tu một ngày, một tháng, hoặc một buổi, song người nào THỌ GIỚI trước là Sư Huynh. Em phải tôn trọng, kính bái anh, vì như trong gia đình, người em phải kính trọng anh đó vậy.

TẠI SAO CHA MẸ ÔNG SƯ CŨNG PHẢI ĐẢNH LỄ SƯ, CON MÌNH?

Như trên đã giải, đánh lễ là tôn trọng, kính bái Y BÁT chơn truyền của ba đời chư Phật, đánh lễ chư Thánh và Phạm Tăng mà ông Sư là người đại diện, chứ đâu có đánh lễ một cá nhân người nào đâu? Và lại, đánh lễ thì có Phước, không thì thôi, chứ ông Sư đâu có bắt buộc. Sự tín ngưỡng, tôn trọng phát xuất tự đáy lòng mới cao quý, chứ ngoài hình tướng thì lay lục, mà trong tâm thì hoài nghi, bực bội, buồn phiền...thì sao gọi là phước.

Tóm lại, chư TĂNG tuy còn là PHẠM, nhưng các ngài thay mặt ba đời chư Phật, chư THÁNH TĂNG, thì làm sao cho phẩm hạnh thanh cao, giới đức trong sạch, cho xứng đáng là PHƯỚC ĐIỀN VIÊN của chư thiên và NHƠN LOẠI.

---o0o---

[05]

PHẦN TẠI GIA CƯ SĨ

KHI XU HƯỚNG, TIN TƯỞNG THEO PHẬT GIÁO PHẢI THỂ NÀO?

Khi đã học hỏi, sưu tầm, nghiên cứu giáo lý của đức Phật, nhận xét suy tư thấy rõ lời nói, câu khuyên, nhất là TAM TẠNG KINH ĐIỂN, một đường lối chắc thật, thanh cao, có NHƠN có QUẢ rõ ràng rành mạch, phát tâm hoan hỷ mừng vui, ví như người tìm được mỏ vàng hay hầm châu ngọc quý báu, thì nên tình nguyện làm người con Phật để mong cầu sự lợi lộc, sự an vui, sự tấn hóa về tinh thần lẫn vật chất, ví như xin gia nhập vào dòng người đi tìm vàng hay khai thác châu ngọc vậy?

MUỐN TRỞ THÀNH MỘT PHẬT TỬ PHẢI LÀM SAO?

Điều cần nhất, là tìm gặp cho được một vị MINH SƯ, có hạnh kiểm trang nghiêm, có hành vi tốt đẹp để xin thọ trì QUY GIỚI. Tại sao vậy?

Vì thật ra, trong thời buổi Pháp nhược Ma cường, thầy rùa nhan nhản khắp nơi, lắm kẻ lợi dụng lòng tin của tín đồ. Bởi thế cho nên, có một số người lợi dụng Tăng tướng làm cái Mộc chiêu bài mà mưu sinh bằng cách "MUỐN ĐẠO

TAO ĐÒI" hoặc trốn tránh trách nhiệm "TRỐN XẤU LẬU THUẾ" lại còn lôi kéo tín đồ vào con đường TÀ ĐẠO mê tín dị đoan v.v...

THẦY RỪA LÀ THẾ NÀO?

Con RỪA, khi nó muốn sanh, đi tìm một bãi cát bới một lỗ nhỏ. Xong để bọc trứng vào đó, lấp đất sơ xịa rồi bỏ đi. Nhờ ánh nắng mặt trời và chịu sự mát của ban đêm mà trứng nở, chứ RỪA không tha thiết gì tới đàn con của nó cả.

THẦY RỪA cũng như thế đó. Vì lòng tham lam danh lợi lôi cuốn, nên khi đi tu rồi, chỉ mong thu nhận tín đồ cho đông, rồi mặc ai muốn làm gì thì làm. Trì trai cũng được, phá giới cũng không sao, miễn dưng cúng lợi lộc cho nhiều là thầy thương, thầy mến. Còn giáo lý hay đức hạnh của hàng đệ tử, không hề để tâm lưu ý tới. Gặp THẦY RỪA như vậy, thì thật là hoài công và vô ích cho những ai muốn tu theo ĐẠO GIẢI THOÁT, mong cầu LÁNH KHỔ, TÌM VUI.

TU PHẬT, TẠI SAO PHẢI THỌ TRÌ QUY GIỚI?

Thế thường, người bộ hành muốn đi đến nơi nào mong tránh khỏi lối mê, rừng thẳm, thì cần phải theo sự chỉ dẫn của người HƯỚNG ĐẠO. Cũng như người học trò, muốn thông minh, uyên bác, phải cố công vâng giữ hành theo lời giáo huấn của ông thầy.

ĐẠO PHẬT cũng vậy, giáo lý của PHẬT TỔ cao siêu vi diệu quá. TAM TẠNG KINH ĐIỂN chứa đựng bao ý nghĩa thậm thâm vi diệu, nếu không THỌ TAM QUY, thì lấy đâu làm nơi nương nhờ, mong cầu tấn hóa cho được?

QUY Y LÀ THẾ NÀO? CÓ MẤY NGÔI QUY Y?

Quy Y có nghĩa là quay về nương theo. Là lấy một điểm tựa để làm nương nhờ trông cậy. Ví như người con thơ dại, nương nhờ vào lòng thương của bà mẹ hiền quý mến. QUY Y là ý nói nơi nương nhờ, trông cậy của người Phật tử trên con ĐƯỜNG đi đến nơi DIỆT KHỔ. TAM QUY, có nghĩa là nơi nương nhờ, trông cậy ba NGÔI báu trọn LÀNH. Ấy là Quy y Phật, Quy y Pháp, và Quy y Tăng.

THẾ NÀO GỌI LÀ QUY Y PHẬT?

Phật là đấng TOÀN TRI DIỆU GIÁC vô lượng từ bi. Ngài đã bẻ gãy bánh xe sanh tử luân hồi, đã diệt tận VÔ MINH và ÁI DỤC. Ngài là thầy cả Chư Thiên và nhơn loại.

"THIÊN NHƠN CHI ĐẠO SƯ, TỨ SANH CHI TỪ PHỤ". Quy Y Phật là lấy Ngài làm nơi vững nương, làm tấm gương sáng, làm người dẫn lộ trọn lành, ngõ hầu bước theo, tu hành cho hết khổ.

THẾ NÀO GỌI LÀ QUY Y PHÁP?

PHÁP là những phương lương diệu dược nhiệm màu, có năng lực chữa trị tâm bệnh. Phiền não của chúng sanh. Quy y Pháp, là học hỏi giáo lý, quán niệm cho thấu đáo, suy tư cho thông suốt chín chắn, rồi thực hành theo. Đó là những khuôn vàng thước ngọc để đưa lối cho quần sanh thoát khỏi sông mê, rừng thẳm đầy kinh sợ hãi hùng.

TẠI SAO PHẢI QUY Y TĂNG?

TĂNG là bậc đã "NGUYỆN CẮT ÁI LY GIA" nguyện "XÃ PHÚ CẦU BÀN, XÃ THÂN CẦU ĐẠO". Người đứng ra nhận lãnh trách nhiệm, thay mặt ba đời chư Phật cũng như chư THÁNH và PHẠM TĂNG, lái chiếc thuyền Bát Nhã ra nơi biển cả để vớt khách trầm luân đang đắm mình lặn hụp giữa lượn sóng ba đào TAM GIỚI.

Đức Phật đã lên đường tịch diệt.

TAM TẠNG PHÁP BẢO, tuy quý báu nhưng quá nhiệm màu, thiếu TĂNG BẢO, thì lấy ai hướng dẫn dắt dìu, đem ngỏ chỉ đường cho khách bộ hành là quần sanh thoát con đường sanh tử?

QUY Y TĂNG, lấy Tăng làm nơi vững nương trông cậy, theo lời giáo huấn của các Ngài, thực hành đúng theo lời dạy của chư Tăng, mà tu hành sẽ đem lại sự an vui cho mình và cho kẻ khác. Lại nữa, có Quy y thì Tăng mới hết lòng hướng dẫn dắt dìu, ví như bà Mẹ hằng lo lắng đến hạnh phúc của đàn con để vậy.

KHÔNG QUY Y THÌ TĂNG KHÔNG DẠY BẢO SAO?

Không phải là không chỉ vẽ. Dạy bảo giáo huấn là nhiệm vụ của chư Tăng, đó là lòng từ bi rộng lớn nhưng không có Quy y, chưa là đệ tử, thì Tăng đâu có trách nhiệm. Nói là nói vậy thôi. Dạy bày như vậy thôi. Ai nghe cũng được, người nào nghe cũng tốt, không cũng chẳng sao?

Trái lại, khi đã Quy Y rồi, ví như đinh đóng vào cột chắc chắn. Thầy có trách nhiệm săn sóc, mà trò cũng có bổn phận lo cho tròn. Hai bên nâng đỡ hỗ trợ cho nhau, há chẳng phải là tốt đẹp vẹn toàn sao?

TAM QUY CHỈ CÓ CHỪNG ÁY SAO?

TAM QUY lại còn có hai bậc là THÁNH QUY và PHẠM QUY.

- THÁNH QUY là quy thầy PHÁP TỨ DIỆU ĐẾ, dứt trừ phiền não, lấy NIẾT BÀN làm cảnh giới, là nơi về của bậc THÁNH NHƠN nhất là TU ĐÁ HOÀN.

- PHẠM QUY chỉ tập tành, cố gắng đè nén phiền não như dùng đức của Phật làm cảnh giới, là nơi về của người phạm, có đức tin về sự hiểu thấy phải. Có đức TIN làm gốc, làm cho sự biết trong mười cách làm PHƯỚC, "PUNNA KIRIYA VATTHU".

MƯỜI CÁCH LÀM PHƯỚC LÀ THẾ NÀO?

1. DÀNA. Bỏ thí, phát tâm hoan hỷ chia sẻ tài sản, vật dụng của mình sẵn có hoặc an ủi vỗ về, kẻ sa cơ thất thế (Vô Úy thí) cho kẻ khác.
2. SÌLA. Trau dồi phẩm hạnh cho thanh cao, xa lánh, ghê sợ điều xấu xa, tội lỗi đê tiện.
3. BHÀVANA. Tham THIỀN. Lấy ân đức Phật, ân đức Pháp, hoặc ân đức Tăng v.v... làm đề mục để trói cột Tâm (hoặc một trong 40 đề mục) trong PHÁP CHÁNH ĐỊNH để HÀNH.
4. APÁCANA. Kính trọng người nên kính trọng. Lễ bái người nên lễ bái. Học hỏi Pháp nào nên học hỏi.
5. VEYYAVACA. Giúp đỡ các thân bằng quyến thuộc không phân biệt kẻ thân người sơ với lòng từ bi bác ái.
6. PATTIDÀNA. Hồi hướng, chia sẻ phần phước báu của mình đã tạo cho chư thiên và Nhơn loại, tất cả chúng sanh.
7. PATTA MUNODÀNA. Hoan hỷ phước báu của kẻ khác vui mừng thỏa thích khi thấy họ làm phước.
8. DHAMMÀSAVANA. Nghe pháp bằng cách chăm chú kính trọng. Dồn tất cả tâm tư để đón nhận lời vàng tiếng ngọc của chư Tăng dạy dỗ, giáo huấn mà thực hành.
9. DHAMMADESANÀ. Thuyết pháp theo sự hiểu biết của mình cho người nghe, hoặc viết kinh, ấn sách cho kẻ khác cùng coi, cùng đọc.
10. DITTHUHUJUKAMMA. Sửa trị tri kiến cho chơn chánh. Nghe học thông suốt, suy nghiệm thấu đáo, nhận thức cho thấy rõ chân lý, rồi thực hành theo chân lý ấy, dứt bỏ điều sai lầm sai quấy, mê tín dị đoan, chấp thủ những phong tục cổ cựu di truyền không đúng với pháp. Đó là MƯỜI ĐIỀU LÀM PHƯỚC "PUNNA KIRIYA VATTHU" của người tại gia cư sĩ.

TRÌ GIỚI NGHĨA LÀ THẾ NÀO? CÓ MẤY?

TRÌ GIỚI là vâng giữ hành theo những điều răn cấm của đức Phật đã chuẩn hành cho người tại gia cư sĩ. GIỚI tối thiểu cho người TẠI GIA CƯ SĨ là NĂM GIỚI như giải ở phần LUẬT phía trước. Nhưng để cho HÀNH GIẢ khỏi bị HƯ ĐÚT hay BỌN NHỎ, phần này xin giải rõ các chi điều của GIỚI cho được sáng tỏ hơn.

CHO BIẾT SỰ KHÁC BIỆT GIỮA ĐÚT GIỚI VÀ BỌN NHỎ?

GIỚI bị đứt, ví như khổ vải bị rách thủng, không lành lặn, không dùng được. GIỚI bị bợn nhơ ví như khổ vải bị hoen ố và dính đồ dơ, bùn đất, dùng cũng

không tốt đẹp đâu. GIỚI bị đứt là khi nào xét mình thấy phạm đủ các chi điều. GIỚI bị bợn như là chỉ phạm một phần nào thôi.

XIN CHO BIẾT NHỮNG CHI ĐIỀU CỦA GIỚI?

- Giới sát sanh - có 5 chi
- Giới trộm cắp - có 5 chi
- Giới tà dâm - có 4 chi
- Giới nói dối - có 4 chi
- Giới uống rượu - có 4 chi
- Giới múa hát - có 3 chi
- Giới trang điểm - có 3 chi
- Giới nằm ngồi chỗ cao - có 3 chi

NĂM CHI CỦA SÁT SANH LÀ THẾ NÀO?

1. Chúng sanh có mạng sống
2. Biết chúng sanh đó còn sanh mạng
3. Tính giết
4. Cố gắng giết
5. Chúng sanh chết vì sự cố gắng ấy.

CHO BIẾT CHI CỦA GIỚI TRỘM CẮP?

1. Của có người giữ
2. Sự biết rằng của có người giữ
3. Tính trộm cắp
4. Cố gắng trộm cắp
5. Trộm cắp được do sự cố gắng ấy .

CHO BIẾT CHI CỦA GIỚI TÀ DÂM?

1. Người nữ không nên tà dâm
2. Tính tà dâm với gái đó
3. Ráng sức tà dâm
4. Đã tà dâm

CHI CỦA GIỚI NÓI DỐI RA SAO?

1. Điều không thật
2. Tính nói dối
3. Ráng sức nói dối
4. Đã làm cho người tin lời nói dối ấy

CHI CỦA GIỚI UỐNG RƯỢU LÀ THẾ NÀO?

1. Rượu
2. Tính uống rượu

3. Ráng sức uống rượu
4. Đã uống rượu ấy vô khỏi cổ

BÁT QUAN TRAI GIỚI thêm ba **GIỚI** nữa. Thay vì tà dâm với vợ con người, vợ nhà cũng không được thông dâm. Không ăn sai giờ. Không được múa hát, thổi kèn, đờn, xem hát, nghe đờn kèn và trang điểm, thoa vật thơm dôi phấn và đeo tràng hoa. Không được nằm ngời quá cao và xinh đẹp.

XIN CHO BIẾT CHI CỦA GIỚI THÔNG DÂM?

1. Một trong 30 khiêu (**LUẬT XUẤT GIA**) quyền thượng.
2. Tính thông dâm
3. Ráng sức thông dâm
4. Đã thông dâm

CHI CỦA GIỚI ĂN SÁI GIỜ LÀ GÌ?

1. Sai giờ làm từ chéch xế đến mặt trời mọc.
2. Vật thực được ăn trong giờ.
3. Đã ăn khỏi cổ.

CHI CỦA GIỚI MÚA HÁT RA SAO?

1. Múa hát đờn, kèn
2. Tính làm
3. Đi nghe hoặc xem. Đã nghe và xem
4. Vật để trang điểm, nhất là tràng hoa
5. Cố ý dùng đồ trang điểm mà trang sức
6. Đã dùng đồ trang điểm và trang sức

CHO BIẾT CHI CỦA NẪM, NGỒI NƠI QUÁ CAO.

1. Nằm, ngời, nơi quá cao và xinh đẹp
2. Tính nằm hoặc ngời
3. Đã nằm hoặc ngời

Nói chung, nếu **PHẠM** đầy đủ **CHI**, gọi là **ĐÚT GIỚI**. Nếu phạm một hay hai **CHI** gọi là **GIỚI BỖN NHỎ** hay **HOEN Ồ**.

KHI THỌ TRÌ QUY GIỚI, NGƯỜI PHẬT TỬ LÀM GÌ?

Đến trước vị Tỳ khưu hay Sa di, sám hối xin chừa cải những tội lỗi của mình đã vô ý quên mình, để duôi phạm phải trong vô lượng kiếp trước dẫn lại đây. Rồi mới trình bạch xin thọ trì **TAM QUY** và **NGŨ GIỚI**. (xem nơi **LUẬT** của người cư sĩ trong **KINH NHẬT HÀNH**)

XIN QUY GIỚI XONG CÓ ĐƯỢC LÃNH LÒNG PHÁI PHÁP DANH KHÔNG?

Không cần thiết lắm. Luật lệ của đức Phật chuẩn hành là "KHẨU TRUYỀN TÂM THỌ". Điều cần yếu là HÀNH GIẢ phải vâng giữ hành theo cho được trong sạch vẹn toàn là quý báu nhất mà thôi. Song thực tế, thì cũng có lắm Phật tử xin PHÁP DANH, đó là những đức lành tánh tốt mà vị thầy tế độ ban truyền cho, với mỹ ý khuyên nhắc tín đồ lấy đó làm đề mục để luôn ghi nhớ mà hành theo. Mục đích của ĐẠO PHẬT là TỰ TU, TỰ ĐỘ, TỰ GIÁC rồi mới GIÁC THA. Cũng ví như thế như ĐÓI, muốn no lòng phải ăn vật thực vào như thế nào, thì người phật tử muốn lánh khổ, tìm vui phải hành đúng theo lời dạy khuyên giáo huấn của chư Tăng cũng như thế ấy.

Một khi TAM QUY được chắc chắn, NGŨ GIỚI được trong sạch tinh nghiêm rồi, thì phước báu hằng bảo trợ, chư thiên tán thán hoan hô đúng như câu Phật ngôn "NADUGGATIM GACCATI DHAMMÀCÀRI" nghĩa là người hành theo CHÁNH PHÁP không bị đi vào chỗ xấu xa.

Cũng như trong NHO GIÁO có câu "ĐẠO CAO LONG HỒ PHỤC, ĐỨC TRỌNG QUỶ THẦN KIÊN"

Tự mình có hạnh kiểm trong sạch tinh nghiêm, tự nhiên mọi người sẽ mến yêu chiều chuộng, là nơi vừa lòng của các bậc THÁNH NHƠN, có năng lực cảm hóa long xà, ác thú v.v...

Nhận lãnh lòng phái, pháp danh rồi, mà nghe đâu tin đó, cúng vái lung tung, gộc cây, hang đá, ông táo, bình vôi v.v...cũng thì thụp lễ lạy, heo gà cũng giết, trộm cắp không chừa, rượu chè be bét, chơi cờ, đánh bạc hút xách, đàng điếm lung tung, bậy bạ vợ, con người, thì lòng phái hay pháp danh nào có ích lợi chi?

KHI CÓ LÒNG PHÁI, PHÁP DANH CHẾT ĐƯỢC GIẢM TỘI?

Thật là một câu chuyện khôi hài hết sức.

Ví dụ, như có một tên cướp hung dữ, chuyên đi giết người, cướp của, đốt xóm, phá làng, làm những điều hung bạo xấu xa, rồi đến chùa xin năm bảy lòng phái đeo khắp cả thân mình, rồi liệu có thoát khỏi lưới pháp luật sao?

Trái lại, có người ăn hiền ở lành, giúp đỡ kẻ cô đơn, nghèo khó, nuôi nấng người bệnh hoạn tật nguyên, thì sẽ bị quân binh bắt bỏ tù, làm tội, vì không có pháp danh hay lòng phái hay sao?

Rồi nói rộng ra, giả sử tên tướng cướp kia có muốn hướng thiện tu hành, thì trước tiên cũng phải ở tù, đặng trả cho rồi cái nghiệp của nó gây ra tạo cái đã.

Xét việc đời như thế nào, suy việc đạo cũng như thế ấy. Có câu "THIÊN ĐỊA VÔ TƯ, QUỶ THẦN CHỈ CÔNG" chả lẽ vì lòng phái hay pháp danh mà ĐỊA TẠNG VƯƠNG hay QUỶ SÚ tha hết tội như sao? Như vậy, thì chính ĐỊA TẠNG VƯƠNG hay QUỶ SÚ lãnh chịu TỘI giùm cho TỘI NHƠN

cái đã. Đừng nghe lời xiểm ngôn tà my mà dễ duôi dãi dãi tự đào lấy hổ chôn mình.

Nói chung, người Phật tử lấy TAM BẢO làm nơi vững nương chắc chắn để trồng cây, và dùng NGŨ GIỚI trau giồi Thân Tâm cho trong sạch, thì sẽ có NĂM QUẢ BÁU hộ trì luôn khi.

NĂM ĐIỀU QUẢ BÁU ẤY NHƯ THẾ NÀO?

1. Người giữ giới trong sạch hằng được tài sản nhiều, lợi lộc tấn phát.
2. Người giữ giới hằng được nhiều người ưa chuộng tên, tuổi tốt lành, được nhắc nhở tán thán.
3. Người giữ giới can đảm trong các cuộc hội họp được mọi người kính nể.
4. Người giữ giới hoan hỷ thỏa thích trong lúc sắp lâm chung, có thể biết trước ngày hết số.
5. Người giữ giới sau khi chết tâm hồn an lạc, thần trí nhẹ nhàng và thọ sanh về nhàn cảnh an vui.

Trái lại, người giữ giới không trong sạch sẽ bị NĂM ĐIỀU TAI HẠI như sau:

1. Người không giữ giới hằng hao mất tài sản vì sự dễ duôi, lười biếng của mình.
2. Hằng bị tên tuổi không tốt, bị người đồn đãi chê bai, trừ người đều xa lánh khinh khi.
3. Hằng bị rụt rè nhút nhát trước đám đông, giữa các cuộc hội họp, sợ sệt trước mắt mọi người.
4. Hằng bị hôn mê tán loạn tâm hồn lúc gần chết và rất đau khổ nhưc nhối lúc lâm chung.
5. Sau khi chết, bị đọa sanh vào bốn đường dữ là súc sanh, A Tu La, Ngạ Quỷ và địa ngục do theo cái NGHIỆP của mình đã tạo.

NGHIỆP LÀ GÌ? CÓ MẤY LOẠI?

KAMMA dịch là "NGHIỆP" là sự tác ý, là tư tưởng ý nghĩ cho hành vi tạo tác của mình. NGHIỆP có hai là THIỆN NGHIỆP và ÁC NGHIỆP. THIỆN NGHIỆP đưa chúng sanh về cõi an vui. ÁC NGHIỆP dẫn chúng sanh thọ quả khổ trong bốn đường DỮ.

NGHIỆP được chia MUỠI HAI loại như sau.

1. HIỆN NGHIỆP. Nghiệp là QUẢ trở trong lúc hiện tại, như học giỏi thi đậu cao. Giết người thì đền mạng.
2. HẬU NGHIỆP. Quả trở sanh bất cứ lúc nào kể sau đó.

3. TÙY NGHIỆP. Quả trở sanh bất cứ lúc nào kể sau kiếp hiện tại.
 4. QUÁ NGHIỆP. Đã qua rồi, không trả quả nữa, ví như mũi tên hết đà bay, rơi xuống.
 5. TẠO TÁC NGHIỆP. Nghiệp bắt đầu trả quả khi tái sanh vào lòng mẹ cho đến 49 ngày.
 6. TRỢ TIỀN NGHIỆP. Giàu thì cho giàu thêm, nghèo thì càng khổ hơn.
 7. ĐƯƠNG TIỀN NGHIỆP. Hỗ trợ cho sự làm ăn sinh sống.
 8. CHUYỂN TÁN NGHIỆP. Nghiệp mạnh vào cắt đứt như giàu trở nên nghèo, hoặc bất đắc kỳ tử.
 9. TRƯỜNG KỲ NGHIỆP. Hành động hằng ngày. Khi chút khi chút, lâu ngày tích trữ thành nhiều. Ví như nước rơi từng giọt. Lâu ngày, đầy chum, đầy vại.
 10. TRỌNG NGHIỆP. Hành động trọng yếu nặng nề như ngũ nghịch đại trọng tội.
 11. CẬN NGHIỆP. Nghiệp dắt dẫn thọ sanh trong lúc sắp lâm chung. Ví như bò già vào sau, khi ra đi trước.
 12. HOẶC NGHIỆP. Làm hành động mà không có tác ý vô tình, ví như làm phước cũng không nguyện gì cả
- Do đó khi giàu cũng không biết, cho là may mắn thôi.

Các sự tích dẫn chứng về NGHIỆP khá nhiều, xin tìm xem nơi quyển "TRIẾT LÝ VỀ NGHIỆP" của Hòa thượng HỘ TÔNG đã xuất bản.

NGHIỆP LÀNH HƯỞNG QUẢ VUI, TẠI SAO CÓ NGƯỜI LÀM VIỆC DỮ VẪN ĐƯỢC AN VUI?

Nghiên cứu, suy niệm 12 cái NGHIỆP trên cho kỹ thì không có gì mâu thuẫn cả. Tuy đời này ăn ở hiền lành tu hành nhơn đức, song biết đâu vô lượng kiếp trước đã tạo tác lắm điều hung dữ, phá giới, bần tiện v.v...nói một cách cho dễ hiểu bằng ví dụ như sau.

Một người kia làm ruộng, gieo giống lúa đen. Đến mùa gặt, phải ăn gạo đen, cũng đúng theo lý NHƠN QUẢ. Sau thấy người bạn ăn cơm trắng ngon thơm, mới hỏi thăm rồi bỏ giống lúa đen, mà gieo giống lúa trắng vào ruộng của anh ta. Nhưng đến mùa gặt, lại chưa được ăn cơm trắng hoàn toàn ngon thơm như người kia. Tại sao vậy, vì rằng lúa đen của mùa trước vẫn còn dư sót chút ít lại trong ruộng của anh ta. Nếu cố gắng chọn giống, gieo mạ kỹ hơn, thì mùa sau, hoặc mùa sau nữa sẽ đạt kết quả như ý. Lý đời là vậy, Đạo cũng giống như thế.

CHA MẸ CHỦI LA CON, THẦY ĐÁNH PHẠT HỌC TRÒ CÓ GÂY NGHIỆP ÁC KHÔNG?

Chửi la con vì tình thương. Thầy đánh phạt học trò cũng vì tình thương, không gọi là NGHIỆP ÁC được. Vì chửi la, đánh mắng cùng hình phạt chỉ là mong con em, cho học trò của mình trở nên tốt lành đó thôi. Tích xưa, có bà mẹ khuyên con đừng vào rừng săn bắn. Nói mãi, mà con vẫn không nghe lời. Tức giận, bà mẹ chửi rửa con "Vào rừng Voi dữ sẽ rượt mày"

Vào rừng, quả nhiên người con bị voi to rượt đuổi. Trong cơn nguy cấp, người con bằng phát nguyện.

- Nếu lời rửa của mẹ tôi vì tình thương, thì xin Voi trở lại. Bằng vì ác ý, thì tôi xin chịu chết.

-Thật vậy, khi được nghe lời phát nguyện, Voi như hiểu ý, lững thững quay trở lại. Với đệ tử dùng lời êm ái dịu hiền thì hơn. Vì ở đời, từ hạng chư thiên cho đến súc sanh, nhơn loại có bao giờ ưa thích, mắng chửi cùng sự đánh đập, quở phạt đâu? Lời nói dịu dàng êm ái có sức mạnh vạn năng, nó hằng khuyến khích nâng đỡ ta làm những việc mà chính ta cũng không ngờ.

THỌ QUY GIỚI RỒI, PHẬN SỰ CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ LÀ GÌ?

Khi còn tại thế, đức Phật không những khuyên dạy chư Tăng, hàng xuất gia Tăng lữ, mà đối với người tại gia cư sĩ Ngài cũng hết lòng dạy bảo tận tình.

Như trong KINH SIGALAVÀDA, đức THẾ TÔN dạy người thanh niên tên SIGALA, trong khi Ngài gặp chàng thì thụp lễ bái LỤC PHƯƠNG theo lời di huấn của cha mà không hiểu ý nghĩa ra làm sao?

- Đây người cư sĩ trẻ tuổi kia. Người cao thượng phải xa lánh bốn nghiệp ác. Xa lánh bốn nẻo gây ra nghiệp ác. Không phá sản bằng sáu cách. Tránh xa mười điều tai hại, làm như thế, gọi là lễ bái SÁU PHƯƠNG như người đã lạy vừa rồi, và được biết, con đường đưa đến vinh quang bằng cách chơn thật. Rồi Ngài dạy:

BỐN NGHIỆP ÁC MÀ NGƯỜI TẠI GIA PHẢI XA LÁNH LÀ GÌ?

- Sát sanh.
- Trộm cắp.
- Tà dâm
- Vọng ngữ

là bốn NGHIỆP ÁC mà bậc trí thức không tôn trọng tán thành.

BỐN NẸO ĐỂ XA LÁNH NGHIỆP DỮ LÀ GÌ?

Kệ ngôn:

Ai vì tham lam sân hận sợ sệt và si mê.
Mà phạm vào quy giới luật lệ.
Thì thanh danh suy tàn tội tệ.

Chẳng khác nào tuần trăng lu khuyết như tuần nguyệt tận. Bằng ai không tham lam sân hận sợ sệt cùng si mê giữ tròn quy giới luật lệ, thì thanh danh chói rạng bốn bề. Chẳng khác nào vàng trắng rạng tỏ trong tuần NGUYỆT VONG.

SÁU CÁCH PHÁ HOẠI TÀI SẢN NÊN XA LÁNH LÀ GÌ?

Kệ ngôn:

- Thích dùng chất độc làm cho mê dại.
- Đi rong rêu ngoài đường trong lúc đêm khuya.
- Xem múa hát, thích đánh bạc.
- Kết bạn với kẻ ác làm biếng.

VÀ ĐÂY LÀ SÁU CÁI QUẢ XẤU XA CỦA SỰ THÍCH DÙNG CHẤT ĐỘC LÀM CHO MÊ GHIỆN SAY DẠI.

1. Hao mòn tài sản
2. Rầy rà cái lầy
3. Dễ nhiễm bệnh hoạn
4. Nơ danh xấu tiếng
5. Loã lồ thân thể
6. Suy giảm trí khôn

ĐI RONG RÊU NGOÀI ĐƯỜNG TRONG ĐÊM KHUYA KHOẮT CŨNG CÓ SÁU QUẢ XẤU:

1. Chính mình không được che chở giữ gìn
2. Vợ con cũng không được che chở giữ gìn
3. Tài sản cũng không được che chở giữ gìn
4. Bị tình nghi là thủ phạm những vụ sát nhơn
5. Mang lấy những dư luận xấu xa
6. Gặp nhiều phiền phức

ĐÂY LÀ SÁU QUẢ XẤU CỦA SỰ ĐI XEM MÚA HÁT.

1. Nghe ngóng nơi đâu có khiêu vũ
2. Nghe ngóng nơi đâu có hát xướng
3. Nghe ngóng nơi đâu có âm nhạc
4. Nghe ngóng nơi đâu có ca xang
5. Nghe ngóng nơi đâu có thanh la
6. Nghe ngóng nơi đâu có thổi kèn

SỰ TAI HẠI CỦA ĐÁNH BẠC LÀ THẾ NÀO?

1. Đánh ăn bị chúng ghét
2. Đánh thua bị buồn rầu vì mất của
3. Tán gia bại sản

4. Lời nói mình không được tòa án tin cậy
5. Bị chúng khinh bỉ, xem thường như cách
6. Phí mất thời gian quý báu, thần trí lu mờ

Vì mãi lo toan tính, đen đỏ hơn thua, sức khỏe yếu kém vì thức khuya, mất ngủ.

KẾT BẠN VỚI KẺ ÁC, LÀM BIẾNG CÓ HẠI GÌ?

Có sáu QUẢ XẤU. Kẻ làm biếng thường viện lẽ.

1. Bây giờ sớm quá
2. Bây giờ trễ quá
3. Bây giờ lạnh quá
4. Bây giờ nóng quá
5. Bây giờ đói quá
6. Bây giờ no quá

Rồi hện rày, hện mai, làm công việc bỏ bê, tài sản hao mòn, sự nghiệp tiêu tan.

Lại nữa, có thứ bạn dày dạn như chai đá, họ chỉ biết kêu lên "Bạn bạn" lúc trước mặt thôi. Họ chỉ là bạn, là thân khi nào có ăn uống, có lợi lộc cho họ mà thôi. Thức khuya, dậy trễ, hoang dâm, sân hận, ác tâm, bạn xấu, bủn xỉn, là nguyên nhân làm cho gia đình suy sụp, hạnh phúc tiêu tan. Đối với BẠN, đức Phật cũng hằng khuyên dạy thiết tha như sau:

- Đây các người. Có những kẻ đáng xem như thù thay vì BẠN, những kẻ ấy là gì?

- Kẻ mưu toan chiếm đoạt tài sản của bạn mình
- Kẻ thi ân bằng miệng
- Kẻ chuyên nịnh hót
- Kẻ cho ít nói nhiều
- Kẻ làm bỗ phận vì sợ
- Kẻ làm bạn vì tư lợi
- Kẻ làm bạn vì cần nhắc việc quá khứ, hiện tại, vị lai.
- Kẻ tìm cách nương tựa nói lời rỗng.
- Kẻ trốn tránh hoặc viện cớ không đủ khả năng để giúp đỡ khi hữu sự
- Kẻ ca tụng điều quấy của bạn mình
- Kẻ khen tặng bạn trước mặt, nói xấu sau lưng
- Kẻ làm bạn khi ta uống rượu
- Kẻ làm bạn khi ta đi rong rêu ngoài đường
- Kẻ làm bạn khi ta đi xem múa hát
- Kẻ làm bạn khi ta đánh bạc, chơi cờ.

Những người ấy, ta phải xem như kẻ THÙ, nó theo quyền rũ cám dỗ ta theo con đường tội lỗi, ta phải tìm cách lánh xa và ghê sợ nó như ác thú sài lang vậy.

CÓ NHỮNG NGƯỜI ĐANG THÂN CẬN NHƯ THẾ NÀO?

Sau đây là những người đáng cho ta kết bạn Tri Ân:

- Người hay bày tỏ tâm sự cho ta biết
- Người hay che đậy việc kín của ta
- Người không bỏ ta trong lúc hoạn nạn
- Người có thể hy sinh đời sống cho ta
- Người ngăn cản không cho ta làm quấy
- Người khuyến khích ta làm những việc lành
- Người chỉ cho ta những việc nào ta chưa biết
- Người chỉ cho ta "Con đường về cõi trời"
- Người không vui sướng khi ta gặp hoạn nạn
- Người thích thú khi ta thành công
- Người ngăn cản kẻ khác không cho nói xấu ta
- Người ngợi khen những kẻ nói tốt, tán dương đức hạnh của ta.

Đó là những hạng người đáng kết nghĩa KIM BẰNG, là bạn sanh tử tâm đầu, tri âm hay tri kỷ của ta.

Một ví dụ cho ta dễ hiểu. Ví như tay ta nâng đoá hoa thơm, khi cất hoa rồi, tay ta vẫn còn thơm.

Trái lại lá sen đâu có thối, khi gói cá thối, tôm ướp lá sen sẽ trở nên hôi thối như thế nào, gần gũi bạn ác cũng sẽ nguy hại thế đó.

Bởi thế cho nên trong, NHO GIÁO có câu "CẬN CHÂU GIẢ XÍCH, CẬN MẶC GIẢ HẮC" cũng như Tục ngữ ta hay nói "GẦN MỰC THÌ ĐEN, GẦN ĐÈN THÌ SÁNG" đó vậy.

Và để giải rõ về việc lễ bái "LỤC PHƯƠNG" đức Phật dạy. - có sáu hạng người coi như sáu hướng.

Sáu hạng người ấy là thế nào?

1. Cha mẹ là hướng Đông
2. Thầy dạy là hướng Nam
3. Vợ chồng là hướng Tây
4. Bằng hữu là hướng Bắc
5. Các bậc tu hành, đạo sĩ là hướng trên
6. Người giúp việc, tôi tớ là hướng dưới

CÁCH NÀO COI CHA MẸ NHƯ HƯỚNG ĐÔNG?

Bằng năm cách, người con phụng dưỡng cha mẹ

1. Cha mẹ nuôi dưỡng ta, ta phải nuôi dưỡng cha mẹ
2. Ta sẽ làm những việc làm của người
3. Ta sẽ noi theo phong tục gia đình

4. Ta tỏ ra xứng đáng thọ hưởng di sản của người
5. Ta bố thí, hồi hướng phước báu cho ân nhân quá cố theo truyền thống gia đình

Bằng cách trên, cha mẹ có năm điều từ ái với con

1. Ngăn ngừa không cho con làm điều quấy
2. Khuyến khích con làm những việc lành
3. Rèn luyện cho con một nghề nghiệp
4. Dựng vợ gã chồng cho con
5. Lúc dùng thời nên phân chia tài sản cho con

THẦY NÀO GỌI LÀ THẦY NHƯ HƯỚNG NAM ?

Thầy đây là thầy dạy văn hóa kiến thức ở đời

1. Đứng dậy để chào thầy
2. Trông nom săn sóc sức khỏe của thầy
3. Cố gắng học hỏi những điều thầy giáo huấn
4. Giúp đỡ thầy trông coi việc
5. Kính cẩn đón nhận lời thầy chỉ dạy.

THẦY ĐỐI VỚI TRÒ RA SAO?

Được kính trọng như trên thầy phải

1. Rèn luyện cho trò có hạnh kiểm tốt đẹp
2. Xem xét coi trò có lãnh hội được điều mình giảng không
3. Dạy dỗ các môn kỹ thuật, khoa học
4. Giới thiệu trò cho các bằng hữu thân giao của mình
5. Lo lắng cho trò được an vui mọi bề.

BẰNG CÁCH NÀO, CHỒNG TRÔNG VỢ NHƯ HƯỚNG TÂY

Có năm cách:

1. Phải tao nhã lịch sự với vợ
2. Không khinh bỉ vợ
3. Trung thành với vợ
4. Giao quyền hành cho vợ
5. Sắm đồ trang sức cho vợ

VỢ ĐỐI VỚI CHỒNG RA SAO?

1. Phải làm tròn phận sự của mình
2. Tiếp đãi thân bằng quyến thuộc của chồng
3. Giữ trọn tiết trinh với chồng
4. Giữ gìn của cải do chồng làm ra
5. Khéo léo và siêng năng trong việc tề gia

BẢNG HỮU ĐỐI VỚI NHAU NHƯ HƯỚNG BẮC LÀ SAO?

1. Khoan dung
2. Giúp đỡ bạn khi hoạn nạn
3. Nói lời thanh lịch
4. Không thiên vị bạn khi bạn lỗi lầm
5. Thành thật

ĐƯỢC ĐỐI XỬ NHƯ TRÊN BẢNG HỮU PHẢI ĐỐI XỬ THẾ NÀO?

1. Phải bảo vệ khi bạn đắm say truy lạc
2. Bảo vệ tài sản của bạn khi gặp rủi ro
3. Tế độ giúp đỡ bạn khi hoạn nạn
4. Không bỏ bê bạn trong khi bối rối
5. Phải kính trọng gia đình của bạn mình

CƯ SĨ CUNG KÍNH BẠC TU HÀNH NHƯ HƯỚNG TRÊN LÀ SAO?

1. Hành động khả ái (Chào hỏi cung kính)
2. Nói lời khả ái (Vấn an chúc Phúc)
3. Tư tưởng khả ái
4. Sẵn sàng đón tiếp
5. Cung cấp vật dụng (bồ thí cúng dường)

ĐƯỢC CUNG KÍNH NHƯ TRÊN, BẠC TU HÀNH PHẢI LÀM SAO?

1. Khuyên răn không cho làm điều ác
2. khuyên khích làm các việc lành
3. Thương mến với tấm lòng chơn thật
4. Thuyết những pháp chưa từng thuyết
5. Chỉ đường về cõi trời

CHỦ ĐỐI VỚI TÓ NHƯ HƯỚNG DƯỚI LÀ SAO?

1. Phân công việc làm cho vừa khả năng với người
2. Cung cấp vật thực, trả thù lao sòng phẳng
3. Trợ cấp trong lúc hoạn nạn bệnh tật
4. Chia sẻ những món ngon vật lạ
5. Cho nghỉ ngơi đúng giờ giấc

NGƯỜI DƯỚI ĐỐI VỚI CHỦ RA SAO?

1. Đứng dậy trước mặt chủ
2. Đi ngủ sau chủ
3. Cố gắng làm tròn phận sự
4. Chỉ lấy những vật do chủ trao tặng
5. Bênh vực thanh danh của chủ

Tóm lại, đó là SÁU NHIỆM VỤ quan trọng của người. Tại gia cư sĩ mà đức Phật đã giáo hóa chúng sanh trong quyển "CON ĐƯỜNG CHỖN HẠNH PHÚC" của người tại gia. Muốn biết rõ hơn, xin tìm xem nơi quyển "BA MƯƠI TÁM ĐIỀU HẠNH PHÚC" của pháp sư THÔNG KHAM đã xuất bản.

Lại nữa, Đức THẾ TÔN còn khuyên dạy có BỐN ĐIỀU KIỆN đem lại sự an vui hạnh phúc tinh thần cho người tại gia cư sĩ trong kiếp vị lai.

BỐN ĐIỀU KIỆN ẤY NHƯ THẾ NÀO?

1. Vun bồi đức tin
2. Nghiêm trì giới luật
3. Lập hạnh bồ thí
4. Trau dồi trí tuệ

VUN BỒI ĐỨC TIN RA SAO?

Người chủ gia đình phải vun bồi đức tin. Phải tin nơi sự hoàn toàn giác ngộ của đức Phật, là đáng TRỌN LÀNH hoàn toàn sáng suốt, thấy xa, hiểu rộng, giới hạnh trang nghiêm cao thượng, thấy rõ cả muôn loài trong vũ trụ.

Ngài là bậc DẪN ĐẠO duy nhất của những người hướng thiện. Thầy cả chư thiên và Nhơn loại, đáng là nơi cho ta nương nhờ trông cậy. Đó gọi là TRAU GIÒI ĐỨC TIN.

NGHIÊM TRÌ GIỚI LUẬT NHƯ THẾ NÀO?

Người chủ gia đình không sát sanh, không trộm cắp không tà dâm, không nói dối, không uống rượu là chất độc có thể làm cho lãng trí và say dại, đó là NGHIÊM TRÌ GIỚI.

LẬP HẠNH BỒ THÍ LÀ THẾ NÀO?

Người chủ gia đình phải diệt lòng bủn xỉn. Giàu lòng từ thiện, vui thích trong sự bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo khó v.v...tức là "LẬP HẠNH BỒ THÍ"

TRAU GIÒI TRÍ TUỆ THẾ NÀO?

Người chủ gia đình phải sáng suốt, dùng trí tuệ để quán xét cho thấy rõ sự sanh tử luân hồi, sanh diệt của NGŨ UẨN, tu tập theo PHÁP MINH SÁT để diệt tận khổ não, đó là "TRAU GIÒI TRÍ TUỆ" vậy.

Tóm lại, người TẠI GIA CƯ SĨ mà HÀNH đúng theo lời giáo huấn ngọc vàng mà đức Phật Tổ đã giáo truyền thì trời, người đều kính nể danh thơm, tiếng tốt vang xa khi sống được an vui hạnh phúc, lúc lâm chung được thọ sanh về nhàn cảnh theo như câu "HỮU XẠ TỰ NHIÊN HƯƠNG" chứ lựa cầu khẩn, van xin nơi một tha lực thần quyền mới được bảo vệ, hộ trì, tiếp dẫn sao?

AI LÀ NGƯỜI CÓ THỂ THỌ QUY GIỚI ĐƯỢC?

ĐẠO PHẬT là đạo của mọi người. Không phân biệt màu da chủng tộc, không phân biệt giàu nghèo, cao sang hay hạ tiện. Ai tin theo LÝ NHỚN QUẢ, ai muốn tìm nơi nương tựa, ai muốn lánh khổ tìm vui, ai muốn vượt tối ra sáng, chuyên mê khai ngộ, thì có quyền xin thọ trì QUY GIỚI. Không ai có quyền bắt buộc hoặc nài ép một ai cả. Những điều cần thiết là, phải hiểu biết những điều giới luật của mình đã thọ, để vâng giữ HÀNH theo, ngõ hầu bỏ dữ về lành thì tốt đẹp lắm.

TRẺ CON SƠ SINH, NGƯỜI QUÁ CỐ CÓ QUY ĐƯỢC KHÔNG?

Người quá vãng đã đi tìm giới thọ sanh rồi. Ví thể như con NHỘNG lột bỏ VỎ, nằm trên mặt đất để hóa làm con bướm bay nhơn nhơ trên cành rồi. Từ thi nằm đó, chỉ là chất đất và nước, có biết gì mà Quy y?

Còn trẻ sơ sinh, tuy có thức tánh, song đâu có phân biệt được thế nào là tội, thế nào là phước, mà Quy Y.

ĐẠO PHẬT KHÔNG NHẬN THẦN QUYỀN SAO CÚNG BÁI?

Sách "MINH TÂM BỬU GIÁM" có bài Kệ như sau:

Lễ Phật giả, kính Phật chi đức
Niệm Phật giả, cảm Phật chi ân
Khán kinh giả, minh Phật chi lý
Toạ Thiên giả, đặng Phật chi cảnh
Chứng ngộ giả, đắc Phật chi đạo

Đó thận trọng suy xét cho kỹ lưỡng tường tận các câu kệ trên, có lời nào, ý nào có ẩn về thần quyền, ban phước hay rước họa cho đâu?

XIN GIẢI CHO TỪNG CÂU?

1. "LỄ PHẬT GIẢ, KÍNH PHẬT CHI ĐỨC" có nghĩa là lạy Phật, ta kính trọng cái đức của Phật, Ân đức trọn lành là BI, TRÍ, TỊNH của đấng ĐẠI GIÁC NGỘ, là tấm gương vô cùng cao quý, đáng cho chúng sanh lễ bái cúng dường.

2. "NIỆM PHẬT GIẢ, CẢM PHẬT CHI ÂN": Niệm tưởng hồng danh ba Đờì chư Phật, là nhớ ơn cao dày, hoàn toàn bi mẫn, thương xót mọi người, mọi loài mà các Ngài đã từng hy sinh thân mạng máu xương trong vô lượng kiếp, bỏ tấc MƯỜI PHÁP BA LA MẬT tròn đủ, đã xả thân cầu đạo, mong cứu độ quần sanh, ví như cha mẹ đêm ngày dãi nắng dầm mưa để tạo ra cơm, áo tài sản cho các con được an vui sung sướng.

3. "KHÁN KINH GIẢ, MINH PHẬT CHI LÝ": Nghĩa là xem xét đọc tụng kinh, để suy nghiệm cho hiểu biết nghĩa lý lời vàng, tiếng ngọc của đức Phật đã giáo truyền, để thấy rõ thế nào là phải, thế nào là trái, đâu là nẻo chánh, đường tà, thế nào là lành, thế nào là dữ, đâu là sự khổ, đâu là nẻo vui, mà cố gắng hành theo cho được kết quả tốt đẹp.

4. "TOẠ THIÊN GIẢ, ĐĂNG PHẬT CHI CẢNH": Ngồi tham THIÊN, lắng lòng trong sạch thanh tịnh chú tâm trong đề mục chỉ quán hay minh sát để đè nén diệt trừ phiền não, trau dồi tâm cho sạch, sáng suốt, quán thấy vạn vật là vô thường, khô, vô ngã và bất tịnh.

5. "CHÚNG NGỘ GIẢ, ĐẮC PHẬT CHI ĐẠO": Mục đích của PHẬT GIÁO là chuyển mê khai ngộ ly khổ đắc lạc. Vì mê làm ngã chấp, cho vạn hữu là của TA. Vợ ta, con ta, gia tài sự sản của ta, rồi bo bo giữ lấy, làm cho tâm trí phải lo âu thống khổ. Khi tham thiền, quán tưởng, nhận thấy các pháp hữu vi đều phải chịu dưới sự chi phối của định luật vô thường hằng biến đổi, mà thức tỉnh cõi lòng để diệt trừ TAM ĐỘC là THAM SÂN và SI.

Tuy còn mang thân xác này, nhưng tâm trí được nhẹ nhàng minh mẫn, sáng suốt không còn bị ô nhiễm đấm đui theo mùi trần, không còn bị phiền não lay động tâm, há chẳng phải là đạt đến cảnh giới NIẾT BÀN TỰ TẠI của chư Phật rồi sao?

NGƯỜI CƯ SĨ CÓ THỜ HÌNH TƯỢNG PHẬT ĐƯỢC KHÔNG?

Thờ phụng ảnh tượng cũng chỉ là phương tiện lấy giả để tầm chơn, mượn cái có để nhắc nhở nội tâm đó thôi. Chứ thật ra tượng gỗ hay tượng đất tượng đồng hay xi măng cốt sắt, hình giấy hay ảnh lụa cũng chỉ là những vật liệu do con người cấu trúc kiến tạo ra, chứ đâu có phải đức Phật ngồi đó?

Có điều, mượn hình thức giả tạm đó để nhắc nhở tâm, ví như ta treo tấm gương để soi chiếu, để lau chùi rửa ráy mặt mình cho sạch sẽ gọi là LÝ. Còn treo GƯƠNG để làm cảnh, để trang hoàng chung diện cho đẹp, thì chỉ là sự giả tướng mà thôi.

Có Sự mà không hiểu LÝ thì gọi là TÙ MÙ. Bằng chấp LÝ mà bỏ SỰ (Phật tại Tâm) thì coi như khô khan thiếu sót (cũng được gọi là tu què) vậy.

LÚC ĐỨC PHẬT CÒN TẠI THẾ ĐÃ CÓ HÌNH TƯỢNG CHƯA? Chưa. Khi đức THẾ TÔN còn tại thế, đó đây đi vân du HÀNH ĐẠO. Cũng như khi Ngài NHẬP HẠ ba tháng tại cung trời ĐẠO LỢI, tín đồ thương nhớ Ngài, có trình bạch lên Đại đức A NAN ĐA cầu xin Phật cho phép đắp vẽ hình tượng của Ngài để họ chiêm bái.

Đại đức A NAN ĐA tâu trình lên đức Phật, Ngài không chấp thuận và dạy rằng.

- Nay A NAN ĐA. Người nào theo nắm chéo y của NHƯ LAI mà không vẫn giữ hành theo lời dạy của NHƯ LAI thì coi như xa NHƯ LAI ngàn dặm. Trái lại kẻ nào hành đúng như lời khuyên giáo của NHƯ LAI, tức là có NHƯ LAI bên cạnh rồi vậy. Và lại sau khi NHƯ LAI nhập NIẾT BÀN rồi, Xá lợi, hài cốt của NHƯ LAI sẽ lưu truyền cho chúng sanh xây bảo tháp tôn thờ mà gieo duyên CHÁNH PHÁP đó vậy.

CHÚNG SANH LÀM SAO BIẾT ĐƯỢC ĐỨC TƯỚNG CỦA PHẬT.

218 năm sau khi đức Phật NHẬP NIẾT BÀN. Vua A DỤC, một vị CHUYỂN LUÂN VƯƠNG, lấy Phật giáo là Quốc Giáo, dùng đạo đức làm nền tảng cai trị muôn dân. Tâm chí thành mong mỏi của VUA là không biết làm sao thấy được đức tướng của đấng TRỌN LÀNH?

Khi ấy, các vị THÁNH TĂNG bày kế, là thỉnh Long Vương lên biến thành hình đức Phật để cho đức VUA chiêm bái cúng dường. Và từ đó về sau, mới có hình tượng đức BỒN SƯ lưu truyền cho đến ngày nay.

NHÀ CÓ ĐÀN BÀ CON GÁI THỜ PHẬT CÓ TỘI KHÔNG?

Tội gì? Tại sao chúng ta có quan niệm "đàn bà con gái đến kỳ kinh nguyệt là nhơ nhớp, là có tội"? Sự kinh nguyệt của nữ giới là luật lệ tự nhiên của các giống cái vậy thôi. Và lại nữ cũng giống như nam, ai ai mang lấy thân xác này, đó là 32 thể trực hợp thành, có gì là trong sạch tốt đẹp đâu? Nào đầu tóc não xương da, máu mủ thịt gân mỡ, nước miếng, nước dãi gan lá lách, ruột già, ruột non, phổi mật, mồ hôi đàm đờ đàm trắng, lông, móng răng v.v... nói chung do đâu mà có? Như vậy, thân con người chỉ là một sự tổng hợp các chất do thôi, một cái đũa chứa toàn những thứ ứ trực nhơ nhớp mà thôi.

Đức Phật hằng khuyên dạy:

- Chỉ có chúng sanh nào làm những điều xấu xa tội lỗi là sự đáng nhèm gớm, chứ hễ chúng sanh nào máu cũng đỏ, nước mắt cũng mặn, thì không có sự phân biệt sang, hèn, khinh, trọng hay sạch, dơ gì cả.

ĐỨC PHẬT CÓ CHỈ ĐỊNH NGHI THỨC CÚNG LỄ KHÔNG?

Đức Phật là THẦY cả Chư thiên và Nhơn loại thì còn phải cúng lễ ai? Suốt trong thời gian 45 năm "HOÀNG PHÁP LỢI SANH" đem đạo độ, đời chu du rày đây mai đó. Vườn rừng là nơi tạm trú. Gốc cây hang đá là chốn nghỉ chân. TAM TẠNG KINH ĐIỂN, chứa đựng tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp môn nào, đề cập đến nghi thức cúng bái, chi cả.

Đến phút chót, khi Ngài sắp NHẬP NIẾT BÀN tại vườn thượng uyển của đức Vua MÀLA nơi thành KUSINARA

Chư thiên đem bông hoa thơm quý từ các cung trời đến cúng dường đức Phật mùi hương ngào ngạt cả không gian Chư Càn Thác Bà tấu nhạc trời vang rền cả vũ trụ. Đấng TRỌN LÀNH lấy đó làm nhân mà tỏ lời huấn dụ.

- Nay các thầy Tỳ khưu. Trong thời gian 20 A TĂNG KỲ và 100.000 ngàn đại kiếp, NHƯ LAI đã đào tạo, thực hành, bổ túc tròn đủ MUỖI PHÁP BA LA MẬT, chẳng phải chỉ để mong cầu lấy sự cúng dường như thế này đâu?

Người nào, xuất gia hay tại gia mà hành đúng theo CHÁNH PHÁP, vâng giữ hành đúng theo lời giáo truyền của NHƯ LAI, tức là biết tỏ lòng thương kính

NHƯ LAI, kính trọng và cúng dường NHƯ LAI bằng cách CAO THƯỢNG, HỢP, theo LỄ ĐẠO vậy.

Ôi. Bình dị và dễ hiểu thay lời vàng ngọc thiết tha và đơn giản xiết bao.

Thế mà ngày nay, người ta lợi dụng lòng tin non yếu của tín đồ, mà đem hình tượng của đấng TOÀN TRI ra làm tấm chiêu bài để núp bóng cầu danh trục lợi, thì thật là tủi hổ cho danh từ Phật tử biết bao.

ĐEM HOA QUẢ, VẬT THỰC CÚNG DƯỜNG PHẬT ĐƯỢC KHÔNG?

Đặt trên bàn Phật vài nải chuối với ngũ quả. Năm bảy chén chè, vài chục cái bánh v.v...đề gọi là cúng Phật. Hoặc giả có người để đến ba bốn ngày, đến đôi chè thiu chuối mốc, chư đức Phật có hưởng chút nào đâu?

Trái lại, ruồi lẩn bu đậu, gián, chuột phá phách tiêu dãi trong đó, rồi vô tình đem ăn, sinh bệnh hoạn không khéo lại than trời, trách Phật nữa.

Đức Phật đã lên đường tịch diệt cách đây hơn 25 thế kỷ mà còn ăn uống nổi gì? Và lại nói một cách cho dễ hiểu. Ví như các vị chư thiên thấp nhất của 26 tầng trời là TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG. Chư vị ấy, vật thực tự nhiên mà có do theo ý muốn, nhờ phước báu của sự bố thí theo hộ trợ, chứ đâu phải nấu nướng chiên xào, mắm muối tiêu ớt như của thế tục đâu?

Đem vật thực của chúng ta dùng đây, dù là cao lương mỹ vị, sơn hào hải phẩm, dù cho ngon quý báu nhất cõi trần này, đem dâng cúng đến các Ngài, thì chẳng khác nào trâu bò đem rom cỏ là món ăn ngon nhất của chúng cho loài người dùng có được không?

Vậy thì đức Phật là đấng Chí Tôn Chí Thánh, bậc đã đi đến nơi sáng suốt trọn lành, Ngài đã vượt ra khỏi vòng TAM GIỚI rồi, mà chúng ta lại đem dâng cúng đồ ứế trước, phạm tục của chúng ta đến Ngài sao? Vì cố chấp thủ cựu do sự bày đặt của người Trung Quốc mê tín nên chúng ta cứ nhắm mắt làm theo với quan niệm "XƯA BÀY NAY LÀM, TRƯỚC SAO, SAU VẬY" để cho NGOẠI ĐẠO chê cười là "ĐẠO PHẬT MÊ TÍN DỊ ĐOAN".

VẬY CÚNG PHẬT BẰNG GÌ, CHẢ LỄ THỜ KHÔNG VẬY SAO?

Cúng dường lên đức Phật bằng cách HÀNH ĐẠO là cao thượng nhất. Tuy nhiên, đó là nói về Lý. Còn Sự để tỏ lòng thành kính lên đấng CHÍ TÔN người Phật tử cũng có thể dùng hương, đèn, trầm, hoa lên cúng Phật với đầy đủ Lý và Sự cũng được chấp thuận nhận là hiệp theo lễ Đạo. Cúng dường hiệp theo lễ Đạo có nghĩa là gì? Khi thắp đèn lên cho sáng, ta quán niệm. Đây là ngọn đèn tuệ của ba đời chư Phật đã vệt tan màn bóng tối VÔ MINH đã che án chúng sanh trong vô lượng kiếp. Đốt ba cây nhang là tượng trưng cho ba nén Hương Lòng "TÂM HƯƠNG" có mùi thơm ngào ngạt, đó là hương Giới, hương Định và hương Tuệ hay còn gọi là HƯƠNG TRÍ KIẾN và TRI KIẾN GIẢI THOÁT.

Dâng Hoa lên cúng Phật, chúng ta cũng quán niệm rằng "Hoa" này tốt đẹp xinh tươi, nhưng rồi đây nó cũng sẽ úa tàn theo năm tháng

Cũng như thân ta, vóc huyễn giả tạm nay, rồi cũng sẽ già, đau và chết như thế ấy.

Làm và quán niệm như thế để luôn luôn nhắc nhở tâm ta gọi là cúng dường Sự và Lý đúng theo Lễ Đạo. Đúng với lòng tôn kính, cao quý lên đức THỂ TÔN.

NGƯỜI PHẬT TỬ THỜ PHẬT TẠI GIA NHƯ THẾ NÀO?

Giản tiện, đơn sơ, vừa lễ phải, tùy theo ý thức thẩm mỹ của từng cá nhân, miễn sao cho đầy đủ ý nghĩa không cầu kỳ. Song cũng không quá bừa bãi theo đúng như lời Phật dạy trong KINH KIM CƯƠNG.

DĨ SẮC KIẾN NGÃ - DĨ ÂM THANH CẦU NGÃ
THỊ NHƠN HÀNH TÀ ĐẠO - BÁT NĂNG KIẾN NHƯ LAI

Có nghĩa là:

Lấy Sắc để thấy ta, Dùng âm thanh mà cầu ta,
Ấy người làm việc quấy, Chẳng gặp được ta đâu.

Suy như vậy, chúng ta thấy rằng đức Phật là một đấng GIÁO CHỦ vô cùng bình dị khiêm nhường và thiết thực chứ không phải muốn cho chúng sanh THẦN THÁNH hóa Ngài.

THỜ PHẬT CÓ THỜ VONG LINH ÔNG BÀ CHA MẸ KHÔNG?

"PHẬT ÁI CHÚNG SANH, NHƯ MÃU ÁI TỬ". Phật là đấng Từ phụ của muôn loài. Tại sao lại không thờ ông bà, cha mẹ cùng thân nhân quá cố được?

Thờ phụng là để tưởng nhớ đến công ơn cao dày của ông bà cha mẹ, các bậc tiền nhân, để soi gương hiếu hạnh của đấng TRỌN LÀNH, để tỏ lòng sùng kính tri ân ông bà cha mẹ, đó là chữ HIẾU mà đức Phật hằng ngợi khen thì tại sao lại không được?

THỜ RỒI CÚNG VẬT THỰC ĐẾN ÔNG BÀ CHA MẸ ĐƯỢC CHỨ?

Theo SỰ mà nói, thì đó là tấm lòng chí thành chí hiếu của con cháu bộc lộ ra bằng hành động đối với các vong linh đã quá vãng vậy thôi, đúng LÝ ra thì có cúng, ông bà cha mẹ cũng không ăn mất phần nào. Giả sử mà nếu có ăn thật thì chưa chắc một trăm người đã cúng hết đâu. Có người khi cha mẹ còn sanh tiền không lo phụng dưỡng nuôi nấng, đến khi chết rồi, gặp ngày kỵ lạp mổ heo giết bò, cúng tế rình ràng, gọi là TRẢ HIẾU thì thật là vô cùng giả dối.

Nói cho cùng, cúng bái đến cha mẹ, hưởng được cũng có, mà không hưởng được cũng có. Có những ý nghĩa như sau:

Cha mẹ lúc lâm chung quá vãng, tùy theo nghiệp báo đã tạo, mà đi thọ sanh nơi cảnh giới mới. Ví như tạo nghiệp lành được thọ sanh về cõi trời chẳng hạn.

Vật thực nơi ấy ngon thơm quý báu như ý, đâu có dùng được những thứ cá thịt hôi thối của nhơn loại. Bằng như được làm người, thì có cơm sữa được sự nuôi nấng của cha mẹ rồi.

Trái lại bị đọa vào súc sanh cầm thú như trâu bò heo dê, ngỗng vịt...thì mỗi loại có từng vật thực của nó. Nếu sanh vào địa ngục thì vật thực của họ là hòn sặc nóng và vật uống là nước đồng sôi, dù có sơn hào hải vị, cao lương hải phẩm khi đến miệng cũng hóa ra lửa mà thôi. Tuy vậy, cũng có một loại chúng sanh thuộc A Tu La hay Nga Quỷ nhờ hưởng phước do ta hồi hướng khi cúng dường hợp theo lẽ đạo là dụng nạp thọ hưởng được mà thôi.

Cúng dường HIỆP THEO LỄ ĐẠO là thế nào? Là làm lễ trai Tăng để bát, cũng như thượng cúng dường Tam bảo hạ bố thí cho kẻ bần nhơn, hay mời thỉnh chư Tăng tụng kinh, thuyết pháp hồi hướng phước báu đến ân nhân quá vãng. Do nhờ oai đức tu hành thanh tịnh, và mùi thơm của phước lành bảo trợ, các ân nhân quá cố sẽ được hưởng phước báu đó mà thoát nơi khổ cảnh, thọ sanh về cõi an vui.

TẠI SAO LÀM PHƯỚC BỐ THÍ LẠI CÒN HỒI HƯỚNG?

Làm phước bố thí là một lễ, là phước do mình tạo ra do thân khẩu, sắm sửa cho có, song không hồi hướng chia sớt, là coi như mình không ân cần mời mọc chia sớt dâng cúng thì làm sao người quá cố dám thọ lãnh. Nếu khi ta làm phước mà không hồi hướng thân nhân không lãnh được, hóa ra vô ích lắm sao?

Sao lại vô ích? thế thường ở đời, khi mình biếu tặng ai một vật gì, mà họ không nhận được, hoặc không có người nhận, thì vật ấy trở về chủ cũ. Phước làm cũng vậy. Khi không hồi hướng, hoặc hồi hướng mà thân nhân không lãnh được, thì phước báu trở về thí chủ.

NGÀY KÝ LẠP MÀ KHÔNG CÚNG, COI NHƯ LẠNH LÙNG?

Luật lệ có cấm ai đâu? Đó là quyền tự do cá nhơn tối thiểu của một người.

Chứ thật ra ngày nào, giờ nào lúc nào làm phước có phước rồi ta chia sớt hồi hướng đến cha mẹ thân bằng quyến thuộc đã quá vãng LÀ CÚNG DƯỜNG HIỆP THEO LỄ ĐẠO, là ký GIỖ rồi, chứ một năm chờ đến ngày ký mới cúng còn các ngày khác cha mẹ thân bằng quyến thuộc ăn uống chi.

Vả lại, ngày ký lập, là ngày mà con cháu xa gần tụ hội để thăm nom, hồi hướng công đức của tiền nhơn quá cố, mà không có sự ăn uống, thì chắc chắn không ai muốn đến. Đó cũng chỉ qua là món trái khẩu của thế nhân cũng là sáng kiến của các bậc tiền nhơn bày ra cho con cháu xa gần tụ hội cùng nhau, thăm viếng săn sóc nhau siết chặt sợi dây luyến ái gia đình, họ tộc với nhau. Song khi ăn

uống chè chén, thù tạc với nhau mà không đặt đũa lên bàn thờ, mời mọc ôn mụ, thì coi như háu ăn quá đi chăng?

Do nhân đó, mà người đời tỏ chức lễ nghi cúng bái là vậy. Song đã là người Phật tử, sống theo lẽ Đạo tùy nghi phương tiện, cúng bái cho vừa phải lễ. Không nên viện lý do kỳ lạ mà mổ heo, giết bò, chè chén say sưa để rồi cãi lẫy ồn ào v.v...thì tưởng niệm, nhớ ơn đâu không thấy, mà hóa ra làm tội hồ vong linh quá cố.

THỌ QUY GIỚI RỒI, MỘT THÁNG ĂN CHAY MẤY NGÀY?

BÁT QUAN TRAI là ngày TRAI TỊNH. Một tháng có tám ngày. Tùy nơi trình độ, năng lực của HÀNH GIẢ mà vâng giữ HÀNH theo. Ngoài ra, nếu tinh tấn hơn có thể THỌ TRAI TRƯỜNG thì tốt lắm. Còn nói về CHAY VẬT THỰC ở phần trước "LUẬT" đã có giải rồi, CHAY cả SỰ và LÝ "LÝ SỰ VIÊN DUNG" thì coi như lấy GIẢ làm CHƠN đem lớp sơn phết hào nháng bề ngoài, mà trong thì mỗi một đục khoét đâu có tốt đẹp gì?

Để cho sáng tỏ vấn đề, xin trích dịch bài KINH luận về SỰ ĂN CHAY.

Luận về sự ĂN CHAY trong PHẬT HỌC ĐẠI TỬ ĐIỂN như sau:

- TRAI HỤY TÁC THỜI.- chữ CHAY lại là THỜI
- TRAI THỰC, THỜI THỰC GIẢ.- chay ấy, nói sự Ăn không quá NGO.
- CHÁNH NGỌ DĨ TIỀN, SỞ TÁC CHI THỰC GIẢ. Đứng ngọ về trước nên ăn vậy.
- GIỚI LUẬT THƯỢNG. - Trong giới luật, quyền thượng,
- VI THỰC PHÂN THỜI PHI THỜI.- Có chia sự thời và phi thời.
- CHÁNH NGỌ DĨ TIỀN VI CHÁNH THỜI. Đứng ngọ về trước là chánh thời.
- DĨ HẬU VÌ PHI THỜI. Về sau không phải thời
- THỜI GIẢ NGHI THỰC. Chánh thời nên ăn
- PHI THỜI GIẢ BẤT NGHI THỰC. Phi thời chẳng nên ăn.
- NHƠN NHI THỜI TRUNG CHI THỰC VỊ TRAI THỰC. Nhơn đó sự ăn trong thời lần chay.

Tự điển viết:

- TRAI GIỚI GIẢ, KÍNH GIẢ. Chay là giới vậy, kính vậy.
- THỊ THÔNG Ư NHẤT THIẾT. Ấy là cách ăn chay cả thầy
- PHẠM DANH Ô BÔ XÁ THÁ. Tiếng Phạn gọi là UPOSÀTHA.
- THUYẾT THỰC GIẢ THANH TỊNH CHI NGHĨA. Ấy là nói rõ sự ăn thanh tịnh
- HỮU CHUYỀN VIẾT TRAI, VIẾT THỜI. Sau đời nói rằng ăn chay là thời.

- CHÁNH CHI BẤT QUÁ TRUNG THỰC CHI NGHĨA. Chánh chỉ có phương pháp không quá ngo.
- THỦ CHI VIẾT TRÌ TRAI. Vâng giữ như thế gọi là giữ chay.
- THỊ VỊ TRAI CHI BỒN NGHĨA. Ấy là nghĩa chánh của chữ chay vậy.

Lại nữa, ông PIERRE SALET, dịch giả cuốn "LES PAROLES DE BOUDDHA" có trình diễn câu này:

- CE QUI NOUS REND IMPUR CE N'EST PAS MANGER DE LA VIANDE. MAIS C'EST LA HAINE, L'INTÉMPÉRANCE, L'ENTETEMENT, LA BIGORIE, LA FOURBERIE, L'ENVIE, L'ORGEULL, LA COMPLAISANCE POUR LES HOMMES INJUSTES.

- Những điều làm cho chúng ta bất tịnh không phải là do ăn thịt, mà là do lòng sân hận, không tiết độ, ngang ngạnh, mê tín, gian xảo, tật đố, kiêu căng, xảo lãng theo kẻ bất chánh đó vậy.

MỘT NĂM TRONG ĐẠO PHẬT CÓ MẤY NGÀY LỄ VÍA?

Để tưởng nhớ công ơn cao dày của đức Phật trong một năm, người Phật tử xuất gia Tu sĩ cũng như tại gia cư sĩ, có những ngày lễ kỷ niệm của đức Phật, để chúng ta cùng nhau nhắc nhở, ghi công ơn của Ngài, cũng như dâng cúng tâm lòng thành kính sâu xa lên đấng THIÊN NHƠN SƯ vậy.

Những ngày ấy là.

1) NGÀY RẪM THÁNG GIÊNG

Hay còn gọi là "NGÀY RẪM THÁNG MIỆT". Ngày mà xưa kia, đức Phật hứa với Ma Vương, tại ngôi đền CAPÀLA nơi thành VESÀLI, còn ba tháng nữa, Ngài sẽ lên đường TỊCH DIỆT. Lời vàng vừa thốt ra, thì cả quả địa cầu đều rung rinh chuyển động, chư thiên kinh hãi kêu la vì rồi đây, "Đức thầy sẽ xa lìa đàn con thơ dại".

Cũng chính ngày này, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ khưu THÁNH THANH VĂN A LA HÁN, Đại đệ tử của đức Phật, tu theo lối ứng hóa "THIỆN LAI TỶ KHUU" không ai mời thỉnh, đã cùng nhau tụ hội về TRÚC LÂM TỊNH XÁ để nghe đức BỒN SƯ thuyết về BA LA ĐỀ MỘC XOA GIỚI BỒN "PATIMOKKHA SAMVÀRASÌLA".

2) NGÀY TRẮNG TRÒN THÁNG VESAK.

Ngày RẪM THÁNG TƯ âm lịch, là ngày mà Bồ tát ĐẢN SANH tại vườn LÂM TỶ NI "ROBINI"

Sau 35 năm, cũng chính ngày này, Ngài đắc thành Quả Vị CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC dưới cội Bồ đề trên bờ sông NI LIÊN.

Và sau đó 45 năm, cũng chính ngày này, đức Phật NHẬP NIẾT BÀN tại vườn thượng uyển của đức Vua MÀLA nơi xứ KUSINARA giữa tàng hai cây SONG LONG THỌ. Về sau, ngày nay được gọi là ngày "ĐẠI LỄ TAM HỢP VESAKHA" Đản Sanh, Thành Đạo, và Nhập Niết Bàn"

NHỮNG NGÀY LỄ ẤY, NGƯỜI PHẬT TỬ LÀM GÌ?

Xuất gia tu sĩ cũng như người Tại gia cư sĩ, Tăng cũng như Tục, ngày lễ, ngày hân hoan thành kính, tán dương ân đức của đấng TOÀN TRI. Thuyết pháp để giảng giải về những chơn lý cao siêu vi diệu. Tham thiền, niệm Phật nhất là thọ GIỚI ĐẦU ĐÀ, thức trọn đêm, không nằm, không ngủ, không dựa chỉ có đi, đứng ngồi để tụng kinh, niệm Phật, giữ lòng thanh tịnh sạch trong, chiến đấu với phiền não ma vương, để cúng dường lên Phật Tổ bằng cách HÀNH ĐẠO CAO THƯỢNG vậy.

NGOÀI HAI NGÀY TRÊN, CÒN CÓ NGÀY LỄ NÀO NỮA?

1) NGÀY TRĂNG TRÒN THÁNG SÁU ÂM LỊCH

Là ngày mà BỒ TÁT từ cung trời ĐÁU XUẤT ĐÀ giáng sanh vào lòng Phật mẫu MA GIA.

Ngày mà Thái tử SĨ ĐẠT ĐA lia bỏ hoàng cung, rút cánh tay luyện ái của phụ hoàng, vợ đẹp, con xinh, nửa đêm vượt hoàng thành xuất gia tìm đạo năm Ngài 29 tuổi.

Sau sáu năm càn công khổ hạnh, và sau hai tháng đắc thành ĐẠO QUẢ CHÁNH ĐẰNG CHÁNH GIÁC dưới cội BỒ đề chính ngày này, đức Phật tổ CHUYỂN PHÁP LUÂN tại vườn LỘC GIẢ để hóa độ năm Thầy KIỀU TRẦN NHƯ.

Ngày này, bắt đầu mùa MƯA tại xứ Ấn Độ, nên đức Phật và chư Tăng An Cư Kiết Hạ tại một nơi, để tránh sự đi HÀNH ĐẠO sợ đạp nhầm phải những côn trùng đang mùa sanh sôi nảy nở.

Noi theo gương xưa, ngày nay RẪM THÁNG SÁU Âm lịch, chư Tăng toàn thể giới tu theo hệ phái NAM TÔNG "NGUYỄN THUYẾT" cùng vào mùa AN CƯ KIẾT HẠ.

Nhân ngày này, chư Thiện Nam Tín Nữ cư sĩ tại gia cùng nhau tổ chức lễ DÂNG Y TẮM MƯA cùng TỨ VẬT DỤNG đến chư Tăng để các Ngài AN CƯ THANH TỊNH.

2) NGÀY RẪM THÁNG CHÍN ÂM LỊCH

Ba tháng AN CƯ KIẾT HẠ đã qua, chư Tăng cử hành lễ TỰ TỬ, có nghĩa là cùng nhau sám hối, bày tỏ sự thanh tịnh của mình trong ba tháng chung sống.

Nhân lễ này, các Thiện Tín xa gần cùng nhau tổ chức lễ **DÂNG Y KATHINA** đến chư Tăng, để cầu xin nhờ oai lực thanh tịnh, phước báu do công hạnh tu hành của chư Tăng chia sẻ, hồi hướng đến cứu huyền thất tổ, cầu xin cho được "QUỐC THÁI DÂN AN", CHÚNG SANH THƯỜNG LẠC.

Lễ DÂNG Y có thể kéo dài từ ngày 16 tháng chín cho đến hết ngày rằm tháng mười, luân phiên các chùa để chư Tăng giúp nhau HÀNH TĂNG SỰ.

Sau thời gian trên, không còn được gọi DÂNG Y KATHINA nữa, mà nếu có, chỉ gọi DÂNG Y thường thôi. DÂNG Y KATHINA phải có tối thiểu năm vị Tỳ khưu trở lên, đọc Tuyên ngôn, hành TĂNG SỰ (Y như LUẬT LỆ cổ truyền).

Ngoài BỐN NGÀY ĐẠI LỄ quan trọng trên, đạo Phật THÍCH CA MUỖ NI CHÍNH TRUYỀN, không còn có ngày Lễ vía nào nữa cả. Ngày LỄ KỶ NIỆM, chỉ là phương tiện để nhắc nhở các hàng Phật tử XUẤT GIA TU SĨ cũng như TẠI GIA CƯ SĨ, chúng tỏ tấm lòng tri ân thành kính quý trọng của mình lên đức BỒN SỰ, mà cố gắng nói theo gương lành của đấng ĐẠI GIÁC, tu hành cho đến nơi hết khổ trọn vui khỏi còn bị chôn vùi trong vòng TAM GIỚI, thì mới được gọi là cách "CÚNG DƯỜNG HỢP THEO LỄ ĐẠO" vậy.

NGƯỜI PHẬT TỬ CÓ NÊN TIN NGÀY TỐT, XẤU TUỔI, KỶ, CHẾT TRÙNG?

Đức THẾ TÔN hằng dạy rằng:

Chính ta là tạo hóa của ta. Tội cũng do ta tạo, phước cũng chính ta gây. Sướng vui hay đau khổ đều do theo cái nghiệp của ta đã tạo. Thời gian chỉ là một danh từ trừu tượng. Chỉ danh pháp, để kêu gọi vậy thôi. Không có trí giác và tri giác, thì tại sao lại cho là ngày tốt, ngày xấu? Ngày và đêm có năng lực gì ban phước hay giáng họa cho ai đâu?

Theo Phật giáo, thì ngày nào thân khẩu ý trọn lành ngày giờ phút ấy tốt, là ngày hoàng đạo vậy.

Trái lại, ngày nào, giờ nào, phút nào, mà ta làm điều sai quấy như sát sanh, trộm cắp tà dâm, nói dối, uống rượu cũng như phạm vào THẬP ÁC NGHIỆP v.v...tức là ngày giờ xấu nhất.

Đơn cử một vài ví dụ cho dễ hiểu.

Cũng một giờ X của ngày N, có xổ số kiến thiết. Trong một giờ, một phút, một giây đó, tại sao có người trúng số độc đắc, có kẻ trúng số an ủi, có người trúng các lô khác. Có lắm kẻ phải phải tay không. Vì sao?

Hơn thế nữa, cũng trong thời gian khoảnh khắc trên nước Việt Nam ta nói riêng, và thế giới nói chung, có biết bao nhiêu chúng sanh phải chết vì hết tuổi thọ, vì xe cán, tàu đè, vì bom rơi, đạn lạc, vì thiên tai, động đất, núi lửa, cuồng

phong v.v...Lại cũng trong thời gian khoảnh khắc đó, có bao nhiêu chúng sanh được mở mắt chào đời nơi này hoặc nơi khác, hoặc bò bay máy cựa v.v...hoặc làm người, làm trời, làm thú hoặc nga quý v.v...

Còn nói về tuổi trùng hay chết kỳ cũng quá ư lỏng lẻo. Hai người cùng sanh trong một giờ, một phút, một giây, tại sao có người da đen, da trắng, da vàng v.v...có người sanh vào chỗ giàu sang phú túc, lại có kẻ chịu đói khó, nghèo hèn?

Nói cho cùng, chúng sanh đều do theo cái NGHIỆP của mình đã tạo mà lãnh QUẢ KHỔ hoặc hưởng cảnh AN VUI chứ tuổi tác, năm, tháng ngày, giờ chỉ là danh từ kêu gọi vậy thôi.

CHÍNH GIÁO lưu truyền đã hơn 25 thế kỷ.

Ngoại Đạo cố tâm làm cho suy sụp CHÁNH PHÁP bằng mọi hình thức, mọi thủ đoạn, mọi khía cạnh vi tế, khéo léo, gian xảo không lường. Nay thì sửa một tí, mai chữa một tí, ví như tấm vải mới xuất xưởng, ban sơ thì trắng trẻo đẹp xinh. Lâu ngày, chày tháng, bụi thời gian và sự trao đổi giữa người này, qua người khác, thế hệ này sang thế nọ, lần lần hoen ô cho đến ngày cũ mục, hư rách như thế nào, thì đạo Phật cũng gần giống như thế ấy. Nếu các bậc THÁNH TĂNG và chư phàm Tăng trưởng lão đạo đức không tổ chức các kỳ KẾT TẬP để ôn nhuần nhắc nhở, thì CHÁNH GIÁO sẽ bị suy vi.

Hỡi ai là người TRÍ TUỆ.

Hỡi ai là người PHẬT TỬ THUẦN THÀNH có nhiệt tâm BẢO TỒN CHÁNH PHÁP.

Hỡi ai là người muốn tìm ĐẠO GIẢI THOÁT, muốn lánh KHỔ tìm VUI, muốn vượt ra khỏi lưới của MA VƯƠNG mà tìm đến NIẾT BÀN CỰC LẠC cứu cánh VÔ SANH.

Phải nên gia tâm suy niệm phân tích chánh tà, phải trái kẻo mà phí bỏ bao công trình tu tập mà kết quả vẫn chỉ loanh quanh trong vòng TAM GIỚI khổ.

* * *

Sau đây, kể công hiến quý Phật tử một mẫu CHUYỆN ĐẠO về sự tích NA TIÊN Tỳ khưu phá nghi cho một vị quan đại thần, hầu cận VUA MI LAN ĐÀ như sau. MI LAN ĐÀ, một vị CHUYỂN LUÂN VƯƠNG. Một ông VUA vô cùng thông minh uyên bác TRÍ tuệ siêu phàm. Các PHÁP SƯ và LUẬT SƯ thời bấy giờ không làm sao giải nổi những câu hỏi vấn nan của nhà vua.

Đại đức Tỳ khưu NA TIÊN "NAGASENA" đã giải đáp và phá nghi cho đức Vua một cách tài tình và mạch lạc (xin tìm xem nơi quyển MI LAN ĐÀ VẤN ĐẠO của Hòa thượng Giảng Sư GIỚI NGHIÊM đã xuất bản).

Nhưng trong khi đó, có một vị đại thần thuộc ngoại đạo cũng theo hầu cận đức VUA.

Những lời VẤN và ĐÁP giữa đức VUA và Đại đức NA TIÊN, vị đại thần ấy đều được nghe tường tận đầy đủ. Song vì cố chấp theo TRI KIẾN của mình mà vị đại thần ấy không sao phá nghi được. Cuối cùng, ông đến bạch với ĐẠI ĐỨC NA TIÊN.

Kính bạch hóa Đại đức.

Những điều NGHI NAN của đức Vua, Ngài đã giải đáp một cách tường tận và rõ ràng. Nhưng theo ngụ ý của hạ thần vẫn còn nghi ngờ sao đó, mà không có thể giải nổi.

Cúi xin Đại đức từ bi điềm hóa cho.

ĐẠI ĐỨC NA TIÊN dạy rằng:

- Nay Thượng quan Bần Tăng xin kể hầu Thượng quan một MẪU CHUYỆN như sau:

Hồi xưa, tại một làng nọ, có hai người bạn sống gần nhau, và thương yêu quý mến nhau lắm.

Gặp năm cơ trời hạn hán mất mùa, dân chúng sống đói khổ, cơ cực khó khăn. Hai người bèn cùng nhau từ giã gia đình để đi tha phương tìm sinh kế.

Đến một làng nọ, dân chúng nuôi trâu bò nhiều. Phân vãi đầy đường. Người bạn tên A mới rủ anh B.

- Nay bạn. Chúng ta đi tìm sinh kế, mà đi không thật phí công vô ích quá. Vậy nơi đây có sẵn phân trâu nhiều, chúng ta lấy thúng đội mỗi người một ít để khi về trồng tía cũng có ích. Thế là hai người cùng làm.

- Đến một xứ khác, nơi đó dân chúng làm nghề dệt vải giàu có. Vải củ và hoen ố, bị chuột cắn chút ít họ vứt bỏ rất nhiều. A mới bảo bạn:

- Nay bạn. Chúng ta đội phân trâu nặng nề và hôi hám quá. Bây giờ hãy bỏ đi. Nơi đây có vải bỏ còn tốt, chúng ta cùng lượm một ít, đem về may mặc vừa tiện vừa nhẹ.

B trả lời:

- Thôi anh thích thì cứ nhặt. Tôi lỡ đội phân trâu rồi, bỏ đi phí của lắm.

Đến một nơi khác. Nơi đây vừa bị loạn lạc. Quân cướp vừa mới kéo ngang qua, nên tơ lụa vứt bỏ đầy đường. A thấy thế bảo bạn:

- Nay bạn, vải thô xấu, anh không lấy. Giờ này có nhiều tơ lụa, ta hãy cùng nhau nhặt một ít, đem về cho vợ, con họ hàng thì hay lắm.

B nói:

- Cảm ơn anh. Tôi đội phân trâu cũng đã lỡ rồi anh thích tơ lụa thì cứ lượm, tôi bỏ phân trâu uổng công quá.

Khi đến nơi kia, hai người lội qua con suối. A thấy trong hang đá có nước chảy ra, có một số vàng cục và ngọc quý. Mừng rỡ A bảo bạn:

- Này anh bạn. Vải xấu anh chê. Tơ lụa anh cũng không màng. Giờ đây có nhiều vàng ngọc quý giá lắm chúng ta hãy lượm lấy mà đem về, vừa gọn nhẹ, vừa quý báu, vừa thêm giàu có nữa.

B trả lời:

- Đa tạ lòng anh. Anh thích vàng ngọc cứ lượm, tôi đội phân trâu lỡ rồi, thôi cứ để vậy luôn cho tiện.

Trên đường về, gặp một trận mưa to. Anh A nhờ mang vàng ngọc gọn nhẹ đi tìm chỗ núp để dăng.

Còn chàng B bị đội thúng phân trâu kèn càng chậm chạp mưa tuôn xối xả phân chảy đầy người hôi hám lắm.

Về nhà, cha mẹ vợ con hết lời than thở, quở trách, rầy la. Trái lại chàng A, nhờ có số vàng ngọc quý giá trở nên giàu có và đồng thời đem chia sót cho họ hàng, thân bằng quyến thuộc, mọi người đều tán thán khen ngợi, vui mừng.

- Thượng quan nghĩ như thế nào về mẩu chuyện trên?

- Kính bạch hóa Đại đức

Thật tựa thể người mù được thấy. Ví như người đói được ăn. Tựa thể người đau được lành. Cũng như người ngã nằm trên mặt đất, có người đỡ vục dậy.

Hạ thần thức tỉnh được rồi. Sự cố chấp về tri kiến thủ cựu, sự hoài nghi về các luận lý bấy lâu che án, sự sáng suốt của hạ thần nay đã được Ngài từ bi vén tấm màn u tối. Xin NGÀI thu nhận nơi đây, nỗi lòng quy ngưỡng vào ba ngôi TAM BẢO từ nay cho đến trọn đời.

---o0o---

LỜI BÀN

Một mai, thấy được đường đi cũ.

Mới biết từ xưa những việc làm

**ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO TRÍ TUỆ,
NGƯỜI PHẬT TỬ CŨNG PHẢI LÀ NGƯỜI CÓ NHIỀU TRÍ TUỆ**

Tự hào là người con Phật, chúng ta, ai là người chơn tử của đảng THIÊN NHƠN SỰ, phải noi theo gương TRÍ TUỆ SIÊU PHẠM của đảng TOÀN GIÁC, mà cố gắng học hỏi, quán niệm, suy tư cho thấy rõ chơn lý, lấy NHƠN QUẢ làm cứu cánh, để phân tích, nhận định, mà rồi tinh tấn nỗ lực thực hành

theo, ngộ hầu TỰ ĐỘ lấy mình vượt ra khỏi vòng hắc ám VÔ MINH bao đời che phủ.

Rồi nhiên hậu mới đem sự hiểu biết ấy, ra giảng giải cho người khác cùng biết, cùng thấy gọi là ĐỘ THA, TỰ GIÁC rồi mới GIÁC THA, TỰ ĐỘ rồi mới ĐỘ THA được, như vậy mới được gọi là GIÁC HẠNH VIÊN MÃN.

Nếu chính bản thân ta không TỰ ĐỘ, TỰ GIÁC mà cứ mãi đêm, ngày cầu khẩn van xin, lạy lục trông nhờ nơi một đảng thiêng liêng tha lực, thần quyền, theo ảo tưởng, để mong cầu tiếp dẫn, cứu vớt v.v...thì chẳng khác nào người nông dân kia, không chịu khó cuốc bẫm cày sâu, dãi nắng dầm mưa để ra công canh tác lấy đám ruộng của mình. Mà ngày đêm chỉ biết vác thúng đi gõ cửa từng nhà, để cầu xin bát gạo, đấu khoai, thì đời sống của chàng ta sẽ ra sao? Bao giờ cho được an vui hạnh phúc?

Ta không tự đặt niềm TIN nơi ta, không chịu làm nơi nương nhờ cho ta, ví như đứa bé ngã nằm trên mặt đất, không chịu chỗi tay đứng dậy, cứ mãi nằm la "Tôi ngã, tôi ngã" thì nó sẽ ra sao?

Lại nữa, ví như đi đường, ta thấy có người sắp chết đuối, đang lặn hụp giữa dòng. Muốn cứu nạn nọ ít nhất ta cũng phải biết rành bơi, lội, hoặc trong tay phải có sợi dây, cây sào, mới mong cứu người được chứ.

Trong khi ấy, chính bản thân ta không biết bơi, lội, cuộn thùng, cái gậy cũng không, thấy người hụp lặn giữa dòng, nhảy luôn xuống, có phải đưa nhau về cõi chết cả không?

- Hỡi ai là người nuôi ý nguyện mong cầu "Thoát khổ về vui, chuyển mê về ngộ" muốn vượt ra khỏi vòng TAM GIỚI, thì phải gia tâm lưu ý, chịu khó học hỏi, nghiên cứu để tìm về CHÁNH ĐẠO cao siêu, phá bỏ TRI KIẾN lầm mê, rồi vâng giữ hành theo lời giáo huấn của đảng CHÍ TÔN, ngộ hầu đem lại sự lợi ích cho mình, từ đời này cho đến vô lượng kiếp vị lai cho đến ngày đạt đạo ĐẠO QUẢ NIẾT BÀN VÔ SANH.

Trong cuộc đời HOÀNG DƯƠNG CHÁNH GIÁO, qua bao phen đem lý thuyết nhiệm màu để độ quần sanh, đảng THIÊN NHƠN SƯ cũng đã tiên đoán về sự suy đồi của Phật giáo như sau:

- *Hỡi này các thầy Tỳ khưu.*

Thuở trước kia, có nhóm người DASARAHAS, có một cái trống mà họ đặt tên là "trống chiêu tập".

Khi trống bắt đầu muốn lủng, họ liền đóng thêm nhiều cái móc để căng da cho thẳng. Một thời gian sau cái trống ấy bị lủng cả, chỉ còn lại cái thân bằng vỏ cây và những móc sắt mà thôi.

- *Hỡi này các thầy Tỳ khưu.*

Cũng như thế ấy, hàng Tăng chúng sau buổi vị lai sẽ có những hành vi tương tự như vậy.

Những lời giáo huấn của đức CHÁNH BIẾN TRI rất cao thâm, huyền diệu đầy ý nghĩa, họ chẳng thèm nghe theo hoặc tìm hiểu đến. Họ không màng gì đến sự học hỏi cho thông suốt chơn lý và chẳng hết lòng ủng hộ CHÁNH PHÁP chánh đáng cao siêu này.

Trái lại, họ sẽ ưa thích, chăm chú tìm nghe, tìm hiểu những lý thuyết không thuộc về CHÁNH GIÁO như những áng văn chương, thi phú do các nhà thi sĩ thốt ra có nhiều danh từ trôi chảy, hoạt bát v.v...

Họ sẽ hết lòng ủng hộ và cho rằng những lý thuyết ấy là chơn chánh, đáng học hỏi, đang hấp thụ. Vì lẽ đó, cho nên những lời GIÁO HUẤN của đức CHÁNH BIẾN TRI đã giải rất cao thâm, rất huyền diệu đầy ý nghĩa sẽ bị lu mờ. -- SUYATTA NIKÀYA, quyển II, Trang 266,267

***Trên đỉnh Ân trời,
Đông tàn năm Thìn, Một chín bảy sáu
Trà Giang Tử***

---o0o---

HÒI HƯỚNG

Với PHƯỚC BÁU của sự SƯU TÀM, BIÊN SOẠN ÁN HÀNH quyển "DẪN LỐI VỀ NGUỒN" này, tôi xin chân thành cung kính dâng lên chư Đại đức Tăng, nhất là BỒN SƯ PHỤ, THIỀN SƯ HỘ NHÃN, người đã dày công giáo hóa dắt dìu an ủi tôi trên con "ĐƯỜNG CHÁNH ĐẠO"

Tôi xin chia sẻ đến các bậc thiện hữu trí thức thầy tổ đầu tiên, những người bạn XUẤT GIA TU SĨ cũng như TẠI GIA CƯ SĨ đã khuyến khích nâng đỡ và góp ý cùng tôi trong việc sưu tầm, biên soạn.

Tôi xin chân thành cung kính dâng phần công hạnh này đến Chư Tiên bối trưởng lão đã quá cố, các bậc hữu ân, cứu huyền Thất Tổ Nội Ngoại hai bên, nhất là thân phụ, hiền mẫu, nghĩa phụ, dưỡng mẫu, anh, chị em Phật tử bốn phương đã tử nạn hy sinh để "BẢO TỒN CHÁNH PHÁP"

Ngưỡng cầu cho quý vị để sớm thoát cảnh khổ đau, đừng oan trái oán thù, mà thọ sanh về nơi nhân cảnh AN VUI.

Cầu xin oai lực tối thượng của TAM BẢO tùy từ gia hộ cho tôi, cùng chư thiện hữu trí thức, mỗi kiếp sanh lên, sớm gặp nhau trong ngôi nhà CHÁNH PHÁP của đảng TOÀN TRI, để cùng nhau nhắc nhở, sách tấn TU HÀNH cho đến ngày đắc thành ĐẠO QUẢ VÔ SANH.

Trao gửi về anh chị em Phật tử bốn phương:

"TÌNH THƯƠNG, TINH TẤN, và TRÍ TUỆ
NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MƯU NI PHẬT"

---o0o---

HẾT